

TÔN TRỌNG PHỤ NỮ

Phòng ngừa
bạo lực với phụ nữ



WHO/RHR/18.19

© World Health Organization 2019

Bảo lưu một số quyền. Tài liệu này được thực hiện theo giấy phép Creative Commons Attribution-NonCommercial-ShareAlike 3.0 IGO (CC BY-NC-SA 3.0 IGO; <https://creativecommons.org/licenses/by-nc-sa/3.0/igo>).

Theo điều khoản của giấy phép này, bạn có thể sao chép, phân phối lại và chuyển thể tài liệu cho các mục đích phi thương mại, với điều kiện tài liệu chỉnh sửa phải được trích dẫn phù hợp theo hướng dẫn dưới đây. Trong bất kỳ mục đích sử dụng nào của tài liệu này, không được có bất cứ đề xuất nào cho rằng Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã xác nhận bất kỳ tổ chức, sản phẩm hoặc dịch vụ cụ thể nào. Không được phép sử dụng logo của WHO. Nếu bạn chuyển thể tài liệu này, thì bạn cần phải xin cấp phép sản phẩm của bạn theo cùng một giấy phép hoặc theo một giấy phép tương đương với giấy phép Creative Commons. Nếu bạn dịch tài liệu này, bạn cần phải thêm tuyên bố dưới đây cùng với đoạn trích dẫn đề xuất: "Bản dịch không do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thực hiện. Do đó, WHO không chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác của bản dịch này. Phiên bản gốc bằng tiếng Anh sẽ là phiên bản mang tính chất ràng buộc và có tính xác thực."

Bất kỳ tranh chấp phát sinh liên quan đến giấy phép sẽ được tiến hành theo các quy tắc hòa giải của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới.

Đoạn trích dẫn đề xuất. TÔN TRỌNG phụ nữ: Phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Geneva: Tổ chức Y tế Thế giới; 2019 (WHO/RHR/18.19). Giấy phép: [CC BY-NC-SA 3.0 IGO](https://creativecommons.org/licenses/by-nc-sa/3.0/igo).

Các thông tin biên mục trong ấn phẩm (Cataloguing-in-Publication: CIP). Các thông tin liên quan đến CIP có tại <http://apps.who.int/iris>.

Mua bán, quyền và cấp phép. Để mua các ấn phẩm của WHO, xem <http://apps.who.int/bookorders>. Để nộp các yêu cầu đối với mục đích sử dụng thương mại và các câu hỏi về quyền cũng như cấp phép, xem <http://www.who.int/about/licensing>.

Tư liệu của bên thứ ba. Nếu bạn muốn tái sử dụng các tư liệu thuộc về bên thứ ba trong tài liệu này, chẳng hạn như các bảng biểu, hình vẽ hoặc hình ảnh, bạn có trách nhiệm quyết định xem có cần phải xin phép để tái sử dụng các tư liệu đó không và có trách nhiệm xin phép người có bản quyền để sử dụng các tư liệu đó. Nguy cơ khiếu nại do vi phạm bất kỳ thành phần nào thuộc sở hữu của bên thứ ba trong tài liệu này chỉ là trách nhiệm của người sử dụng.

Tuyên bố chung. Các chỉ định được sử dụng và các tư liệu được trình bày trong ấn phẩm này không ngụ ý thể hiện bất kỳ ý kiến nào từ phía WHO liên quan đến tình trạng pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực nào hoặc của chính quyền các quốc gia, lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực đó hoặc liên quan đến việc phân định biên giới hoặc ranh giới. Các đường chấm chấm và nét đứt trên bản đồ biểu thị đường biên gần đúng mà có thể chưa có thỏa thuận đầy đủ.

Việc đề cập đến các công ty cụ thể hoặc sản phẩm của một số nhà sản xuất cụ thể không ngụ ý rằng WHO xác nhận hoặc khuyến nghị các công ty hoặc sản phẩm này hơn so với các công ty hoặc sản phẩm khác có bản chất tương tự, nhưng không được đề cập đến trong tài liệu này. Ngoại trừ các trường hợp lỗi và thiếu sót, tên của các sản phẩm độc quyền được phân biệt bằng chữ cái đầu tiên được in hoa.

WHO đã thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý để xác minh các thông tin có trong ấn phẩm này. Tuy nhiên, các hoặc ngụ ý. Trách nhiệm giải thích và sử dụng tài liệu nằm ở người đọc. Trong mọi trường hợp, WHO sẽ không chịu trách nhiệm cho các thiệt hại phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.

TÔN TRỌNG Phụ nữ:

Phòng ngừa bạo lực
đối với Phụ nữ



Giới thiệu

Độc giả chính của tài liệu này là các nhà hoạch định chính sách. Tài liệu này cũng rất hữu ích với các cán bộ dự án/chương trình trong việc thiết kế, lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá các hoạt động can thiệp và chương trình trong lĩnh vực Phòng ngừa bạo lực đối với Phụ nữ.

Mục lục



I

Tìm hiểu tình hình thực tế

t.4

II

Tìm hiểu các yếu tố nguy cơ và yếu tố bảo vệ

t.6

III

**Thực hiện 7 chiến lược nhằm
Phòng ngừa bạo lực đối với Phụ nữ**

t.8

IV

Đánh giá các bằng chứng can thiệp

t.10

V

Xây dựng lý thuyết sự thay đổi

t.12

VI

Áp dụng các nguyên tắc hướng dẫn Phòng ngừa

t.14

VII

**Tăng cường môi trường thuận lợi
cho công tác phòng ngừa**

t.16

VIII

Điều chỉnh và nhân rộng các mô hình có hiệu quả

t.18

IX

Giám sát, đánh giá và đo lường hiệu quả

t.20

X

t.22

**Cam kết
hành động!**

Tìm hiểu tình hình thực tế

Bạo lực đối với phụ nữ (BLPN) là **hành vi vi phạm nhân quyền**, bắt nguồn từ sự bất bình đẳng giới, là **vấn đề y tế công cộng** và là trở ngại cho sự phát triển bền vững.

Gần **1 phần 3 (35%)** phụ nữ trên thế giới đã từng trải qua bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng/bạn tình gây ra hoặc bạo lực tình dục, không bao gồm quấy rối tình dục do thủ phạm khác gây ra.

Trên thế giới, **30% phụ nữ** đã từng trải qua bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng/bạn tình gây ra trong cuộc đời.

Trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ trẻ, phụ nữ thuộc các nhóm dân tộc thiểu số và các nhóm thiểu số khác, phụ nữ chuyển giới, phụ nữ khuyết tật **có nguy cơ cao hơn** phải chịu các hình thức bạo lực khác nhau.

.....

Các trường hợp khẩn cấp, nhân đạo có thể làm trầm trọng thêm tình trạng bạo lực đang diễn ra và gây thêm nhiều hình thức bạo lực khác đối với phụ nữ và trẻ em gái.

.....

Trên thế giới, khoảng 38%-50% các vụ giết người có nạn nhân là phụ nữ **do thủ phạm là chồng/bạn tình của họ thực hiện.**

.....

Bạo lực có tác động tiêu cực đến thể chất, sức khỏe tâm thần và tâm lý của phụ nữ. Bạo lực gây ra các **hậu quả về kinh tế và xã hội**, tổn hao **kinh tế** của cho gia đình, cộng đồng và xã hội.

.....

Trình độ học vấn thấp, chứng kiến bạo lực thời thơ ấu, bất bình đẳng quyền lực trong mối quan hệ tình cảm và thái độ, chuẩn mực dung túng bạo lực và bất bình đẳng giới gia tăng **nguy cơ bị bạo lực và bạo lực tình dục do chồng/bạn tình gây ra.**

.....

Trình độ học vấn thấp, ngược đãi trẻ em hoặc chứng kiến bạo lực trong gia đình, lạm dụng chất có cồn, thái độ chấp nhận bạo lực và bất bình đẳng giới làm tăng **nguy cơ của hành vi bạo lực do chồng/bạn tình gây ra.**

.....

Phần lớn phụ nữ bị bạo lực **(55-95%) không tiết lộ tình trạng bạo lực hay không tìm kiếm bất kỳ một dịch vụ nào.**

.....

Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái **có thể được phòng ngừa.** Để phòng ngừa bạo lực, cần giảm thiểu và giải quyết các yếu tố nguy cơ và tăng cường các yếu tố bảo vệ.

.....

Đánh giá các yếu tố nguy cơ & bảo vệ¹

Các yếu tố nguy cơ

Luật pháp về quyền sở hữu tài sản, hôn nhân, ly dị và quyền chăm sóc con cái còn mang tính phân biệt đối xử

Phụ nữ có trình độ tay nghề và trình độ học vấn thấp

Không có hoặc thiếu các biện pháp thực thi pháp luật giải quyết vấn đề BLPN

Phân biệt đối xử về giới trong các thiết chế (ví dụ: hành pháp, y tế)

Các chuẩn mực giới có hại duy trì đặc quyền của nam giới và hạn chế quyền tự chủ của phụ nữ

Tỷ lệ nghèo đói và thấp nghiệp cao

Tỷ lệ bạo lực và tội phạm cao

Sự sẵn có của ma túy, chất có cồn và vũ khí

Mức độ bất bình đẳng trong các mối quan hệ/các mối quan hệ do nam giới kiểm soát/phụ thuộc vào chồng/bạn tình còn cao

Nam giới có nhiều mối quan hệ/nhiều bạn tình

Nam giới sử dụng chất gây nghiện và lạm dụng chất có cồn

Trải nghiệm bạo lực thời thơ ấu và/hoặc chứng kiến bạo lực trong gia đình

Các rối loạn tâm lý

Thái độ dung túng hoặc biện minh hành vi bạo lực là bình thường hoặc có thể chấp nhận được

XÃ HỘI

CỘNG ĐỒNG

LIÊN CÁ NHÂN

CÁ NHÂN

XÃ HỘI**Luật pháp:**

- Thúc đẩy bình đẳng giới
- Đảm bảo phụ nữ có thể tiếp cận việc làm chính thức
- Giải quyết vấn đề bạo lực đối với phụ nữ

CỘNG ĐỒNG

Các chuẩn mực thúc đẩy các mối quan hệ phi bạo lực và bình đẳng, đồng thời trao quyền cho phụ nữ

LIÊN CÁ NHÂN

Các mối quan hệ tình cảm có tính bình đẳng giới, bao gồm chia sẻ quyền ra quyết định và chia sẻ việc nhà

CÁ NHÂN

Không chứng kiến bạo lực trong gia đình

Giáo dục phổ thông cho phụ nữ và nam giới, cũng như giảm bất bình đẳng giáo dục giữa phụ nữ và nam giới

Cả nam giới và trẻ em trai cũng như phụ nữ và trẻ em gái đều hiểu biết và tôn trọng các quan điểm bình đẳng giới

Các yếu tố bảo vệ

TÔN TRỌNG

Triển khai
7 chiến lược nhằm
phòng ngừa bạo lực
đối với Phụ nữ²

→ Tăng cường kỹ năng xây dựng mối quan hệ

để cập đến các chiến lược nhằm vào các đối tượng là cá nhân hoặc nhóm phụ nữ, nam giới hoặc các cặp đôi, hướng đến cải thiện các kỹ năng giao tiếp liên cá nhân, kỹ năng quản lý mâu thuẫn và kỹ năng ra quyết định có sự đồng thuận.

→ Trao quyền cho phụ nữ

để cập đến cả trao quyền kinh tế và xã hội, trong đó có quyền thừa kế và quyền sở hữu tài sản, chương trình tài chính vi mô kết hợp các hoạt động can thiệp đào tạo về giới và trao quyền, hành động tập thể, tạo môi trường an toàn và cố vấn để xây dựng các kỹ năng cũng như sự tự tin vào năng lực bản thân, sự quyết đoán, kỹ năng đàm phán và sự tự tin.

→ Bảo đảm cung cấp dịch vụ trợ giúp

để cập đến nhiều loại dịch vụ khác nhau, đảm bảo nạn nhân được tiếp cận dịch vụ và hỗ trợ từ công an, trợ giúp pháp lý, y tế và dịch vụ xã hội

→ Giảm đói nghèo

để cập đến các chiến lược nhằm vào các đối tượng là phụ nữ hoặc các hộ gia đình với mục tiêu chính là giảm đói nghèo, bao gồm hỗ trợ tiền mặt, tiết kiệm, các khoản vay tài chính vi mô, các can thiệp thúc đẩy tham gia lực lượng lao động.

→ Tạo môi trường an toàn

để cập đến các nỗ lực xây dựng môi trường an toàn trong đó có môi trường học đường, không gian công cộng và môi trường làm việc an toàn.

→ Phòng ngừa xâm hại trẻ em và trẻ vị thành niên

để cập đến việc thiết lập, nuôi dưỡng các mối quan hệ gia đình, ngăn cấm các hình phạt thân thể và thực hiện các chương trình làm cha mẹ được nhắc đến trong **INSPIRE - 7 chiến lược nhằm phòng ngừa bạo lực đối với trẻ em**.

→ Chuyển đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực

để cập đến các chiến lược thách thức thái độ, niềm tin, chuẩn mực và khuôn mẫu giới có hại, đề cao đặc quyền của nam giới và sự lệ thuộc của phụ nữ, biện minh cho các hành vi bạo lực với phụ nữ và kỳ thị những người bị bạo lực. Các chiến lược này có thể bao gồm tổ chức chiến dịch truyền thông, giáo dục nhóm đến các sáng kiến huy động cộng đồng.

Tăng cường kỹ năng xây dựng các mối quan hệ lành mạnh

Các cuộc hội thảo nhóm nhỏ với phụ nữ và nam giới, thúc đẩy thái độ và mối quan hệ bình đẳng



Tư vấn và tâm lý trị liệu cho các cặp vợ chồng/bạn tình



VÍ DỤ

Hội thảo theo nhóm

Trong thời gian hai năm sau khi thực hiện dự án “Bước chân vững chãi” (Stepping Stones) tại Nam Phi với người tham gia là phụ nữ và nam giới có độ tuổi từ 15-26, nam giới trong nhóm can thiệp ít có xu hướng gây bạo lực đối với bạn tình, hiếp dâm và mua bán tình dục hơn so với nhóm đối chứng.^x

Trao quyền cho phụ nữ

Tập huấn về trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái, trong đó rèn luyện kỹ năng sống, không gian an toàn, kỹ năng lãnh đạo



Các chính sách và hoạt động can thiệp về thừa kế và quyền sở hữu tài sản



Tài chính vi mô hoặc tiết kiệm và các khoản vay, kết hợp hợp phần đào tạo về giới và trao quyền



VÍ DỤ

Tài chính vi mô cùng với giới và trao quyền

Dự án IMAGE (Can thiệp bằng tài chính vi mô vì mục tiêu hỗ trợ và bình đẳng giới) tại Nam Phi đã thực hiện trao quyền cho phụ nữ thông qua tài chính vi mô cùng với các hoạt động đào tạo về giới và quyền lực cũng như huy động cộng đồng. Nghiên cứu cho thấy dự án đã giúp giảm 50% tình trạng bạo lực gia đình trong nhóm can thiệp trong thời gian 2 năm. Với chi phí 244 đô la Mỹ cho mỗi trường hợp bạo lực do bạn tình gây ra được ngăn chặn trong giai đoạn mở rộng 2 năm, hoạt động can thiệp có hiệu quả cao về mặt chi phí.

Bảo đảm dịch vụ

Các hoạt động can thiệp tư vấn hoặc hỗ trợ tâm lý về trao quyền cho phụ nữ nhằm trợ giúp tiếp cận dịch vụ (ví dụ: dự án vận động cho nạn nhân)



Các hoạt động can thiệp về phòng tránh, lạm dụng chất có cồn



Nơi trú ẩn/ Nhà tạm lánh



Đường dây nóng



Trung tâm một cửa xử lý



Các can thiệp đối với người gây ra



Đồn/đơn vị công an dành cho phụ nữ



Sàng lọc nạn nhân trong dịch vụ y tế



Nâng cao nhận thức và đào tạo nhân sự của các tổ chức mà không thay đổi môi trường tổ chức



VÍ DỤ

Vận động cho nạn nhân bạo lực

Dự án vận động cộng đồng tại Michigan và Illinois, Hoa Kỳ là một chương trình dựa vào bằng chứng, được thiết kế để giúp đỡ các nạn nhân nữ bị bạo lực do chồng/bạn tình gây ra lấy lại quyền kiểm soát cuộc sống của chính họ. Các nhà vận động đã qua đào tạo cung cấp các hoạt động vận động và các hỗ trợ được điều chỉnh phù hợp cho từng nạn nhân để họ có thể tiếp cận các nguồn lực cộng đồng cũng như trợ giúp xã hội. Can thiệp này được cho là đã giảm tỷ lệ tái phát bạo lực và trầm cảm, đồng thời, cải thiện chất lượng cuộc sống và trợ giúp xã hội. Hai năm sau khi hoạt động can thiệp kết thúc, các thay đổi tích cực vẫn tiếp tục diễn ra.^y

Đánh giá bằng chứng về các hoạt động can thiệp³

Giảm đói nghèo

Hỗ trợ kinh tế, trong đó có hỗ trợ tiền mặt có điều kiện/không có điều kiện, cùng với phiếu mua hàng và các khoản hỗ trợ bằng hiện vật



Các can thiệp về tham gia lực lượng lao động, bao gồm chính sách việc làm, sinh kế và đào tạo nghề



Các can thiệp về tài chính vi mô hoặc tiết kiệm mà không kèm thêm hợp phần nào



VÍ DỤ

Hỗ trợ kinh tế

Tại phía Bắc Ecuador, chương trình chuyển tiền mặt, phiếu mua hàng và thực phẩm do Tổ chức Lương thực Thế giới (WFP) thực hiện hướng vào phụ nữ ở các khu vực đô thị nghèo, nhằm mục đích giảm nghèo. Các hộ gia đình tham gia chương trình đã nhận được khoản tiền \$40 hàng tháng trong vòng 6 tháng. Khoản tiền này được thực hiện với điều kiện tham gia các khóa đào tạo về dinh dưỡng hàng tháng. Đánh giá cho thấy tình trạng phụ nữ phải chịu các hành vi kiểm soát, bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng/bạn tình gây ra đã giảm từ 30% xuống còn 19%. Nguyên nhân hợp lý để lý giải cho việc này là do giảm được xung đột liên quan đến căng thẳng nghèo đói giữa các cặp vợ chồng.^P

Tạo môi trường an toàn

Cải thiện cơ sở hạ tầng và giao thông



Hoạt động can thiệp dự phòng



Hoạt động can thiệp trong toàn trường



VÍ DỤ

Quyền được vui chơi - phòng ngừa bạo lực đối với trẻ em và trong nhóm trẻ em tại trường học

Tại Hyderabad (tỉnh Sindh), Pakistan, hoạt động can thiệp về quyền được vui chơi đã tiếp cận trẻ em tại 40 trường học công. Trẻ em trai và trẻ em gái đã cùng tham gia học tập dựa trên các hoạt động vui chơi, mang đến cho trẻ cơ hội phát triển các kỹ năng sống, cũng như sự tự tin, khả năng giao tiếp, sự thấu cảm, khả năng đương đầu với các cảm xúc mang tính tiêu cực, khả năng chống chịu, hợp tác, khả năng lãnh đạo, tư duy phản biện và giải quyết xung đột, giúp đấu tranh chống xung đột, tinh cổ chấp, phân biệt đối xử về giới và bạo lực đồng đẳng. Một đánh giá cho thấy tỷ lệ lại trở thành nạn nhân của bạo lực đồng đẳng đã giảm 33% trong nhóm trẻ em trai và 59% trong nhóm trẻ em gái 24 tháng sau can thiệp; tỷ lệ hình phạt thân thể giảm 45% trong nhóm trẻ em trai và 66% trong nhóm trẻ em gái và tỷ lệ chứng kiến bạo lực gia đình giảm 65% trong nhóm trẻ em trai và 70% trong nhóm trẻ em gái.^Q

Phòng ngừa xâm hại trẻ em và trẻ vị thành niên

Các chuyến viếng thăm nhà và tiếp cận cán bộ y tế



Hoạt động can thiệp với phụ huynh



Hoạt động can thiệp về trợ giúp tâm lý cho trẻ em bị bạo lực và chứng kiến bạo lực do chồng/bạn tình gây ra



Đào tạo về kỹ năng sống, giáo trình trường học, phòng ngừa hiếp dâm và bạo lực trong thời gian còn hẹn hò



Chuyển đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực

Huy động cộng đồng



Các cuộc hội thảo theo nhóm với phụ nữ và nam giới nhằm thúc đẩy sự thay đổi về thái độ và chuẩn mực



Giáo dục hoặc truyền thông xã hội và giáo dục cộng đồng



Giáo dục nhóm với nam giới và trẻ em trai nhằm thay đổi thái độ và chuẩn mực xã hội



Các chiến dịch nâng cao nhận thức riêng biệt/chiến dịch truyền thông đơn lẻ



VÍ DỤ

Huy động cộng đồng SASA!

là một hoạt động can thiệp cộng đồng tại Uganda nhằm ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ, thông qua việc chuyển dịch cân bằng quyền lực giữa nam giới và phụ nữ trong các mối quan hệ. Nghiên cứu cho thấy trong cộng đồng SASA!, 76% phụ nữ và nam giới tin rằng bạo lực thể xác đối với bạn tình là không thể chấp nhận được trong khi chỉ có 26% phụ nữ và nam giới trong các nhóm kiểm soát tin điều này. Trong giai đoạn thử nghiệm, với chi phí 460 đô la cho mỗi vụ bạo lực do bạn tình gây ra được ngăn chặn, hoạt động can thiệp có hiệu quả về mặt chi phí và có thể đạt được hiệu quả kinh tế nhờ mở rộng qui mô.^V

CHÚ THÍCH⁴

- có triển vọng**, >1 đánh giá cho thấy tình trạng bạo lực đã giảm đáng kể
- cần thêm bằng chứng**, >1 đánh giá cho thấy tình trạng bạo lực trước mắt đã có thiện
- mâu thuẫn**, đánh giá cho thấy kết quả có những mâu thuẫn trong việc giảm tình trạng bạo lực⁵
- không có bằng chứng**, hoạt động can thiệp vẫn chưa được đánh giá chặt chẽ
- không hiệu quả**, >1 đánh giá cho thấy tình trạng bạo lực không hề giảm
- H** | Các quốc gia có thu nhập cao theo phân loại của Ngân hàng Thế giới (HIC)
- L** | Các quốc gia có thu nhập thấp theo phân loại của Ngân hàng Thế giới (LIC)

Xây dựng lý thuyết thay đổi

Tăng cường kỹ năng xây dựng các mối quan hệ

Trao quyền cho phụ nữ

Giảm nghèo

Tạo môi trường an toàn

Phòng ngừa xâm hại trẻ em và trẻ vị thành niên

Chuyển đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực

HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP

Xây dựng khả năng chống chịu và hiểu biết, hỗ trợ nguồn lực và giúp đỡ cộng đồng tìm ra giải pháp

Phụ nữ đối mặt với bạo lực
 Gia đình bị ảnh hưởng
 Cộng đồng có mức độ bạo lực cao

RÀO CẢN

- Hạn chế về quyền tự chủ của phụ nữ
- Trẻ em chứng kiến bạo lực
- Các chuẩn mực xã hội còn củng cố quyền lực nam giới
- Thiếu các dịch vụ thiết yếu
- Thiếu các dịch vụ bảo trợ xã hội và pháp lý dành cho phụ nữ
- Thiếu quyết tâm chính trị và thiếu nguồn lực
- Các tổ chức hoặc phong trào phụ nữ chưa được đầu tư đầy đủ

CỦA SỰ THAY ĐỔI

Các chương trình giải quyết tình trạng BLPN được triển khai rộng khắp

Tăng cường nguồn lực và quyết tâm chính trị để giải quyết tình trạng BLPN

Tăng cường nhận thức về BLPN là một vấn đề y tế công cộng và có thể được phòng ngừa

ĐẦU RA

Các kết quả trong các lĩnh vực sức khỏe, kinh tế và phát triển xã hội đã được cải thiện (ví dụ: đã cải thiện sức khỏe tâm thần, giảm đói nghèo ở cấp hộ gia đình, sức khỏe phụ nữ và trẻ em được cải thiện, học vấn và thu nhập của phụ nữ được cải thiện và giảm tình trạng phụ nữ vắng mặt trong các hoạt động xã hội)

Gia đình, cộng đồng và các tổ chức tin tưởng và đề cao bình đẳng giới như một chuẩn mực và không còn chấp nhận BLPNTEG

Nam giới chấp nhận và đối xử bình đẳng với phụ nữ

Phụ nữ có thể đưa ra các quyết định tự chủ

Phụ nữ có kiến thức về quyền của mình và tiếp cận với các chương trình hỗ trợ

KẾT QUẢ

Cải thiện sức khỏe và phát triển trong các hộ gia đình, cộng đồng và xã hội

Phụ nữ có thể thực hiện các quyền con người của mình và đóng góp vào sự phát triển

Giảm thiểu hoặc chấm dứt BLPN

Thực hành bình đẳng và tôn trọng trong các mối quan hệ tình cảm, quan hệ gia đình và cộng đồng

Mâu thuẫn liên cá nhân được giải quyết hài hòa không sử dụng bạo lực

TÁC ĐỘNG

Áp dụng nguyên tắc hướng dẫn

Đặt sự an toàn của phụ nữ lên hàng đầu và không gây tổn hại

Bảo đảm tính bảo mật thông tin và lường trước, giải quyết các hậu quả ngoài ý muốn

1

Thúc đẩy bình đẳng giới và quyền con người của phụ nữ

Bảo đảm rằng phân tích về bất bình đẳng giới và mối quan hệ quyền lực không cân bằng cũng như đặc quyền của nam giới so với phụ nữ là trọng tâm của chương trình

2

Không ai bị bỏ lại phía sau

Giải quyết nhiều hình thức phân biệt đối xử giao thoa trên cơ sở giới tính, giới, giai tầng, chủng tộc, dân tộc, tình trạng khuyết tật, xu hướng tính dục, bản dạng giới

3

Xây dựng lý thuyết về sự thay đổi

Giải thích rõ mối liên hệ giữa đầu vào chương trình và các thay đổi kết quả trung gian cũng như các tác động có thể có

4

Đảm bảo can thiệp được xây dựng trên bằng chứng

Tăng cường hệ thống giám sát và đánh giá nhằm xây dựng bằng chứng dựa vào các hoạt động hiệu quả và hỗ trợ chia sẻ kiến thức về chương trình

5

để xây dựng chương trình hiệu quả

Sử dụng cách tiếp cận có sự tham gia

6

Khuyến khích chiêm nghiệm cá nhân và tư duy phản biện, tiếp tục nâng cao tiếng nói, quyền tự quyết và kỹ năng của con người.

Thúc đẩy hoạt động điều phối

7

Hỗ trợ các mối quan hệ hợp tác giữa các ngành và tổ chức ở cấp độ địa phương và trung ương

Triển khai các hoạt động can thiệp toàn diện

8

Lập các chương trình sự tham gia của cá nhân, gia đình, cộng đồng nhằm cùng lúc giải quyết các yếu tố tiềm ẩn gây ra bạo lực và các hình thức bạo lực khác nhau trong gia đình

Giải quyết quá trình tiếp diễn trong phòng ngừa bạo lực

9

Kết nối các hoạt động can thiệp phòng ngừa với ứng phó.

Áp dụng cách tiếp cận theo vòng đời

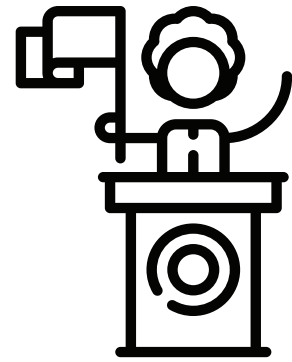
10

Thực hiện chương trình có sự tham gia của trẻ em, trẻ vị thành niên và thanh niên để thực hiện các hoạt động can thiệp sớm

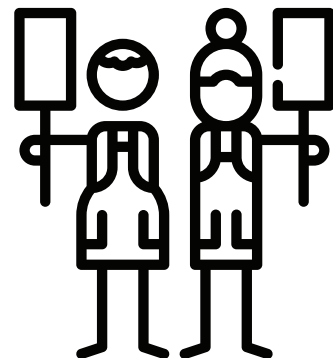
Tạo ra môi trường thuận lợi

a

Thúc đẩy **cam kết chính trị** từ các lãnh đạo và các nhà hoạch định chính sách để họ sẵn sàng lên tiếng, lên án hành vi bạo lực đối với phụ nữ.

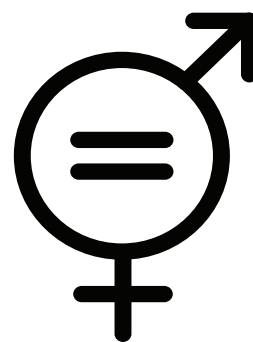
**b**

Đầu tư nguồn lực, phát huy các thành tích đã đạt được và hỗ trợ **các tổ chức bảo vệ quyền của phụ nữ**.

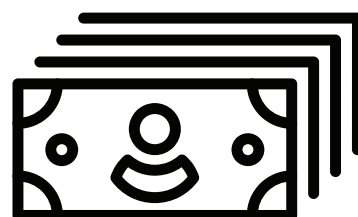


cho công tác phòng ngừa

- c** Thúc đẩy việc thực thi **pháp luật và chính sách** nhằm giải quyết BLPN và thúc đẩy bình đẳng giới, bao gồm tiếp cận giáo dục phổ thông.⁶



- d** **Phân bổ nguồn lực** cho các chương trình, nghiên cứu nâng cao thể chế và năng lực của các ngành y tế, giáo dục, hành pháp và dịch vụ xã hội nhằm giải quyết BLPN



Điều chỉnh và nhân rộng các mô hình can thiệp có hiệu quả

Các mô hình phòng ngừa bạo lực đã thí điểm thành công có thể được nhân rộng theo nhiều cách khác nhau. Có thể mở rộng các hoạt động này bằng cách thêm nhiều đối tượng hưởng lợi; có thể điều chỉnh và nhân rộng tại nhiều vùng địa lý khác; và có thể mở rộng phạm vi can thiệp tương tự trên khu vực địa lý rộng hơn. Các can thiệp được nhân rộng trong môi trường mới cần phải được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thực tế. Điều này đòi hỏi cần có hiểu biết về văn hóa, giá trị và nguồn lực tại địa phương.

Các mô hình can thiệp được xác định là có triển vọng (trang 10-11) có thể được thích ứng và nhân rộng, với sự cân nhắc về các nguyên tắc hướng dẫn phòng ngừa và áp dụng nhân rộng trong trang sau; các mô hình được phân loại là “cần thêm bằng chứng” (trang 10-11) có thể cần được mô phỏng lại hoặc phải được điều chỉnh thêm khi nhân rộng; các mô hình được xác định là “còn mâu thuẫn” hoặc “chưa có bằng chứng” cần được đánh giá kỹ lưỡng hơn.

a

.....

Góp phần thực hiện các cam kết của quốc gia (ví dụ: kế hoạch, chính sách, chiến lược quốc gia) nhằm chấm dứt BLPN hoặc thúc đẩy bình đẳng giới hoặc nâng cao sức khỏe cho phụ nữ.

.....

b

.....

Kiên trì và trung thành đối với các nguyên tắc cốt lõi về bình đẳng giới, quyền cơ bản và sự an toàn của con người cũng như có can thiệp ở mức độ tối thiểu, thích nghi với bối cảnh thực tế, phù hợp với ngôn ngữ và văn hóa bản địa.

.....

c

.....

Chương trình toàn diện, kết hợp nhiều chiến lược và can thiệp khác nhau ở cấp độ cá nhân, liên cá nhân, cộng đồng và xã hội để bảo đảm tác động bền vững.

.....

d

.....

Đầu tư vào năng lực của cá nhân và tổ chức triển khai và bảo đảm có đủ thời gian để nhân rộng và tạo ra thay đổi tích cực, có hiệu quả bền vững.

.....

e

.....

Tiếp tục phát triển các chương trình đã/đang thực hiện, lồng ghép các hoạt động phòng ngừa vào chương trình y tế, chương trình phát triển và các chương trình theo ngành đang được thực hiện.

.....

f

.....

Luôn nghĩ đến "quy mô" khi thiết kế chương trình, đầu tư cho các can thiệp lâu dài, hiệu quả về chi phí và bền vững.

.....

g

.....

Bắt đầu với quy mô nhỏ, tài liệu hóa và đánh giá việc thích ứng và nhân rộng để đổi mới và đẩy mạnh thiết kế chương trình dựa trên bằng chứng

.....

h

.....

Hỗ trợ một cộng đồng thực hành giữa những người xây dựng, thiết kế chương trình và những người triển khai để thúc đẩy tinh thần học hỏi và chia sẻ kiến thức

.....

Giám sát, đánh giá và đo lường tiến độ

Tiến trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ có thể được đo lường trong thời gian ngắn hạn và dài hạn.

1. Trong dài hạn, tác động của chương trình phòng ngừa có thể được đo lường qua việc mức độ phổ biến của các hình thức bạo lực khác nhau đối với phụ nữ giảm.

2. Trên quy mô toàn cầu, các quốc gia cần phải báo cáo tiến độ thực hiện phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ như một phần của việc thực hiện chỉ số Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG). Hai chỉ số đề xuất bao gồm:

- Tỷ lệ bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong vòng 12 tháng vừa qua với phụ nữ có độ tuổi từ 15 trở lên (chỉ số mục tiêu SDG 5.2 - xóa bỏ tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái);
- Tỷ lệ nam và nữ thanh niên có độ tuổi 18-29, đã từng bị bạo lực tình dục trước tuổi 18 (chỉ số mục tiêu SDG 16.2 - Chấm dứt xâm hại, bóc lột, mua bán người và các hình thức bạo lực khác và tra tấn trẻ em).

3. Trong ngắn hạn và trung hạn, các chỉ số giữa kỳ góp phần làm suy giảm mức độ phổ biến của BLPN sẽ phụ thuộc vào từng loại chương trình và mô hình can thiệp. Chẳng hạn như, có thể bao gồm các can thiệp giúp:

- thay đổi thái độ và chuẩn mực về bình đẳng giới
- cải thiện giao tiếp với chồng/bạn tình
- nâng cao quyền tự chủ, quyền tự quyết và tự tin vào năng lực bản thân của phụ nữ
- nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ và trẻ em gái

3. Điều quan trọng là cần phải xác định một lý thuyết về sự thay đổi để chương trình sẽ có thể đạt được các chỉ số ở trung hạn như thế nào và cách thức các chỉ số này sẽ góp phần giảm thiểu tỉ lệ bạo lực đối với phụ nữ ra sao.

4. Điều quan trọng là cần đánh giá trước khi nhân rộng và giám sát thường xuyên để đảm bảo nguồn lực đã đầu tư vào chương trình có hiệu quả, giảm thiểu các kết quả không mong muốn hoặc tiêu cực, và tiến trình nhân rộng cần cân nhắc kỹ lưỡng bối cảnh địa phương.

CHẤM DỨT BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ BẮT ĐẦU TỪ

T Ô N T R Ọ N G



Hướng tới tương lai: **kêu gọi hành động**

Cam kết thay đổi

Bắt đầu từ hôm nay

Ủng hộ cách tiếp cận dựa trên bằng chứng

Chung tay hành động

- a. CUSP (2017), On the CUSP of change: Effective scaling of social norms programming for gender equality, Community for Understanding Scale Up: http://raisingvoices.org/wp-content/uploads/2013/02/6.CombinedCUSPcasesstudies.FINAL_.pdf
- b. Heise L (2011), What Works to Prevent Partner Violence?: <http://strive.lshtm.ac.uk/system/files/attachments/What%20works%20to%20prevent%20partner%20violence.pdf>
- c. Salamander Trust (2017), ALIVE[H]E Framework: <http://salamandertrust.net/resources/alivhe-framework>
- d. UN Women (2015), A Framework to Underpin Action to Prevent Violence Against Women: http://www.unwomen.org/-/media/headquarters/attachments/sections/library/publications/2015/prevention_framework_unwomen_nov2015.pdf?la=en&vs=5223
- e. WHO, LSHTM, SAMRC (2013). Global and regional estimates of violence against women: prevalence and health effects of intimate partner violence and non-partner sexual violence. Geneva: WHO. http://apps.who.int/iris/bitstream/handle/10665/85239/9789241564625_eng.pdf;jsessionid=294A291A603A7BCB4B60F588532CE53D?sequence=1
- f. World Health Organization (2016), Violence against women, Intimate partner and sexual violence against women, Fact Sheet: <http://www.who.int/mediacentre/factsheets/fs239/en/>
- g. World Health Organization and UNAIDS (2013), 16 Ideas for addressing violence against women in the context of the HIV epidemic - A programming tool: http://www.who.int/reproductivehealth/publications/violence/vaw_hiv_epidemic/en/
- h. WHO, LSHTM (2010), Preventing Intimate partner violence and sexual violence: generating evidence and taking action: http://apps.who.int/iris/bitstream/handle/10665/44350/9789241564007_eng.pdf?sequence=1
- i. What Works to Prevent Violence (2014), A global programme to prevent violence against women and girls: A Summary of the Evidence and Research Agenda: <https://www.gov.uk/government/publications/what-works-in-preventing-violence-against-women-and-girls-review-of-the-evidence-from-the-programme>
- j. Ellsberg M., Arango D.J., Morton M., Gennari F., Kiplesund S., Contreras-Urbina M., Watts C (2015), Prevention of violence against women and girls: what does the evidence say? *The Lancet*, Volume 385, No. 9977, p1555–1566: [https://www.thelancet.com/journals/lancet/article/PIIS0140-6736\(14\)61703-7/fulltext?rss=3Dyes](https://www.thelancet.com/journals/lancet/article/PIIS0140-6736(14)61703-7/fulltext?rss=3Dyes)
- k. Contreras-Urbina M., Heilman B., Von Au A. K., Hill A., Puerto Gómez M., Zelaya J., Arango D.J (2016) Community-based approaches to intimate partner violence : a review of evidence and essential steps to adaptation (English). Washington, D.C. : World Bank Group. <http://documents.worldbank.org/curated/en/907511467996712161/Community-based-approaches-to-intimate-partner-violence-a-review-of-evidence-and-essential-steps-to-adaptation>
- l. World Health Organization (2016), Global Plan of Action to strengthen the role of the health system within a national multisectoral response to address interpersonal violence, in particular against women and girls, and against children: <http://www.who.int/reproductivehealth/publications/violence/global-plan-of-action/en/>
- m. Garcia-Moreno C., Zimmerman C., Morris-Gehring A., Heise L., Amin A., Abrahams N., Montoya O., Bhat-Deosthali P., Kilonzo N., Watts C (2015), Addressing violence against women: a call to action, *The Lancet*, Volume 385, No. 9978, p1685–1695: [https://doi.org/10.1016/S0140-6736\(14\)61830-4](https://doi.org/10.1016/S0140-6736(14)61830-4)
- n. World Health Organization (2016) INSPIRE: Seven strategies for Ending Violence Against Children: http://www.who.int/violence_injury_prevention/violence/inspire/en/
- o. What works to prevent violence against women and girls global programme (2018), Right to play: preventing violence among and against children in schools in Hyderabad, Pakistan: Evidence brief. South Africa: Medical Research Council and UK: UK aid. <https://www.whatworks.co.za/documents/publications/211-right-to-play/file>
- p. Hidrobo M, Peterman A, Heise L (2016), The effect of cash, vouchers and food transfers on intimate partner violence: evidence from a randomized experiment in Northern Ecuador. *American Economic Journal Applied Economics*, Volume 8, No 3, p284-303: <https://DOI:10.1257/app.20150048>
- q. National Resource Center on Domestic Violence (2012), Program and Practice Profiles: Community Advocacy Project, Harrisburg, PA: National Resource Center on Domestic Violence. <http://www.dvevidenceproject.org>
- r. Buller A, Peterman A, Ranganathan M, Bleile A, Hidrobo M, Heise L (2018). A mixed-method review of cash transfers and intimate partner violence in low- and middle-income countries. *The World Bank Research Observer*, Volume 22, No 2, p218-258: <https://doi.org/10.1093/wbro/lky002>
- s. Peterman A, Palermo TM, Ferrari G (2018). Still a leap of faith: microfinance initiatives for reduction of violence against women and children in low-income and middle-income countries. *BMJ global health*, Volume 3, No. 6: e001143. doi:10.1136/bmjgh-2018-001143.
- t. Karakurt G, Whiting K, Van Esch, Bolen S, Calabrese J (2016). Couple therapy for intimate partner violence: A systematic review and meta-analysis. *J Marital Fam Ther*, Volume 42, No. 4, p567-583: doi:10.1111/jmft.12178.
- u. Desai CC, Reece J, Shakespear-Pellington S (2017) The prevention of violence in childhood through parenting programmes: a global review, *Psychology, Health & Medicine*, Volume 22, Sup1, p166-186: DOI: 10.1080/13548506.2016.1271952.
- v. Abramsky T, Devries K, Kiss L, Nakui J, Kyegombe N, Starman E, Cundill B, Francisco L, Kaye D, Musuya T, Michau L, Watts C (2014), Findings from the SASA! Study: a cluster randomized controlled trial to assess the impact of a community mobilization intervention to prevent violence against women and reduce HIV risk in Kampala, Uganda. *BMC Medicine*, Volume 12:122: <https://doi.org/10.1186/s12916-014-0122-5>.
- w. Pronyk PM, Hargreaves JR, Kim JC, Morison LA, Pheila G, Watts C, Busza J, Porter JD (2006), Effect of a structural intervention for the prevention of intimate-partner violence and HIV in rural South Africa: a cluster randomised trial. *The Lancet*, Volume 368, No. 9551, p1973–1983: doi: 10.1016/S0140-6736(06)69744-4.
- x. Jewkes R, Nduna M, Levin J, Jama N, Dunkle K, Puren A, Duvvury N (2008), Impact of Stepping stones on incidence of HIV and HSV-2 and sexual behaviour in rural South Africa: cluster randomised controlled trial. *Brit Med J*, Volume 337, No. 7666:a506: doi: 10.1136/bmj.a506.
- y. Sullivan, CM, Bybee, DI (1999), Reducing violence using community-based advocacy for women with abusive partners. *Journal of Consulting and Clinical Psychology*, Volume 67, No. 1, p43-53: <https://cap.vaw.msu.edu/wp-content/uploads/2014/05/Two-year-followup-CAPJCCP.pdf>.

Chú thích

- 1** Bao gồm cả gây ra bạo lực và là trở thành nạn nhân của bạo lực do chồng/bạn tình gây ra (IPV)
- 2** Bảy chiến lược này không loại trừ lẫn nhau và không nên nhìn nhận các chiến lược này một cách đơn lẻ và giữa các chiến lược này cũng có một số nội dung trùng lặp.
- 3** Mặc dù mỗi chiến lược đều liệt kê các hoạt động can thiệp cụ thể và các ví dụ liên quan, nhưng điều quan trọng cần phải lưu ý là nhiều chiến lược mang tính tổng hợp/được xây dựng trên cơ sở gộp nên bao gồm các hoạt động can thiệp nhiều thành phần và nhiều cấp và có liên quan đến nhiều hơn 1 trong 7 chiến lược của sáng kiến TÔN TRỌNG (RESPECT). Việc phân loại can thiệp vào một chiến lược phản ánh mục đích chính của can thiệp. Ví dụ: một số can thiệp trong chiến lược thay đổi các chuẩn mực cũng bao gồm các kỹ năng tăng cường xây dựng các mối quan hệ. Tương tự như vậy, các can thiệp về trao quyền cho phụ nữ có thể bao gồm một thành phần hỗ trợ kinh tế. Chính vì vậy, không nên nhìn nhận các chiến lược này một cách độc lập mà nên nhìn nhận theo các phương pháp tiếp cận, theo đó tác động của các phương pháp này có thể được tăng cường tốt hơn khi kết hợp với các chiến lược khác.
- 4** Các bằng chứng phần lớn được xếp loại dựa trên hoạt động rà soát kiểm điểm mang tính hệ thống của nhiều hơn một đánh giá về các hoạt động can thiệp, các đánh giá này chủ yếu sử dụng các thiết kế mang tính thử nghiệm, trong đó có phương pháp ngẫu nhiên, ngẫu nhiên theo cụm và bán thử nghiệm. Có quan điểm cho rằng đối với một số chiến lược chẳng hạn như các can thiệp của ngành tư pháp, các phương pháp đánh giá khác có thể phù hợp hơn, bao gồm thiết kế nghiên cứu thu thập dữ liệu theo chuỗi thời gian, theo mẫu quan sát và theo một thời điểm mặc dù các thiết kế này thường được coi là có chất lượng thấp hơn. Đây là một lĩnh vực mới nổi và do đó, có rất nhiều biến thể về thiết kế và đánh giá của nghiên cứu. Các nguồn tài liệu phục vụ công tác đánh giá và nghiên cứu này được cung cấp trong phần tài liệu tham khảo.
- 5** Đề cập đến các đánh giá, trong đó một số nghiên cứu có thể cho thấy các tác động tích cực và một số nghiên cứu khác cho thấy không có tác động nào hoặc có tác động tiêu cực, nêu rõ tác động của các hoạt động can thiệp có thể tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể. Chính vì vậy, đối với bất kỳ hoạt động nhân rộng hoặc điều chỉnh can thiệp nào thì cũng cần phải chú ý đến các yếu tố hoàn cảnh hoặc yếu tố triển khai.
- 6** Bao gồm chính sách và luật pháp: hình sự hóa hành vi xâm hại tình dục; thúc đẩy bình đẳng trong thừa kế; cấm tảo hôn và cắt bỏ bộ phận sinh dục nữ; pháp luật về hôn nhân, quyền nuôi con và li dị bảo đảm sự bình đẳng cho phụ nữ; kế hoạch hành động thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết bạo lực đối với phụ nữ. Nội dung này cũng bao gồm việc thực hiện các dịch vụ tư pháp và thực thi pháp luật, chẳng hạn như các lệnh bắt giữ và trợ giúp pháp lý.
- 7** Ngay cả khi có cam kết của quốc gia nhằm chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ thì cũng có thể có các cam kết khác về trao quyền cho phụ nữ, cam kết đối với mục tiêu bình đẳng giới hoặc cam kết đối với sức khỏe của phụ nữ; do vậy, nên cần nhắc các cam kết này vì chúng có thể có ích.

Để biết thêm thông tin, liên hệ
Phòng Sức khỏe Sinh sản và Nghiên cứu
Tổ chức Y tế Thế giới
20 Avenue Appia
CH 1211, Geneva 27
Thụy Sĩ
Fax: +41 22 791 4171
Email: reproductivehealth@who.int
www.who.int/reproductivehealth/topics/violence/en

WHO/RHR/18.19



TÔN TRỌNG
PHỤ NỮ

TỔNG QUAN

Hướng dẫn triển khai
Khung TÔN TRỌNG PHỤ NỮ

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

Mục lục

1) GIỚI THIỆU	2
2) CẤU TRÚC CỦA HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN	4
3) CÁCH SỬ DỤNG TÀI LIỆU	6
3.1 Tóm tắt chiến lược	6
3.2 Tóm tắt chương trình	8
3.3 Tóm tắt về Tạo Môi trường Thuận lợi	9
3.4 Hướng dẫn về Giám sát & Đánh giá	10
3.5 Hướng dẫn và Bài tập thực hành Lập Kế hoạch Phòng ngừa Quốc gia chú trọng vào phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ	11
Phụ lục A: Nhân rộng các mô hình can thiệp	12
Phụ lục B: Lời cảm ơn	14

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

Hướng dẫn triển khai khung TÔN TRỌNG phụ nữ (RESPECT)

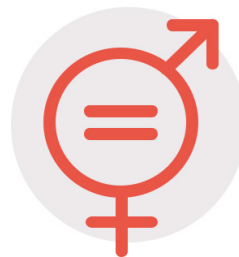
1) GIỚI THIỆU

Bạo lực đối với phụ nữ là¹ một trong những hành vi vi phạm nhân quyền với phụ nữ phổ biến trên thế giới, gây ra những tổn thất to lớn về sức khỏe, sự an toàn và hạnh phúc của phụ nữ², đồng thời là một ưu tiên cấp bách về sức khỏe cộng đồng³.

Trung bình cứ 3 (35%) phụ nữ trên thế giới thì có 1 người đã từng bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục trong đời do bạn tình hoặc không phải do bạn tình gây ra⁴. Trong nhiều hoàn cảnh, hình thức bạo lực này không được trình báo do các định kiến xã hội phổ biến dung túng cho hành vi bạo lực, hoặc do người phụ nữ không tin tưởng hoặc không thể dễ dàng tiếp cận những người cung cấp dịch vụ trợ giúp y tế, an ninh hoặc pháp lý. Con số này không bao gồm hành vi quấy rối tình dục, một hình thức bạo lực trên cơ sở giới khác phổ biến trong nhiều bối cảnh trên thế giới. Bạo lực đối với phụ nữ có những hậu quả tiêu cực đáng kể về mặt xã hội, sức khỏe và kinh tế⁵ - đối với bản thân người phụ nữ, gia đình và cộng đồng của họ cũng như đối với các dịch vụ công, xã hội và nền kinh tế.

Bạo lực đối với phụ nữ có thể phòng ngừa

Trong khoảng hơn một thập kỷ qua, các chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và nghiên cứu về những hoạt động thực tiễn góp phần làm giảm tỷ lệ, tần suất và mức độ nghiêm trọng của tình trạng bạo lực đối với phụ nữ đã tăng đáng kể. Ngày càng có nhiều phương pháp đã thành công trong việc làm giảm các hành vi vi phạm của nam giới cũng như tình trạng bị bạo lực của phụ nữ bằng cách giải quyết các nguyên nhân gây bạo lực. Hiện nay, điều cần thiết là việc tăng cường đầu tư để thích ứng và nhân rộng các can thiệp dựa trên bằng chứng đã được chứng minh là làm giảm tình trạng bạo lực đối với phụ nữ ở cấp địa phương, cũng như đối với các can thiệp lớn hơn ở cấp độ xã hội. Phụ lục A cung cấp thông tin và hướng dẫn về việc nhân rộng các can thiệp. Vẫn cần tiếp tục đổi mới để tìm ra các phương pháp tiếp cận mới nhằm giảm thiểu bạo lực ở cấp độ dân số. Các nhà hoạch định chính sách, những người thực hiện chương trình và các nhà nghiên cứu đều đóng vai trò quan trọng trong công tác đổi mới, thích ứng và nhân rộng chương trình phòng ngừa.



1 Thuật ngữ Bạo lực đối với Phụ nữ được sử dụng ở đây và trong các tài liệu hướng dẫn thực hiện khung chiến lược RESPECT để cập đến bạo lực do nam giới gây ra đối với trẻ em gái vị thành niên và phụ nữ trưởng thành.

2 UNITE, UN Women khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (2019) [Hiểu được những tổn thất do bạo lực đối với phụ nữ gây ra](#)

3 Garcia-Moreno, C., Watts, C., (2011) [Bạo lực đối với phụ nữ: Một ưu tiên cấp bách về sức khỏe cộng đồng](#) Bản tin của Tổ chức Y tế thế giới 2011;89:2-2. doi: 10.2471/BLT.10.085217

4 WHO, LSTHM, SA MRC (2013) [Đánh giá toàn cầu và khu vực về bạo lực đối với phụ nữ: Mức độ phổ biến và ảnh hưởng đến sức khỏe do bạo lực gây ra bởi bạn tình hoặc bạo lực tình dục không do bạn tình](#)

5 UN Women Trung tâm kiến thức trực tuyến về Bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em gái (2010) [Hậu quả và Tổn thất](#)

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI



Tôn trọng phụ nữ (RESPECT Women) là khung toàn diện hướng dẫn cách phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ

Khung Tôn trọng phụ nữ (2019) với mục đích phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ bao gồm các bước định hướng hành động cho phép các nhà hoạch định chính sách và những người thực hiện chương trình thiết kế, lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá các can thiệp và chương trình sử dụng⁶ chiến lược phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Khung do Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Cơ quan LHQ về Bình đẳng Giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) xây dựng dựa trên Khung hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ của LHQ 2015, và bước đầu được 12 tổ chức LHQ khác cùng các đối tác song phương chấp thuận. Các chiến lược được tóm tắt trong từ **R.E.S.P.E.C.T.**, với mỗi chữ cái đại diện cho một chiến lược:

- R Tăng cường kỹ năng xây dựng mối quan hệ:** Bao gồm các chiến lược cải thiện kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân, quản lý xung đột và chia sẻ trách nhiệm trong việc ra quyết định.
- E Trao quyền cho phụ nữ:** Các chiến lược trao quyền kinh tế và xã hội cho phụ nữ bao gồm việc xây dựng các kỹ năng tự tin và năng lực bản thân, quyết đoán và kỹ năng đàm phán.
- S Bảo đảm cung cấp dịch vụ:** Đảm bảo một loạt các dịch vụ bao gồm dịch vụ y tế, hành pháp, pháp lý và xã hội dành cho người bị bạo lực.
- P Giảm đói nghèo:** Gồm có các chiến lược hướng đến phụ nữ hoặc hộ gia đình, những đối tượng với mục tiêu chính là giảm nghèo.
- E Tạo môi trường an toàn:** Nỗ lực tạo trường học, không gian công cộng và môi trường làm việc an toàn, cùng những nỗ lực khác.
- C Phòng ngừa bạo lực với trẻ em và trẻ vị thành niên:** Bao gồm các chiến lược thiết lập và duy trì các mối quan hệ bình đẳng của các bậc cha mẹ, các nhà giáo dục và các đối tác làm việc với trẻ em. Chiến lược này chứng minh sự đan xen giữa bạo lực đối với trẻ em và bạo lực đối với phụ nữ.
- T Thay đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực:** Gồm có các chiến lược thách thức thái độ, niềm tin, Chuẩn mực và khuôn mẫu giới có hại

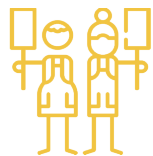
Khung này cũng kêu gọi nỗ lực của các nhà hoạch định chính sách và các đối tác khác nhằm củng cố môi trường thuận lợi cho việc phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, bao gồm:



- tăng cường cam kết chính trị của các nhà lãnh đạo và nhà hoạch định chính sách;



- củng cố các chính sách, pháp luật và thể chế nhằm giải quyết tình trạng bạo lực đối với phụ nữ, đồng thời thúc đẩy bình đẳng giới; và



- đầu tư và hỗ trợ cho công việc do các tổ chức của phụ nữ thực hiện⁷;



- phân bổ nguồn lực cho các chương trình, nghiên cứu và hoạt động nâng cao năng lực của các ngành y tế, giáo dục, thực thi pháp luật và xã hội.

⁶ Bao gồm các tổ chức: UNFPA, UNODC, UNDP, OHCHR, Ngân hàng thế giới, và Chính phủ các nước Úc, Canada, Hà Lan, Thụy Điển, Anh và Mỹ

⁷ Các tổ chức của phụ nữ ở đây đề cập đến các tổ chức hoạt động về Quyền của phụ nữ bao gồm các hoạt động phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và thường dựa trên các nguyên tắc nữ quyền (tham khảo tài liệu riêng về Tăng cường Môi trường thuận lợi).

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

2) CẤU TRÚC CỦA HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Mục đích của tài liệu hướng dẫn nhằm hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và những người thực hiện chương trình xây dựng các chương trình và can thiệp có đạo đức, dựa trên bằng chứng nhằm phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Tài liệu là sự chất lọc kiến thức dựa trên đánh giá nghiêm túc về các minh chứng toàn cầu hiện có, các khuyến nghị của chuyên gia và sự đồng thuận của người thực hiện chương trình.

Tài liệu đưa ra hướng dẫn và lời khuyên về cách xây dựng chiến lược phòng ngừa cấp quốc gia hoặc cấp địa phương, cách tăng cường môi trường thuận lợi và cách thực hiện 7 chiến lược RESPECT. Hướng dẫn thực hiện cũng liên kết với các nguồn tài liệu hiện có về phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ có sẵn bằng tiếng Anh và đã được chọn lọc đảm bảo tính phù hợp và chất lượng.

Hướng dẫn tập trung vào vấn đề bạo lực đối với phụ nữ bao gồm cả chương trình với trẻ em gái vị thành niên và sự đan xen giữa bạo lực đối với phụ nữ và lạm dụng, ngược đãi trẻ em. Các hình thức bạo lực được đề cập bao gồm bạo lực do bạn tình gây ra và bạo lực tình dục không phải do bạn tình gây ra.

Đối tượng sử dụng chính của tài liệu này là các nhà hoạch định chính sách cấp quốc gia và cấp địa phương của các bộ ngành khác nhau. Đối tượng sử dụng thứ cấp gồm có những người thực hiện chương trình và các đối tác phát triển (ví dụ như các tổ chức LHQ, các tổ chức song phương và đa phương) hoạt động để phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ. Hướng dẫn này chủ yếu dành cho các nước có mức thu nhập thấp và trung bình nhưng cũng có thể áp dụng các tài liệu độc lập trong bộ tài liệu hướng dẫn cho các quốc gia khác. Tuy nhiên, hướng dẫn này không tập trung vào những thách thức cụ thể của chương trình trong bối cảnh xung đột và nhân đạo.⁸

Hướng dẫn được chia thành một loạt các tài liệu độc lập, liên kết với các công cụ và nguồn tài liệu bên ngoài. Hướng dẫn được thiết kế để các nhà hoạch định chính sách bận rộn có thể nhanh chóng và dễ dàng truy cập các tài liệu liên quan. Các tài liệu độc lập gồm có:

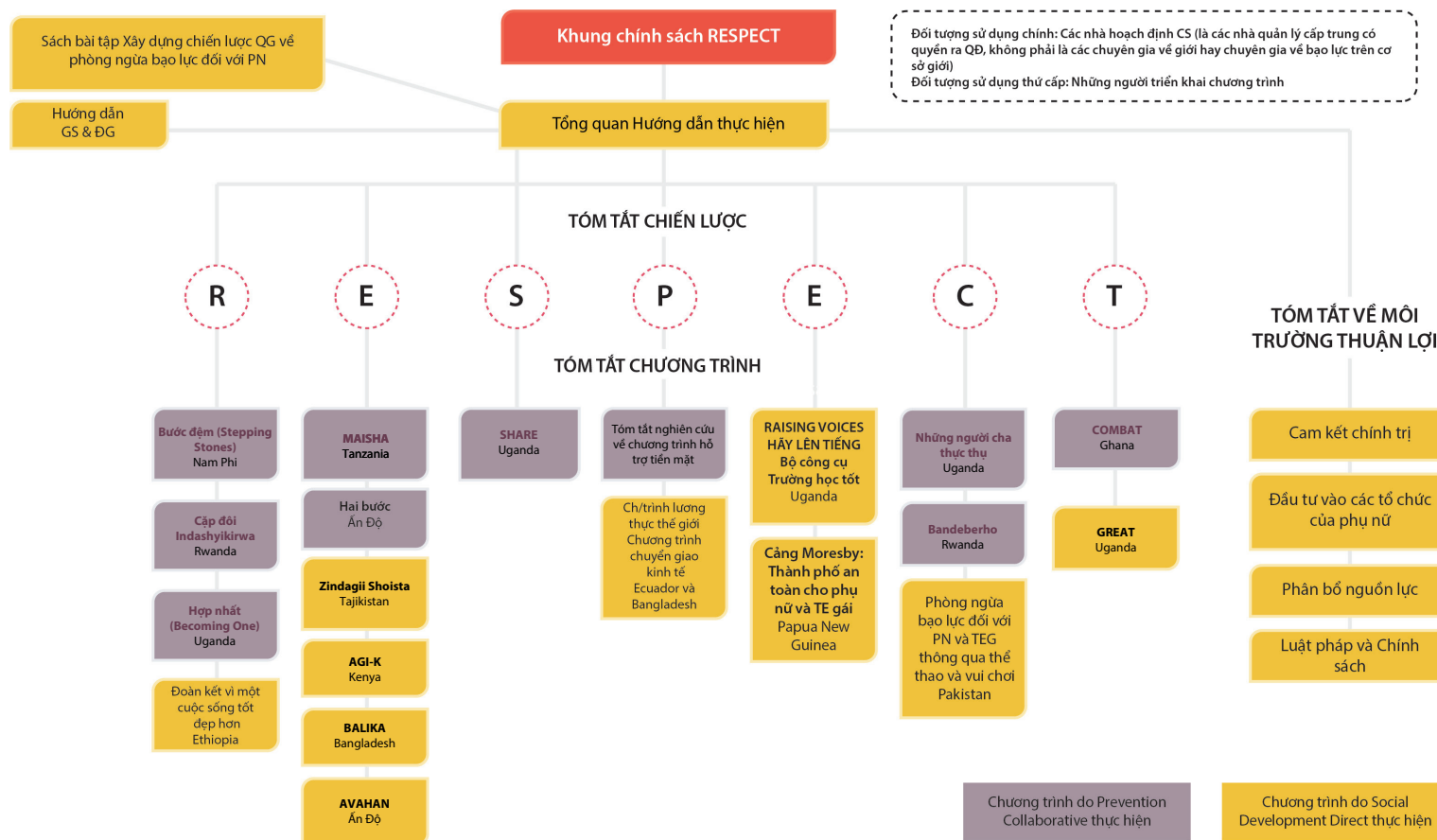
- **Tóm tắt chiến lược** của tất cả 7 chiến lược RESPECT.
- **Tóm tắt chương trình**, mỗi bản tóm tắt cung cấp tổng quan ngắn gọn về phương pháp tiếp cận và các hợp phần chương trình, cách phương pháp tiếp cận được thích ứng và bài học kinh nghiệm
- **Củng cố tài liệu về Môi trường thuận lợi với 4 bước chính** nhằm tăng cường môi trường thuận lợi cho công tác phòng ngừa: tăng cường cam kết chính trị, hỗ trợ các tổ chức vì quyền phụ nữ, củng cố pháp luật, chính sách và phân bổ nguồn lực.
- **Hướng dẫn Giám sát và Đánh giá (M&E)** đo lường tiến độ của công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ xét về mặt ngắn hạn và dài hạn.
- **Hướng dẫn và Bài tập Lập Kế hoạch Phòng ngừa quốc gia** xây dựng các chiến lược phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ ở cấp quốc gia và địa phương.

¹ Tham khảo thông tin về việc phân loại bằng chứng tại trang 7

⁸ Thao khảo, Murphy, M., Hess, T., Casey, J., và Minchew, H., (2019) [Tóm tắt tổng hợp. Những hoạt động nào sẽ giúp phòng ngừa bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em gái trong bối cảnh xung đột và nhân đạo](#). Chương trình “Những hoạt động nào sẽ giúp phòng ngừa bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em gái”

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

Sơ đồ dưới đây cho thấy cách mỗi tài liệu liên kết với nhau, đồng thời cung cấp thông tin của tất cả các tóm tắt chương trình hiện có⁹ do tổ chức Social Development Direct và tổ chức Prevention Collaborative¹⁰ xây dựng, là một phần của Hướng dẫn thực hiện chiến lược RESPECT



⁹ Tóm tắt chương trình do các tổ chức Social Development Direct và Prevention Collaborative thực hiện tính đến 31/07/2020.

¹⁰ Tóm tắt chương trình của tổ chức Prevention Collaborative tính đến tháng 7/2020.

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

3) CÁCH SỬ DỤNG CÁC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

3.1 Tóm tắt chiến lược



Như đã trình bày ở trên, khung Tôn trọng Phụ nữ dựa trên 7 chiến lược, với mỗi chữ cái đại diện cho một lĩnh vực hành động hoặc phương pháp tiếp cận. Cả 7 chiến lược là một phần của phương pháp tiếp cận toàn diện, trên toàn hệ thống nhằm phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ. Do có nhiều yếu tố nguy cơ và bảo vệ đối với vấn đề bạo lực đối với phụ nữ, ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy các can thiệp đa thành tố giải quyết một số yếu tố nguy cơ hiệu quả hơn các can thiệp một thành tố trong việc phòng ngừa bạo lực¹¹. Không nên coi 7 chiến lược là các thành tố riêng biệt. Các chương trình thành công thường triển khai các biện pháp can thiệp từ 2 trở lên trong số 7 chiến lược. Ví dụ, có những chương trình đề cập đến cả việc trao quyền cho phụ nữ và các kỹ năng xây dựng mối quan hệ; cũng có chương trình có mục tiêu tạo môi trường học đường an toàn, và thay đổi thái độ, niềm tin, định kiến của học sinh và giáo viên

về vấn đề bạo lực đối với phụ nữ.

Tóm tắt chiến lược được thiết kế để giúp người đọc hiểu cách ứng dụng thực tế từng chiến lược ở cấp quốc gia hoặc cấp địa phương, bao gồm cả việc xác định các hình thức can thiệp hiệu quả nhất có thể được thích ứng phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.

Nội dung của mỗi Tóm tắt Chiến lược	Mục đích
Mục tiêu của chiến lược	Tìm hiểu mục tiêu của chiến lược
Cơ sở lý luận	Hiểu được tại sao chiến lược này là một phần quan trọng trong nỗ lực giải quyết vấn đề bạo lực đối với phụ nữ
Yếu tố nguy cơ và Yếu tố bảo vệ	Xác định các yếu tố nguy cơ và yếu tố bảo vệ chính mà chiến lược đặt mục tiêu giải quyết
Lý thuyết về sự Thay đổi	Xem xét các đầu ra, kết quả đầu ra và tác động dự kiến chính của các can thiệp trong chiến lược này trên sơ đồ Lý thuyết về sự Thay đổi, sơ đồ có thể được phát triển và điều chỉnh thêm đối với các chương trình cụ thể
Mô hình can thiệp¹²	Tìm hiểu về các mô hình can thiệp thuộc chiến lược, bao gồm cả tóm tắt cơ sở bằng chứng hiện tại
Các chương trình tiêu biểu	So sánh các hợp phần cốt lõi của các chương trình khác nhau đã được chứng minh là làm giảm tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ trong khung thời gian chương trình có liên kết với các tóm tắt chương trình chuyên sâu hơn
Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai chương trình	Xác định các đặc điểm chính về thiết kế, thích ứng và triển khai các can thiệp thành công cùng với các bài học cốt yếu từ việc lập chương trình thành công, nêu bật cả những việc nên và không nên làm
Điểm khởi đầu	Xác định các điểm khởi đầu chính (theo ngành và không theo ngành) cho từng chiến lược với các mẫu chương trình
Tài liệu tham khảo hữu ích	Liên kết đến các tài liệu quốc tế chất lượng cao có sẵn bằng tiếng Anh cùng với tóm tắt của mỗi tài liệu






11 Fulu, E, Kerr-Wilson, A, và Lang, J (2015) Những hoạt động nào sẽ giúp phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái? Đánh giá bằng chứng của các can thiệp nhằm phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

12 Xin lưu ý rằng các can thiệp riêng lẻ đề cập trong các tóm tắt chiến lược và chương trình không phải là khuyến nghị mà chỉ là các ví dụ để các nhà hoạch định chính sách và các chủ thể khác có thể xem xét thực hiện trong bối cảnh của riêng họ vì kết quả của các can thiệp đã cho thấy tình trạng bạo lực đối với phụ nữ đã giảm ở những địa bàn đã triển khai can thiệp.

Chương trình dựa trên bằng chứng – Cách hiểu và áp dụng các can thiệp dựa trên bằng chứng

Việc phân loại các phương pháp can thiệp và các bằng chứng hiện có trong hướng dẫn này dựa trên **khung RESPECT**, trong đó các bằng chứng của các quốc gia có mức thu nhập thấp, trung bình và cao được đánh giá riêng. Việc xếp loại bằng chứng hầu hết dựa vào việc rà soát mang tính hệ thống các đánh giá can thiệp, phần lớn trong số đó sử dụng các thiết kế thử nghiệm bao gồm các phương pháp ngẫu nhiên, ngẫu nhiên theo cụm và bán thực nghiệm. Đối với một số chiến lược như các can thiệp của lĩnh vực tư pháp, các phương pháp đánh giá thay thế đã được công nhận là có thể phù hợp hơn bao gồm chuỗi thời gian, thiết kế quan sát và đa lĩnh vực. Đây là một lĩnh vực mới nổi và do đó, có nhiều khác biệt trong các nguyên tắc thiết kế và đánh giá nghiên cứu. Trong mọi trường hợp, các nguồn tài liệu đánh giá và nghiên cứu này được cung cấp như là tài liệu tham khảo trong mỗi bản tóm tắt chiến lược.

Đối với mỗi chiến lược, bằng chứng trong các phương pháp tiếp cận sẽ được đánh giá xem liệu có thuộc loại “có triển vọng”, “bằng chứng còn mâu thuẫn”, “cần thêm bằng chứng”, “không có bằng chứng” hoặc “không hiệu quả” hay không, dựa trên các tiêu chí sau ¹³:

-  **Có triển vọng:** Có trên 1 đánh giá cho thấy bạo lực đã giảm đáng kể
-  **Cần thêm bằng chứng:** Có trên 1 đánh giá cho thấy có cải thiện thể hiện ở kết quả đầu ra cấp độ trung gian có liên quan đến bạo lực
-  **Bằng chứng mâu thuẫn:** Các kết quả đánh giá tình trạng bạo lực mâu thuẫn nhau. Điều này thể hiện qua các nghiên cứu có tác động tích cực ở một số địa bàn nhưng lại không có tác động hoặc có tác động tiêu cực ở những địa bàn khác, biết rõ rằng mức độ tác động của can thiệp có thể phụ thuộc vào từng bối cảnh cụ thể.
-  **Không có bằng chứng:** Can thiệp chưa được đánh giá nghiêm túc
-  **Không hiệu quả:** Có trên 1 đánh giá cho thấy không có thay đổi về tình trạng bạo lực

¹³ Chúng tôi thừa nhận rằng những phân nhóm này là sự đơn giản hóa không tính đến tính chặt chẽ của các thiết kế nghiên cứu, phạm vi tổng thể của bằng chứng tích cực và tiêu cực mà chỉ tính đến việc nhóm các lĩnh vực lại thành loại.

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

3.2 Tóm tắt chương trình



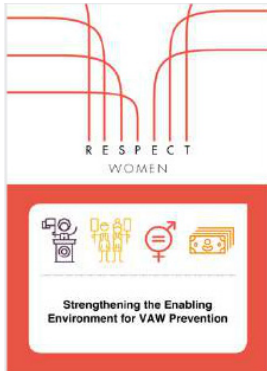
Mỗi chiến lược **RESPECT** đều liên kết với các tóm tắt chương trình, cung cấp thông tin chi tiết về những chương trình đã được chứng minh có tác động tiềm năng đến việc phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Tài liệu liên kết gồm có các tóm tắt chương trình được tổ chức Social Development Direct mới xây dựng và các tài liệu chương trình chất lượng cao của tổ chức Pre-vention Collaborative và của các tổ chức khác, nếu có. Trong mọi trường hợp, việc xây dựng các tóm tắt chương trình đều có sự hợp tác chặt chẽ của các đối tác thực hiện/đối tác lập chương trình ban đầu. Tiêu chí để tài liệu được liên kết là các chương trình đã được đánh giá và chứng minh về việc giảm tình trạng bạo lực đối với phụ nữ hoặc trẻ em gái vị thành niên một cách hiệu quả, đồng thời có sẵn tài liệu chi tiết bằng tiếng Anh về thiết kế và triển khai chương trình. Chúng tôi thừa nhận rằng phần lớn các tóm tắt là của một số nước Châu Phi và Nam Á và điều này không đại diện cho toàn bộ các chương trình hiệu quả về phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ trên toàn cầu. Đây là do tiêu chí lựa chọn của chúng tôi và cũng do thực tế là hiện nay Châu Phi, đặc biệt là Uganda và Nam Phi có một số lượng lớn các đánh giá về các chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ¹⁴.

Nội dung của từng Tóm tắt chương trình	Mục đích
Tóm lược chương trình	Có được cái nhìn tổng quan về chương trình bao gồm mục tiêu, phương pháp tiếp cận chính và địa bàn triển khai
Cơ sở xây dựng	Hiểu được cơ sở lý luận đằng sau chương trình và lý do xây dựng tóm tắt
Bối cảnh chương trình	Tìm hiểu về địa bàn xây dựng và triển khai chương trình
Mô tả chương trình	Tìm hiểu thêm về chương trình bao gồm các mục tiêu, (các) phương pháp tiếp cận và các loại hình can thiệp
Lý thuyết về sự thay đổi	Tìm hiểu về Lý thuyết về Thay đổi của chương trình hoặc lộ trình đã nêu nhằm giảm thiểu tình trạng bạo lực
Các thành tố cốt lõi	Tìm hiểu thêm về các điểm mấu chốt của chương trình bao gồm các bước chính và hoạt động trọng tâm, mức độ và thời gian, đối tượng tham gia và người hướng dẫn, ví dụ về các chương trình đã sử dụng, cũng như các nguyên tắc chính hướng dẫn thực hiện chương trình
Giám sát và Đánh giá	Tìm hiểu xem chương trình được giám sát và đánh giá như thế nào, bao gồm cả minh chứng về tác động của chương trình đối với việc phòng ngừa bạo lực cũng như các kết quả tích cực khác
Bài học kinh nghiệm	Hiểu rõ về các bài học kinh nghiệm rút ra từ chương trình, bao gồm những khía cạnh đã đóng góp vào kết quả chương trình, chương trình có thể được cải thiện và duy trì thay đổi như thế nào, cũng như các bài học liên quan đến việc nhân rộng và thích ứng chương trình trong bối cảnh khác
Link đến các tài liệu tham khảo khác	Tìm hiểu thêm các thông tin về chương trình gồm có báo cáo và công cụ đánh giá

14 Kerr-Wilson, A.; Gibbs, A.; McAslan Fraser E.; Ramsoomar, L.; Parke, A.; Khuwaja, HMA.; and Rachel Jewkes (2020). Đánh giá toàn cầu các bằng chứng can thiệp nhằm phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, Chương trình toàn cầu "Những hoạt động nào sẽ giúp phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái", Pretoria, Nam Phi

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

3.3 Tóm tắt về Môi trường thuận lợi



Cần tạo ra và tăng cường môi trường thuận lợi cho việc phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ để đảm bảo tính hiệu quả của các chiến lược RESPECT trong các bối cảnh quốc gia khác nhau. Tài liệu về Môi trường thuận lợi bao gồm một bộ bốn tóm tắt ngắn cùng đưa ra tổng quan về cách xây dựng, củng cố và duy trì một môi trường thuận lợi cho công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Mỗi bản tóm tắt có cấu trúc tương tự như nhau:

Nội dung của mỗi Tóm tắt Chiến lược	Mục đích
Mục tiêu	Tham khảo nhanh mục tiêu của từng bước
Cơ sở lý luận	Hiểu được tại sao yếu tố Môi trường thuận lợi lại quan trọng đối với công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ
Một số lưu ý chính đối với các nhà hoạch định chính sách	Tìm hiểu thêm về một số lưu ý chính để tăng cường yếu tố môi trường thuận lợi
Nghiên cứu tình huống	Tham khảo một ví dụ để thấy yếu tố Môi trường thuận lợi đã hỗ trợ phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ như thế nào
Tài liệu tham khảo	Liên kết đến các nguồn tài liệu chất lượng cao



TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

3.4 Hướng dẫn Giám sát & Đánh giá (GS&ĐG)



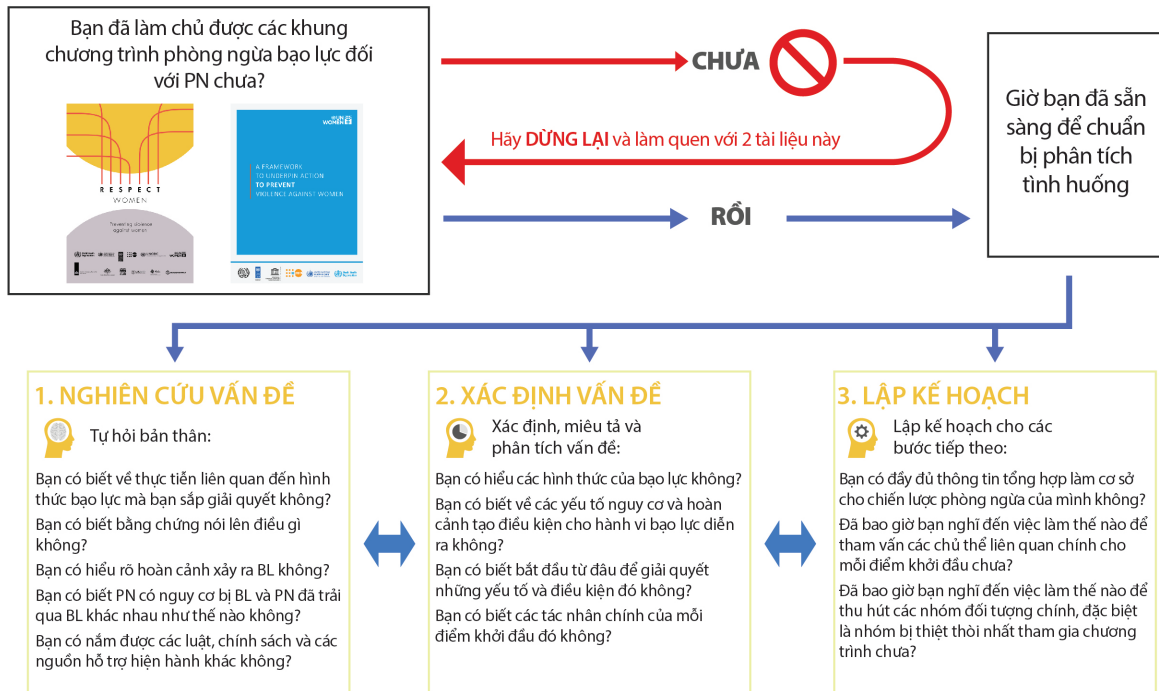
Bản Hướng dẫn Giám sát và Đánh giá (GS&ĐG) kèm theo trình bày Tóm tắt hướng dẫn chủ đạo về các chiến lược đối với chương trình giám sát và đánh giá về phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Tóm tắt bao gồm hướng dẫn về cách xây dựng và thực hiện các chỉ số GS&ĐG cho 7 chiến lược RESPECT cũng như cách thực hiện GS&ĐG an toàn và tuân thủ các tiêu chuẩn về đạo đức.

Hướng dẫn GS&ĐG không phải là một tài liệu GS&ĐG toàn diện mà là Tóm tắt hướng dẫn được sử dụng cùng với Tóm tắt chiến lược RESPECT và danh sách các nguồn tài liệu tham khảo hữu ích để có thêm thông tin và hướng dẫn.

Nội dung Hướng dẫn GS&ĐG	Mục đích
Tổng quan về tầm quan trọng của GS&ĐG đối với chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ	Hiểu rõ vai trò của hoạt động Giám sát và Đánh giá trong chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ
Khung GS&ĐG về phòng ngừa bạo lực đối với PN	Nắm rõ các bước cần thiết trong việc xây dựng và thực hiện khung Giám sát và Đánh giá
Bảng kết quả đầu ra và chỉ số cho các chiến lược RESPECT	Xác định được các kết quả mục tiêu đầu ra theo từng chiến lược; tìm ví dụ về các chỉ số có thể sử dụng và thích ứng để đo lường những kết quả này; đồng thời hiểu rõ chỉ số sẽ được sử dụng như thế nào
Đạo đức trong nghiên cứu và đánh giá công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ	Hiểu và có thể giảm nhẹ những thách thức chính về đạo đức và an toàn trong nghiên cứu và đánh giá công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ
Tài liệu tham khảo	Liên kết đến các nguồn tài liệu tham khảo chất lượng cao

3.5 Hướng dẫn và Bài tập Lập Kế hoạch cho công tác phòng ngừa BLPN Quốc gia

Hướng dẫn và Bài tập (kèm theo) Lập Kế hoạch Quốc gia giới thiệu các nguồn tài liệu và công cụ để các nhà hoạch định chính sách chuyển các cam kết quốc tế và khu vực của quốc gia mình về việc chấm dứt mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ thành chính sách và chương trình quốc gia. Sách bài tập cung cấp các bài tập để hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách đánh giá và lập kế hoạch chương trình quốc gia phòng ngừa bạo lực tại quốc gia sở tại. Sau khi làm quen với Khung chiến lược RESPECT và Khung hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ của UN Women, các nhà hoạch định chính sách sẽ được hỏi một loạt câu hỏi để chắc chắn là họ đã quen thuộc với các nguyên tắc chủ đạo theo ba bước chính:



1. Nghiên cứu các hình thức bạo lực khác nhau trong bối cảnh cụ thể và các luật, chính sách, nguồn lực cụ thể hiện nay.
2. Xác định các yếu tố nguy cơ góp phần gây ra bạo lực và các điểm khởi đầu cũng như các tác nhân của từng điểm khởi đầu để giải quyết các yếu tố này.
3. Lập chiến lược làm thế nào để tham vấn các bên liên quan chính cho từng điểm bắt đầu cũng như cách thu hút các nhóm đối tượng chính và nhóm đối tượng bị thiệt thòi nhất tham gia chương trình.

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

Phụ lục A: Nhân rộng can thiệp

Một số lưu ý đối với việc nhân rộng các can thiệp hiệu quả

Hoạt động nhân rộng mô hình can thiệp bao gồm việc đầu tư vào một phương pháp can thiệp đã được chứng minh là có hiệu quả trong việc giảm bạo lực đối với phụ nữ để tăng tác động của phương pháp này. Nhân rộng không chỉ là tăng 'phạm vi tiếp cận' (nhiều người hơn hoặc nhiều nhóm hơn); mà còn nhằm tăng cường tính bền vững hoặc "tính chuyên sâu" của các kết quả can thiệp, ví dụ như tiếp cận các nhóm khác nhau hoặc nhóm bị thiệt thòi trong một cộng đồng nơi can thiệp đã được thực hiện có hiệu quả. Khi cân nhắc liệu có nên "nhân rộng" can thiệp hay không thì nên nhân rộng cả tác động mong đợi chứ không chỉ nhân rộng mỗi can thiệp không thôi. Có nhiều cách nhân rộng, bên cạnh việc triển khai can thiệp thí điểm dành cho nhiều cộng đồng hơn (xem hộp Một số phương thức nhân rộng).

Một số phương thức nhân rộng:

- **Nhân rộng theo chiều ngang:** mở rộng số lượng người hưởng lợi từ can thiệp tại một địa bàn nhất định hoặc thích ứng và triển khai can thiệp tại những địa bàn mới.
- **Nhân rộng theo chiều dọc:** vận động chính trị, chính sách, pháp luật và hoạt động huy động sự tham gia trong khuôn khổ chương trình; bao gồm cả các hoạt động với mục tiêu can thiệp sẽ được chính phủ (hoặc đơn vị có thẩm quyền) thể chế hóa thành các chiến lược/ hành động quốc gia/địa phương.
- **Nhân rộng về mặt chức năng:** bổ sung các thành tố mới vào các chương trình và dịch vụ hiện hành.
- **Nhân rộng về mặt tổ chức:** nâng cao vai trò và năng lực của (các) tổ chức xây dựng can thiệp và/ hoặc tạo các mối quan hệ đối tác mới.
- **Nhân rộng qua bằng chứng và học hỏi kinh nghiệm:** đầu tư vào việc học hỏi kinh nghiệm và nghiên cứu về can thiệp cấp địa phương, quốc gia và quốc tế.

Nguồn: K4D (2019) Guidance Note on Scaling Up Social Norm Change

Các lưu ý chính đối với hoạt động nhân rộng

Một số thách thức chính trong việc nhân rộng chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, đặc biệt liên quan đến các can thiệp thay đổi định kiến xã hội bao gồm:

1. Duy trì chất lượng và mức độ can thiệp. Điều này yêu cầu phải có kiến thức và xác định được các yếu tố thiết yếu của một can thiệp, đồng thời đảm bảo tính chính xác của các yếu tố này khi can thiệp được nhân rộng. Áp lực rút ngắn thời gian hoặc giảm mức độ để phù hợp với nguồn kinh phí sẵn có có thể đồng nghĩa với việc các can thiệp đã được nhân rộng không thể lặp lại phương pháp tiếp cận hiệu quả ban đầu và điều này sẽ khiến phụ nữ và trẻ em gái có nguy cơ bị tổn hại.
2. Có ít bằng chứng về cách các can thiệp phức hợp có thể được nhân rộng cũng như hiểu biết hạn chế về cách nhân rộng can thiệp trong các bối cảnh mới hoặc đang thay đổi.¹⁵
3. Hiểu cách thức các chủ thể quốc tế (bao gồm cả các tổ chức quốc tế) có thể có hỗ trợ phù hợp đối với thay đổi liên quan đến các vấn đề nhạy cảm về chính trị, xã hội và ảnh hưởng đến các khía cạnh rất cá nhân trong cuộc sống của người khác.¹⁶

Do đó, điều quan trọng là phải xem xét những yếu tố này khi nhân rộng chương trình để đảm bảo hiệu quả và đạo đức của chương trình¹⁷:

- **Giữ nguyên các yếu tố cốt lõi của phương pháp luận ban đầu** - chương trình thay đổi định kiến xã hội không chỉ đơn thuần là một tập hợp các hoạt động mà cần phải có hệ thống và có cơ sở lý thuyết với các khía cạnh có cấu trúc chính để cùng nhau tạo nên một phương pháp tiếp cận hiệu quả. Bỏ qua bất kỳ yếu tố nào trong số này có thể ảnh hưởng đến thành công của chương trình và cũng có thể gây hại cho cộng đồng, điều đặc biệt quan trọng là phải đảm bảo rằng các can thiệp vẫn mang tính chuyển đổi trong thay đổi các mối quan hệ quyền lực về giới.

¹⁵ Gargani, J. & McLean, R. (2017). Scaling science. Stanford Social Innovation Review, Fall.

¹⁶ Harper, C., Jones, N., Ghimire, A., Marcus, R., & Kyomuhendo Bantebya, G. (Eds.) (2018). Trao quyền cho trẻ em gái vị thành niên tại các nước đang phát triển. Công bằng giới và thay đổi định kiến. London & New York, NY: Routledge

¹⁷ Community for Understanding Scale Up (CUSP), (2018) "Thay đổi định kiến xã hội trên quy mô rộng: Tổng hợp kiến thức của CUSP" CUSP 2018 Tập hợp nghiên cứu tình huống, Community for Understanding Scale Up.

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

- **Trao đổi, làm việc với các bên khởi xướng mô hình** - các tổ chức đề ra phương pháp luận là các chủ thể được trang bị nhiều thông tin, kiến thức dựa trên kinh nghiệm làm việc của họ, và do đó họ đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo thích ứng các chương trình với bối cảnh mới. Lý tưởng nhất là tham vấn các chủ thể này trong cả quá trình thích ứng và nhân rộng chương trình.
- **Làm việc với các đối tác hoạt động theo các giá trị cốt lõi** - khi thực hiện nhân rộng chương trình, các chủ thể có xu hướng làm việc với một tổ chức có phạm vi tiếp cận và năng lực cao, nhưng thường thì tổ chức đó không có cam kết cần thiết đối với quyền của phụ nữ hoặc không có kinh nghiệm trong chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Có thể sẽ tốt hơn nếu hỗ trợ một số đối tác có quy mô nhỏ hơn, là những bên sẵn sàng dành thời gian để hỗ trợ nhân viên của họ, bao gồm cả công tác lãnh đạo, để suy ngẫm về vấn đề bạo lực, quyền lực và các mối quan hệ trong cuộc sống của nhân viên cũng như trong tổ chức.
- **Đảm bảo đủ thời gian, mức độ và kinh phí cho chương trình** - ngay cả khi các can thiệp đã được chứng minh có hiệu quả, quan trọng là phải phân bổ đủ thời gian để bắt đầu và thực hiện, bao gồm cả thích ứng các can thiệp với bối cảnh mới, đồng thời đầu tư nguồn lực vào đào tạo và hỗ trợ những đối tác mới, nhân viên thực địa và các nhà hoạt động cộng đồng. Kinh phí phải đáp ứng được quy mô của mục tiêu.
- **Đảm bảo trách nhiệm giải trình với cộng đồng và người tham gia chương trình** - trách nhiệm giải trình vẫn rất quan trọng khi hoạt động ở quy mô lớn, nhất là khi có rủi ro cao về chất lượng chương trình. Trách nhiệm giải trình yêu cầu cộng đồng hiểu rõ và tham gia nghiêm túc vào việc lập kế hoạch, thực hiện và giám sát chương trình thay đổi các định kiến xã hội.
- **Không gây hại** - theo dõi chặt chẽ các hậu quả không mong muốn của chương trình để đảm bảo không gây hại. Vẫn có những rủi ro về phản ứng dữ dội đối với phụ nữ và các can thiệp khi các cấu trúc quyền lực hiện có bị thách thức, và những rủi ro này tăng lên khi hoạt động ở quy mô lớn.

Hướng dẫn tham khảo bổ sung về nhân rộng hoạt động:

[Community for Understanding Scale Up \(CUSP\)](#)¹⁸ đưa ra hướng dẫn hữu ích về cách thức nhân rộng thành công các can thiệp thay đổi định kiến xã hội. CUSP là một nhóm gồm 9 tổ chức¹⁸ với bề dày thành tích trong việc xây dựng và thích ứng các phương pháp luận về thay đổi các định kiến xã hội trên toàn cầu.

[ExpandNet](#), một mạng lưới toàn cầu với sự tham gia của các cá nhân từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các cơ sở nghiên cứu và học thuật, các bộ và dự án của chính phủ, đã công bố một loạt các nguồn lực để nhân rộng việc cung cấp dịch vụ y tế. Phương pháp này dựa trên kinh nghiệm thử nghiệm sâu rộng với các Bộ Y tế/cơ quan chăm sóc sức khỏe sinh sản ở nhiều nước. Phương pháp tiếp cận đã được sử dụng ngoài các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, bao gồm cả việc nhân rộng các can thiệp về thay đổi định kiến xã hội.

[K4D Tài liệu hướng dẫn nhân rộng chương trình thay đổi định kiến xã hội](#) giới thiệu cách Bộ Phát triển quốc tế Anh (DFID) hỗ trợ việc nhân rộng các phương pháp tiếp cận toàn diện trước sự thay đổi xã hội phức tạp dành cho các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương như thế nào. Tài liệu xem xét cách nhân rộng các phương pháp tiếp cận nhằm thay đổi những định kiến xã hội là cơ sở của các hành vi ngăn cản nhất là phụ nữ, trẻ em gái và người khuyết tật tham gia và hưởng lợi bình đẳng từ sự phát triển và các can thiệp phát triển. Bốn bản tóm tắt đi kèm cung cấp thêm thông tin và ví dụ thực tế về (1) các khái niệm và nguồn lực; (2) các phương thức nhân rộng; (3) nguồn lực và hiệu quả chi phí của việc nhân rộng; và (4) quản lý và giám sát rủi ro.

Mạng lưới [Hợp tác học tập để Thúc đẩy thay đổi định kiến](#), do Viện Sức khỏe sinh sản thuộc Đại học Georgetown và tổ chức Sức khỏe gia đình 360 (FHI 360) đồng chủ trì, có một tập hợp các nguồn tài liệu và công cụ về lý thuyết, đo lường và thực hành định kiến xã hội, bao gồm cả hoạt động nhân rộng.

18 Trung tâm Phòng ngừa Bạo lực Gia đình (CEDOVIP), Chương trình can thiệp với nguồn tài chính vi mô dành cho các hoạt động phòng chống AIDS và Bình đẳng giới (IMAGE), Viện Sức khỏe Sinh sản thuộc Đại học Georgetown, Chiến dịch "We Can" (Chúng ta có thể) do tổ chức Oxfam khởi xướng, các tổ chức Puntos de Encuentro, Raising Voices (Hãy lên tiếng), Salamander Trust, Công bằng Giới Sonke và Tostan

TỔNG QUAN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI

Phụ lục B: Lời cảm ơn

Gói tài liệu này do UN Women thực hiện dưới sự hướng dẫn chung của Bà Dina Deligiorgis, Chuyên gia chính sách về Chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ cùng với sự hỗ trợ của Cô Hira Azhar trong công tác nghiên cứu, thiết kế và biên tập.

Gói tài liệu do một nhóm chuyên gia của tổ chức Social Development Direct xây dựng.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ và ý kiến đóng góp của đồng đảo các nhà nghiên cứu, những người thực hiện chương trình, các nhà hoạch định chính sách và các nhà tài trợ trong lĩnh vực phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ - những người chúng tôi đã tham vấn và đã đóng góp những ý kiến vô giá cho tất cả các tài liệu của chúng tôi.

Nhóm chuyên gia của Social Development Direct

Jenny Holden (Trưởng nhóm), Alice Kerr-Wilson (Chuyên gia tư vấn cấp cao/Trưởng nhóm), Lyndsay McLean (Chuyên gia tư vấn cấp cao), Erika Fraser (Chuyên gia kỹ thuật cấp cao), Kate Bishop (Giám đốc Kỹ thuật), Veronica Ahlenback (Chuyên gia kỹ thuật), Julianne Corboz (Chuyên gia tư vấn cấp cao), Maria Vlahakis (Chuyên gia tư vấn), Sharene Wakefield (Cán bộ Dự án), Liliana Pawerová (Cán bộ Dự án). Và Clare Daniels thuộc tổ chức csidedesign Limited.

Nhóm chuyên gia của UN Women

Dina Deligiorgis (Chuyên gia Chính sách, Chấm dứt bạo lực đối với Phụ nữ), Hira Azhar (Chuyên gia tư vấn Phân tích chính sách, Chấm dứt bạo lực đối với Phụ nữ).

Nhóm cố vấn nòng cốt

Avni Amin and Claudia Garcia-Moreno (WHO), Shruti Majumdar (UN Trust Fund to Prevent Violence against Women), Lori Heise (The Prevention Collaborative/ John Hopkins University), Upala Devi (UNFPA).

Các chuyên gia đánh giá Chiến lược

Erin Stern, Ritha Nyiratunga, Alice Welbourne, Gunnur Karakurt, Karen Austrian, Laura Washington, Lufuno Muvhango, Lusungu Kalanga, Sajata Tuladhar, Manuela Colombini, Andy Gibbs. Amber Peterman, Joanna Herat, Takudzwa Kanyang-arara, Kalpana Viswanath, Laura Capobianco, Lizzette Sotelo, Clara Alemann. Lina Digolo, Alessandra Guedes, Lori Michau, Tina Musuya, Rebecka Lundgren, Mary Ellsberg, Rachel Jewkes, Emma Fulu, Sarah Homan, Emily Esplen, Lina Abirafeh.

Các chuyên gia đánh giá Tóm tắt Chương trình

Amber Peterman, Shalini Roy, Dipak Naker, Mastula Nakiboneka, Hassan Mulusi, Karen Austrian, Lizzette Soria Sotelo, Laura Capobianco, Atta Muhammad, Ali Khayam, Henri Myrntinen, Shahribonu Shonasimova, Vandana Sharma, Jessica Leight, Rebecka Lundgren, Callie Simon, Sajeda Amin, Tara Beattie, Parinita Bhattacharjee, Satyanarayana Ramanaik.

Các chuyên gia đánh giá Tài liệu hội thảo

Sharon Kalima Nkhawaz (ArtGlow Malawi); Yandura Chipeta (ActionAid Malawi); Lusungu Kalanga (DFID Malawi Tithetse Nkhanza Violence against Women and Girls programme); Parvina Muhamed Khojaeva (UNICEF); Gertrude Samati Chitika (UN Women/ Spotlight); Teemar Kidane (UN/ Spotlight); Dr Y.K. Sandhya (Sahayog India); Sejuti Basu (Pragya); Rashmi Singh (PCVC); Shruti Majumdar (UN Trust Fund); Anju Pandey (UN Women India); Abhilasha Sood (UN Women India), Clare Skinner (UN Women); Hira Azhar (UN Women).

Các chuyên gia có bài trình bày tại hội thảo

Suhail Abualsameed, Daniel Costa Lima, Julianne Corboz, Lina Digolo, Constanza Hege, Kamani Jinadasa, Lusungu Kalanga, Sosena Lemma, Ruti Levto, Dominique Maidment, Shruti Majumdar, Nadia Masri-Pedersen, Lyndsay McLean, Wangechi Wachira.

Các đối tác và nhà tài trợ

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tổ chức Prevention Collaborative đã hợp tác và hỗ trợ việc cung cấp và điều chỉnh các tài liệu khác nhau trong đó có các tóm tắt chương trình, bài trình bày và các bài tập hội thảo.

Chúng tôi cũng xin được trân trọng cảm ơn Chính phủ Úc đã hỗ trợ tài chính để chúng tôi xây dựng Hướng dẫn thực hiện phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ theo chiến lược RESPECT.

Chú thích:

¹Thuật ngữ Bạo lực đối với Phụ nữ được sử dụng ở đây và trong các tài liệu hướng dẫn thực hiện khung chiến lược RESPECT để cập đến bạo lực do nam giới gây ra đối với trẻ em gái vị thành niên và phụ nữ trưởng thành.

²UNITE, UN Women khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (2019) [Understanding the Costs of Violence against Women](#)

³Garcia-Moreno, C., Watts, C., (2011) [Violence against women: an urgent public health priority](#). Bản tin của Tổ chức Y tế thế giới 2011;89:2-2. doi: 10.2471/BLT.10.085217

⁴WHO, LSTHM, SA MRC (2013) [Global and regional estimates of violence against women: prevalence and health effects of intimate partner violence and non-partner sexual violence](#)

⁵UN Women, Trung tâm kiến thức trực tuyến về Bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em gái (2010) [Consequences and Costs](#)

⁶Bao gồm các tổ chức: UNFPA, UNODC, UNDP, OHCHR, Ngân hàng thế giới, và Chính phủ các nước Úc, Canada, Hà Lan, Thụy Điển, Anh và Mỹ

⁷Các tổ chức của phụ nữ ở đây đề cập đến các tổ chức hoạt động về Quyền của phụ nữ bao gồm các hoạt động phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và thường dựa trên các nguyên tắc nữ quyền (tham khảo tài liệu riêng về Tăng cường Môi trường thuận lợi).

⁸Thao khảo, Murphy, M., Hess, T., Casey, J., và Minchew, H., (2019) [What Works to Prevent VAWG in Conflict and Humanitarian Settings. Synthesis Brief](#). Chương trình “Những hoạt động nào sẽ giúp phòng ngừa bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em gái”

⁹Tóm tắt chương trình do các tổ chức Social Development Direct và Prevention Collaborative thực hiện tính đến 31/07/2020.

¹⁰Tóm tắt chương trình của tổ chức Prevention Collaborative tính đến tháng 7/2020.

¹¹Fulu, E, Kerr-Wilson, A, và Lang, J (2015) What works to prevent violence against women and girls? Evidence Review of interventions to prevent violence against women and girls.

¹²Xin lưu ý rằng các can thiệp riêng lẻ đề cập trong các tóm tắt chiến lược và chương trình không phải là khuyến nghị mà chỉ là các ví dụ để các nhà hoạch định chính sách và các chủ thể khác có thể xem xét thực hiện trong bối cảnh của riêng họ vì kết quả của các can thiệp đã cho thấy tình trạng bạo lực đối với phụ nữ đã giảm ở những địa bàn đã triển khai can thiệp.

¹³Chúng tôi thừa nhận rằng những phân nhóm này là sự đơn giản hóa không tính đến tính chặt chẽ của các thiết kế nghiên cứu, phạm vi tổng thể của bằng chứng tích cực và tiêu cực mà chỉ tính đến việc nhóm các lĩnh vực lại thành loại.

¹⁴Kerr-Wilson, A.; Gibbs, A.; McAslan Fraser E.; Ramsoomar, L.; Parke, A.; Khuwaja, HMA.; and Rachel Jewkes (2020). *A rigorous global evidence review of interventions to prevent violence against women and girls*, Chương trình toàn cầu “Những hoạt động nào sẽ giúp phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái”, Pretoria, Nam Phi

¹⁵Gargani, J. & McLean, R. (2017). Scaling science. Stanford Social Innovation Review, Fall.

¹⁶Harper, C., Jones, N., Ghimire, A., Marcus, R., & Kyomuhendo Bantebya, G. (Eds.) (2018). Empowering adolescent girls in developing countries. Gender justice and norm change. London & New York, NY: Routledge

¹⁷Community for Understanding Scale Up (CUSP), (2018) “Social Norm Change at Scale: CUSP’s Collective Insights” CUSP 2018 Case Study Collection, Community for Understanding Scale Up.

¹⁸Trung tâm Phòng ngừa Bạo lực Gia đình (CEDOVIP), Chương trình can thiệp với nguồn tài chính vi mô dành cho các hoạt động phòng chống AIDS và Bình đẳng giới (IMAGE), Viện Sức khỏe Sinh sản thuộc Đại học Georgetown, Chiến dịch “We Can” (Chúng ta có thể) do tổ chức Oxfam khởi xướng, các tổ chức Pontos de Encuentro, Raising Voices (Hãy lên tiếng), Salamander Trust, Công bằng Giới Sonke và Tostan

© UN Women 2020

Tài liệu này là một phần trong Hướng dẫn thực hiện Khung TÔN TRỌNG PHỤ NỮ, do UN Women thuê thực hiện và do Tổ chức Social Development Direct xây dựng, có thể truy cập tài liệu này [tại đây](#).

Chú thích đề xuất: Hướng dẫn Giám sát và Đánh giá Khung TÔN TRỌNG PHỤ NỮ của UN Women và Tổ chức Social Development Direct (2020).



T Ô N T R Ọ N G
PHỤ NỮ

TÓM TẮT
CHIẾN LƯỢC

**Tăng cường kỹ năng
xây dựng mối quan hệ**

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Tăng cường kỹ năng xây dựng mối quan hệ

MỤC ĐÍCH CỦA CHIẾN LƯỢC : Nâng cao kỹ năng của nam giới, phụ nữ và các cặp vợ chồng trong giao tiếp giữa các cá nhân, quản lý xung đột và ra quyết định chung có sự đồng thuận.

Cơ sở lý luận

Cách thức tương tác trong mối quan hệ có thể vừa là yếu tố nguy cơ, vừa là yếu tố bảo vệ đối với vấn đề bạo lực đối với phụ nữ.¹ Phụ nữ có nhiều khả năng bị bạo lực trong các mối quan hệ tình cảm với với biểu hiện của bất bình đẳng quyền lực và kiểm soát hành vi, hoặc khi một trong hai bên có thái độ hoặc niềm tin dung túng bạo lực trong các mối quan hệ. Mặt khác, phụ nữ ít có khả năng bị bạo lực do bạo tình gây ra hơn trong các mối quan hệ có giao tiếp tốt với nhau, cả hai bên đều có thái độ bình đẳng về giới và có quyền ra quyết định bình đẳng, ngay cả trong việc chi tiêu.² Trong nhiều hoàn cảnh, mối quan hệ không tốt đẹp với nhà chồng/vợ có thể là yếu tố nguy cơ chính của việc bị bạo lực.³

Làm việc với các cặp vợ chồng và các thành viên trưởng thành khác trong hộ gia đình, tính cả hoàn cảnh người đàn ông có nhiều vợ, tạo cơ hội đặc biệt để tăng cường các mối quan hệ, bằng cách giải quyết sự mất cân bằng quyền lực và bất bình đẳng giới giữa các thành viên gia đình.

Chiến lược này dành cho cả các cặp vợ chồng chính thức và không chính thức, với sự ghi nhận rằng dù có thể khó tiếp cận các mối quan hệ tình cảm không chính thức, nhưng bạo lực vẫn thể xảy ra - nếu không muốn nói là khó để giải quyết hơn khi mối quan hệ không công khai và không có đăng ký kết hôn để bảo vệ các quyền của phụ nữ. Chiến lược tập trung vào các mối quan hệ của người trưởng thành, cùng hướng dẫn sâu hơn về các phương pháp tiếp cận hiệu quả khi làm việc với các gia đình và trẻ vị thành niên (nghĩa là để giải quyết bạo lực khi hện hò), hướng dẫn có trong các **Tóm tắt Chiến lược thuộc Khung Tôn trọng phụ nữ về Tạo môi trường an toàn và Phòng ngừa bạo lực với trẻ em và trẻ vị thành niên.**

Yếu tố nguy cơ và yếu tố bảo vệ:

Mục đích của chiến lược này là nhằm giải quyết các yếu tố nguy cơ và thúc đẩy các yếu tố bảo vệ đối với bạo lực đối với phụ nữ sau đây:

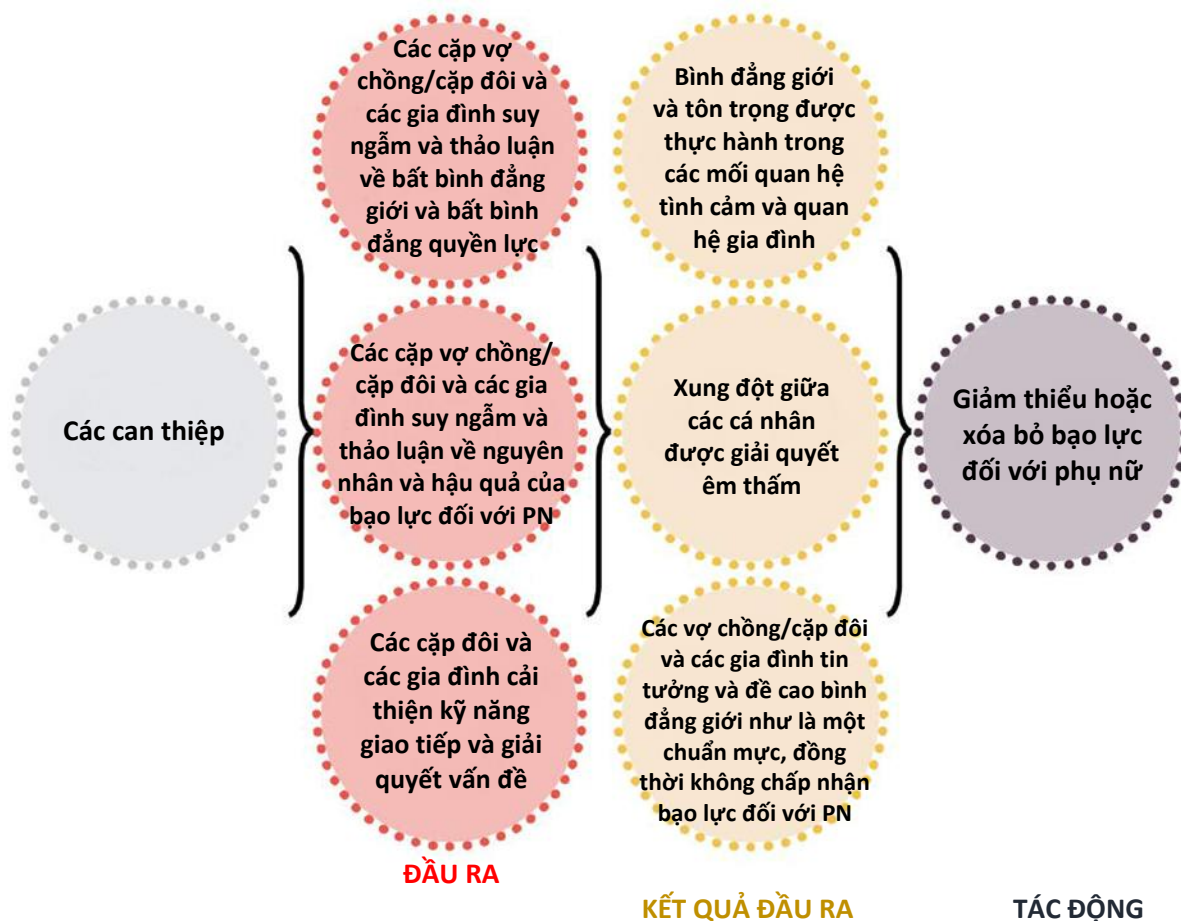
Cấp độ	Yếu tố nguy cơ	Yếu tố bảo vệ
Cá nhân	<p>Thái độ và thực hành dung túng hoặc biện minh cho bạo lực coi đó là bình thường hoặc có thể chấp nhận được (nam giới và phụ nữ).</p> <p>Sự tự tin vào năng lực bản thân và lòng tự tôn thấp (phụ nữ).</p> <p>Thời thơ ấu bị bạo lực và / hoặc tiếp xúc với bạo lực trong gia đình (phụ nữ và nam giới).</p>	<p>Thái độ và thực hành bình đẳng giới (phụ nữ và nam giới).</p> <p>Sự tự tin vào năng lực bản thân và lòng tự tôn cao (phụ nữ).</p> <p>Thời thơ ấu chứng kiến cách giao tiếp và giải quyết xung đột phi bạo lực (phụ nữ và nam giới).</p>
Liên cá nhân	<p>Mức độ bất bình đẳng cao trong các mối quan hệ tình cảm và trong mối quan hệ với nhà chồng.</p> <p>Giao tiếp kém, kỹ năng giải quyết xung đột và giải quyết vấn đề không hiệu quả.</p>	<p>Các mối quan hệ tình cảm và quan hệ gia đình có đặc điểm bình đẳng giới, trong đó có việc ra quyết định chung và chia sẻ trách nhiệm gia đình.</p> <p>Kỹ năng xây dựng mối quan hệ giúp giảm thiểu các tác nhân gây bạo lực (ví dụ: giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng giao tiếp).</p>
Cộng đồng	<p>Các định kiến giới có hại để cao đặc quyền của nam giới và hạn chế quyền tự chủ của phụ nữ.</p> <p>Tỷ lệ nghèo đói và thất nghiệp cao tạo ra căng thẳng trong các mối quan hệ.</p>	<p>Các chuẩn mực xã hội ủng hộ phi bạo lực, tôn trọng sự đa dạng và bình đẳng giới cũng như thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ.</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Lý thuyết về sự thay đổi

Sơ đồ sau đây cung cấp một lý thuyết được đơn giản hóa về sự thay đổi chứng minh cách các can thiệp dựa trên bằng chứng có thể dẫn đến việc giảm bạo lực đối với phụ nữ một cách bền vững thông qua việc củng cố các mối quan hệ. Cần xây dựng và điều chỉnh thêm đối với từng chương trình cụ thể. Bằng chứng cho thấy rằng việc sử dụng đồng thời một số chiến lược và cùng làm việc ở nhiều điểm khởi đầu có thể giúp tối đa hóa tác động của can thiệp.⁴






R: Tăng cường kỹ năng xây dựng mối quan hệ



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Loại can thiệp

Các can thiệp theo chiến lược này nhằm trang bị cho nam giới và phụ nữ các kỹ năng xây dựng mối quan hệ quan trọng để giao tiếp và thương lượng với vợ/chồng/bạn tình và các thành viên khác trong gia đình (ví dụ như mẹ chồng), quản lý các yếu tố gây bạo lực và áp dụng các biện pháp thay thế phi bạo lực tích cực. Bảng sau đây trình bày hai loại can thiệp được đề cập trong Khung chiến lược RESPECT, đồng thời cung cấp tổng quan ngắn gọn về cơ sở bằng chứng⁵ và các chương trình tiêu biểu ở một số quốc gia.

CHÚ THÍCH	 nhiều triển vọng , > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy tình trạng giảm thiểu tỷ lệ bạo lực	 cần thêm bằng chứng , > 1 đánh giá kết quả đầu ra trực tiếp cho thấy có cải thiện liên quan đến bạo lực	 mâu thuẫn , đánh giá cho thấy kết quả mâu thuẫn trong việc giảm thiểu tỷ lệ bạo lực	 không hiệu quả , > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy bạo lực không giảm
			 không có bằng chứng, can thiệp chưa được đánh giá nghiêm túc, khoa học	H NHTG Nước có mức thu nhập cao L NHTG Nước có mức thu nhập thấp và trung bình

Loại can thiệp	Mô tả	Bằng chứng của tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Hội thảo theo nhóm với phụ nữ và nam giới nhằm thay đổi thái độ và xây dựng mối quan hệ bình đẳng	<p>Loại hình can thiệp này bao gồm một loạt các hội thảo có sự tham gia, nhằm trang bị cho nam giới và phụ nữ các kỹ năng xây dựng mối quan hệ lành mạnh, phi bạo lực, đồng thời giải quyết sự mất cân bằng về quyền lực giới trong các mối quan hệ. Những biện pháp can thiệp này cũng giúp giảm các yếu tố nguy cơ như vấn đề lạm dụng rượu và ra quyết định thiếu bình đẳng, đồng thời thúc đẩy các yếu tố bảo vệ như cải thiện kỹ năng giao tiếp giữa các cặp đôi.⁶</p> <p>Những biện pháp can thiệp này có hiệu quả với các nhóm đồng đẳng dựa trên độ tuổi và giới, hoặc với các cặp đôi khác giới, đôi khi liên quan đến các thành viên khác trong gia đình. Nam giới và phụ nữ thường tham gia các nhóm riêng biệt dành cho nam hoặc nữ, để họ có thể thoải mái chia sẻ, kết hợp một số buổi có sự tham gia của cả nam giới và nữ giới. Các biện pháp can thiệp hiệu quả với mọi đối tượng, không phân biệt tiền sử liên quan đến bạo lực của họ. Những biện pháp can thiệp này đã được triển khai trong một số bối cảnh, như các cặp vợ chồng đã kết hôn ở vùng nông thôn Rwanda, đến những người trẻ tuổi ở các khu ổ chuột thành thị ở Nam Phi.</p>	<p>L Có Có bằng chứng nhiều triển vọng từ các nước có mức thu nhập thấp và trung bình cho thấy loại hình can thiệp này có thể giúp giảm tình trạng phụ nữ bị bạo lực do bạn tình gây ra.</p> <p>H Cần có thêm bằng chứng từ các nước có mức thu nhập cao để chứng minh rằng những cách tiếp cận này có thể dẫn đến việc cải thiện tình trạng bạo lực.</p>	<p><u>Indashyikirwa</u> (Rwanda)</p> <p><u>Stepping Stones (Bước đệm)</u> (Uganda + Toàn cầu)</p> <p><u>Zindagii Shoista</u> (Tajikistan)</p> <p><u>PREPARE</u> (South Africa)</p> <p><u>Unite for a Better Life (Đoàn kết vì một cuộc sống tốt đẹp hơn)</u> (Ethiopia)</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Loại can thiệp	Mô tả	Bằng chứng của tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
<p>Tư vấn và trị liệu dành cho các cặp đôi</p>	<p>Loại can thiệp này sử dụng phương pháp tư vấn và trị liệu cho các cặp vợ chồng/cặp đôi như một chiến lược để giảm bạo lực giữa các cặp đôi muốn ở bên nhau. Loại can thiệp này thường hướng đến các cặp vợ chồng/cặp đôi có tiền sử bị bạo lực do bạo tình gây ra và đã được áp dụng phổ biến tại các nước có mức thu nhập cao.</p> <p>Các buổi trị liệu dành cho cặp vợ chồng/cặp đôi thường tập trung vào các vấn đề trong mô hình mối quan hệ, bao gồm khó khăn trong giao tiếp, các vấn đề quản lý xung đột, các vấn đề tình dục và sự phức tạp trong mối quan hệ. Trị liệu thường cũng giải quyết việc lạm dụng rượu và chất kích thích cũng như mối liên quan của chúng đến bạo lực.</p> <p>Các buổi trị liệu liên quan đến nhiều loại trị liệu dành cho cặp vợ chồng/cặp đôi khác nhau từ trị liệu hành vi đến trị liệu nhận thức-hành vi hoặc trị liệu tập trung vào giải pháp. Trong hầu hết các chương trình, các cặp vợ chồng/cặp đôi cam kết không gây hại, không sử dụng bạo lực và hợp tác với nhau trong thời gian trị liệu, thường là 3-6 tháng.⁸</p>	<p>L Cần có thêm bằng chứng từ các nước có mức thu nhập thấp và trung bình về tư vấn và trị liệu cho các cặp vợ chồng/cặp đôi dẫn đến cải thiện kết quả trung gian liên quan đến bạo lực.</p> <p>H Có bằng chứng đầy hứa hẹn từ các nước có mức thu nhập cao về lợi ích của trị liệu dành cho các cặp vợ chồng/cặp đôi đối với việc giảm bạo lực trong các mối quan hệ, bao gồm cả các cặp vợ chồng/cặp đôi có tiền sử bạo lực tình huống ở mức độ nhẹ và trung bình.⁹ Tuy nhiên, những lợi ích này có thể khác nhau giữa các cặp đôi.</p>	<p>Hợp nhất (Becoming One) (Uganda)</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Chương trình tiêu biểu

Bảng sau đây tóm tắt ba chương trình khác nhau đã cho thấy tình trạng bạo lực đối với phụ nữ đã giảm trong khung thời gian của chương trình (khoảng 6 tháng của các hoạt động cốt lõi). Bảng này nên được xem cùng với danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai ở trang 8, cũng như các **nguyên tắc hướng dẫn của chương trình hiệu quả** có trong Khung RE-SPECT khi điều chỉnh bất kỳ phương pháp nào trong số này. Thông tin chi tiết hơn về từng chương trình có trong phần **tóm tắt chương trình**.

Chương trình	Mô tả	Địa điểm	Đối tượng mục tiêu	Hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và Tác động
Indashyikirwa	Một can thiệp chuyên sâu với các cặp vợ chồng/cặp đôi nhằm mục đích cải thiện kỹ năng xây dựng mối quan hệ bình đẳng hơn cũng như thay đổi niềm tin, hành vi và định kiến - vốn là những yếu tố nguy cơ gây ra cho tình trạng bạo lực giữa bạn tình.	7 quận ở các tỉnh phía Đông, Bắc và Tây Rwanda	Các cặp vợ chồng/cặp đôi khác giới từ các hộ gia đình có thu nhập thấp tham gia vào Mô hình tiết kiệm tài chính tự quản (VSLA) của tổ chức CARE International	Khóa tập huấn kéo dài 21 tuần với các nhóm gồm 15 cặp vợ chồng/cặp đôi được 1 tập huấn viên nam và 1 tập huấn viên nữ điều hành. Chương trình tập huấn bao gồm các khái niệm cơ bản về quyền lực và giới; các quyền cơ bản; quản lý động cơ của bạo lực do bạn tình gây ra, bao gồm lạm dụng rượu, ghen tuông, bất bình đẳng kinh tế; vai trò giới trong hộ gia đình; các mối quan hệ lành mạnh; giới thiệu chương trình vận động; và gửi thông điệp mang tính trao quyền đối với người bị bạo lực do bạn tình gây ra.	6 tháng	Loại đánh giá: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên theo cụm (cRCT) và nghiên cứu định tính kèm theo. ¹⁰ Tác động: <ul style="list-style-type: none"> Giảm 55% tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng/bạn tình gây ra theo báo cáo. Giảm 47% tỷ lệ nam giới gây bạo lực thể xác và/hoặc tình dục cho vợ/bạn tình gây ra theo báo cáo. Chất lượng mối quan hệ được cải thiện, giao tiếp tốt hơn, tin tưởng hơn và cải thiện quản lý xung đột, giảm số lượng những lý do được đưa ra để biện minh cho việc đánh vợ. Giảm tình trạng trừng phạt thân thể đối với trẻ em trong gia đình.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Chương trình	Mô tả	Địa điểm	Đối tượng mục tiêu	Hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và Tác động
Bước đệm Stepping Stones	Chương trình được thiết kế dành cho 4 nhóm có hoàn cảnh tương đồng theo độ tuổi và giới tính để thúc đẩy kỹ năng giao tiếp tôn trọng lẫn nhau giữa các thế hệ và các giới cũng như các mối quan hệ chính thức và không chính thức. ¹¹	Ban đầu chương trình được xây dựng và triển khai ở vùng nông thôn Uganda, ¹² và đã được nhân rộng ở hơn 100 quốc gia, trong nhiều bối cảnh khác nhau, trong đó có trường học, cơ sở tôn giáo và nhà tù.	Nam giới và phụ nữ (không có mối quan hệ với nhau), tham gia vào các nhóm có hoàn cảnh tương đồng dành riêng cho nam và nữ thanh niên (từ 15 tuổi trở lên), và các nhóm nam giới và phụ nữ lớn tuổi hơn.	23 buổi tập huấn mỗi buổi kéo dài 3 giờ được thực hiện song song trong vòng 6 tháng. ¹³ Khóa tập huấn có sự tham gia bao gồm các chủ đề như bất bình đẳng giới và bạo lực, bạo lực đối với thanh thiếu niên, bạo lực suốt cuộc đời, tình yêu, kỳ thị, bệnh lây truyền qua đường tình dục/HIV, sử dụng bao cao su, lòng tự tôn và sử dụng chất gây nghiện kích thích (trong số các chủ đề khác).	6 tháng	Loại đánh giá: Nhiều loại, bao gồm thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên theo cụm (RCT) ở Nam Phi. ¹⁴ Tác động: Chương trình thử nghiệm ở Nam Phi cho thấy bằng chứng tự báo cáo về các hành vi nguy cơ tình dục của nam giới và mức độ gây bạo lực đối với vợ/bạn tình đã giảm. Tuy nhiên, không có bằng chứng báo cáo hành vi nguy cơ tình dục cũng như mức độ bị bạo lực do chồng/bạn tình gây ra của người tham gia tập huấn là nữ đã giảm, có thể do chồng/bạn tình của phụ nữ chưa tham gia chương trình. Ngược lại, theo báo cáo từ chương trình đã được áp dụng ở Gambia với tất cả bốn nhóm có hoàn cảnh tương đồng, tình trạng bị bạo lực của phụ nữ gây bạo lực của nam giới đều đã giảm. ¹⁵

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Chương trình	Mô tả	Địa điểm	Đối tượng mục tiêu	Hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và Tác động
Hợp nhất Becoming One	Chương trình tư vấn cho các cặp vợ chồng/cặp đôi theo tôn giáo được thiết kế để ngăn ngừa bạo lực do bạn tình gây ra thông qua việc thúc đẩy các mối quan hệ lành mạnh, bình đẳng hơn	Tây Uganda	2381 cặp vợ chồng/cặp đôi khác giới 140 người đứng đầu tôn giáo	12 buổi tập huấn trực tiếp do người đứng đầu tôn giáo đã qua đào tạo thực hiện với các nội dung về kỹ năng giao tiếp, điều tiết cảm xúc, chia sẻ quyền kiểm soát tài chính, sự đồng thuận và niềm vui trong quan hệ tình dục. Nội dung tập huấn cũng bao gồm các giáo lý và điều răn trong Kinh thánh, hướng vào thay đổi thái độ biện minh cho việc hợp thức hóa vị thế trội hơn của nam giới và bạo lực đối với phụ nữ.	3-4 tháng	Loại đánh giá: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên và nghiên cứu định tính kèm theo. ¹⁶ Tác động: Đánh giá 18 tháng bắt đầu vào tháng 10 -2018. Đánh giá bị hoãn do đại dịch COVID-19.
Đoàn kết vì một cuộc sống tốt đẹp hơn Unite for a Better Life (UBL)	Được thiết kế nhằm giảm bạo lực do bạn tình gây ra ở các cặp vợ chồng/cặp đôi khác giới. Đã tổ chức các buổi tập huấn theo nhóm trong bối cảnh các nghi lễ cà phê Ethiopia chỉ dành cho nam giới, chỉ dành cho phụ nữ và cho các cặp vợ chồng/cặp đôi.	Cộng đồng ở vùng nông thôn Tây Nam Ethiopia	• Cặp vợ chồng/cặp đôi khác giới • Chỉ dành cho nam giới • Chỉ dành cho phụ nữ có quan hệ tình dục khác giới (mọi đối tượng trong độ tuổi từ 15-49 tuổi hiện đã kết hôn hoặc đang sống chung) 48 tập huấn viên nam và nữ đã qua đào tạo	Ba chương trình giảng dạy khác nhau về chuyển đổi giới được các tập huấn viên đã qua đào tạo tổ chức song song: Chương trình UBL của nam giới, của Phụ nữ và của các cặp vợ chồng/cặp đôi được triển khai trong các nghi lễ cà phê truyền thống của Ethiopia. 14 buổi tập huấn về xây dựng kỹ năng, có sự tham gia cho 20 người trong 7 hoặc 14 tuần để giải quyết các nguyên nhân gốc rễ khác nhau của vấn đề bạo lực do chồng/bạn tình gây ra bằng cách thách thức các khuôn mẫu giới và vai trò bất bình đẳng trong gia đình, cũng như thúc đẩy thái độ và hành vi bình đẳng giới.	7 hoặc 14 tuần	• Loại đánh giá: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên ¹⁷ Tác động: • Chương trình UBL dành cho nam giới • Theo báo cáo đã giảm 30% tỷ lệ nam giới gây bạo lực tình dục đối với vợ/bạn tình trong năm qua. • Theo báo cáo đã giảm 20% tỷ lệ nam giới gây bạo lực thể xác và/hoặc tình dục trong nửa năm. • Theo thống kê đã giảm đáng kể tình trạng phụ nữ bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng/bạn tình gây ra. Chương trình UBL dành cho Phụ nữ & cặp vợ chồng/cặp đôi • Theo thống kê không có tác động đáng kể đối với tình trạng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng/bạn tình gây ra • Nhưng thực tế nam giới chăm sóc con cái và chia sẻ việc nhà đã tăng lên đáng kể.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai

Các yếu tố và nguyên tắc chung của các phương pháp tiếp cận hiệu quả nhằm tăng cường kỹ năng xây dựng mối quan hệ bao gồm:¹⁸

Thiết kế và áp dụng

- Đảm bảo có đủ nguồn lực cho việc thiết kế, điều chỉnh và thí điểm giáo trình chuyển đổi bình đẳng giới cho các cặp vợ chồng/cặp đôi¹.** Các phương pháp tiếp cận thành công được xây dựng dựa trên các giáo trình được thiết kế tốt theo bối cảnh địa phương, đồng thời được thử nghiệm và thí điểm nghiêm túc để đảm bảo nội dung phù hợp với bối cảnh địa phương và các thông điệp chính được đối tượng mục tiêu ủng hộ. Có một số giáo trình có sẵn công khai (xem hộp bên dưới), có thể áp dụng phù hợp với bối cảnh mới. Khi áp dụng các chương trình hiện có, chúng tôi đề xuất để những người xây dựng/ thực hiện chương trình ban đầu tham gia vào quá trình áp dụng để đảm bảo tuân thủ với các nguyên tắc cốt lõi của phương pháp tiếp cận cũng như học hỏi kinh nghiệm áp dụng, triển khai của những nơi khác.
- Chương trình cơ bản cho các cặp đôi về lý thuyết và phân tích quyền lực giới và các chuẩn mực xã hội về mối quan hệ.** Chương trình Indashyikirwa dành cho các cặp vợ chồng/cặp đôi giới thiệu khái niệm về các loại quyền lực tích cực và tiêu cực cũng như việc sử dụng quyền lực để giúp các cặp vợ chồng/cặp đôi xác định, ngăn ngừa và ứng phó với bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong các mối quan hệ của bản thân họ và cộng đồng.¹⁹ Thúc đẩy các chuẩn mực mới về mối quan hệ tích cực 'cùng nhau phát triển hộ gia đình', 'cùng nhau trở thành cha mẹ tốt' và 'cải thiện mối quan hệ tình dục', thay vì tập trung vào thông điệp về các định kiến có hại, đồng thời khuyến khích thay đổi hành vi theo hướng tốt hơn và giúp tránh phản ứng trái chiều có thể xảy ra.

Một số ví dụ về giáo trình có sẵn

Chương trình Bước đệm và Bước đệm+ (toàn cầu) đã cập nhật **Gói Tập huấn về giới, thể hệ, HIV, giao tiếp và kỹ năng xây dựng mối quan hệ**.

Chương trình Indashyikirwa (Rwanda) có **Giáo trình tập huấn theo các mô-đun dành cho các cặp vợ chồng/cặp đôi**, với các buổi tập huấn có tính tương tác và các bài tập thực hành tại nhà để giúp giảm bạo lực giữa các cặp vợ chồng/cặp đôi.

Dự án Zindagii Shoista (Sống có nhân phẩm) Tajikistan) có 2 sách hướng dẫn tổ chức hội thảo về:

(1) **Trao quyền xã hội** nhằm thúc đẩy gia đình hòa thuận và giảm bạo lực; và

(2) **Tăng cường trao quyền kinh tế thông qua các hoạt động tạo thu nhập** giúp các gia đình quản lý ngân sách hộ gia đình, bao gồm cả việc tăng cường khả năng ra quyết định của phụ nữ.

- Điều chỉnh/thích ứng và kết nối các chương trình với các giá trị, ngôn ngữ và cấu trúc cộng đồng hiện có của địa phương:** Các phương pháp tiếp cận đã được áp dụng thành công phù hợp với bối cảnh địa phương đã chủ định điều chỉnh giáo trình theo các giá trị văn hóa và tôn giáo tích cực hiện có, đồng thời sử dụng các khái niệm phù hợp bằng ngôn ngữ địa phương. Những phương pháp này cũng công nhận và bao gồm các cá nhân và các bên liên quan chính có ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong một bối cảnh cụ thể, và sử dụng các cấu trúc cộng đồng hiện có làm điểm đầu vào chính để tương tác với các cặp vợ chồng, gia đình, nam giới và phụ nữ.

Tài liệu tham khảo cho công tác thích ứng và nhân rộng

Nhóm **Community for Understanding Scale-up (CUSP)** có hướng dẫn về cách thích ứng và nhân rộng các sáng kiến khác nhau một cách hiệu quả và có đạo đức. Bộ **Hướng dẫn thích ứng Chương trình Bước đệm- Stepping Stones** cũng hướng dẫn về những việc nên và không nên làm với chương trình để đảm bảo tính trung thực và hiệu quả của chương trình.

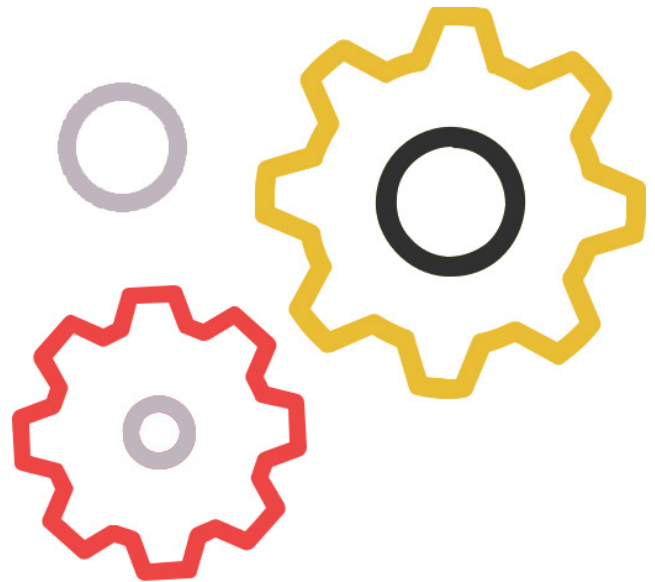
TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Triển khai và nhân rộng

4. **Có sự tham gia nghiêm túc của cả nam và nữ và các thành viên khác trong gia đình khi thích hợp.** Thu hút sự tham gia của cả hai cá nhân trong mối quan hệ tình cảm giúp duy trì sự cam kết và tạo điều kiện cho các cặp đôi hỗ trợ lẫn nhau để giải quyết vấn đề liên quan đến cách thức tương tác về giới và quyền lực trong gia đình. Có thể cần những nỗ lực đặc biệt để đảm bảo và duy trì sự tham gia của nam giới.²⁰ Một số chương trình đã sử dụng các kỹ thuật phỏng vấn tạo động lực²¹ trước khi bắt đầu thu hút sự tham gia của nam giới và giảm tỷ lệ rút khỏi chương trình. Trong môi trường gia trưởng, cũng có thể cần có sự tham gia của các thành viên gia đình nhà chồng để giảm thiểu bất kỳ phản ứng trái chiều nào có thể xảy ra.
5. **Tạo không gian an toàn cho sự tham gia bình đẳng giữa các bên tham gia.**²² Quy mô, địa điểm và thời gian của các nhóm cần được xem xét cẩn thận để đảm bảo chương trình tạo ra một môi trường an toàn và hiệu quả cho các cặp đôi chia sẻ và học hỏi. Hoạt động này nên bao gồm các buổi tập huấn riêng cho từng giới tính và từng độ tuổi cụ thể cho nam giới và phụ nữ cũng như các buổi tập huấn chung cho cả hai giới. Trong Chương trình Bước đệm (Stepping Stones), mỗi nhóm có hoàn cảnh tương đồng chọn không gian và thời gian thích hợp để gặp gỡ nhau, tùy thuộc vào điều gì phù hợp nhất với họ.
6. **Xây dựng kỹ năng giao tiếp và giải quyết xung đột để nuôi dưỡng các mối quan hệ.** Các phương pháp tiếp cận thành công tập trung vào xây dựng các mối quan hệ cùng với cơ hội thực hành các kỹ năng mới thông qua các hoạt động thực hành tại nhà.²³
7. **Lựa chọn và đào tạo kỹ lưỡng các người điều hành nam và nữ.** Do tính chất chuyên sâu của các hoạt động can thiệp này, người điều hành nên tham gia chương trình trước để trải nghiệm quá trình chuyển đổi và học hỏi của chính họ trước khi họ sẵn sàng trở thành người điều hành.²⁴ Hơn nữa, người điều hành cần được trang bị và hỗ trợ để có phong cách điều hành có sự tham gia cũng như có thể hỗ trợ đầy đủ cho học viên trong hành trình thay đổi của họ.
8. **Áp dụng các phương pháp tiếp cận có sự tham gia với các hoạt động tự chiêm nghiệm và hỗ trợ.** Các kỹ thuật học tập có sự tham gia hiệu quả khuyến khích đối thoại

và hỗ trợ tư duy phản biện về vai trò giới; đề cao vị thế của phụ nữ; thách thức sự phân bổ không đồng đều các nguồn lực và giải quyết tình trạng mất cân bằng quyền lực giữa nam giới và phụ nữ.

9. **Sử dụng các tài liệu truyền thông để tiếp cận, phù hợp và hấp dẫn.** Các tài liệu truyền thông trực quan đầy màu sắc và tích cực, bao gồm các nguồn tài liệu về nhà, rất cần thiết ở những khu vực có tỷ lệ dân trí thấp, và là chìa khóa để thu hút sự quan tâm của người tham gia, hỗ trợ truyền tải các thông điệp quan trọng.²⁵ Cần có hai người điều hành ở những địa điểm mà học viên có trình độ học vấn thấp hoặc mù chữ để giúp học viên làm quen với khái niệm và hiểu các tài liệu, như trường hợp của chương trình Indashyikirwa.
10. **Áp dụng các phương pháp tiếp cận bao trùm để thu hút sự tham gia của các cặp vợ chồng/cặp đôi bị thiệt thòi nhất.** Chương trình Indashyikirwa áp dụng các chiến lược cụ thể để đảm bảo người khuyết tật có thể tiếp cận chương trình. Các chiến lược này gồm có hợp tác với Hội đồng Quốc gia về Người khuyết tật, hướng đến tiếp cận 280 người khuyết tật và thiết kế các tài liệu truyền thông phù hợp với đối tượng tiếp cận²⁶.



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Điểm khởi đầu

Các phương pháp tiếp cận nhằm cải thiện kỹ năng xây dựng mối quan hệ có thể được lồng ghép vào nhiều bối cảnh và lĩnh vực để tối đa hóa tác động. Điều này bao gồm việc xây dựng dựa trên các sáng kiến đang diễn ra và cấu trúc hiện có để tăng khả năng tiếp cận của chương trình phòng ngừa đồng thời nâng cao các sáng kiến hiện có. Bảng sau đây nêu bật một số điểm khởi đầu chính cho chiến lược này, bao gồm các ví dụ về chương trình.

Điểm khởi đầu	Cơ sở lý luận
Các thể chế kinh tế và xã hội dựa vào cộng đồng hiện có, ví dụ: nhóm tín ngưỡng, nhóm tiết kiệm và vay vốn, nhóm tự lực, người nhận bảo trợ xã hội	<p>Các cấu trúc và thể chế xã hội và kinh tế hiện có ở cấp cộng đồng có thể đưa ra một điểm khởi đầu tiết kiệm chi phí để tiếp cận và làm việc với các cặp vợ chồng, gia đình, nam giới và phụ nữ. Các cấu trúc cộng đồng này có thể giúp tạo ra môi trường thuận lợi cho các cặp vợ chồng thay đổi, đồng thời hỗ trợ họ duy trì sự thay đổi. Việc sử dụng các cơ sở hiện có cũng có thể mang lại cơ hội triển khai các chương trình ở quy mô lớn hơn. Ngoài ra còn có khả năng thu hút 'các cặp đôi sắp kết hôn', tức là những người đang được cộng đồng tôn giáo hoặc cơ quan chính phủ hỗ trợ, ví dụ như các khóa học tiền hôn nhân tại các nhà thờ hoặc bệnh viện.</p> <p>Ví dụ, can thiệp Indashyikirwa ở Rwanda được xây dựng thành công dựa trên mô hình tín dụng tự quản (VSLA) hiện có của tổ chức CARE như một điểm khởi đầu để gắn kết các cặp vợ chồng. Chương trình Bước đệm (Stepping Stones) ở Uganda được xây dựng dựa trên các hoạt động tạo thu nhập trong cộng đồng (IGA) hiện có của Redd Barna.²⁷ Can thiệp Hợp nhất-Becoming One ở Uganda được xây dựng dựa trên tư vấn tiền hôn nhân và hôn nhân hiện có do các nhà thờ địa phương cung cấp, nhằm thu hút sự tham gia của người đứng đầu các nhóm tín ngưỡng trong việc tư vấn kỹ năng cho các cặp vợ chồng bao gồm kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý tài chính chung, tình dục có sự đồng thuận và tình dục hòa hợp, có sử dụng kinh thánh để củng cố và làm gương cho các mối quan hệ tích cực.</p>
Trường học và các cơ sở giáo dục	<p>Các can thiệp tại trường học có thể tạo cơ hội để thúc đẩy các mối quan hệ tôn trọng giữa các em thanh thiếu niên. Được đánh giá rộng rãi nhất là các can thiệp trong khi hẹn hò nhằm tạo ra các mối quan hệ bình đẳng và thay đổi thái độ, định kiến liên quan đến việc hẹn hò.</p> <p>Ví dụ, chương trình PREPARE ở Nam Phi bao gồm 21 bài học chuyên sâu sau giờ học với các em thanh thiếu niên bao gồm các chủ đề như giá trị và khát vọng trong các mối quan hệ tình cảm, kỹ năng giao tiếp, bất bình đẳng quyền lực giới, các mối quan hệ tôn trọng và ra quyết định liên quan đến tình dục. Chương trình đã có hiệu quả trong việc giảm tình trạng bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong các cặp đôi ở độ tuổi vị thành niên.²⁸ Thông tin chi tiết hơn về các phương pháp tiếp cận cụ thể đến thanh thiếu niên mô tả trong Bản tóm tắt Chiến lược Khung RESPECT về Tạo Môi trường An toàn và Ngăn ngừa bạo hành trẻ em và trẻ vị thành niên.</p>
Lĩnh vực y tế bao gồm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục	<p>Ngành y tế là nơi quan trọng để thu hút sự tham gia của các cặp vợ chồng/cặp đôi trên quy mô lớn, chẳng hạn như thông qua các dịch vụ sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục (SKSS/SKTD). Các dịch vụ tư vấn SKSS/SKTD hiện có có thể được điều chỉnh để lồng ghép thông điệp phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, đồng thời có thể phát hiện các cặp vợ chồng/cặp đôi có nguy cơ cao bị bạo lực, và giới thiệu các can thiệp chuyên sâu hơn dành cho các cặp vợ chồng/cặp đôi. Các chuyên gia y tế có thể tham gia vào can thiệp và cần được trang bị kiến thức để thay đổi các định kiến có hại về mối quan hệ thông qua các tài liệu giáo dục và các tài liệu tham khảo sẵn có trong phòng chờ, phòng khám và phòng tư vấn, cũng như thông qua các thông điệp truyền thông được gửi đến tận tay khách hàng/bệnh nhân.²⁹</p>

Tài liệu tham khảo chính

Chương trình dành cho các cặp vợ chồng/cặp đôi

[Preventing partner violence, working with couples](#). Practice brief. Starmann, E. The Prevention Collaborative. 2018
 Bản tóm tắt thực tiễn này cung cấp tổng quan về công việc với các cặp vợ chồng/cặp đôi nhằm ngăn ngừa bạo lực do chồng/bạn tình gây ra, bao gồm các yếu tố thiết kế chính và lời khuyên cho việc triển khai, dựa trên những hiểu biết sâu sắc từ ba chương trình ở Châu Phi.

[Working with couples to prevent IPV, Indashyikirwa, Rwanda](#) What Works Evidence Brief. Stern, E., Mclean, L., and Heise, L. 2018
 Bản tóm tắt thực tiễn này nhấn mạnh các bài học kinh nghiệm rút ra từ chương trình Indashyikirwa khi làm việc với các cặp vợ chồng/cặp đôi để ngăn ngừa bạo lực do chồng/bạn tình gây ra.

[Programme Summary: The Indashyikirwa Programme](#) Rwanda. The Prevention Collaborative. 2019
 Tài liệu tóm tắt này cung cấp một cái nhìn tổng quan về chương trình Indashyikirwa dành cho các cặp vợ chồng/cặp đôi ở Rwanda bao gồm thông tin chi tiết về các hợp phần của chương trình cũng như các bài học kinh nghiệm từ công tác lập chương trình.

Bằng chứng về chương trình dành cho các cặp đôi có quan hệ tình dục chính thức và không chính thức

[Couple therapy for intimate partner violence: A systematic review and meta-analysis](#). Karakurt G, Whiting K, Van Esch, Bolen S, Calabrese J. J Marital Family Therapy, Volume 42, No. 4, p567583: doi:10.1111/jmft.12178. 2016
 Đánh giá có hệ thống này tổng hợp kết quả của sáu nghiên cứu từ Hoa Kỳ để điều tra hiệu quả của liệu pháp cặp đôi như một phương pháp điều trị bạo lực.

[Synchronising gender strategies: A cooperative model for improving reproductive health and transforming gender relations](#)
 Greene, M and Levack, A. USAID. 2010
 Ấn phẩm này trình bày các bằng chứng và ví dụ về chương trình làm việc với nam giới và phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái, theo cách có chủ đích và củng cố lẫn nhau, thách thức các chuẩn mực giới, thúc đẩy bình đẳng giới và cải thiện sức khỏe.

Lý thuyết về thu hút sự tham gia của nam giới và trẻ em trai

[From work with men and boys to changes of social norms and reduction of inequities in gender relations: A conceptual shift in prevention of violence against women and girls](#). Jewkes, R. K., Flood, M. G. and Lang, J. The Lancet, 385 (9977), 1580-1589. 2015
 Bài viết học thuật này thảo luận về lý do tại sao việc thu hút nam giới và trẻ em trai tham gia ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ lại quan trọng. Bài viết đề xuất rằng công việc trong tương lai cần thu hút sự tham gia của cả nam giới và trẻ em trai cũng như phụ nữ và trẻ em gái nhằm thay đổi các định kiến giới là động lực của tình trạng bạo lực đối với phụ nữ.

© UN Women 2020

Tài liệu này là một phần của Hướng dẫn thực hiện Khung Tôn trọng phụ nữ do UN Women thực hiện và tổ chức Social Development Direct xây dựng, có thể tham khảo Khung Tôn trọng phụ nữ tại đây.

Đề xuất trích dẫn khi sử dụng thông tin của tài liệu này: UN Women và Social Development Direct (2020) Tăng cường kỹ năng xây dựng mối quan hệ, Khung Tôn trọng phụ nữ: Tóm tắt chiến lược phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ

Chú thích

- ¹ Heise (2011) [What works to prevent partner violence? An evidence review](#). December 2011.
- ² Fulu, E and Kerr-Wilson, A (2015) [What works to prevent violence against women and girls evidence reviews Evidence review of interventions to prevent violence against women and girls](#). September 2015
- ³ Shai, N., Devi Pradhan, G., Chirwa, E., Shrestha, R., Adhikari, A. & Kerr-Wilson, A (2019) [Factors associated with IPV victimisation of women and perpetration by men in migrant communities of Nepal](#), PLOS One, DOI: <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0210258>
- ⁴ UN Women (2015) [A Framework to Underpin Action to Prevent Violence against Women](#), New York: UN Women.
- ⁵ Xếp hạng bằng chứng phần lớn được rút ra từ các đánh giá có hệ thống của hơn 1 đánh giá về các can thiệp chủ yếu sử dụng các thiết kế thử nghiệm bao gồm các phương pháp ngẫu nhiên, ngẫu nhiên theo cụm và bán thực nghiệm. Ghi nhận rằng đối với một số chiến lược như can thiệp trong vào lĩnh vực tư pháp, các phương pháp đánh giá thay thế có thể phù hợp hơn bao gồm chuỗi thời gian, thiết kế nghiên cứu quan sát và thiết kế nghiên cứu cắt ngang mặc dù những phương pháp này thường được coi là có chất lượng thấp hơn. Đây là một lĩnh vực mới nổi và do đó, có rất nhiều sự khác biệt về tính nghiêm ngặt của công tác thiết kế và đánh giá nghiên cứu. Các nguồn cho các đánh giá và nghiên cứu này được cung cấp như một phần của tài liệu tham khảo.
- ⁶ Fulu, E and Kerr-Wilson, A (2015) Ibid.
- ⁷ Karakurt, G., Whiting, K., Van Esch, C., Bolen, S. & Calabrese, J. (2016) [Couple Therapy for Intimate Partner Violence: A Systematic Review and Meta Analysis](#), Journal of Marital Family Therapy, 42(4): 567-583
- ⁸ Carr, A (2020) 'Evidence for the efficacy and effectiveness of systemic family therapy' in Wampler, K. et al (Eds.) The Handbook of Systemic Family Therapy, Chichester: John Wiley & Sons.
- ⁹ Tham khảo ấn phẩm sắp ra mắt Becoming One Evaluation; Karakurt G, Whiting K, Van Esch, Bolen S, Calabrese J (2016). [Couple therapy for intimate partner violence: A systematic review and meta-analysis](#). J Marital Fam Ther, Volume 42, No. 4, p567583.
- ¹⁰ Dunkle, K., Stern, E., Chatterji, S., and Heise, L., (2019) [Indashyikirwa programme to reduce intimate partner violence in Rwanda: Report of findings from a cluster randomized control trial](#). CARE. London.
- ¹¹ Chương trình Stepping Stones gốc đã đặc biệt đưa ra câu hỏi về sự khác biệt giữa các mối quan hệ chính thức và không chính thức trong một bài tập có tên "Tình yêu là gì". Chương trình được thiết kế để giải quyết vấn đề bạo lực trong các mối quan hệ không chính thức/bí mật cũng như mối quan hệ tình dục chính thức, và các mối quan hệ đa thê.
- ¹² Xem trang web của Stepping Stones để biết thêm thông tin: www.steppingstonesfeedback.org
- ¹³ Salamandar Trust (2019) [Stepping Stones and Stepping Stones Plus](#)
- ¹⁴ Jewkes R, Nduna M, Levin J, Jama N, Dunkle K, Puren A, Duvvury N. (2008) [Impact of stepping stones on incidence of HIV and HSV-2 and sexual behaviour in rural South Africa: cluster randomised controlled trial](#). Bmj. Aug 7;337:a506. For a summary, see <https://prevention-collaborative.org/resource/impact-of-stepping-stones-on-incidence-of-hiv-hsv-2-and-ipv-in-rural-south-africa/>
- ¹⁵ Paine, K., Hart, G., Jawo, M., Ceesay, S. & Jallow, M. (2010) ['Before we were sleeping, now we are awake': Preliminary evaluation of the Stepping Stones sexual health programme in The Gambia](#), African Journal of Aids Research, Volume 1, Issue 1.
- ¹⁶ <https://airbel.rescue.org/projects/becoming-one/> See forthcoming Becoming One Evaluation
- ¹⁷ <https://www.uniteforabetterlife.org>
- ¹⁸ McLean, L., Heise, L. & Stern, E. (2019) Shifting and transforming gender-inequitable beliefs, behaviours and norms in intimate partnerships: the Indashyikirwa couples programme in Rwanda, Culture, Health & Sexuality, DOI: 10.1080/13691058.2019.1679394; Starmann, E. (2018) Preventing Partner Violence, Working with Couples. Prevention Collaborative Prevention Brief ; The Prevention Collaborative (2019) [Programme Summary: Stepping Stones](#). The Prevention Collaborative, December 2019 .
- ¹⁹ Mclean et al (2019) Sdd.
- ²⁰ Starmann, E (2018) [Preventing partner violence working with couples](#). Practice brief The Prevention Collaborative.
- ²¹ Saftlas, A. F., Harland, K. K., Wallis, A. B., Cavanaugh, J., Dickey, P., & Peek-Asa, C. (2014). [Motivational interviewing and intimate partner violence: a randomized trial](#). Annals of epidemiology, 24(2), 144-150; Lila, M., Gracia, E., Catalá-Miñana, A., 2018. [Individualized motivational plans in batterer intervention programs: A randomized clinical trial](#). Journal of consulting and clinical psychology 86 (4), 309–320; Schumacher, J.A., Coffey, S.F., Stasiewicz, P.R., Murphy, C.M., Leonard, K.E., Fals-Stewart, W., 2011. [Development of a brief motivational enhancement intervention for intimate partner violence in alcohol treatment settings](#). Journal of Aggression, Maltreatment & Trauma. 20 (2), 103–127.
- ²² Stern, E.; Nyiratunga, R. (2017) [A Process Review of the Indashyikirwa Couples Curriculum to Prevent Intimate Partner Violence and Support Healthy, Equitable Relationships in Rwanda](#). Soc. Sci. 2017, 6, 63.
- ²³ Stern, E., Mclean, L., and Heise, L (2018) Working with couples to prevent IPV. The Indashyikirwa in Rwanda.
- ²⁴ Starmann, E (2018) [ibid.; Community for Understanding Scale-up \(CUSP\) guidance](#); Salamandar Trust (2017) Hướng dẫn áp dụng Chương trình Stepping Stones.
- ²⁵ Ibid.
- ²⁶ Dunkle et al (2019) Ibid.
- ²⁷ Salamandar Trust (2015) [Stepping Stones Revisited: Stories from the village of Buwenda](#). Video on Vimeo by Salamandar Trust
- ²⁸ Mathews, C., Eggers, S.M., Townsend, L. et al (2016). [Effects of PREPARE, a Multi-component, School-Based HIV and Intimate Partner Violence \(IPV\) Prevention Programme on Adolescent Sexual Risk Behaviour and IPV: Cluster Randomised Controlled Trial](#). AIDS Behav 20, 1821–1840 (2016).
- ²⁹ Shepard, B (2010) [Addressing violence against women and girls in sexual and reproductive health services](#). New York: UNFPA



T Ô N T R Ọ N G
PHỤ NỮ

TÓM TẮT
CHIẾN LƯỢC

Trao quyền
cho phụ nữ

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Trao quyền cho phụ nữ

MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC: Thúc đẩy trao quyền năng kinh tế, xã hội, tâm lý và chính trị cho phụ nữ và trẻ em gái, xây dựng sự độc lập về kinh tế của phụ nữ, cải thiện các mối quan hệ, cũng như thúc đẩy các mối quan hệ quyền lực giới bình đẳng trong hộ gia đình, cộng đồng và xã hội.

Cơ sở lý luận

Trao quyền kinh tế, xã hội, tâm lý và chính trị cho phụ nữ là yếu tố bảo vệ trong việc giảm nguy cơ bạo lực đối với phụ nữ,¹ vì bạo lực đối với phụ nữ là biểu hiện địa vị thấp kém của người phụ nữ trong xã hội và trong gia đình.

Các can thiệp trong chiến lược này xây dựng sự tự tin và kỹ năng tự tin về năng lực bản thân, sự quyết đoán và đàm phán cho phụ nữ và trẻ em gái. Các can thiệp cũng giúp phụ nữ nâng cao hiểu biết về kinh tế, tài sản, quyền tự chủ và giảm sự phụ thuộc tài chính của phụ nữ vào nam giới và các thành viên khác trong gia đình. Các chiến lược trao quyền giúp phụ nữ tăng cường khả năng thương lượng, sự tự tin, tự chủ trong việc ra quyết định, đồng thời trao cho phụ nữ quyền và năng lực lựa chọn và năng lực tự chủ để ra quyết định cho bản thân và gia đình của họ trong các vấn đề liên quan đến an toàn.

Chiến lược gồm có các phương pháp tiếp cận để làm việc với phụ nữ và trẻ em gái trong cộng đồng, bao gồm các nhóm phụ nữ thường bị gạt ra ngoài lề (ví dụ phụ nữ lao động tình dục và phụ nữ khuyết tật). Tập trung vào các phương pháp tiếp cận với các nhóm phụ nữ cụ thể phù hợp với các nguyên tắc của Khung RESPECT, trong đó có nguyên tắc không để ai bị bỏ lại phía sau² thông qua việc xử lý nhiều hình thức phân biệt đối xử và bất bình đẳng đan xen. Chiến lược cũng bao gồm các nỗ lực hướng đến trẻ em gái vị thành niên, đối tượng phải đối mặt với những nguy cơ và đặc tính dễ bị tổn thương do các mối quan hệ quyền lực liên quan đến tuổi trẻ của các em.

Yếu tố nguy cơ và yếu tố bảo vệ

Chiến lược này nhằm xử lý các yếu tố nguy cơ, đồng thời thúc đẩy các yếu tố bảo vệ sau:

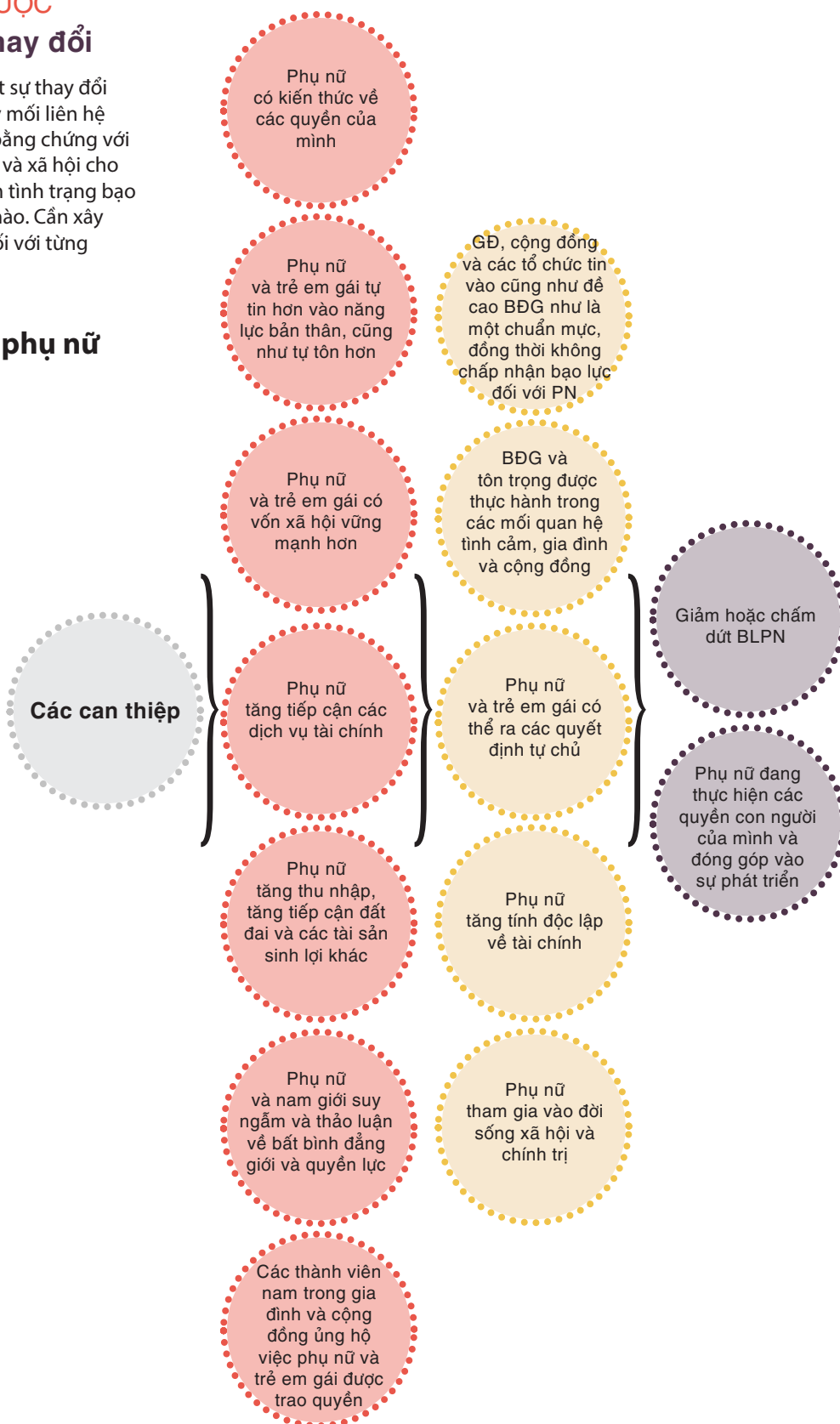
	Yếu tố nguy cơ	Yếu tố bảo vệ
Cá nhân	<p>Kinh tế bấp bênh (phụ nữ).</p> <p>Thái độ dung túng hoặc biện minh cho bạo lực, coi đây là điều bình thường hoặc có thể chấp nhận được (phụ nữ và nam giới).</p> <p>Sự tự tin vào năng lực bản thân và lòng tự tôn thấp (phụ nữ).</p>	<p>Kinh tế đảm bảo (phụ nữ và nam giới).</p> <p>Tự chủ tài chính (phụ nữ).</p> <p>Thái độ và thực hành bình đẳng giới (phụ nữ và nam giới) và nam giới.</p> <p>Sự tự tin vào năng lực bản thân và lòng tự tôn cao (phụ nữ).</p>
Liên cá nhân	<p>Các mối quan hệ với bạn tình và quan hệ với nhà chồng có mức độ bất bình đẳng cao.</p> <p>Sự phụ thuộc tài chính và tiếng nói còn hạn chế của phụ nữ khi ra quyết định trong gia đình</p>	<p>Các mối quan hệ tình cảm dựa trên tôn trọng bình đẳng giới, trong đó có việc ra quyết định chung và trách nhiệm gia đình</p> <p>Bình đẳng hơn về trình độ học vấn/giáo dục giữa nam giới và phụ nữ.</p>
Cộng đồng	<p>Các định kiến giới có hại đề cao đặc quyền của nam giới và hạn chế quyền tự chủ của phụ nữ.</p>	<p>Các chuẩn mực xã hội ủng hộ hành vi phi bạo lực, tôn trọng sự đa dạng và bình đẳng giới, thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ.</p>
Xã hội	<p>Tình trạng thất nghiệp, môi trường làm việc thiếu thốn và tình trạng bị bóc lột lao động của phụ nữ.</p> <p>Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào chính trị thấp.</p>	<p>Phụ nữ có việc làm chiếm tỷ lệ cao.</p> <p>Phụ nữ có trình độ học vấn chiếm tỷ lệ cao.</p> <p>Phụ nữ tham gia tích cực vào đời sống chính trị.</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Lý thuyết về sự thay đổi

Sơ đồ sau trình bày lý thuyết sự thay đổi được đơn giản hóa cho thấy mối liên hệ của các can thiệp dựa trên bằng chứng với mục tiêu trao quyền kinh tế và xã hội cho phụ nữ có thể dẫn đến giảm tình trạng bạo lực đối với phụ nữ như thế nào. Cần xây dựng và điều chỉnh thêm đối với từng chương trình cụ thể.

E: Trao quyền cho phụ nữ



ĐẦU RA

KẾT QUẢ ĐẦU RA

TÁC ĐỘNG

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Loại can thiệp

Các can thiệp trong chiến lược này bao gồm nỗ lực xây dựng kỹ năng nghề nghiệp, tài chính và kỹ năng sống cho phụ nữ, giải quyết các rào cản về hòa nhập xã hội, chính trị và kinh tế như các chế độ thừa kế và quyền sở hữu tài sản bất bình đẳng, đồng thời thiết lập các mạng lưới xã hội và nội lực của phụ nữ nói chung. Mục đích của các chiến lược này là xây dựng quyền lực cá nhân, nhóm và tập thể của phụ nữ nhằm chống lại bất bình đẳng và sự phụ thuộc trong các mối quan hệ, gia đình và cộng đồng của họ. Trong một số trường hợp, các chương trình chỉ tập trung vào trao quyền kinh tế hoặc xã hội và các chương trình khác kết hợp các can thiệp kinh tế và xã hội. Bảng sau đây trình bày một số cách tiếp cận đầy hứa hẹn được nêu trong Khung chiến lược RESPECT cũng như cung cấp một cái nhìn tổng quan ngắn gọn về cơ sở bằng chứng hiện tại và các chương trình tiêu biểu.

● **hiều triển vọng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy tình trạng bạo lực giảm đáng kể

■ **cần thêm bằng chứng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra trung gian cho thấy có cải thiện liên quan đến bạo lực

◆ **Kết quả mâu thuẫn**, đánh giá cho thấy kết quả mâu thuẫn trong việc giảm bạo lực

□ **không có bằng chứng**, can thiệp chưa được đánh giá nghiêm túc

▼ **không hiệu quả**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy bạo lực không giảm

H Nước có mức thu nhập cao

L Nước có mức thu nhập thấp và TB

Loại can thiệp	Mô tả	Bằng chứng của tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Tập huấn về trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm các kỹ năng sống, không gian an toàn⁴ và tư vấn	Hoạt động này bao gồm các can thiệp tập trung vào trao quyền xã hội cho phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm các kỹ năng sống, không gian an toàn và công tác tư vấn.	L Có bằng chứng nhiều triển vọng từ các nước có mức thu nhập thấp và trung bình cho thấy loại hình can thiệp này có thể giúp giảm tình trạng phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực, bao gồm cả bạo lực do bạn tình gây ra.	Sáng kiến cho các bé gái độ tuổi vị thành niên (AGI) (Kenya)
	Hoạt động này cũng có thể bao gồm việc trao quyền tập thể cho các nhóm phụ nữ bị thiệt thòi, chẳng hạn như lao động tình dục.	H Cần có thêm bằng chứng từ các nước có mức thu nhập cao để chứng minh rằng những cách tiếp cận này có thể dẫn đến việc cải thiện tình trạng bạo lực. Khi làm việc với trẻ em gái vị thành niên, các phương pháp tiếp cận hiệu quả nhất liên quan đến các can thiệp chuyên sâu về trao quyền xã hội theo nhóm được thực hiện trong hơn một năm ⁵ .	Sáng kiến lập hội lao động tình dục AVAHAN (Ấn Độ)
Các chính sách và can thiệp về thừa kế và sở hữu tài sản	Hoạt động này bao gồm các can thiệp nhằm mục đích cải thiện luật thừa kế và quyền sở hữu tài sản để tăng cường khả năng tiếp cận và kiểm soát của phụ nữ đối với đất đai và các tài sản sinh lợi khác, cũng như nâng cao giá trị của trẻ em gái đối với gia đình của các em.	L Có bằng chứng có nhiều triển vọng từ các nước có mức thu nhập thấp và trung bình cho thấy việc cải cách các chế độ thừa kế và sở hữu tài sản và bất bình đẳng là một phần quan trọng trong việc giảm thiểu mức độ bạo lực đối với nói chung. Bằng chứng gồm có phân tích của Ấn Độ, quốc gia có quyền thừa kế được thực hiện bình đẳng đối với nam giới và phụ nữ tại các bang, tỷ lệ vụ việc bạo lực đối với phụ nữ được trình báo với cảnh sát nói chung đã giảm được 36% trong thời gian từ năm 1976 đến năm 2004. Không có bằng chứng từ các nước có mức thu nhập cao.	Thay đổi trong luật thừa kế (Ấn Độ)
		H	

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Loại can thiệp	Mô tả	Bằng chứng của tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
<p>Tài chính vi mô hoặc tiết kiệm và vốn vay, kết hợp với tập huấn về giới và trao quyền</p>	<p>Có một số cách tiếp cận đẩy hứa hẹn kết hợp với các hợp phần về trao quyền kinh tế và xã hội. Những can thiệp này có một cái nhìn tổng thể về trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái, kết hợp với việc xây dựng các kỹ năng xã hội và sự tự tin của phụ nữ và các hoạt động tập trung vào việc nâng cao hiểu biết về tài chính và sự tự lập của họ. Một số can thiệp có sự tham gia của bạn tình là nam giới hoặc trẻ em trai là đối tượng ngang hàng để giảm sự chống đối, đồng thời có được sự ủng hộ từ những đối tượng này. Các hình thức can thiệp khác thu hút nam giới và trẻ em trai tham gia sâu hơn vào chương trình, để nam giới và trẻ em trai cũng được hỗ trợ đầy đủ từ can thiệp trao quyền kinh tế và xã hội.</p>	<p>L Có bằng chứng nhiều triển vọng từ các từ các nước có mức thu nhập thấp và trung bình cho thấy các can thiệp tập trung vào trao quyền xã hội cho phụ nữ và trẻ em gái, kết hợp với các hợp phần trao quyền kinh tế và xã hội (bao gồm kỹ năng sống, không gian an toàn và tư vấn kết hợp với các can thiệp kinh tế) có thể làm giảm tình trạng phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực do bạn tình gây ra. Cũng có bằng chứng cho thấy khi những can thiệp này có sự tham gia của nam giới và trẻ em trai thì có thể giảm tỷ lệ gây bạo lực của nam giới. Không có bằng chứng từ từ các nước có mức thu nhập cao.</p>	<p>Dự án <u>MAISHA</u> (Tanzania)</p> <p>Dự án <u>Zindagii Shoista</u> (Tajikistan)</p> <p><u>Do Kadam Barabari Ki Ore (Hai bước tiến tới Bình đẳng)</u> (Ấn Độ)</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Các chương trình tiêu biểu

Bảng sau đây tóm tắt ba chương trình khác nhau đã được chứng minh là giúp giảm tỷ lệ BLPN trong thời gian triển khai chương trình. Bảng này nên được xem xét cùng với danh sách về thiết kế và triển khai chương trình ở trang 8, cũng như các nguyên tắc hướng dẫn cho thiết kế chương trình hiệu quả được cung cấp trong khuôn khổ RESPECT khi áp dụng bất kỳ phương pháp nào trong số này. Thông tin chi tiết hơn về từng chương trình được cung cấp trong phần tóm tắt chương trình.

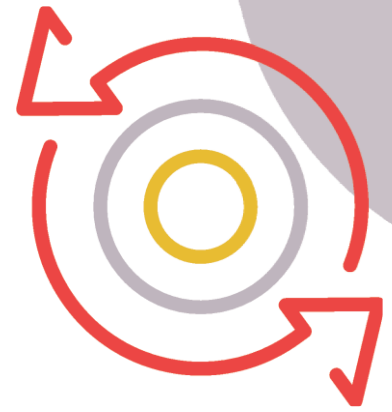
Phương pháp tiếp cận	Mô tả	Địa điểm	Nhóm đối tượng	Hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và tác động
Dự án MAISHA (dựa trên Dự án can thiệp tài chính vi mô cho bệnh AIDS và bình đẳng giới - IMAGE)⁶	Tài chính vi mô cộng với can thiệp trao quyền về giới nhằm mục đích cải thiện ổn định phát triển kinh tế và sự độc lập của cộng đồng và giảm tính dễ bị tổn thương đối với HIV và VAW	Tanzania	Phụ nữ nông thôn nghèo trong các nhóm tài chính vi mô đã lập	Trong các nhóm tài chính vi mô được thành lập trước đó, phụ nữ được mời tham gia vào chương trình tập huấn về trao quyền có sự tham gia kéo dài 10 buổi trong thời gian 20 tuần. Mỗi buổi tập huấn kéo dài 1,5-2 giờ và do các điều phối viên nữ đã qua đào tạo hướng dẫn theo giáo trình Wana-wake Na Maisha (nghĩa là “phụ nữ và cuộc sống” trong ngôn ngữ Kiswahili).	24 tháng	Loại đánh giá: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên và nghiên cứu định tính theo chiều dọc ⁷ . Những phát hiện chính: <ul style="list-style-type: none"> Giảm một phần tư nguy cơ phụ nữ bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do bạn tình gây ra. Thay đổi thái độ đối với bạo lực do bạn tình gây ra và tăng sự tự tin của phụ nữ.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Phương pháp tiếp cận	Mô tả	Địa điểm	Nhóm đối tượng	Hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và tác động
Dự án Zindagii Shoista Sống có nhân phẩm (Living with Dignity)	Can thiệp lấy gia đình làm trung tâm , kết hợp trao quyền về giới, tập huấn về xây dựng các hoạt động nhằm tạo thu nhập và các khoản tài trợ nhỏ để tạo sinh kế trong phạm vi hộ gia đình	Vùng nông thôn Tajikistan	Phụ nữ trẻ đã lập gia đình và gia đình của họ (bao gồm cả gia đình nhà chồng)	Can thiệp được thực hiện với tối đa bốn thành viên của các hộ gia đình đa thế hệ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • 10 buổi tập huấn về trao quyền xã hội trong 10 tuần về xây dựng công bằng giới, tôn trọng, kỹ năng giao tiếp và giảm bạo lực. • Các buổi tập huấn về trao quyền năng kinh tế trong 10 tuần liên quan đến giới, việc làm và tăng cường sinh kế, phát triển kinh doanh và các hoạt động tạo thu nhập hướng đến phụ nữ trẻ đã kết hôn và một thành viên khác trong gia đình. • Mỗi gia đình được cấp \$ 370 cho mỗi hộ gia đình để bắt đầu hoạt động tạo thu nhập. • Giám sát và đồng hành với các hoạt động tạo thu nhập.⁸ 	Trên 18 tháng	Loại đánh giá: Đánh giá kết hợp các phương pháp hỗn hợp ⁹ . Những phát hiện chính: <ul style="list-style-type: none"> • Đã có những thay đổi tích cực đáng kể trong các mối quan hệ, sức khỏe tâm thần và tình trạng kinh tế-xã hội. • Theo thống kê đã báo cáo, tất cả các hình thức bạo lực do bạn tình gây ra liên quan đến nam giới (người gây bạo lực) và phụ nữ (người bị bạo lực) đã giảm đáng kể. bạo lực do bạn tình gây ra và tăng sự tự tin của phụ nữ.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Phương pháp tiếp cận	Mô tả	Địa điểm	Nhóm đối tượng	Hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và tác động
Sáng kiến cho các bé gái độ tuổi vị thành niên Kenya (Sáng kiến AGI-K)	Can thiệp trao quyền đa ngành (xã hội, y tế, giáo dục và kinh tế) cho trẻ em gái vị thành niên.	Hai vùng khó khăn của Kenya: Kib-era, Nairobi và hạt Wajir, Đông bắc Kenya.	Trẻ em gái vị thành niên trong độ tuổi từ 11-15.	Sáng kiến AGI-K kết hợp bốn hợp phần khác nhau: chương trình phòng ngừa bạo lực xoay quanh cộng đồng, hỗ trợ tiền mặt có điều kiện cho giáo dục (CCT), câu lạc bộ trao quyền cho trẻ em gái tập trung vào sức khỏe, giáo dục tài chính và tiết kiệm.	Trên 2 năm	<p>Loại đánh giá: Thử nghiệm đối xứng ngẫu nhiên với bốn nhóm.¹⁰</p> <p>Những phát hiện chính vào cuối hai năm can thiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có tác động tích cực đáng kể đến việc giảm bạo lực, hoàn thành bậc học tiểu học, kiến thức về sức khỏe sinh sản và tình dục, mạng lưới an sinh xã hội, hiểu biết về tài chính và tiết kiệm, và cải thiện kinh tế hộ gia đình, ở các khu vực thành thị. <p>Những phát hiện chính trong hai năm sau can thiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> Không có tác động bền vững đối với bạo lực Có tác động tích cực với trẻ em gái ngoài nhà trường ở đầu giai đoạn ở hạt Wajir trong trì hoãn kết hôn và mang thai, tăng tỷ lệ đi học. Có tác động tích cực đáng kể đối với trẻ em gái ở độ tuổi lớn hơn ở khu Kibera trong việc trì hoãn quan hệ tình dục lần đầu và sinh con.



Danh mục các lưu ý thiết kế và triển khai chương trình

Các yếu tố và nguyên tắc chung của các phương pháp tiếp cận hiệu quả đối với hoạt động trao quyền kinh tế và xã hội cho phụ nữ gồm có:

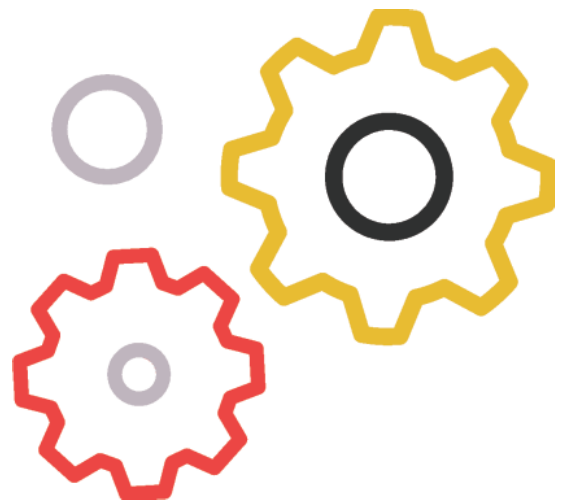
Thiết kế và thích ứng chương trình

- 1. Xác định đối tượng mục tiêu.** Làm việc với phụ nữ và trẻ em gái bị thiệt thòi nhất thông qua các phương pháp tiếp cận mục tiêu và các biện pháp can thiệp thích hợp được thiết kế theo thực tế đời sống của đối tượng mục tiêu. Các công cụ có sự tham gia và quy trình tham vấn có thể được sử dụng để xác định tình trạng dễ bị tổn thương theo hoàn cảnh cụ thể và nhất là tiếp cận đối tượng bị thiệt thòi như trẻ em gái và phụ nữ không được đi học và trẻ em gái khuyết tật. Trước khi thiết kế các can thiệp, cần tiến hành phân tích tình hình và đánh giá nhu cầu để tìm hiểu các rào cản mà các nhóm phụ nữ cụ thể đang gặp phải¹¹, theo đó các thiết kế can thiệp cần được thiết kế và điều chỉnh cho phù hợp.
- 2. Tiến hành nghiên cứu tình hình về các chuẩn mực xung quanh vai trò giới và tạo thu nhập.** Điều này rất quan trọng để hiểu được trong những trường hợp nào thì có thể chấp nhận được việc phụ nữ chưa lập gia đình và đã kết hôn có thu nhập, làm những loại công việc nào và tại sao. Điều này có tác động lớn đến việc nam giới, các thành viên gia đình và cộng đồng phản ứng ra sao đối với một phụ nữ đi làm và có thu nhập. Khi các can thiệp đang thách thức vai trò giới, hãy chuẩn bị để làm thế nào để giải quyết phản ứng trái chiều có thể xảy ra.
- 3. Đảm bảo các hợp phần trao quyền kinh tế dựa trên các cơ hội sinh kế của địa phương.** Ví dụ, các can thiệp trao quyền kinh tế cần được thiết kế trên cơ sở phân tích thị trường về các lựa chọn sinh kế cho phụ nữ, đồng thời xây dựng, nếu có thể, dựa trên các hỗ trợ hiện có¹² (ví dụ: các khoản vay nhỏ, các nhóm cổ phần tài chính tự quản (VSLA), các nhóm tự lực (SHG)).
- 4. Nhận biết và giảm thiểu phản ứng dữ dội tiềm ẩn.** Chiến lược này có thể thách thức trực tiếp các vai trò giới truyền thống trong môi trường nặng tính gia trưởng, vì vậy chiến lược phải bao gồm các nỗ lực nhằm giảm thiểu phản ứng trái chiều có thể xảy ra, trong đó có nguy cơ gia tăng bạo lực.
- 5. Đảm bảo có đủ thời gian và nguồn lực để đào tạo và nâng cao năng lực cho tập huấn viên.** Các can thiệp thay đổi về giới đòi hỏi tập huấn viên phải được đào tạo tốt và được hỗ trợ liên tục với đủ thời gian để tự suy ngẫm, khảo sát và để tập huấn viên học cách xử lý các tình huống khác nhau và các câu hỏi của người tham gia. Tập huấn viên nên trải nghiệm khóa đào tạo trước với tư cách là người tham gia¹⁶. Ví dụ, Dự án MAISHA bao gồm đào tạo mở rộng cho phép tập huấn viên có thời gian làm quen với chương trình giảng dạy và thực hành các kỹ năng¹⁷.
- 6. Đảm bảo các đối tác thực hiện có đủ chuyên môn.** Các can thiệp trao quyền như tài chính vi mô đòi hỏi các kỹ năng và kinh nghiệm cụ thể, cả về mặt thể chế (chẳng hạn như các hệ thống giám sát và đánh giá phù hợp) và năng lực của từng nhân viên (chẳng hạn như kỹ năng điều hành vững mạnh và thái độ bình đẳng giới). Công việc cần được triển khai bởi các đối tác thực hiện mạnh về chuyên môn, những người đã được đào tạo chuyên sâu về cách triển khai can thiệp, bao gồm các giá trị, nguyên tắc và cách tiếp cận¹⁸.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Triển khai và nhân rộng

7. **Đảm bảo đủ ngân sách và đủ thời gian và mức độ can thiệp cho các hợp phần trao quyền kinh tế để đảm bảo thay đổi đáng kể với tình hình kinh tế của phụ nữ.** Phụ nữ và hộ gia đình của họ cần có thời gian để nhận biết những lợi ích kinh tế của tài chính vi mô và các hoạt động tạo thu nhập quy mô nhỏ (trên 12 tháng) và có thể cảm thấy bị đe dọa bởi những cú sốc kinh tế không lường trước được. Lợi ích kinh tế đối với phụ nữ phải đáng kể để đảm bảo cho phụ nữ đủ tài sản kinh tế cần thiết giúp thay đổi các mối quan hệ của họ. Cũng cần có thời gian cho các thay đổi trong thái độ và thực hành về giới, với thời gian được khuyến nghị là trên 3 năm thực hiện, trong đó có 1 năm cho công tác chuẩn bị.
8. **Duy trì nguồn ngân sách riêng biệt cho từng hợp phần** khi nhân rộng can thiệp để đảm bảo chi phí dành cho trao quyền giới không ảnh hưởng đến chi phí tài chính vi mô mà có thể tự bền vững. Hợp phần trao quyền về giới có nhiều khả năng sẽ phải yêu cầu tài trợ ngân sách thêm từ bên ngoài¹⁹.
9. **Theo dõi cẩn thận các khoản tiết kiệm và thu nhập tăng thêm ở cấp hộ gia đình được sử dụng thế nào.** Ví dụ, đảm bảo rằng phụ nữ có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các nguồn lực, và bạo lực trong các mối quan hệ và hộ gia đình không gia tăng nhờ vào can thiệp²⁰. Cũng cần giám sát việc thực hiện các chiến lược trao quyền, nhất là trao quyền kinh tế, không củng cố hoặc duy trì quan niệm phụ nữ phải làm công việc không được trả lương hoặc đặt thêm gánh nặng về thời gian cho họ theo những cách không giúp tăng quyền năng cho họ²¹.
10. **Lồng ghép các can thiệp trao quyền với giáo dục và y tế để giải quyết các nhu cầu đa dạng và phức tạp của trẻ em gái,** nhằm tối đa hóa tác động và hiệu quả chi phí của các can thiệp với trẻ em gái vị thành niên tại thời điểm quan trọng trong cuộc đời của các em. Ví dụ, việc đảm bảo tiếp cận thông tin và dịch vụ về quyền và sức khỏe sinh sản và tình dục (SRHR) là rất quan trọng đối với trẻ em gái vị thành niên để họ có thể đưa ra lựa chọn về cơ thể và cuộc sống của chính mình²², bao gồm cả trẻ em gái vị thành niên khuyết tật thường không được tiếp cận thông tin và dịch vụ về sức khỏe sinh sản và tình dục. Trên tinh thần không gây hại: giám sát cẩn thận các can thiệp giúp tạo thu nhập cho trẻ vị thành niên, tránh vô tình khiến các em phải đối mặt với các tình huống có thể bị bóc lột hoặc lạm dụng hoặc gây bất lợi cho việc tiếp cận giáo dục/đi học.
11. **Lập kế hoạch các hoạt động phù hợp với thực tế đời sống và những hạn chế đối với phụ nữ và trẻ em gái.** Ví dụ: trách nhiệm làm việc nhà và chăm sóc con cái, việc học tập ở trường phổ thông hoặc đại học, hạn chế phụ nữ và trẻ em gái di chuyển sau khi trời tối, lo ngại về an toàn và đi lại, v.v..
12. **Tránh việc để phụ nữ và trẻ em gái tham gia vào can thiệp mang tính hình thức,** mà thay vào đó, liên tục tìm ra cách thức tốt nhất để trao quyền cho phụ nữ và thu hút sự tham gia của phụ nữ suốt quá trình dự án.
13. **Tạo không gian an toàn, nơi phụ nữ và trẻ em gái có thể gặp gỡ, giao lưu, thảo luận về các vấn đề quan tâm và phát triển các kỹ năng.** Ví dụ, không gian an toàn được thiết kế đặc biệt, các trung tâm dành phụ nữ hoặc 'các cửa hàng làm đẹp', hoặc dành thời gian cụ thể cho các trung tâm cộng đồng, phòng khám, v.v. Các can thiệp dựa trên nhóm có thể tạo nền tảng để phụ nữ hỗ trợ lẫn nhau - chia sẻ lời khuyên về các kỹ năng xây dựng mối quan hệ, giao tiếp, giải quyết vấn đề và kinh doanh, là những yếu tố đã cho thấy có đóng góp vào việc giảm nguy cơ bạo lực về kinh tế, tinh thần, thể xác và tình dục²³. Tất cả phụ nữ và trẻ em gái cần tiếp cận được không gian an toàn, bao gồm cả những người có nguy cơ trong các nhóm dễ bị tổn thương và các không gian này được các thành viên khác trong gia đình cũng như phụ nữ và trẻ em gái chấp nhận.



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Điểm khởi đầu

Bảng sau đây nêu bật một số điểm khởi đầu chính cho chiến lược này, bao gồm các ví dụ về chương trình.

Điểm khởi đầu	Cơ sở xây dựng
<p>Các cấu trúc cộng đồng và các dịch vụ tài chính vi mô hoặc tiết kiệm và cho vay, các nhóm tự lực, tài khoản tiết kiệm, các nhóm cổ phần tài chính tự quản hiện có</p>	<p>Các cấu trúc cộng đồng hiện có mà phụ nữ xây dựng như các nhóm tự lực hoặc nhóm tiết kiệm, hiệp hội cho vay, có thể tạo ra một điểm khởi đầu cho các can thiệp trao quyền, với các cơ hội để nhân rộng và mở rộng quy mô.</p> <p>Ví dụ, chương trình <u>Do Kadam Barabari Ki Ore</u> (Hai bước tiến tới bình đẳng) ở bang Bihar, Ấn Độ, bao gồm bốn biện pháp can thiệp hướng đến các nhóm khác nhau. Một trong những biện pháp can thiệp hướng đến những phụ nữ đã kết hôn, những người đã là thành viên của các nhóm tự lực cấp thôn hiện tại. Chương trình nhằm mục đích củng cố các nhóm tự lực hiện có này, nâng cao kiến thức và nhận thức về bạo lực đối với phụ nữ, tăng cường các hoạt động hỗ trợ phòng ngừa đồng thời hỗ trợ những người bị bạo lực. Ví dụ về can thiệp này sử dụng các mô hình tiết kiệm theo nhóm hiện có như là điểm đầu vào, nhưng cần lưu ý rằng không nhất thiết phải làm theo mô hình xây dựng các nhóm tiết kiệm để giảm bạo lực. Cần có thêm nghiên cứu về can thiệp này, vì hiện nay các bằng chứng còn mâu thuẫn.</p> <p>Bài học kinh nghiệm rút ra là sự cần thiết phải dành các nguồn lực cụ thể để tăng cường hoạt động của các cấu trúc cộng đồng này, thiết lập và duy trì vai trò lãnh đạo (bao gồm cả việc bổ sung hợp phần tăng cường hiểu biết và khả năng tính toán), và sự cần thiết phải xem xét các nền tảng khác nhau để tiếp cận chống/bạn tình như các câu lạc bộ thể thao và câu lạc bộ thanh niên.</p>
<p>Các nhóm trẻ em gái và không gian an toàn trong trường học và/hoặc cộng đồng</p>	<p>Không gian dành riêng cho phụ nữ, nơi phụ nữ và trẻ em gái có thể cảm thấy an toàn về thể chất và tinh thần có thể là một điểm khởi đầu tốt để trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái, đồng thời cung cấp thông tin và tiếp cận các dịch vụ ứng phó với bạo lực. Trường học hoặc cộng đồng là các địa điểm điển hình cho không gian an toàn. Các chương trình dựa vào cộng đồng có thể giúp tiếp cận những trẻ vị thành niên bị thiệt thòi, chẳng hạn như trẻ em gái đã kết hôn, đã bỏ học và/hoặc trẻ em gái khuyết tật, những người có nguy cơ bị bạo lực cao hơn và có khả năng bị bỏ qua nếu không chủ định tiếp cận họ.</p> <p>Ví dụ, Sáng kiến cho các bé gái độ tuổi vị thành niên (AGI) ở Kenya liên quan đến các câu lạc bộ trao quyền cho trẻ em gái, tập trung vào việc nâng cao kiến thức về sức khỏe, tự tin vào năng lực bản thân và mạng lưới an toàn xã hội. Các em gái đã tham gia các cuộc họp nhóm hàng tuần, hoặc tạo ra không gian an toàn, do một nữ cố vấn trẻ từ cộng đồng điều hành. Các em đã thảo luận về một loạt các chủ đề về sức khỏe và kỹ năng sống, cũng như dành thời gian để trao đổi cởi mở. Một số em cũng theo học chương trình giáo dục tài chính trong không gian an toàn của các em như là một phần của can thiệp.</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Bài học kinh nghiệm rút ra gồm có những thách thức khi sắp xếp thời gian cho các buổi gặp thường kỳ do thời gian không khớp nhau, ví dụ các em phải tham gia các buổi học cuối tuần, đi học ở trường nội trú, làm việc nhà, tham gia sinh hoạt tôn giáo. Các phát hiện nêu bật tầm quan trọng của việc xây dựng can thiệp kịp thời để hiểu thực tế đời sống của phụ nữ và trẻ em gái cũng như nhận được sự hỗ trợ và cảm thông của gia đình²⁴.

Luật pháp và chính sách

Theo báo cáo Phụ nữ, Kinh doanh và Pháp luật của Ngân hàng Thế giới 2020, 40% nền kinh tế trên thế giới hạn chế quyền sở hữu tài sản của phụ nữ²⁵. Ngay cả khi luật đề cao quyền sở hữu của phụ nữ, việc áp dụng vào thực tế có thể vẫn còn nhiều thách thức.

Các nhà vận động và các phong trào xã hội đang tìm cách giảm thiểu bạo lực căn nỗ lực vận động cho việc cải cách và thực thi các luật về thừa kế, hôn nhân, gia đình và sở hữu tài sản vẫn còn phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái.

Các can thiệp với nhóm nữ lao động tình dục

Các biện pháp can thiệp nhằm trao quyền cho lao động tình dục nữ là một điểm đầu vào tốt cho các phương pháp tiếp cận nhằm giảm bạo lực từ khách hàng, cảnh sát và bạn tình. Các chương trình này thường liên quan đến các hoạt động vận động cải thiện điều kiện sống và làm việc, cũng như các chiến lược khác như tập huấn về quyền con người, các hoạt động tiếp cận cộng đồng để giảm kỳ thị và các dịch vụ ứng phó với bạo lực dành cho lao động tình dục đối mặt với bạo lực. Các hoạt động này thường do các tổ chức phi chính phủ về y tế, các tổ chức vì quyền của phụ nữ hoặc các tổ chức do lao động tình dục thành lập thực hiện.

Ví dụ, chương trình Avahan ở Ấn Độ liên quan đến việc huy động lao động tình dục nữ hiệp lực vận động cho quyền của họ. Được thực hiện bởi tổ chức từ thiện phi lợi nhuận Karnataka Health Promotion Trust (KHPT), can thiệp bao gồm một hợp phần dành riêng để ngăn ngừa bạo lực bởi khách hàng và cảnh sát, với một nhóm quản lý khủng hoảng làm việc 24/24 ở mỗi quận. Các luật sư về quyền con người cũng đã tập huấn cho lao động tình dục về quyền của họ, cũng như giúp đưa người gây bạo lực ra trước công lý. Một đánh giá của chương trình Avahan cho thấy giảm tình trạng bạo lực từ khách hàng và cảnh sát với nhóm lao động tình dục²⁶.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Tài liệu tham khảo chính

Các khái niệm và đo lường công tác trao quyền

[Understanding and Measuring Women's Economic Empowerment. Definition, Framework and Indicators](#), Washington, DC. Trung tâm Nghiên cứu Phụ nữ Quốc tế (ICRW) Golla, Anne Marie, Anju Malhotra, Priya Nanda và Rekha Mehra. 2011.

Tài liệu hữu ích này xác định việc trao quyền kinh tế cho phụ nữ và trình bày một khung đo lường và các chỉ số có thể hướng dẫn việc thiết kế, thực hiện và đánh giá các chương trình nhằm trao quyền kinh tế cho phụ nữ.

[A Review of Approaches and Methods to Measure Economic Empowerment of Women and Girls](#), Gender and Development 22(2): 233–251. Perezniето, Paola, and Georgia Taylor. 2014.

Đánh giá này nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách khi thực hiện các đánh giá về việc trao quyền kinh tế cho phụ nữ được đảm bảo như thế nào, đồng thời giúp những người thực hiện xác định các yếu tố của các can thiệp trao quyền kinh tế thành công.

Bằng chứng về các can thiệp trao quyền kinh tế và xã hội

[Combined Economic Empowerment and Gender-transformative Interventions](#). Evidence Review. What Works to Prevent VAWG programme. Gibbs, A and Bishop, K. 2019.

Đánh giá này trình bày những phát hiện từ bốn biện pháp can thiệp trao quyền được đánh giá một cách chặt chẽ thông qua Chương trình toàn cầu về Hoạt động nào có hiệu quả ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái của Bộ Phát triển Anh (What Works).

[Promoting Women's Economic Empowerment: What Works?](#) The World Bank Group, Policy Research Working Paper 7087. Buvinic, M. and Furst-Nichols, R. 2014.

Đánh giá chặt chẽ của Ngân hàng Thế giới về Trao quyền kinh tế cho phụ nữ.

[Gender, livelihood capabilities and women's economic empowerment: Reviewing Evidence Over the Life Course](#). London: AGEG. Kabeer, N (2018).

Báo cáo này xem xét bằng chứng về các chính sách và chương trình được thiết kế để thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ trong các lĩnh vực kinh tế và sinh kế. Báo cáo bao gồm phân tích các bằng chứng liên quan đến phụ nữ lớn tuổi (60+), phụ nữ trong độ tuổi lao động (20-59) và cuối cùng là trẻ em gái vị thành niên (10-19).

Chương trình trao quyền kinh tế

[UN Women Economic Empowerment](#), New York: UN Women, 2020.

Trang web này lưu trữ thông tin về công việc liên quan đến trao quyền kinh tế cho phụ nữ của UN Women.

[A Roadmap for Promoting Women's Economic Empowerment](#). Exxon and the United Nations Foundation. Buvinic, M. et al. 2013.

Báo cáo nghiên cứu này giới thiệu một Lộ trình Hành động dựa trên bằng chứng trình bày các lựa chọn chính sách và chương trình để trao quyền kinh tế cho phụ nữ trong các bối cảnh quốc gia khác nhau. Chủ yếu hướng đến khu vực tư nhân và quan hệ đối tác công tư, báo cáo đo lường việc trao quyền khi tăng năng suất và thu nhập.

Trẻ em gái vị thành niên

[Investments in Adolescent Girls' Physical and Financial Assets: issues and review of the evidence](#). Girl Hub. Quisimbing, A.R. and Kovarik, C. 2013.

Bài báo này trình bày khung khái niệm về phân phối tài sản, trao quyền và phúc lợi mang tính giới. Báo cáo đánh giá bằng chứng về các biện pháp can thiệp nhằm cải thiện tài sản của trẻ em gái, đặc biệt là các chương trình tổng hợp và toàn diện kết hợp nỗ lực cải thiện tài sản tài chính cùng với giáo dục và đào tạo.

[Interventions Promoting Adolescent Girls' Economic Capabilities: What Works?](#) London: GAGE Programme, Stavropolou, M, 2018.

Đánh giá bằng chứng nhanh này tập trung vào các biện pháp can thiệp hướng đến trẻ em gái vị thành niên ở các nước có mức thu nhập thấp và trung bình với các chiến lược kinh tế nhằm thúc đẩy khả năng kinh tế và trao quyền cho các em.

[Delivering Impact for Adolescent Girls: Emerging Findings from Population Council Research](#). New York: Girl Center, 2018

Tóm tắt nghiên cứu này tóm tắt các phát hiện từ 9 đánh giá tác động để tìm hiểu gói can thiệp nào có thể mang lại kết quả tốt nhất cho trẻ em gái vị thành niên, bao gồm các kết quả đầu ra về bạo lực và bình đẳng giới.

Chú thích

¹ Một nghiên cứu về các yếu tố cấp vĩ mô liên quan đến nguy cơ bạo lực do bạn tình gây ra ở 44 quốc gia và 481.205 phụ nữ cho thấy rằng các yếu tố cấp vĩ mô liên quan đến việc giảm nguy cơ bạo lực do bạn tình gây ra ở cấp độ cá nhân bao gồm khả năng tiếp cận đất đai, tài sản, thừa kế và tài sản của phụ nữ. Nghiên cứu cũng kết luận rằng khả năng tiếp cận việc làm, giáo dục và tài sản của phụ nữ ở cấp độ xã hội là những dấu hiệu đánh giá sự trao quyền của phụ nữ và dự đoán mức độ bạo lực do bạn tình gây ra. Nguồn: Heise, L. & Kotsadam, A. (2015) [Cross-national and multilevel correlates of partner violence: an analysis of data from population-based surveys](#), Lancet Global Health, 3(6): E332-E340.

² Để biết thêm thông tin về các nguyên tắc Không để ai bị bỏ lại phía sau của các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG), tham khảo tài liệu của: UB LHQ về Chính sách phát triển (CDP) (2018) [Leaving no one behind](#); UNDP (2018) [What does it mean to leave no one behind?](#) New York: UNDP; United Nations SDG (2019) [Leaving No One Behind: A UNSDG Operational Guide for UN Country Teams](#), New York: UNSDG.

³ Tự tin vào năng lực bản thân để cập đến niềm tin của một cá nhân vào khả năng của họ để thực hiện các hành vi cần thiết để đạt được hiệu suất cụ thể (Bandura, A. (1997). *Self-Efficacy: The exercise of control*. New York, NY: W. H. Freeman)

⁴ Không gian an toàn là nơi mà phụ nữ và trẻ em gái có thể được hỗ trợ thông qua các quá trình trao quyền. Tham khảo tài liệu của Tổ chức International Medical Corps (IMC) và Ủy ban cứu hộ quốc tế (IRC) (2020) [Women and Girls Safe Spaces: A Toolkit for Advancing Women's and Girls' Empowerment in Humanitarian Settings](#). London and New York: IMC and IRC.

⁵ Kerr Wilson A, Gibbs A, McAslan Fraser E, Ramsoomar L, Parke A, Khuwaja H and Jewkes R (2020). [What Works to Prevent Violence against Women and Girls? A Rigorous Global Evidence Review of Interventions to Prevent Violence against Women and Girls](#), South Africa; What Works to Prevent VAWG.

⁶ Dự án can thiệp tài chính vi mô cho bệnh AIDS và bình đẳng giới (IMAGE) (Nam Phi) – can thiệp kết hợp tài chính vi mô và tập huấn về giới cho phụ nữ. Tham khảo: Pronyk, P. M., Hargreaves, J. R., Kim, J. C., Morison, L. A., Phetla, G., Watts, C., ... & Porter, J. D. (2006) [Effect of a structural intervention for the prevention of intimate-partner violence and HIV in rural South Africa: A cluster randomised trial](#). The Lancet, 368(9551), 1973- 1983

⁷ Harvey, S., Mshana, G., Kapiga, I., Lees, S., Kapiga, S. (2019) [STRIVE Impact Case Study: MAISHA – set to reduce violence against women in Tanzania](#); Mwanza Intervention Trials Unit, Mwanza, Tanzania; National Institute for Medical Research, Mwanza, Tanzania; London School of Hygiene & Tropical Medicine, London, UK; 2019; Kapiga, S., Harvey, S., Mshana, G., Holm Hansen, C., Mtolela, G.J., Madaha, F. ... & Watts, C. (2019). [A social empowerment intervention to prevent intimate partner violence against women in a microfinance scheme in Tanzania: findings from the MAISHA cluster randomised controlled trial](#). The Lancet Global Health, 7(10), 1423- 34.

⁸ Gibbs, A., and Bishop, K., (2018) [Combined economic empowerment and gender-transformative interventions](#). Evidence Review. What Works to Prevent VAWG programme.

⁹ Mastonshoeva, S., Shonasimova, S., Gulyamova P., Jewkes R., Shai, N., Chirwa, E.D., & Myrntinen, H. (2019). [Mixed methods evaluation of Zindagii Shoista](#) (Sống có nhân phẩm) can thiệp nhằm cải thiện tình trạng bạo lực đối với phụ nữ ở Tajikistan.

¹⁰ Austrian, K., Soler-Hampejsek, E., Mumah, J., Kangwana, B., Wado, Y., Abuya, B., Shah, V. and Maluccio, J. (2018). [Adolescent Girls Initiative-Kenya: Midline Results Report](#). Nairobi: Population Council.

¹¹ Phụ nữ dưới 30 tuổi dễ bị tổn thương nhất đối với bạo lực do bạn tình gây ra phải đối mặt với các rào cản từ trách nhiệm hộ gia đình và chăm sóc con cái, hạn chế họ tham gia và duy trì các chương trình Trao quyền kinh tế (WEE) và xã hội (SE) cho phụ nữ, và ít có khả năng được hưởng lợi từ hỗ trợ xã hội và có được lời khuyên từ nhóm hỗ trợ đồng cảnh ngộ. Tham khảo: Knight, L., Ranganathan, M., Abramsky, T., Polzer-Ngwato, T., Muvhango, L., Molebatsi, M., Stockl, H., Lees, S. & Watts, C. (2020) [Intervention with Microfinance for AIDS and Gender Equity \(IMAGE\): Women's Engagement with the Scaled-up IMAGE Programme and Experience of Intimate Partner Violence in Rural South Africa](#). Prevention science, 21, 268-281. (Knight, 2019).

¹² Không giống như các sáng kiến Trao quyền kinh tế mới được xây dựng, các nền tảng hiện có và được thiết lập tốt thường ổn định hơn và sẵn sàng tiếp nhận các thành phần/tích hợp bổ sung. Các can thiệp Trao quyền kinh tế có thể được bổ sung vào các can thiệp trao quyền xã hội (phòng chống bạo lực) hiện có. Điều quan trọng là phải quyết định về mô hình thực hiện, vận hành và nâng cao năng lực cho từng đối tác để có can thiệp phối hợp. Tham khảo: Pronyk, K., Hargreaves, M., Morison L.A., Watts, C. & Porter, J. (2005) [Microfinance and HIV prevention—emerging lessons from rural South Africa](#). *Small Enterprise Development*, 16, 26-38.

¹³ Knight, L. et al (2020) Ibid.

¹⁴ Manji, K, Heise, L and Cislighi, B (2020) [Couples' Economic Equilibrium, Gender Norms and Intimate Partner Violence in Kirumba](#), Tanzania in Violence Against Women 1-21

¹⁵ What Works (2018) [Working with families to prevent violence against women and girls in Tajikistan](#). What Works Evidence review.

¹⁶ Goldmann, L., Lundgren, R., Welbourn, A., Gillespie, D., Bajenja, E., Muvhango, L. and Michau, L., 2019. [On the CUSP: the politics and prospects of scaling social norms change programming](#). *Sexual and reproductive health matters*, 27(2), pp.51-63.

¹⁷ Kapiga, S et al (2019) Ibid.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

- ¹⁸ Milat, A., Bauman, A. & Redman, S. (2015) Narrative review of models and success factors for scaling up public health interventions, *Implementation Science*, 10(15).
- ¹⁹ Hargreaves, J., Hatcher, A., Strange, V., Phetla, G., Busza, J., Kim, J., Watts, C., Morison, L., Porter, J., Pronyk, P. and Bonell, C., 2010. Group-microfinance and health promotion among the poor: Six-year process evaluation of the Intervention with Microfinance for AIDS and Gender Equity (IMAGE) in rural South Africa. *Health Education Research*, 25(1), pp.27-40.
- ²⁰ Ranganathan, M., Knight, L., Abramsky, T., Muvhango, L., Polzer Ngwato, T., Mbobelatsi, M., Ferrari, G., Watts, C. and Stöckl, H., (2019) [Associations between women's economic and social empowerment and intimate partner violence: Findings from a microfinance plus program in rural North West Province, South Africa](#). *Journal of interpersonal violence*, p.0886260519836952
- ²¹ Molyneux, M (2008) [Conditional Cash Transfers: A Pathway to Women's Empowerment?](#) Pathways to Women's Empowerment Working Paper 5, Institute of Development Studies, Brighton
- ²² Ví dụ: Sáng kiến Abriendo Oportunidades ('Mở ra cơ hội') hướng dẫn kỹ năng và hỗ trợ cải thiện cuộc sống của trẻ em gái dễ bị tổn thương Mayan ở Belize, Guatemala và Mê-hi-cô.
- ²³ Knight, L. et al. (2020) Ibid.
- ²⁴ Austrian, K., Soler-Hampejsek, E., Kangwana, B., Maddox, N., Wado, Y., Abuya, B., Shah, V., & Maluccio, J. (2020) [Adolescent Girls Initiative–Kenya: Endline Evaluation Report](#). Nairobi: Population Council.
- ²⁵ World Bank (2020) [Women, Business and the Law 2020](#). Washington DC.
- ²⁶ Beattie, T. S., Bhattacharjee, P., Isac, S., Mohan, H. L., Simic-Lawson, M., Ramesh, B. M., ... & Heise, L. (2015) [Declines in violence and police arrest among female sex workers in Karnataka state, South India, following a comprehensive HIV prevention programme](#). *Journal of the International AIDS Society*, 18(1), 20-32.

© UN Women 2020

Tài liệu này là một phần của Hướng dẫn thực hiện Khung Tôn trọng phụ nữ do UN Women thực hiện và tổ chức Social Development Direct xây dựng, có thể tham khảo Khung Tôn trọng phụ nữ [tại đây](#).

Đề xuất trích dẫn khi sử dụng thông tin của tài liệu này: UN Women và Social Development Direct (2020) Trao quyền cho phụ nữ, Khung Tôn trọng phụ nữ: Tóm tắt chiến lược phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ.



TÔN TRỌNG
PHỤ NỮ

TÓM TẮT
CHIẾN LƯỢC

Bảo đảm cung cấp
dịch vụ trợ giúp

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Bảo đảm cung cấp dịch vụ hỗ trợ

MỤC ĐÍCH CỦA CHIẾN LƯỢC : Nhằm đáp ứng nhu cầu của phụ nữ bị bạo lực và ngăn chặn bạo lực tiếp tục xảy ra trong tương lai bằng cách cung cấp những dịch vụ thiết yếu¹, bao gồm các dịch vụ hành pháp, pháp lý, y tế và xã hội. Những dịch vụ này có thể là dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ người bị bạo lực; dịch vụ giúp phòng ngừa bạo lực tái diễn hoặc, giảm mức độ bạo lực; dịch vụ hỗ trợ tâm lý, phòng ngừa nguy cơ lạm dụng rượu bia và các chất gây nghiện đối với nam giới, phụ nữ, trẻ em/trẻ vị thành niên và các gia đình, hướng tới cải thiện sức khỏe tinh thần, giảm xung đột trong các mối quan hệ và giảm lạm dụng chất gây nghiện.

Cơ sở lý luận

Việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cho người từng bị bạo lực đóng góp quan trọng vào tiến trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Trước hết, những can thiệp mang tính phòng ngừa giúp khuyến khích và gia tăng số phụ nữ lên tiếng về bạo lực mà họ phải hứng chịu và tìm kiếm sự giúp đỡ. Do vậy, việc có những cơ chế an toàn, bảo mật để phụ nữ yên tâm trình báo các vụ bạo lực và để họ được chuyển gửi đến những dịch vụ họ cần và mong muốn là vô cùng quan trọng. Thứ hai, có bằng chứng cho thấy khi các dịch vụ (có) chất lượng được cung cấp theo cách tôn trọng quyền của phụ nữ thì có thể làm giảm các yếu tố nguy cơ và tăng các yếu tố bảo vệ trước tình trạng bạo lực giới (mặc dù việc các dịch vụ này có trực tiếp ngăn ngừa các vụ bạo lực mới hoặc bạo lực tái diễn hay không thì chưa có bằng chứng rõ ràng). Thứ ba, những dịch vụ hành pháp, pháp lý, y tế và xã hội có thể giảm nhẹ tác động tiêu cực của bạo lực đối với sức khỏe, sự an toàn và phúc lợi của người bị bạo lực. Những dịch vụ này chính là điểm tiếp nhận để xác định sớm bạo lực và ứng phó kịp thời, nhằm giảm bạo lực tái diễn, đồng thời cũng là điểm khởi đầu cho những nền tảng quy mô lớn nhằm lồng ghép phòng ngừa và ứng phó với bạo lực giới.

Việc hỗ trợ thực hiện các dịch vụ **hành pháp và pháp lý** có vai trò rất quan trọng nhằm đảm bảo pháp luật chống lại bạo lực giới được thực thi và báo hiệu cho xã hội biết rằng bạo lực không thể chấp nhận. Những luật, quy định này được đưa ra để giữ an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái, chấm dứt tình trạng miễn trừ trừng phạt đối với người gây bạo lực và, buộc họ phải chịu trách nhiệm. Những chủ thể cung cấp những dịch vụ này đôi khi còn được gọi là nhà cung cấp dịch vụ tư pháp - để gọi chung nhiều chủ thể tư pháp chính thức và phi chính thức trong nhiều bối cảnh văn hóa, tôn giáo, truyền thống và luật pháp khác nhau.² Những người thực hiện công lý không chính thức, chẳng hạn như những nhà lãnh đạo tôn giáo hay lãnh đạo cộng đồng, đôi khi có thể nghe điều trần về những vụ bạo lực giới tại tòa án truyền thống và/hoặc đóng vai trò trung gian hòa giải trong các vụ bạo lực giới.³ Tuy nhiên, việc hòa giải cần được nhìn nhận một cách cẩn trọng, vì trong một

số bối cảnh và do bản chất nam quyền của hệ thống tư pháp phi chính thức, việc hòa giải có thể bị dùng để duy trì đoàn kết gia đình và trong những trường hợp bị cưỡng hiếp thì có thể cuối cùng người phụ nữ phải cưới kẻ gây bạo lực/xâm hại.

Các dịch vụ y tế⁴ chất lượng cao có vai trò vô cùng quan trọng đối với người bị bạo lực vì họ cần được chăm sóc y tế, gồm cả chăm sóc sức khỏe tâm lý và tinh thần. Đây cũng là điểm đầu vào quan trọng cho các chương trình can thiệp vì những người cung cấp dịch vụ y tế thường là những người cung cấp dịch vụ chính thức đầu tiên mà người bị bạo lực tiếp cận với sau khi bị bạo lực, cho dù sau đó những nạn nhân này có trình báo vụ bạo lực hay không. Can thiệp về dịch vụ y tế có thể giải quyết những nhu cầu về sức khỏe thể chất, tinh thần, tình dục và sinh sản của người bị bạo lực, qua việc điều trị các tổn thương, hỗ trợ tâm lý, chăm sóc sau khi bị xâm hại, tránh thai khẩn cấp, phá thai an toàn (theo quy định của luật pháp), phòng tránh và điều trị các bệnh lây qua đường tình dục (STI), và điều trị dự phòng sau phơi nhiễm HIV.⁵ Các nhà cung cấp dịch vụ này cũng có thể đáp ứng các nhu cầu ngắn hạn và dài hạn của người bị bạo lực.

Các dịch vụ xã hội hỗ trợ về mặt phúc lợi, sức khỏe và sự an toàn của người bị bạo lực qua một số hoạt động, gồm: tư vấn khủng hoảng, đường dây nóng hỗ trợ và cung cấp/tiếp nhận thông tin, hỗ trợ dịch vụ, nơi ở/nhà an toàn và tiếp cận nhà tạm lánh, hỗ trợ tài chính, tư vấn và hỗ trợ để họ tiếp cận thông tin về luật pháp và quyền lợi của mình.⁶ Các dịch vụ xã hội cũng bao gồm các can thiệp phòng ngừa nhằm giải quyết nhu cầu tâm lý của các nhóm có nguy cơ bị bạo lực, bao gồm cả phòng tránh lạm dụng các chất gây nghiện và đáp ứng nhu cầu về sức khỏe tinh thần.

Điều quan trọng là các đơn vị cung cấp dịch vụ hành pháp, pháp lý, y tế và xã hội có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người bị bạo lực và các nguyên tắc chăm sóc lấy người bị bạo lực làm trung tâm, gồm cả nguyên tắc đảm bảo an toàn cho họ. Những nguyên tắc này được nêu trong Gói Dịch vụ Thiết yếu của Liên Hợp Quốc dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực.⁷

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Yếu tố nguy cơ và phòng ngừa

Chiến lược này hướng tới giải quyết các yếu tố nguy cơ và thúc đẩy các yếu tố bảo vệ sau để phòng ngừa bạo lực giới:

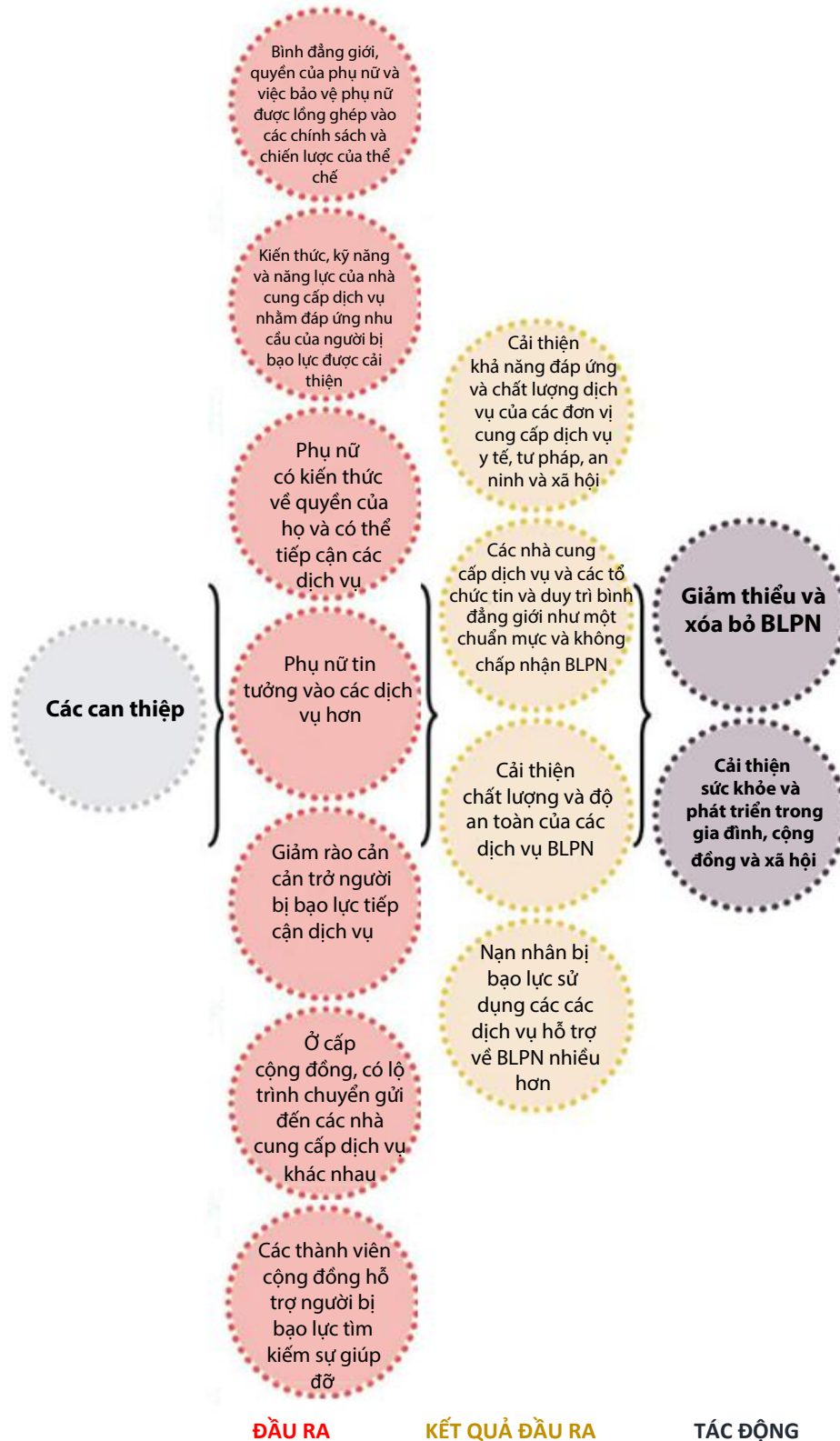
Cấp độ	Yếu tố nguy cơ	Yếu tố phòng ngừa bảo vệ
Cá nhân	<p>Quan điểm bỏ qua/tha thứ hoặc biện minh cho rằng bạo lực là bình thường và có thể chấp nhận được (nam giới và phụ nữ)</p> <p>Rối loạn tâm lý/Điều tiết cảm xúc kém (nam giới)</p> <p>Sử dụng chất gây nghiện và rượu ở mức có hại (nam giới và phụ nữ)</p>	<p>Thái độ bình đẳng giới (nam giới và phụ nữ)</p> <p>Phúc lợi tốt về cả tâm lý và xã hội (nam giới và phụ nữ)</p>
Liên cá nhân	<p>Giao tiếp kém, kỹ năng giải quyết xung đột và giải quyết vấn đề kém hiệu quả</p> <p>Phụ nữ bị cô lập và thiếu hỗ trợ xã hội</p>	<p>Các kỹ năng xây dựng quan hệ để giúp giảm tác nhân gây bạo lực (kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng giao tiếp)</p> <p>Kết nối, gắn kết xã hội</p>
Cộng đồng	<p>Chuẩn mực giới có hại đang duy trì đặc quyền của nam giới, và hạn chế sự tự chủ của nữ giới</p> <p>Những chuẩn mực xã hội chấp nhận/bỏ qua cho bạo lực đối với phụ nữ</p> <p>Tàng trữ chất gây nghiện, rượu và vũ khí</p>	<p>Các chuẩn mực ủng hộ các mối quan hệ phi bạo lực và bình đẳng giới, thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ</p> <p>Sự trừng phạt của xã hội đối với thủ phạm gây bạo lực giới</p>
Xã hội	<p>Thiếu luật chống lại bạo lực giới hoặc luật không được thực thi</p> <p>Nạn phân biệt giới trong các tổ chức (hành pháp, pháp lý, y tế)</p>	<p>Các luật nhằm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thúc đẩy bình đẳng giới (như quyền về đất đai và thừa kế) Xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Lý thuyết sự thay đổi

Sơ đồ sau trình bày lý thuyết thay đổi một cách đơn giản, cho thấy các dịch vụ can thiệp cho người bị bạo lực dựa trên bằng chứng có thể giúp giảm bạo lực giới một cách bền vững ra sao. Cần tiếp tục phát triển và điều chỉnh lý thuyết này cho các chương trình cụ thể.

S: Đảm bảo dịch vụ (service ensured)



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Mô hình can thiệp

Một số mô hình can thiệp khác nhau đã được thực hiện ở các nước có thu nhập cao (HIC) và các nước có thu nhập thấp và trung bình (LMIC) để tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ cho người người bị bạo lực. Bảng dưới đây trình bày tóm tắt bằng chứng cho thấy tác động của các dịch vụ can thiệp đối với tỷ lệ bạo lực giới, các kết quả cấp độ trung gian giúp giải quyết các yếu tố nguy cơ xảy ra bạo lực giới và các kết quả thứ cấp liên quan đến sức khỏe, phúc lợi và trao quyền cho phụ nữ ở các nước thu nhập cao, nước thu nhập thấp và trung bình.⁸ Bảng này mô tả các loại dịch vụ can thiệp chính được nhấn mạnh trong khung RESPECT và cung cấp một cái nhìn tổng quan ngắn gọn về cơ sở bằng chứng hiện tại và các chương trình tiêu biểu. Chúng tôi đã ưu tiên giới thiệu, nếu có, các ví dụ về chương trình từ các nước thu nhập thấp và trung bình và / hoặc các tổ chức về quyền của phụ nữ - những chủ thể có vai trò chính trong việc cung cấp dịch vụ cho phụ nữ bị bạo lực trong cộng đồng. Bằng chứng chủ yếu được lấy từ các đánh giá về công tác phòng chống bạo lực được thực hiện trong giai đoạn 2014-2015,⁹ và các bằng chứng gần đây hơn cũng đã được đưa vào nếu phù hợp. Đối với các dịch vụ y tế, bằng chứng dựa trên các hướng dẫn của WHO về ứng phó với bạo lực giữa các cặp đôi và bạo lực tình dục đối với phụ nữ.

● **hiều triển vọng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy tình trạng bạo lực giảm đáng kể

■ **cần thêm bằng chứng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra trung gian cho thấy có cải thiện liên quan đến bạo lực

◆ **Kết quả mâu thuẫn**, đánh giá cho thấy kết quả mâu thuẫn trong việc giảm bạo lực
 không có bằng chứng, can thiệp chưa được đánh giá nghiêm túc

▼ **không hiệu quả**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy bạo lực không giảm
H Nước có mức thu nhập cao
L Nước có mức thu nhập thấp và TB

Loại hình can thiệp	Mô tả	Bằng chứng thể hiện tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Các can thiệp tư vấn trao quyền hoặc hỗ trợ tâm lý để tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ và vận động chính sách	Loại hình can thiệp này bao gồm việc cung cấp cho phụ nữ thông tin, hỗ trợ và đồng hành để tiếp cận nhiều loại dịch vụ, bao gồm tư vấn, hỗ trợ tâm lý xã hội hoặc tư vấn pháp lý. Các nhà cung cấp dịch vụ chính là những người ủng hộ người bị bạo lực, những người cung cấp thông tin và hỗ trợ phụ nữ có thể đưa ra những lựa chọn sáng suốt về việc có nên tìm kiếm sự giúp đỡ hay không và đến đâu để được hỗ trợ. Các nhà cung cấp dịch vụ này sau đó thường đồng hành cùng phụ nữ đến các dịch vụ và vận động cho quyền của họ.	<p>H Có bằng chứng đầy hứa hẹn từ các nước thu nhập cao rằng loại can thiệp này có thể hiệu quả trong việc giảm vụ việc phụ nữ bị một số hình thức bạo lực với vợ/bạn tình (bao gồm cả bạo lực về thể chất và tinh thần) trong ngắn hạn, đặc biệt nếu hoạt động vận động chính sách được tăng cường. Tuy nhiên, có rất ít bằng chứng về tác động trong dài hạn.¹⁰</p> <p>L Cần có thêm bằng chứng từ các nước thu nhập thấp và trung bình (LMIC) vì hiện có rất ít đánh giá về các can thiệp vận động chính sách, nhưng ít nhất, có một nghiên cứu cho thấy có cải thiện về kết quả cấp độ trung gian liên quan đến bạo lực, ví dụ: việc áp dụng một số hành vi đảm bảo an toàn.¹¹ Những can thiệp này đã được thực hiện chủ yếu ở các nước thu nhập cao (HIC), gồm cả trong trường hợp các dịch vụ chăm sóc trước sinh, và đang sử dụng rất nhiều nguồn lực. Do đó, cần tìm hiểu về khả năng ứng dụng của các can thiệp này ở nước thu nhập thấp/trung bình.</p>	<p>Dự án vận động chính sách cộng đồng (The Community Advocacy Project) (Hoa Kỳ)</p> <p>Can thiệp nâng quyền cho phụ nữ mang thai (Empowerment intervention for pregnant women) (được thiết kế ở Hoa Kỳ, điều chỉnh ở Hồng Kông, Ấn Độ và Peru)¹²</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Loại hình can thiệp	Mô tả	Bằng chứng thể hiện tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Nhà tạm lánh/nơi ở an toàn/ngôi nhà bình yên	Các can thiệp về nơi tạm lánh cung cấp chỗ ở khẩn cấp hoặc chuyển tiếp cho phụ nữ bị bạo lực và con cái của họ, và thường cũng cung cấp hoặc điều phối để giúp họ tiếp cận các dịch vụ khác, bao gồm tư vấn tâm lý xã hội, chăm sóc sức khỏe, việc làm, hỗ trợ kinh tế và đào tạo, tập huấn.	<p>H Cần thêm bằng chứng¹ ở cả HIC và LMIC về việc liệu các nơi tạm lánh có giúp giảm bạo lực cho những người bị bạo lực không, một số nghiên cứu cho thấy hoạt động này có thể làm tăng bạo lực trong ngắn hạn, nhưng sẽ giảm bạo lực trong dài hạn. Điều này có thể phụ thuộc vào việc phụ nữ sau khi rời nơi tạm lánh đó có thể sống độc lập và rời bỏ người bạn đời bạo lực của mình hay không, qua đó ngăn ngừa bạo lực tái diễn trong tương lai. Nơi tạm lánh cũng có thể đem đến những cải thiện về kết quả thứ cấp liên quan đến bạo lực, gồm cả dữ liệu tự báo cáo.¹³</p> <p>L</p>	Nhà chuyển tiếp Maiti Nepal (Maiti Nepal Transit Homes) (Nepal)
Đường dây nóng trợ giúp	Đường dây trợ giúp qua điện thoại hoặc trực tuyến là một hình thức can thiệp trong tình huống khẩn cấp mà những bị bạo lực hoặc người thân của họ có thể liên hệ để nói chuyện với ai đó và nhận hướng dẫn về cách tiếp cận hỗ trợ.	<p>H Cần có thêm bằng chứng ở cả HIC và LMIC để đánh giá hiệu quả của đường dây trợ giúp trong việc giảm vụ việc phụ nữ bị bạo lực. Tuy nhiên, có bằng chứng ở cả HIC và LMIC cho thấy đường dây trợ giúp có thể dẫn đến cải thiện kết quả cấp trung gian liên quan đến bạo lực, gồm cả việc người bị bạo lực cảm thấy được hỗ trợ, và việc họ cần được cung cấp nguồn lực hỗ trợ.¹⁴</p> <p>L</p>	Đường dây trợ giúp bảo vệ phụ nữ SAWA (SAWA Women's Protection Helpline) (lãnh thổ Palestin)
Trung tâm 1 cửa hổ trợ trong trường hợp khủng hoảng	Trung tâm một cửa hổ trợ trong trường hợp khủng hoảng (OSCC) là một phần của phương pháp tiếp cận đa ngành nhằm cung cấp nhiều loại dịch vụ tại một địa điểm, thường gồm các dịch vụ y tế, xã hội và pháp lý. Các trung tâm này có thể hoạt động độc lập hoặc có thể nằm trong các cơ sở y tế hoặc pháp lý như bệnh viện hoặc tòa án. Các trung tâm 1 cửa chỉ là một phương thức để cung cấp và điều phối các dịch vụ đa ngành. ¹⁵	<p>H Hiện không có bằng chứng nào ở các HIC về ảnh hưởng của các trung tâm một cửa đến tình trạng phụ nữ bị bạo lực.</p> <p>L Cần có thêm bằng chứng ở các LMIC. Hai đánh giá tổng quan hệ thống cho thấy hiện tại chưa có nhiều đánh giá nghiêm ngặt được triển khai. Trong số những đánh giá đã được tiến hành, không có bằng chứng cho thấy trung tâm 1 cửa OSCC giúp cải thiện khả năng tiếp cận, hoặc nâng cao chất lượng dịch vụ, hoặc cải thiện sức khỏe hoặc phúc lợi.¹⁶ Một số đánh giá dự án ở LMIC gợi ý rằng các trung tâm này có thể cải thiện sự hài lòng của người dùng, giúp họ có cảm thấy được trao quyền và thấy thoải mái hơn khi chia sẻ thông tin.¹⁷ Tuy nhiên, các trung tâm này có thể tốn kém và không phù hợp trong mọi bối cảnh và do đó, cần được cân nhắc cùng với các phương pháp cung cấp dịch vụ khác.</p>	<p>Trung tâm 1 cửa Isange (Isange One Stop Centre) (Rwanda)</p> <p>Trung tâm chăm sóc Thuthuzela (Thuthuzela Care Centres) (Nam Phi)</p> <p>Trung tâm khủng hoảng Dilaasa (Dilaasa Crisis Centres) (Ấn Độ)</p>

1. Bất kể nơi tạm lánh/chỗ ở an toàn có phòng ngừa được bạo lực hay không, những dịch vụ này đều cần thiết để cung cấp không gian an toàn cho những phụ nữ có thể phải ra khỏi nhà và cần được cung cấp nguồn lực.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Loại hình can thiệp	Mô tả	Bằng chứng thể hiện tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Can thiệp phòng ngừa lạm dụng rượu	<p>Các can thiệp phòng ngừa lạm dụng rượu hoặc chất gây nghiện hướng tới đối tượng là nam giới gây bạo lực (bạo lực đối với vợ/bạn tình hoặc bạo lực tình dục với người không phải là vợ/bạn tình) có lạm dụng rượu hoặc chất gây nghiện</p> <p>Một số biện pháp can thiệp cũng có thể hướng đến những phụ nữ có nguy cơ bị bạo lực hoặc phụ nữ đã bị bạo lực mà đang lạm dụng rượu hoặc chất gây nghiện.</p>	<p>H Cần có thêm bằng chứng từ cả HIC và LMIC để cho thấy các can thiệp phòng ngừa lạm dụng rượu có thể thành công trong việc giảm bạo lực đối với vợ/bạn tình. Khi được kết hợp với các phương pháp tiếp cận về y tế hoặc phòng ngừa khác (như các phương pháp tiếp cận trị liệu tâm lý và phương pháp chuyển đổi mối quan hệ giới, hoặc các biện pháp can thiệp cho các cặp đôi/ cặp vợ chồng), có bằng chứng cho thấy các biện pháp can thiệp phòng ngừa lạm dụng rượu có thể đem lại hiệu quả. Tuy nhiên, bằng chứng về hiệu quả của các biện pháp can thiệp lạm dụng rượu nếu áp dụng độc lập, riêng lẻ đối với vụ việc phụ nữ bị bạo lực và việc nam giới tiếp tục gây bạo lực đối với phụ nữ vẫn còn chưa rõ ràng. Ở cả HIC và LMIC, các biện pháp can thiệp lạm dụng rượu có thể giúp làm giảm các yếu tố nguy cơ liên quan đến bạo lực, gồm cả cải thiện sức khỏe tâm thần hoặc giảm sử dụng rượu và chất gây nghiện.¹⁸</p>	<p>Phương pháp giải quyết yếu tố chung (Common Elements Treatment Approach) (CETA) (Zambia)</p> <p>Nhóm Sức khỏe của phụ nữ (Women's Health Co-op) (Nam Phi)</p>
Can thiệp với người gây bạo lực	<p>Các biện pháp can thiệp hướng tới nam giới gây bạo lực với mục đích giảm thiểu việc tái phạm và thường nhắm vào những nam giới mà tòa án yêu cầu buộc phải tham gia do đã bị bắt vì gây ra bạo lực. Những can thiệp này có thể bao gồm các buổi học về quản lý giận dữ hoặc trị liệu hành vi nhận thức tập trung vào việc sử dụng phương pháp giáo dục giảm bạo lực hoặc giáo dục tâm lý, gồm cả các phương pháp tiếp cận nữ quyền tập trung vào quyền lực và sự kiểm soát trong các mối quan hệ. Những can thiệp này đôi khi có thể kết hợp với các can thiệp phòng ngừa lạm dụng rượu và chất gây nghiện (xem phần trên).</p>	<p>H Có bằng chứng mâu thuẫn về việc liệu các biện pháp can thiệp nhắm vào nam giới gây bạo lực có thành công trong việc phòng ngừa bạo lực giới ở các HIC hay không, và các bằng chứng hiện tại đang gặp một số vấn đề lớn về phương pháp luận. Một số chương trình kết hợp can thiệp nhắm vào nam giới gây bạo lực với các biện pháp phòng ngừa lạm dụng rượu/ chất gây nghiện, hoặc tư vấn cho các cặp vợ chồng/cặp đôi, mặc dù những chương trình kết hợp nhiều loại can thiệp này cũng có kết quả chưa rõ ràng.¹⁹</p> <p>L Cần có thêm bằng chứng ở nước LMIC về hiệu quả của các biện pháp can thiệp nhắm tới người gây bạo lực. Các bằng chứng hiện có chỉ tập trung vào các biện pháp cụ thể như can thiệp về sử dụng rượu và chất gây nghiện với người gây bạo lực giúp giảm các yếu tố nguy cơ, như đã nêu trên.</p>	

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Loại hình can thiệp	Mô tả	Bằng chứng thể hiện tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Đồn/đơn vị cảnh sát/công an dành cho phụ nữ	Những biện pháp can thiệp này thường gồm việc thành lập các đơn vị cảnh sát/công an cung cấp các dịch vụ chuyên biệt cho phụ nữ (và đôi khi cả trẻ em), đặc biệt là những người từng bị bạo lực. Cán bộ của các đơn vị này thường là những nữ cảnh sát đã được đào tạo chuyên môn về xử lý các vụ việc bạo lực giới. Các đơn vị như vậy có thể thực hiện một loạt các chức năng, bao gồm tiếp nhận khiếu nại và tố cáo về bạo lực, chuyển gửi đến các dịch vụ khác và hỗ trợ khởi tố pháp lý. Các đơn vị này đôi khi cũng có thể tiến hành hòa giải hoặc điều tra sơ bộ vụ việc bạo lực giới.	<p>H Hiện không có bằng chứng về hiệu quả của các can thiệp này ở HIC, dù là hiệu quả với việc giảm bạo lực giới hay cải thiện kết quả cấp độ trung gian liên quan tới bạo lực.</p> <p>L Cần thêm bằng chứng từ LMIC. Có bằng chứng cho thấy việc thành lập các đồn/đơn vị cảnh sát có thể dẫn đến cải thiện kết quả thứ cấp liên quan đến bạo lực, gồm cả việc tố cáo xâm hại.²⁰ Tuy nhiên, hiện có rất ít bằng chứng cho thấy rằng các đồn hoặc đơn vị cảnh sát dành cho phụ nữ có thể dẫn đến giảm bạo lực giới hoặc các yếu tố nguy cơ đối với bạo lực giới, mặc dù một nghiên cứu gần đây ở Brazil đã liên hệ việc thành lập các đồn cảnh sát dành cho phụ nữ với việc giảm số vụ giết phụ nữ thuộc một số nhóm.²¹</p>	<p>Comisaría de la Mujer (Argentina)</p> <p>Delegacias Especializadas de Atendimento das Mulheres (Brazil)</p>
Sàng lọc trong các dịch vụ y tế	Các can thiệp sàng lọc gồm việc hỏi tất cả phụ nữ xem họ đã từng bị bạo lực do chồng/bạn tình gây ra chưa khi họ đến khám chữa bệnh, bằng cách sử dụng một loạt các công cụ, quy trình chuẩn hoặc câu hỏi trước hoặc trong quá trình thăm khám sức khỏe.	<p>H Bằng chứng từ HIC cho thấy các can thiệp sàng lọc không hiệu quả để giúp giảm bạo lực giới. Mặc dù việc sàng lọc có thể làm tăng việc phụ nữ tiết lộ họ bị bạo lực, nhưng không có bằng chứng nào cho thấy điều này dẫn đến gia tăng số ca chuyển gửi và sử dụng các dịch vụ.²²</p> <p>L Không có bằng chứng về hiệu quả của các can thiệp sàng lọc đối với việc giảm yếu tố nguy cơ BLPN hoặc BLPN ở LMIC.²³</p>	
Nâng cao năng lực và tập huấn cho nhân sự của tổ chức (mà không làm thay đổi môi trường tổ chức)	Loại can thiệp này bao gồm việc tiến hành nâng cao năng lực và đào tạo dựa trên kỹ năng với các cơ quan tổ chức, như cảnh sát, tư pháp và đơn vị cung cấp dịch vụ y tế về nhận thức, phòng ngừa và ứng phó với BLPN.	<p>H Bằng chứng từ HIC và LMIC cho thấy rằng việc tự đào tạo các nhân viên trong tổ chức không hiệu quả để giúp làm giảm tình trạng bạo lực. Tuy nhiên, đào tạo đi kèm với thay đổi thể chế trên toàn hệ thống, cùng với các nội dung tập trung giải quyết định kiến giới, chính sách của tổ chức, và hỗ trợ cho cán bộ chương trình, có thể cải thiện hoạt động ứng phó lấy người bị bạo lực làm trung tâm.²⁴</p> <p>L</p>	

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Chương trình tiêu biểu

Bảng sau tóm tắt ba chương trình khác nhau đã được chứng minh là giúp giảm tỷ lệ bạo lực giới trong thời gian triển khai chương trình. Bảng này nên được xem xét cùng với Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai chương trình ở trang 9, cũng như các nguyên tắc hướng dẫn xây dựng chương trình hiệu quả được cung cấp trong khung RESPECT khi điều chỉnh bất kỳ phương pháp luận nào trong số này. Thông tin chi tiết hơn về từng chương trình được cung cấp trong phần tóm tắt chương trình.

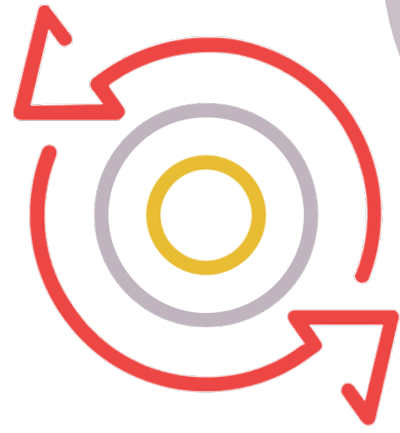
Cách tiếp cận	Mô tả	Địa điểm	Nhóm đối tượng mục tiêu	Hoạt động chính	Thời gian	Đánh giá và tác động
Chương trình y tế	Can thiệp điều trị tâm lý được điều chỉnh từ 'liệu pháp kích thích hành vi' và được các cố vấn hỗ trợ (lay counsellor) sử dụng để điều trị cho bệnh nhân trầm cảm	Goa, Ấn Độ	Bệnh nhân từ 8 phòng khám ban đầu bị trầm cảm từ mức độ trung bình đến nặng. Cố vấn hỗ trợ là thành viên cộng đồng.	Các hoạt động điều trị tâm lý, do các cố vấn hỗ trợ tiến hành, bao gồm các buổi trị liệu được thực hiện tuân theo các chiến lược cốt lõi như đánh giá hành vi và tự giám sát, giáo dục tâm lý, cấu trúc hoạt động và giải quyết vấn đề. ²⁵	Lên đến 8 buổi, tiến hành trong vòng 2 đến 3 tháng, mỗi buổi kéo dài từ 30 đến 45 phút.	Đánh giá loại: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên (RCT) ²⁶ Kết quả chính: Những người tham gia nhóm can thiệp đã giảm đáng kể các triệu chứng trầm cảm nghiêm trọng (kết quả chính) khi so sánh với nhóm đối chứng, và tỷ lệ khuyết tật thấp hơn đáng kể, giảm ngày nghỉ làm, giảm ý định tự tử và tỷ lệ bị bạo hành bởi chồng/bạn tình giảm đi (ở phụ nữ). ²⁷
Thử nghiệm điều trị bạo lực và lạm dụng rượu (VATU) theo Phương pháp điều trị các yếu tố chung (CETA)	Nhằm cải thiện sức khỏe tâm thần và giảm sử dụng chất gây nghiện, thông qua đó giảm tình trạng bạo lực với vợ/bạn tình bằng cách kết hợp Phương pháp Điều trị Các Yếu tố chung với một chương trình giảm sử dụng rượu. ²⁸	3 khu vực đô thị ở Lusaka, Zambia	3 người từ mỗi gia đình, bao gồm: một phụ nữ trưởng thành, chồng hoặc bạn tình nam và một trẻ em trai hoặc gái (từ 8-17 tuổi)	Các buổi hoạt động nhóm được tổ chức riêng cho nam giới, phụ nữ và trẻ em. Hợp phần giảm sử dụng rượu tập trung vào nâng cao nhận thức về hệ quả của lạm dụng rượu, về mối liên hệ của rượu với bạo lực, và các chuẩn mực giới. Nội dung CETA tập trung vào việc sử dụng chất gây nghiện, làm cha mẹ tích cực và các mối quan hệ gia đình, quản lý xung đột/mâu thuẫn, và thái độ và niềm tin về bạo lực. ²⁹	6-12 buổi hàng tuần, mỗi tuần 1-2 giờ	Loại đánh giá: RCT ³⁰ Các phát hiện chính: Thử nghiệm đã ghi nhận được ở nam giới, tình trạng sử dụng rượu, sử dụng rượu ở mức có hại và gây bạo lực cho vợ/bạn tình giảm đáng kể. Tương tự, việc sử dụng rượu, sử dụng rượu ở mức có hại và việc bị bạo lực bởi chồng/bạn tình về thân thể và tình dục ở phụ nữ cũng giảm đáng kể. Cả nam giới và phụ nữ đều cho thấy tình trạng giảm đáng kể các vấn đề sức khỏe tâm thần. ³¹

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Cách tiếp cận	Mô tả	Địa điểm	Nhóm đối tượng mục tiêu	Hoạt động chính	Thời gian	Đánh giá và tác động
Sáng kiến Nhà an toàn và Tôn trọng mọi người (SHARE)	Huy động dựa vào cộng đồng, lồng ghép vào các dịch vụ phòng ngừa và điều trị HIV thường xuyên	Uganda	40 tình nguyện viên cộng đồng – nam giới và phụ nữ địa phương. 12 trợ lý tư vấn cộng đồng tình nguyện (CCA)	Chương trình kết hợp cộng đồng để thay đổi những thái độ và chuẩn mực đã góp phần làm gia tăng nguy cơ bạo lực giới và lây nhiễm HIV, với việc sàng lọc phụ nữ để phát hiện vụ việc bị bạo lực do chồng/bạn tình, sau đó tiến hành can thiệp để giảm bạo lực và rủi ro liên quan đến việc tiết lộ tình trạng HIV cho những phụ nữ muốn được tư vấn và xét nghiệm HIV. SHARE được mô phỏng dựa trên SASA! và các phương pháp tiếp cận và chương trình giảng dạy của Stepping Stones, tích hợp các hoạt động phòng chống bạo lực chất lượng cao, phù hợp với văn hóa vào một cấu trúc hỗ trợ xã hội và y tế đã có sẵn.	5 năm	Loại đánh giá: Nghiên cứu ngẫu nhiên có đối chứng theo cụm Tác động: Giảm tỷ lệ phụ nữ báo cáo họ bị bạo lực bởi chồng/bạn tình về thể chất và tình dục trong năm qua. Giảm tỷ lệ hiện nhiễm HIV và tỷ lệ tiết lộ tình trạng HIV ở cả phụ nữ và nam giới. ³²

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai chương trình



Các yếu tố và nguyên tắc chung của các phương pháp tiếp cận hiệu quả để cung cấp dịch vụ gồm:

Thiết kế và điều chỉnh chương trình

- Thực hiện các biện pháp cung cấp can thiệp kết hợp các yếu tố dự phòng ban đầu và dịch vụ.** Các dịch vụ ứng phó với bạo lực giới chất lượng cao, lấy người bị bạo lực làm trung tâm có thể giúp phụ nữ lên tiếng và tìm kiếm sự giúp đỡ, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để giảm kỳ thị và đóng góp vào các mục tiêu phòng ngừa. Việc kết hợp dự phòng ban đầu với các dịch vụ ghi nhận rằng trong bất kỳ cộng đồng nào có tỷ lệ bạo lực giới cao, các can thiệp dự phòng sẽ tạo ra nhu cầu sử dụng dịch vụ khi phụ nữ lên tiếng, và do đó các dịch vụ này phải luôn sẵn sàng để đáp ứng nhu cầu. [Gói dịch vụ thiết yếu của LHQ](#) và [các công cụ của WHO về ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ trong hợp phần y tế](#) sẽ được kết hợp để tạo ra hướng dẫn hữu ích cho việc cung cấp các dịch vụ chất lượng (ví dụ: ưu tiên an toàn, các phương pháp tiếp cận lấy người bị bạo lực làm trung tâm, bảo mật, quyền riêng tư và tự chủ), và có thể kết nối với các lĩnh vực và các cơ quan khác thông qua công tác điều phối.
- Sử dụng các phương pháp tiếp cận toàn hệ thống để cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho những người bị bạo lực.** Phương pháp tiếp cận toàn hệ thống đòi hỏi phải chú ý đến các chính sách, giao thức, cơ sở hạ tầng, nguồn lực, năng lực cán bộ, thái độ của nhân viên đối với giới và bạo lực giới, hệ thống dữ liệu và ghi nhận các trường hợp, và chuyển gửi.³³ Việc đảm bảo có sẵn cơ sở hạ tầng và hệ thống y tế đầy đủ có vai trò đặc biệt quan trọng khi muốn nhân rộng các dịch vụ y tế để cung cấp cho người bị bạo lực.³⁴
- Đưa việc tập huấn liên tục cho các nhà cung cấp dịch vụ là một nhiệm vụ thường xuyên.** Việc tập huấn cho các nhà cung cấp dịch vụ (ví dụ: công an hoặc cán bộ y tế) về phòng ngừa bạo lực, ứng phó với bạo lực, hoặc các chuẩn mực xã hội tích cực nếu được thực hiện như một hoạt động độc lập, chỉ tiến hành “một lần” thì sẽ không thể duy trì bền vững những thay đổi trong thực hành của nhà cung cấp.

Để tạo tác động, việc tập huấn cần được đưa vào các cấu trúc thể chế, khuôn khổ, chính sách hoặc chương trình giảng dạy và cần có tính “chuyển đổi mối quan hệ giới” để thay đổi thái độ và chuẩn mực giới của các cá nhân cũng như các hệ thống và cấu trúc đang góp phần duy trì bạo lực, phân biệt đối xử và bất bình đẳng phổ biến trong các tổ chức.³⁵ Các nhà cung cấp dịch vụ nên được tập huấn về cách cung cấp dịch vụ chăm sóc lấy người bị bạo lực làm trung tâm, cân nhắc nhu cầu đa dạng của người bị bạo lực và giảm thiểu việc gián tiếp gây tổn thương cho họ. Các nhà cung cấp dịch vụ cũng cần hiểu rõ về các vai trò và hướng dẫn để đảm bảo các dịch vụ được cung cấp một cách an toàn, chất lượng và có sự phối hợp giữa các ngành. Việc đào tạo tại chức được cho các nhà cung cấp dịch vụ như một nhóm đa ngành dường như cũng giúp cải thiện hiệu quả phối hợp để ứng phó với các vụ việc bạo lực.

Thực thi và nhân rộng mô hình

- Tăng cường chăm sóc và hỗ trợ dựa vào cộng đồng cho phụ nữ bị bạo lực.** Các tổ chức vì quyền của phụ nữ có bề dày kinh nghiệm cung cấp dịch vụ và có mạng lưới cộng đồng đã được thiết lập tốt.³⁶ Tình nguyện viên của cộng đồng có thể đóng vai trò là cầu nối quan trọng giữa các thành viên cộng đồng với các cơ quan chức năng và các nhà cung cấp dịch vụ phi chính phủ khác, bằng cách giới thiệu/chuyển gửi, đồng hành, và hỗ trợ những người bị bạo lực đã trình báo và mong muốn được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, an ninh, phúc lợi xã hội và pháp lý.
- Lựa chọn, đào tạo và giám sát các tình nguyện viên cộng đồng một cách cẩn thận.** Các tình nguyện viên cộng đồng cũng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp một số loại dịch vụ nhất định trong điều kiện nguồn lực hạn chế, gồm cả tư vấn tâm lý xã hội. Trong những trường hợp như vậy, tình nguyện viên cộng đồng cần được lựa chọn, đào tạo và hỗ trợ cẩn thận để đảm bảo họ đang làm mẫu cho các hành vi có

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

tính đáp ứng giới, các thái độ chuẩn mực để hỗ trợ nạn nhân, đồng thời có các kỹ năng và kiến thức cần thiết để cung cấp hỗ trợ tâm lý tuyến đầu và giúp người bị bạo lực tiếp cận các dịch vụ ứng phó kịp thời.

6. **Ưu tiên an toàn về thể chất và tâm lý cho phụ nữ và trẻ em gái.** Đảm bảo rằng công tác giám sát và đánh giá các can thiệp phòng ngừa và ứng phó với bạo lực giới được thực hiện thường xuyên để có thể xác định được các rủi ro tiềm tàng đối với phụ nữ và trẻ em gái, và rằng các chương trình này bao gồm đầy đủ hệ thống xử trí phù hợp để giải quyết những rủi ro được phát hiện và không gây thêm tổn hại gì.
7. **Đảm bảo cường độ và thời lượng tiến hành một số loại can thiệp ứng phó phù hợp.** Bằng chứng cho thấy một số loại hình can thiệp ứng phó cần được tiến hành với cường độ và thời gian đủ nhiều để có thể tạo ra tác động tích cực cho phụ nữ. Ví dụ, các can thiệp vận động chính sách liên quan đến tư vấn trao quyền và hỗ trợ tâm lý dường như hiệu quả hơn nếu việc vận động được tập trung với cường độ cao, điều này đồng nghĩa với việc các can thiệp mức độ nhẹ, trong thời gian ngắn có thể không đủ để tạo ra hiệu quả.
8. **Tăng khả năng tiếp cận, độ nhận diện và lòng tin đối với nhà cung cấp dịch vụ.** Phụ nữ gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận các dịch vụ liên quan đến bạo lực giới. Bất kỳ can thiệp nào nhằm tăng cường cung cấp các dịch vụ chất lượng đều cần phải giải quyết những thách thức này, tùy theo bối cảnh, vị trí địa lý và các nhóm dân số khác nhau. Để cải thiện khả năng tiếp cận, các dịch vụ phải được cung cấp gần người dùng nhất có thể (ví dụ: cơ sở chăm sóc sức khỏe ban đầu, công an xã/thôn, tòa án lưu động). Hình ảnh của các nhà cung cấp dịch vụ trong mắt công chúng cũng rất quan trọng. Các nhà cung cấp dịch vụ cần thường xuyên tiếp xúc và đối thoại với cộng đồng để giúp nâng cao nhận thức. Việc xây dựng lòng tin đối với các nhà cung cấp dịch vụ có vai trò rất quan trọng, đặc biệt khi phụ nữ lo ngại về tính bảo mật, kỳ thị và việc bị đổ lỗi. Đồng thời, các tổ chức về quyền của phụ nữ cũng có thể giúp xây dựng lòng tin trong công chúng nhờ vào mạng lưới cộng đồng của họ. Việc giới thiệu dịch vụ hỗ trợ một cách phù hợp với bối cảnh cũng rất quan trọng. Ví dụ: trong trường hợp các dịch vụ liên quan đến bạo lực giới có thể không được chào đón, nhưng một trạm y tế sẽ không bị theo dõi chặt, thì việc xây dựng một trạm y tế với các chức năng hỗ trợ y tế, tâm lý-xã hội, tài liệu pháp lý và hỗ trợ chuyển gửi có thể là một cách hiệu quả để tiếp cận người bị bạo lực tại các địa bàn khó tiếp cận.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Điểm khởi đầu

Các dịch vụ có thể cung cấp điểm đầu vào quan trọng cho người bị bạo lực để họ có thể tiếp cận với các hỗ trợ ứng phó BLG tiếp theo. Đồng thời, các dịch vụ này cũng có thể cung cấp điểm đầu vào cho chương trình dự phòng tại cơ sở. Bảng sau giới thiệu các điểm đầu vào chính cho chiến lược này, gồm cả ví dụ về các chương trình đã được triển khai.

Điểm đầu vào	Cơ sở lý luận
Dịch vụ y tế gồm cả dịch vụ sức khỏe sinh sản và tình dục (bao gồm sức khỏe bà mẹ và trẻ em), dịch vụ sức khỏe tâm thần và dịch vụ liên quan tới HIV	<p>Hệ thống y tế là một điểm đầu vào quan trọng để tiếp cận người bị bạo lực vì những người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe/nhân viên y tế thường là những người đầu tiên mà người bị bạo lực liên hệ sau khi bị bạo lực cho dù người đó không nói rõ rằng họ bị bạo lực mà phải tìm đến dịch vụ chăm sóc y tế. Hướng dẫn của WHO về ứng phó với bạo lực do chồng/bạn tình và bạo lực tình dục đối với phụ nữ khuyến nghị rằng công tác chăm sóc trong các vụ việc bạo lực giới phải được lồng ghép vào các dịch vụ y tế hiện có, bao gồm các dịch vụ sức khỏe tình dục và sinh sản, HIV, sức khỏe tâm thần và sức khỏe vị thành niên ở tuyến chăm sóc sức khỏe ban đầu chứ không phải chỉ ở các trung tâm độc lập. Hướng dẫn này cũng khuyến nghị rằng tất cả các nhà cung cấp dịch vụ y tế phải được đào tạo về cách xác định phụ nữ từng bị bạo lực, cách cung cấp hỗ trợ tuyến đầu và chăm sóc sau xâm hại. Quá trình đào tạo cũng phải tập trung vào thái độ giới của họ, và cần có cả những thay đổi trong các quy trình của hệ thống y tế, gồm cả: các văn bản/quy trình hướng dẫn chăm sóc; xác định đầu mối để hỗ trợ chăm sóc; cải thiện trải nghiệm người bệnh và cơ sở hạ tầng để đảm bảo quyền riêng tư và bảo mật; củng cố các liên kết chuyển gửi; và lồng ghép tài liệu ứng phó bạo lực giới trong các hệ thống thông tin y tế.³⁷ Hướng dẫn của WHO đã được điều chỉnh và thực hiện ở Afghanistan – dùng để đào tạo hơn 5000 cán bộ y tế trong 5 năm qua, và nâng cao khả năng ứng phó của hệ thống y tế ở hầu hết 34 quận/huyện. Hướng dẫn này cũng đang được áp dụng ở Uganda, Namibia, Zambia, Pakistan, Ấn Độ và Campuchia cùng nhiều nơi khác.</p> <p>Các nhân viên cộng đồng được đào tạo (bao gồm nhân viên y tế cộng đồng, nữ hộ sinh, nhân viên tâm lý-xã hội cộng đồng) có thể nâng cao nhận thức về tác hại của bạo lực đối với phụ nữ, về nơi có thể tìm kiếm sự giúp đỡ và giúp kết nối người bị bạo lực đến với các dịch vụ cần thiết. Ở những nơi như Nepal và Brazil, các trung tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu đang sử dụng đội ngũ chuyên gia tuyến đầu này để kết nối cộng đồng với các dịch vụ y tế, và nâng cao nhận thức về bạo lực do chồng/bạn t và hành vi tìm kiếm trợ giúp bổ sung.³⁸</p>
Dịch vụ hành pháp, gồm cả các đồn/đơn vị cảnh sát dành cho phụ nữ	<p>Các dịch vụ hành pháp, gồm cả các đồn/đơn vị cảnh sát dành cho phụ nữ, có thể cung cấp cho người bị bạo lực một điểm đầu vào quan trọng để tiếp cận hệ thống tư pháp chính thống, và cũng có thể được liên kết với các biện pháp can thiệp dự phòng ban đầu. Có một số bằng chứng cho thấy các đồn cảnh sát dành cho phụ nữ có thể nâng cao nhận thức của những người bị bạo lực, mặc dù có rất ít bằng chứng cho thấy liệu điều này có dẫn đến việc giảm tỷ lệ bạo lực trên thực tế hay không. Tuy nhiên, các tài liệu cho rằng các đồn cảnh sát dành cho phụ nữ có thể góp phần giúp người bị bạo lực tiếp cận các dịch vụ tư pháp, mặc dù điều này không nhất thiết dẫn tới việc truy tố kẻ gây bạo lực.³⁹ Các biện pháp can thiệp ứng phó về hành pháp và tư pháp khác gồm: các biện pháp bảo vệ, ví dụ như Lệnh bảo vệ, có thể ngăn chặn bạo lực tái diễn, leo thang và các đe dọa bạo lực.⁴⁰</p> <p>Đồn cảnh sát của phụ nữ Comisaria de la Mujer ở Argentina, theo Kế hoạch hành động quốc gia, được giao nhiệm vụ ngăn chặn bạo lực giới thông qua mô hình cung cấp dịch vụ đa ngành của cảnh sát cùng với nhân viên xã hội, luật sư và chuyên gia tâm lý. Các đồn cảnh sát cũng làm việc với các trường học, các nhóm cộng đồng địa phương và các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và địa phương về phòng chống bạo lực thông qua các chiến dịch nâng cao nhận thức và điều phối các hoạt động phòng ngừa và ứng phó tại địa phương, nhằm thay đổi các chuẩn mực xã hội tiêu cực đang gây ra bạo lực giới. Nghiên cứu của Comisaria de la Mujer đã nêu một số bài học về việc triển khai các đồn cảnh sát của phụ nữ, bao gồm sự cần thiết phải đảm bảo được cung cấp nguồn lực đầy đủ và tầm quan trọng của việc cung cấp hỗ trợ tư vấn và tự chăm sóc cho cảnh sát và các nhân viên khác, những cán bộ tuyến đầu trong ứng phó với bạo lực giới.</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Nguồn tài liệu tham khảo hữu ích

Dịch vụ y tế

[Responding to intimate partner violence and sexual violence against women: WHO clinical and policy guidelines.](#) Geneva: World Health Organisation. 2013.

Các hướng dẫn của WHO nhằm tới các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và có mục đích cung cấp hướng dẫn dựa trên bằng chứng về thực hành tốt trong đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người bị bạo lực IPV và tấn công tình dục, gồm cả các can thiệp y tế và hỗ trợ về tinh thần và tâm lý xã hội.

[Responding to children and adolescents who have been sexually abused: WHO clinical guidelines.](#) Geneva: World Health Organisation. 2017

Các hướng dẫn của WHO hướng tới giúp các nhân viên y tế tuyến đầu, chủ yếu trong các bối cảnh có ít nguồn lực, cung cấp dịch vụ chăm sóc cho người bị bạo lực dựa trên bằng chứng, chất lượng, tình hình thương tổn. Hướng dẫn này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thúc đẩy an toàn, đưa ra các lựa chọn và tôn trọng mong muốn và quyền tự chủ của trẻ em và thanh thiếu niên.

[Health care for women subjected to IPV and Sexual Violence: A clinical handbook.](#) Geneva: World Health Organisation. 2014

Sổ tay lâm sàng của WHO này nhằm giúp các cán bộ y tế chăm sóc phụ nữ bị bạo lực. Sổ tay này gồm thông tin nhận thức về BLPN, hỗ trợ tuyến đầu trong vụ việc IPV và tấn công tình dục, chăm sóc lâm sàng bổ sung sau khi bị tấn công tình dục và hỗ trợ bổ sung về sức khỏe tâm thần.

[Strengthening health systems to respond to women subjected to intimate partner violence or sexual violence: A manual for health managers.](#) Geneva: World Health Organisation. 2017

Sổ tay hướng dẫn này của WHO hướng tới các nhà quản lý y tế nhằm củng cố và tạo điều kiện để các hệ thống y tế cung cấp các dịch vụ bảo mật, hiệu quả và lấy phụ nữ làm trung tâm người bị bạo lực.

[Caring for women subjected to violence: A WHO curriculum for training health-care providers.](#) Geneva: World Health Organisation. 2019

Chương trình giảng dạy này được thiết kế để cung cấp cho các nhà cung cấp dịch vụ y tế một nền tảng để ứng phó với bạo lực gia đình / bạo lực do chồng/bạn tình gây ra và bạo lực tình dục đối với phụ nữ. Chương trình này hướng tới xây dựng các kỹ năng và tập trung vào thái độ của người cung cấp dịch vụ đối với những người bị bạo lực.

[Psychological therapies for women who experience intimate partner violence.](#) Tan, M., O'Doherty, L., Gilchrist, G., Taft, A., Feder, G., Tirado Munoz, J., Chondros, P., Sadowski, L. & Hegarty, K., Cochrane Systematic Review. 2018.

Đánh giá Cochrane này đánh giá hiệu quả của các can thiệp tâm lý đối với phụ nữ từng bị IPV.

[Screening women for intimate partner violence in healthcare settings.](#) O'Doherty L., Hegarty K, Ramsay J, Davidson LL, Feder G, Taft A. Cochrane Database of Systematic Reviews 2015.

Đánh giá Cochrane này (cập nhật) xem xét bằng chứng về việc sàng lọc những phụ nữ bị IPV tại các cơ sở y tế. Đánh giá này phát hiện ra rằng sàng lọc làm tăng khả năng phát hiện IPV, và phụ nữ mang thai ở cơ sở khám thai có khả năng cao hơn sẽ tiết lộ vụ việc IPV khi được sàng lọc. Tuy nhiên, không có đủ bằng chứng cho thấy việc sàng lọc có tác động đến kết quả y tế và việc tiếp tục bị bạo lực.

Dịch vụ hành pháp, tư pháp và xã hội

[Essential services package for women and girls subject to violence.](#) UNWOMEN, UNFPA, WHO, UNDP and UNODC, 2015. Đây là một gói tài liệu bao quát và hướng dẫn tập trung đặc biệt vào việc phát triển và thực hiện các dịch vụ dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực. Tài liệu này bao gồm các mô-đun về y tế, tư pháp và hành pháp, dịch vụ xã hội, điều phối và quản trị, với một mô-đun bổ sung về triển khai được xuất bản vào năm 2017 (có [tại đây](#)).

[UNWOMEN Virtual Knowledge Centre to End Violence against Women and Girls.](#)

Trung tâm tri thức ảo của UNWOMEN có nhiều nguồn tài liệu liên quan, gồm hướng dẫn, nghiên cứu điển hình và ví dụ về thực hành nhiều tiềm năng liên quan đến các biện pháp can thiệp nhằm vào các hoạt động ứng phó về sức khỏe, tư pháp và an ninh và nơi tạm lánh trong vụ việc BLPN.

[The implementation and effectiveness of the one stop centre model for intimate partner and sexual violence in low- and middle-income countries: a systematic review of barriers and enablers,](#) Olsen, R.M, García-Moreno, C. and Colombini, M. BMJ Glob Health. 2020; 5(3): e001883

Đánh giá có hệ thống này xác định một số rào cản đối với việc triển khai và hiệu quả của mô hình trung tâm một cửa, bao gồm căng thẳng về thời gian của nhân viên và thiếu vật tư y tế cơ bản. Đánh giá cũng đề cập các yếu tố hỗ trợ như các chính sách và thủ tục được chuẩn hóa và các cuộc họp liên ngành thường xuyên.

Chú thích

- ¹ UN Women, UNFPA, WHO, UNDP and UNODC (2015) [UN Essential Services Package and Guidelines](#). Với lĩnh vực y tế, xem Hướng dẫn và các công cụ của WHO ở phần Nguồn tài liệu tham khảo hữu ích ở trên.
- ² UN Women, UNFPA, WHO, UNDP and UNODC (2015) Ibid.
- ³ UN Women (2012) [UN Handbook for Legislation on Violence against Women](#), New York: UN Women.
- ⁴ Nên được cung cấp cùng với [WHO clinical and policy guidelines for responding to intimate partner violence and sexual violence \(2013\)](#).
- ⁵ Ibid.
- ⁶ Ibid.
- ⁷ UN Women, UNFPA, WHO, UNDP and UNODC (2015) Ibid.
- ⁸ Ở đây chúng tôi sử dụng thuật ngữ kết quả cấp độ trung gian để chỉ ra một kết quả là một phần của lý thuyết thay đổi hoặc con đường giảm mức độ phổ biến của BLPN. Kết quả thứ cấp không nhất thiết là một phần của lý thuyết thay đổi mà là những kết quả mong muốn khác liên quan đến quyền và phúc lợi của phụ nữ.
- ⁹ García-Moreno, C., Hegarty, K., Lucas d'Oliveira, A.F., Koziol-Maclain, J., Colombini, M. & Feder G (2014) [The health-systems response to violence against women](#). *Lancet*; Jewkes, R., Mclean Hilker, L., Khan, S., Busiello, F & Fraser, E. (2015) [Response mechanisms to prevent violence against women and girls](#). What works to prevent violence against women and girls – Evidence Review 3; Ellsberg, M., Arango DJ., Morton, M., Gennari, F., Kiplesund, S., Contreras, M. & Watts, C. (2015) [Prevention of violence against women and girls: what does the evidence say?](#) *Lancet*, 385: 1555-66.
- ¹⁰ Rivas, C., Ramsay, J., Sadowski, L. et al. (2016) [Advocacy interventions to reduce or eliminate violence and promote the physical and psychosocial wellbeing of women who experience intimate partner abuse](#). *Campbell Systematic Reviews*, 2016:2, DOI: 10.4073/ csr.2016.2; Tirado-Muñoz, J., Gilchrist, G., Farré, M. et al. (2014) [The efficacy of cognitive behavioural therapy and advocacy interventions for women who have experienced intimate partner violence: A systematic review and meta-analysis](#). *Annals of Medicine*, 46(8).
- ¹¹ Cripe, SM., Sanchez, S., Sanchez, E. et al. (2010) [Intimate partner violence \(IPV\) during pregnancy: A pilot intervention program in Lima, Peru](#). *Journal of Interpersonal Violence*, 25(11): 2054-2076.
- ¹² Parker, B., McFarlane, J., Soeken, K. et al. (1999) [Testing an intervention to prevent further abuse to pregnant women](#). *Research in Nursing and Health*, 22(1): 55-66; Tiwari, A., Leung, WC., Leung, TW. et al. (2005) [A randomised controlled trial of empowerment training for Chinese abused pregnant women in Hong Kong](#). *Obstetrics & Gynaecology*, 112(9): 1249-1256; Cripe et al. (2010) Ibid; Sapkota, D., Baird, K., Saito, A. & Anderson, D. (2019) [Interventions for reducing and/or controlling domestic violence among pregnant women in low- and middle-income countries: a systematic review](#), *Systematic Reviews*, 8(79).
- ¹³ Jewkes et al. (2015) Ibid; Sullivan, CM. (2012) [Domestic violence shelter services: A review of the empirical evidence](#). Harrisburg: National Resource Center on Domestic Violence.
- ¹⁴ Jewkes et al. (2015) Ibid; Hayes, C. (2014) [Tackling gender-based violence with technology: Case studies of mobile and internet technology interventions](#). STATT.
- ¹⁵ UN Women, UNFPA, WHO, UNDP and UNODC (2015) [Module 5: Coordination and Governance of Coordination](#); UN Women (2019) [Coordinated Responses](#), Virtual Knowledge Centre to End VAW.
- ¹⁶ Olsen, R.M, García-Moreno, C. and Colombini, M. (2020) [The implementation and effectiveness of the one stop centre model for intimate partner and sexual violence in low- and middle-income countries: a systematic review of barriers and enablers](#), *BMJ Glob Health*. 2020; 5(3): e001883; WHO (2013) [Responding to intimate partner violence and sexual violence against women: WHO clinical and policy guidelines](#). Geneva: World Health Organisation
- ¹⁷ Jewkes et al. (2015) Ibid; Kirk, L., Terry, S., Lokuge, K. & Watterson, J. (2017) [Effectiveness of secondary and tertiary prevention for violence against women in low and low-middle income countries: a systematic review](#). *BMC Public Health*, 17: 622; Keesbury, J., Onyango-Ouma, W., Undie, CC., et al. (2012) [A review and evaluation of multi-sectoral response services \('one-stop centers'\) for gender-based violence in Kenya and Zambia](#). Nairobi: Population Council.
- ¹⁸ Tarzia, L., Forsdike, K & Feder, G. (2017) [Interventions in health settings for male perpetrators or victims of intimate partner violence](#). *Trauma, Violence & Abuse*, 21(1); Stephens-Lewis, D., Johnson, A., Huntley, A. et al. (2019) [Interventions to reduce intimate partner violence perpetration by men who use substances: A systematic review and meta-analysis of efficacy](#). *Trauma, Violence and Abuse*, doi: 10.1177/1524838019882357; Ramsoomar, L., Gibbs, A., Machisa, M. et al. (2019) [Associations between alcohol, poor mental health and intimate partner violence](#). *Evidence Review, What Works to Prevent Violence Against Women and Girls Global Programme*; Kerr-Wilson, A., Gibbs, A., McAslan, FE., Ramsoomar, L., Parke, A., Khuwaja, HMA. & Jewkes, R. (2020) [A rigorous global evidence review of interventions to prevent violence against women and girls](#). What Works to prevent violence against women and girls global programme, Pretoria, South Africa.

- ¹⁹ Arango D, Morton M, Gennari F, Kiplesund S, Contreras M, Ellsberg M. (2014) [Interventions to reduce or prevent violence against women and girls: a systematic review of reviews](#). Washington, DC: Women's Voice, Agency and Participation Research Series, World Bank. Stephens-Lewis, D., Johnson, A., Huntley, A. et al. (2019) [Interventions to reduce intimate partner violence perpetration by men who use substances: A systematic review and meta-analysis of efficacy](#). Trauma, Violence and Abuse. Feder, L., Austin, S., & Wilson, D. (2008) [Court Mandated Interventions for Individuals Convicted of Domestic Violence](#). Campbell Systematic Review (12); UN Women (2010) [Perpetrators of Violence / Batterers](#), Virtual Knowledge Centre to End VAW; ANROWS (2020) [Working with perpetrators of domestic and family violence](#); ANROWS Notepad.
- ²⁰ Nair, S., Darak, S., Bhumika T.V, Darak, T., Mathews, M., Devi, L.D.Ratheebhai V, and Dave, A (2017) [Gender-responsive policing initiatives designed to enhance confidence, satisfaction in policing services and reduce risk of violence against women in low and middle income countries - A systematic review](#). London: EPPI-Centre, University College London.
- ²¹ Perova, E. & Reynolds, SA. (2017) [Women's police stations and intimate partner violence: Evidence from Brazil](#). Social Science & Medicine, 174: 188-196.
- ²² O'Doherty L, Hegarty K, Ramsay J, Davidson LL, Feder G, Taft A. (2015) [Screening women for intimate partner violence in healthcare settings](#). Cochrane Database of Systematic Reviews.
- ²³ O'Doherty L, et al. (2015) Ibid. WHO (2013) Ibid.
- ²⁴ WHO (2013) Ibid; Ellsberg et al. (2015) Ibid; Morrison, A., Ellsberg, M. & Bott, S. (2007) [Addressing gender-based violence: a critical review of interventions](#). The World Bank Research Observer, 22(1): 25-51. Feder, F., et al (2011) [Identification and Referral to Improve Safety \(IRIS\) of Women Experiencing Domestic Violence With a Primary Care Training and Support Programme: A Cluster Randomised Controlled Trial](#), Lancet, 378(9805):1788-95.
- ²⁵ Patel, V., Weobong, B., Nadkarni, A. et al. (2014) [The effectiveness and cost-effectiveness of lay counsellor-delivered psychological treatments for harmful and dependent drinking and moderate to severe depression in primary care in India: PREMIUM study protocol for randomized controlled trials](#). Trials, 15: 101.
- ²⁶ Ibid.
- ²⁷ Patel, V., Weobong, B., Weiss, HA., Anand, A., Bhat, B., Katti, B. et al. (2016) [The Health Activity Program \(HAP\), a lay counsellor-delivered brief psychological treatment for severe depression, in primary care in India: a randomised controlled trial](#). The Lancet, 389(10065): 176-185.
- ²⁸ Jewkes et al. (2015) Ibid.
- ²⁹ <https://www.whatworks.co.za/about/global-programme/global-programme-projects/item/99-violence-alcohol-treatmentzambia-vatu>
- ³⁰ Kane et al. (2017) Ibid.
- ³¹ Ramsoomar et al. (2019) Ibid.
- ³² The Prevention Collaborative (2019a) [Study Summary: Integrating IPV and HIV Prevention: Impacts of the SHARE Intervention in Uganda](#).
- ³³ García-Moreno, C., Hegarty, K., d'Oliveira, A., Koziol-McLain, J., Colombini, M., Feder, G. (2015) [The Health-Systems Response to Violence Against Women](#), Lancet, 385(9977):1567-79; [UNWOMEN Virtual Knowledge Centre to End Violence against Women and Girls, Health Module](#).
- ³⁴ Colombini, M., Mayhew, SH., Ali SH., Shuib, R. & Watts, C. (2012) [An integrated health sector response to violence against women in Malaysia: lessons for supporting scale up](#). BMC Public Health, 12: 548.
- ³⁵ For example, teenage pregnancies caused by schoolteachers or negative attitudes from healthworkers to women living with HIV. See Orza, L., Bewley, S., Tyler Crone, E., Mworeko, L., Namiba, A., Otieno, T., Vazquez, M. & Welbourn, A. (2017) [Ask women living with HIV what's needed to achieve safe pregnancies in serodifferent relationships](#), J Int AIDS Soc. 2017; 20(Suppl 1): 21469.
- ³⁶ Esplen, E. (2013) [Leaders for change: why support women's rights organisations?](#) London: Womankind Worldwide
- ³⁷ WHO (2013) Ibid.
- ³⁸ Perry, H., Zulliger, R., Scott, K., Javadi, D. & Gergen, J (2013) [Developing and Strengthening Community Health Worker Programs at Scale A Reference Guide for Program Managers and Policy Makers](#), Baltimore: Jhpiego Corporation; Thapa, A., Betron, M., Amatya, R., Thapa, K., Schuster, A., & Arlotti-Parish, E. (2019) [The Feasibility and Acceptability of Female Community Health Volunteers Facilitating GBV Survivor Care and Support In Nepal](#), Presentation at SVRI Forum, 2019; See also Jhpiego website
- ³⁹ Jubb, N. et al. (2010) [Women's police stations in Latin America: An entry point for stopping violence and gaining access to Justice](#). Quito: CEPLAES, IDRC.
- ⁴⁰ Cordier, R., Chung, D., Wilkes-Gillan, S. and Speyer, R. (2019) [The Effectiveness of Protection Orders in Reducing Recidivism in Domestic Violence: A Systematic Review and Meta-Analysis](#), Trauma, Violence & Abuse; UN Women, UNFPA, WHO, UNDP and UNODC (2015) Ibid (Module 3); UN Women (2019) [Security Module](#), Virtual Knowledge Centre to End VAWG; UNODC (2010) [Handbook on Effective police responses to violence against women](#), Vienna: UNODC.

© UN Women 2020

Tài liệu này là một phần của Hướng dẫn thực hiện khung Tôn trọng phụ nữ, do UN Women thực hiện và tổ chức Social Development Direct xây dựng, có thể tham khảo [tại đây](#).

Đề xuất trích dẫn khi sử dụng thông tin của tài liệu này: UN Women and Social Development Direct (2020) Bảo đảm cung cấp dịch vụ, Khung Tôn trọng phụ nữ: Tóm tắt Chiến lược Phòng ngừa Bạo lực đối với Phụ nữ.



T Ô N T R Ọ N G
PHỤ NỮ

TÓM TẮT
CHIẾN LƯỢC

Giảm đói nghèo

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Giảm đói nghèo

MỤC ĐÍCH CỦA CHIẾN LƯỢC: Giảm đói nghèo thông qua các biện pháp can thiệp hướng đến phụ nữ hoặc hộ gia đình, bao gồm hỗ trợ tiền mặt, tiết kiệm, vay tài chính vi mô, và cơ hội việc làm.

Cơ sở lý luận

Nghèo đói¹ và bạo lực đối với phụ nữ (BLPN) có mối liên hệ rõ ràng, khi mà phụ nữ trong các hộ nghèo đối mặt với nguy cơ cao bị bạo lực.² Trên toàn cầu, những người sống trong nghèo đói có xu hướng sống ở những nơi xảy ra xung đột nhiều hơn, có ít dịch vụ hỗ trợ hơn, và hệ thống pháp lý yếu hơn.³ Nghèo đói cũng làm tăng các yếu tố nguy cơ dẫn đến bạo lực do chồng/bạn tình (IPV) gây ra, bao gồm sức khỏe kém, giảm cơ hội giáo dục, và căng thẳng trong gia đình. Đồng thời, bạo lực làm tăng nguy cơ nghèo đói đối với phụ nữ do những chi phí trực tiếp bắt nguồn từ bạo lực (như chi tiêu y tế từ tiền túi) và chi phí gián tiếp như giảm thu nhập và năng suất lao động.⁴ Như vậy, mối quan hệ này có tính qua lại, củng cố lẫn nhau - tạo nên một vòng lặp bất lợi cho phụ nữ.

Các can thiệp nhằm giảm nghèo đói và tăng cường an ninh kinh tế có thể mang lại các giải pháp triển vọng và hiệu quả về chi phí để giải quyết BLPN, đặc biệt trong bối cảnh quan hệ hai chiều giữa nghèo đói và IPV (xem Hình 1). Điều này có thể xảy ra, ngay cả khi các chương trình giảm nghèo đói không tập trung vào phòng ngừa BLPN, hoặc không xác định phụ nữ là đối tượng hưởng đến.⁵ Do đó, chiến lược này muốn tận dụng khả năng tiếp cận rộng khắp của các lưới an sinh xã hội, như hỗ trợ tiền mặt, để phòng ngừa IPV, qua đó tạo cơ hội chưa từng có tiền lệ để nhân rộng.



Hình 1: Mối quan hệ hai chiều giữa nghèo đói và việc phụ nữ bị bạo lực. Sơ đồ từ Gibbs, Duvvury và Scriver (2017) Đánh giá Bằng chứng xem điều gì hiệu quả: Mối quan hệ giữa nghèo đói và bạo lực do chồng/bạn tình gây ra

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Yếu tố nguy cơ và bảo vệ

Chiến lược này hướng tới giải quyết các yếu tố nguy cơ liên quan đến nghèo đói, và thúc đẩy các yếu tố bảo vệ sau đối với BLPN.

Cấp độ	Yếu tố nguy cơ	Yếu tố bảo vệ
Cá nhân	Mất an ninh kinh tế (phụ nữ và nam giới) Căng thẳng do nghèo đói và các hành vi ứng phó với căng thẳng chưa phù hợp (nam giới và phụ nữ) Thiếu tự tin và lòng tự trọng (phụ nữ)	An ninh kinh tế (phụ nữ và nam giới) Tình trạng tâm lý xã hội lành mạnh (nam giới và phụ nữ) Tự tin và tự trọng (phụ nữ) Tự chủ tài chính (phụ nữ)
Liên cá nhân	Điều kiện kinh tế hộ gia đình bấp bênh và không ổn định (ít của cải, tài sản tài chính, đói kém) Mức độ căng thẳng trong gia đình và xung đột nội bộ trong gia đình cao Mức độ bất bình đẳng cao trong quan hệ vợ chồng và với gia đình nhà chồng/vợ	Điều kiện kinh tế hộ gia đình đảm bảo và ổn định (nhiều của cải, tài sản tài chính, lương thực) Mức độ căng thẳng trong gia đình và xung đột nội bộ trong gia đình thấp Quan hệ với chồng/bạn tình: bình đẳng giới, gồm cả việc cùng ra quyết định và chia sẻ trách nhiệm trong gia đình
Cộng đồng	Tỷ lệ nghèo đói và thất nghiệp cao Tỷ lệ tội phạm vì động cơ kinh tế cao	Tỷ lệ nghèo đói và thất nghiệp thấp Tỷ lệ tội phạm vì động cơ kinh tế thấp
Xã hội	Tỷ lệ phụ nữ có việc làm thấp Các cú sốc kinh tế (bao gồm suy thoái kinh tế, thiên tai, xung đột)	Tỷ lệ phụ nữ có việc làm cao Mạng lưới an sinh xã hội - kinh tế hiệu quả và bảo trợ xã hội hiệu quả ⁶

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Lý thuyết sự thay đổi

Sơ đồ sau trình bày lý thuyết sự thay đổi một cách đơn giản, cho thấy các chương trình giảm nghèo đói có thể góp phần giảm tình trạng BLPN một cách bền vững ra sao. Có thể cần tiếp tục phát triển và điều chỉnh lý thuyết này cho các chương trình cụ thể.

P: Giảm đói nghèo



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Mô hình can thiệp

Các can thiệp theo chiến lược này chủ yếu có mục đích giảm nghèo đói và cải thiện kết quả phát triển. Bảng sau trình bày ba loại can thiệp giảm nghèo đói phổ biến được nêu trong khung RESPECT, và giới thiệu tổng quan về cơ sở bằng chứng hiện có cho thấy tác động đối với BLPN của từng loại can thiệp và các chương trình tiêu biểu có áp dụng các can thiệp này.⁷ Lưu ý: hệ thống này chưa đầy đủ và trong tương lai có thể nghiên cứu thêm các lĩnh vực khác để mở rộng hơn nữa, đặc biệt là các can thiệp hỗ trợ quyền sở hữu tài sản của phụ nữ, hoặc yêu cầu quyền thừa kế đất đai/nhà ở.⁸ Loại hình can thiệp có tiềm năng nhất trong chiến lược này là hỗ trợ về kinh tế, còn các can thiệp về lực lượng lao động và tài chính vi mô hoặc tiết kiệm (nếu không có các thành tố bổ sung khác để triển khai cùng) thì không được khuyến nghị như những can thiệp độc lập để giảm tình trạng bạo lực do bạo tình gây ra với phụ nữ.

● **hiều triển vọng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy tình trạng bạo lực giảm đáng kể

■ **cần thêm bằng chứng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra trung gian cho thấy có cải thiện liên quan đến bạo lực

◆ **Kết quả mâu thuẫn**, đánh giá cho thấy kết quả mâu thuẫn trong việc giảm bạo lực

□ **không có bằng chứng**, can thiệp chưa được đánh giá nghiêm túc

▼ **không hiệu quả**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy bạo lực không giảm

H Nước có mức thu nhập cao

L Nước có mức thu nhập thấp và TB

Mô hình can thiệp	Mô tả	Bằng chứng của tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Hỗ trợ kinh tế, gồm cả hỗ trợ tiền mặt có điều kiện/vô điều kiện, phát phiếu lương thực hoặc hỗ trợ bằng hiện vật	<p>Hỗ trợ kinh tế, gồm cả hỗ trợ tiền mặt trực tiếp, phát phiếu lương thực hoặc thực phẩm cho các hộ gia đình, đang được nhanh chóng mở rộng ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình (LMIC) như một công cụ để giảm nghèo đói và cải thiện cuộc sống của người nghèo và người dễ bị tổn thương.</p> <p>Hỗ trợ kinh tế có cách tiếp cận, phương thức và cơ chế tiến hành hỗ trợ rất đa dạng. Hỗ trợ kinh tế có thể vô điều kiện hoặc có điều kiện đối với các hành vi cụ thể, ví dụ: hỗ trợ kinh tế khi trẻ được khám sức khỏe, trẻ em đi học, hoặc tham gia các buổi tư vấn dinh dưỡng. Hỗ trợ kinh tế có thể là một phần của các chương trình bảo trợ xã hội cấp quốc gia quy mô lớn do chính phủ chủ trì, hoặc các can thiệp ngắn hạn do các tổ chức phi chính phủ thực hiện. Đối tượng nhận hỗ trợ này thường là chủ hộ hoặc phụ nữ trong hộ, tùy vào bối cảnh và mục tiêu chương trình.</p>	<p>L Có bằng chứng nhiều triển vọng từ các quốc gia thu nhập thấp và trung bình cho thấy việc hỗ trợ về kinh tế cho các hộ nghèo giúp giảm đáng kể các bạo lực. Bằng chứng này dựa trên việc rà soát 22 nghiên cứu về hỗ trợ tiền mặt và tác động đến IPV, trong đó 73% số nghiên cứu cho thấy hỗ trợ kinh tế giúp giảm IPV.⁹ Cần có thêm bằng chứng từ các quốc gia thu nhập cao.</p> <p>Bằng chứng định lượng đã cho thấy giữa các hình thức bạo lực do chồng/bạn tình gây ra, mức giảm mạnh nhất là bạo lực về thân thể và/hoặc tình dục, và tác động yếu hơn đối với các hình thức bạo lực khác, bao gồm xâm hại/bạo lực về tinh thần/tình cảm và kiểm soát hành vi.¹⁰ Bằng chứng định tính cho thấy IPV giảm có thể thông qua ba con đường chính: 1) tăng an ninh kinh tế hộ gia đình và đời sống tinh thần, 2) giảm xung đột, mâu thuẫn nội bộ gia đình, và 3) trao quyền cho phụ nữ. Tuy nhiên, cần có thêm bằng chứng để hiểu xem việc chọn đối tượng mục tiêu và hình thức hỗ trợ tác động ra sao (cụ thể: nếu phụ nữ trực tiếp nhận được lợi ích (được hỗ trợ trực tiếp) thì sẽ ảnh hưởng thế nào), và tìm hiểu cách tốt nhất để kết hợp với các chiến lược khác (xem Tóm tắt Chiến lược Respect: Trao quyền cho phụ nữ để hiểu xem các kết quả có được duy trì bền vững không và duy trì thế nào sau khi chương trình kết thúc, và liệu chúng có giúp giảm IPV trong các bối cảnh xung đột không).¹¹</p>	<p>Hỗ trợ kinh tế ở Bắc Ecuador và chương trình hỗ trợ và dinh dưỡng ở Bangladesh, Chương trình Lương thực Thế giới HPTN 068, Nam Phi¹²</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Loại hình can thiệp	Mô tả	Bằng chứng của tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Can thiệp về lực lượng lao động gồm các chính sách việc làm và tập huấn về sinh kế và việc làm/lao động	<p>Những can thiệp này tập trung vào việc hỗ trợ một người hoặc hộ gia đình phát triển tài sản kinh tế thông qua việc tạo cơ hội việc làm, tham gia lực lượng lao động hoặc đem lại các cơ hội tạo thu nhập (gồm cả tập huấn sinh kế hoặc hỗ trợ sản xuất, việc làm có lương, và xây dựng chương trình công cộng).</p> <p>Các can thiệp này cũng bao gồm chương trình bảo trợ xã hội cho người lao động, bao gồm trợ cấp thất nghiệp, mức lương tối thiểu và các lợi ích khác để đảm bảo việc làm an toàn và tử tế.</p>	<p>L Dù có bằng chứng nhiều triển vọng từ các quốc gia thu nhập cao cho thấy các yếu tố như tăng việc làm và thu nhập cho phụ nữ có thể dẫn đến giảm BLPN, nhưng cần thêm bằng chứng từ các quốc gia thu nhập thấp và trung bình.</p> <p>H Bằng chứng hiện tại từ các quốc gia thu nhập thấp và trung bình cho thấy những can thiệp này có thể cải thiện khả năng phòng chống các vụ việc IPV bằng cách: cải thiện phúc lợi kinh tế cho phụ nữ và hộ gia đình, cũng như cải thiện các mối quan hệ của phụ nữ.¹³ Tuy nhiên, hiện vẫn có ít bằng chứng về khả năng can thiệp này có thể trực tiếp giúp giảm mạnh các vụ việc BLPN so với khi được kết hợp với các thành tố khác trong một chương trình tổng thể.</p>	<p>Trickle-Up, Burkino Faso¹⁴ (tập huấn sinh kế)</p>
Các can thiệp tài chính vi mô hoặc tiết kiệm mà không có bất kỳ thành tố bổ sung nào	<p>Các can thiệp này tập trung vào việc hỗ trợ một cá nhân hoặc hộ gia đình gia tăng tài sản thông qua cung cấp các khoản tiết kiệm và khoản vay. Hoạt động này gồm các can thiệp tín dụng vi mô, tiết kiệm vi mô và các Nhóm cổ phần tài chính tự quản (VSLA). Hoạt động này không bao gồm các can thiệp kết hợp tài chính vi mô hoặc tiết kiệm với các hoạt động trao quyền về mặt xã hội (có trong Tóm tắt Chiến lược RESPECT Trao quyền cho phụ nữ)</p>	<p>H Bằng chứng từ quốc gia thu nhập thấp và trung bình cho thấy rằng nếu chỉ áp dụng riêng các can thiệp tài chính vi mô hoặc tiết kiệm thì không hiệu quả để giảm bạo lực. Không có bằng chứng từ quốc gia thu nhập cao, vì các biện pháp can thiệp vẫn chưa được đánh giá chặt chẽ.</p> <p>H Một số can thiệp kết hợp tài chính vi mô hoặc tiết kiệm được phối hợp với các loại hình can thiệp trao quyền về xã hội khác, và đã cho thấy những kết quả hứa hẹn hơn về việc giảm BLPN.¹⁵ Ví dụ về các chương trình kết hợp trao quyền về kinh tế và xã hội được trình bày trong Tóm tắt Chiến lược RESPECT: Trao quyền cho Phụ nữ.</p>	<p>Trickle-Up, Burkino Faso (các nhóm cổ phần tài chính tự quản và vốn khởi nghiệp)</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Các chương trình tiêu biểu

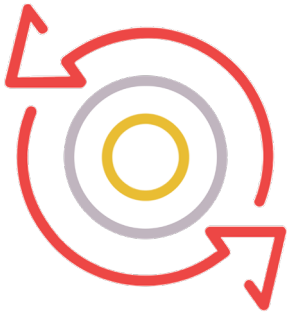
Bảng sau đây tóm tắt hai chương trình khác nhau thuộc loại hình hỗ trợ kinh tế đã được chứng minh là giúp giảm tỷ lệ bạo lực giới trong thời gian triển khai. Tài liệu này không đưa ra ví dụ về 2 loại hình can thiệp còn lại (can thiệp về lực lượng lao động và can thiệp tài chính vi mô) – và dựa trên bằng chứng hiện có về khả năng phòng ngừa bạo lực giới, 2 loại hình này không được khuyến nghị áp dụng độc lập. Bảng này nên được xem xét cùng với **Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai chương trình** ở trang 9, cũng như các **nguyên tắc hướng dẫn xây dựng chương trình hiệu quả** được cung cấp trong khung RESPECT khi điều chỉnh bất kỳ phương pháp luận nào trong số này. Thông tin chi tiết hơn về từng chương trình được cung cấp trong phần tóm tắt chương trình.

Cách tiếp cận	Mô tả	Địa điểm	Nhóm mục tiêu	Hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và tác động
Chương trình Lương thực Thế giới Chương trình hỗ trợ tiền mặt (Ecuador)	Một chương trình hỗ trợ có điều kiện nhằm cung cấp khẩu phần ăn dinh dưỡng và đa dạng, hỗ trợ về quyền thương lượng của phụ nữ về lĩnh vực an ninh lương thực, và sự hòa nhập của người tị nạn Colombia vào các cộng đồng người Ecuador, do Chương trình Lương thực Thế giới (WFP) thực hiện.	Khu vực đô thị nghèo ở miền Bắc Ecuador	Phụ nữ nghèo, bao gồm cả phụ nữ tị nạn - người Colombia và phụ nữ ở cộng đồng tiếp nhận - người Ecuador (nam giới cũng được xác định là đối tượng mục tiêu trong số ít các hộ gia đình không có phụ nữ trưởng thành)	Phụ nữ (và một số nam giới) trong các hộ tham gia đã nhận được khoản hỗ trợ tương đương khoảng 40\$ mỗi tháng (khoảng 11% chi phí tiêu dùng của gia đình) dưới dạng tiền mặt, phiếu nhận hàng (voucher) và thực phẩm. Việc hỗ trợ được thực hiện trong thời gian 6 tháng và có điều kiện là: tham gia các khóa tập huấn về dinh dưỡng hàng tháng.	6 tháng	Loại đánh giá: nghiên cứu đối chứng ngẫu nhiên (RCT) ¹⁶ Tác động: Kết quả đánh giá cho thấy việc hỗ trợ tiền mặt giúp giảm 30% bạo lực do chồng/bạn tình gây ra về thể chất và/hoặc về tình dục sau khoảng 6 tháng hỗ trợ. Các kết quả ghi nhận được không thay đổi đối với các loại hình hỗ trợ khác nhau, cho thấy hỗ trợ tiền mặt cũng hiệu quả như hỗ trợ bằng hiện vật trong việc giảm tình trạng bạo lực giới. Phân tích đã cho thấy 3 lộ trình bổ sung lẫn nhau để giúp giảm bạo lực giới: 1) giảm mâu thuẫn trong hôn nhân trước đây xảy ra do họ phải tranh cãi về tiền chi tiêu cho các nhu cầu hàng ngày của gia đình, 2) tăng phúc lợi và hạnh phúc gia đình, và 3) phụ nữ được ra quyết định nhiều hơn, tự tin hơn và tự do đi lại hơn.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Cách tiếp cận	Mô tả	Địa điểm	Nhóm mục tiêu	Hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và tác động
HPTN 068, Hỗ trợ tiền mặt có điều kiện để kiểm soát HIV ở Nam Phi	Chương trình hỗ trợ tiền mặt với điều kiện là: trẻ em gái và nữ thanh thiếu niên được đi học	Nông thôn Nam Phi	Trẻ em gái và nữ thanh thiếu niên độ tuổi trung học (13-20) và phụ huynh và/hoặc người giám hộ các em	Tiền mặt đã được chuyển cho trẻ em gái và gia đình các em với điều kiện là các em phải đi học trung học ít nhất 80% số ngày học mỗi tháng. Số tiền mặt hỗ trợ lên tới khoảng 15,7% chi tiêu hàng tháng của gia đình trước khi chương trình diễn ra, và bao gồm 10\$ cho trẻ em gái và 20\$ cho cha mẹ/người giám hộ mỗi tháng.	Lên tới 3 năm	Loại đánh giá: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên ¹⁷ Tác động: Đánh giá cho thấy việc nhận hỗ trợ tiền mặt đã làm giảm đáng kể việc trẻ em gái và nữ thanh thiếu niên bị bạo lực về thân thể do bạn tình gây ra: giảm 34% sau 3 năm. Phân tích cho thấy hỗ trợ tiền mặt làm giảm việc nữ thanh thiếu niên và trẻ em gái phải tiếp xúc với các tác nhân tiềm ẩn gây nguy cơ bạo lực, trì hoãn việc bắt đầu quan hệ tình dục và giảm số bạn tình.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC



Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai chương trình

Các yếu tố và nguyên tắc chung của các phương pháp tiếp cận hiệu quả về can thiệp giảm nghèo đói nhằm giảm tỷ lệ BLPN, gồm:¹²

Thiết kế và điều chỉnh chương trình

Đảm bảo các chương trình hỗ trợ về kinh tế được triển khai có chất lượng và mang lại đủ lợi ích. Trong khi các chương trình giải quyết tình trạng nghèo đói có tiềm năng cải thiện cuộc sống cho những người tham gia, chất lượng của việc phân phối và mức độ lợi ích mà các chương trình này đem lại là rất quan trọng. Ví dụ, các chương trình hỗ trợ tiền mặt có giá trị thấp hoặc được thực hiện không hiệu quả - với việc phân phối không dự đoán được - thường khó có thể tạo ra kết quả hữu ích trên diện rộng. Tương tự, các chính sách và chương trình việc làm và lao động dựa trên việc bóc lột hoặc điều kiện làm việc không an toàn, hoặc phân biệt đối xử với phụ nữ không có khả năng mang lại tác động tích cực về bình đẳng giới. Tập huấn về sinh kế phải phù hợp với bối cảnh và được thực hiện bởi các giảng viên và cố vấn có kỹ năng. Các chương trình tiết kiệm và tín dụng áp dụng mức lãi suất cao sẽ không giúp giảm nghèo đói hoặc giảm các vấn đề liên quan đến nghèo đói. Do đó, để có thể giảm và giải quyết BLPN thành công, trước hết chương trình phải thành công trong việc tạo tác động mạnh về giảm nghèo đói.

1. Thiết kế và điều chỉnh các can thiệp hỗ trợ để tập trung vào các lộ trình phòng ngừa BLPN chính. Để tối ưu hóa tác động của các can thiệp giảm nghèo đói đối với BLPN, cần phải cân nhắc cẩn thận xem bối cảnh và đặc điểm thiết kế của can thiệp có thể tác động thế nào đến tiềm năng để giảm BLPN trong điều kiện cảnh nhất định. Ví dụ, với các chương trình hỗ trợ về kinh tế, liệu khoản hỗ trợ sẽ được trao cho chủ hộ là nam giới hay phụ nữ, dự kiến tác động của khoản hỗ trợ sẽ thế nào đối với quan hệ nội bộ trong gia đình, liệu thông điệp liên quan tới hoạt động hỗ trợ có thúc đẩy các chuẩn mực giới tích cực không, và liệu có cần bất kỳ điều kiện nào như các nhóm tập huấn để có thể thay đổi động lực trong gia đình và giảm phản ứng

tiêu cực có thể xảy ra không.¹⁸ Các yếu tố này nhiều khả năng sẽ được quyết định dựa trên bối cảnh, bao gồm việc đánh giá về các vấn đề bất bình đẳng giới phổ biến, các định kiến liên quan đến giới, và cân nhắc các nhóm đối tượng cụ thể.

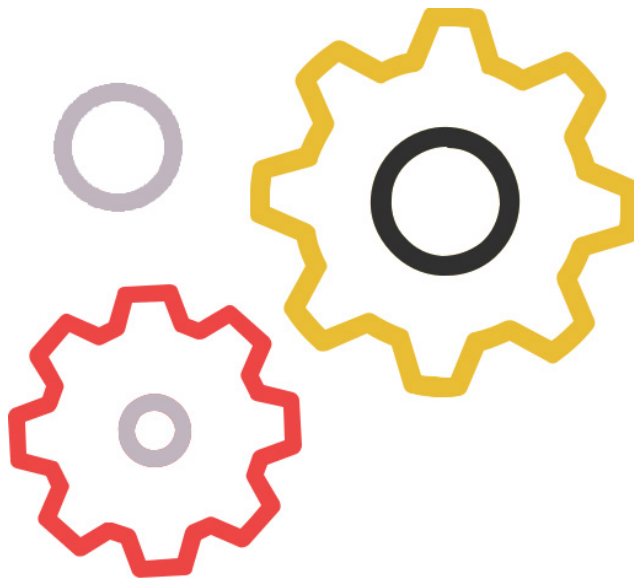
- 2. Kiểm tra, thử nghiệm thêm đối với các can thiệp riêng lẻ về lực lượng lao động hoặc tài chính vi mô, vì tới thời điểm này, bằng chứng chưa cho thấy tác động nhất quán của các can thiệp riêng lẻ trên đối với mức độ BLPN.**¹⁹ Một phần nguyên nhân là do hiện ít nghiên cứu được thực hiện một cách chặt chẽ ở quốc gia thu nhập thấp và trung bình, cũng như các nghiên cứu này ít có khả năng bóc tách đóng góp riêng biệt của thành tố kinh tế so với các thành tố khác. Để đánh giá mức độ tác động tiềm năng, cần rà soát, hỏi cứu nhiều tài liệu hơn về hiệu quả kinh tế của chương trình đã được triển khai.²⁰ Do đó, cần cân nhắc cẩn trọng và thử nghiệm nhiều hơn trước khi khuyến nghị áp dụng các loại hình chương trình này.
- 3. Kết hợp các hoạt động hỗ trợ để tăng cường và tối ưu hóa tác động của các chương trình giảm nghèo đói đối với BLPN.** Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cải thiện vị thế của phụ nữ trong gia đình có thể đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tác động của chương trình can thiệp đối với IPV. Ví dụ, đánh giá can thiệp hỗ trợ (kinh tế) cũng như vận động thay đổi hành vi dinh dưỡng được thực hiện bởi Chương trình Lương thực Thế giới ở Bangladesh cho thấy tình trạng bạo lực thân thể do chồng/bạn tình gây ra đã giảm 26% trong số những người tham gia, và sự giảm này được duy trì từ 6 đến 10 tháng sau khi chương trình kết thúc. Tuy nhiên, những thay đổi tương tự không được ghi nhận ở những người tham gia chỉ nhận được hỗ trợ kinh tế.²¹

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

4. **Cân nhắc cẩn thận phương pháp xây dựng khung can thiệp.** Ví dụ, xây dựng một khung chương trình hỗ trợ về sức khỏe trẻ em, hoặc phúc lợi hộ gia đình nói chung, có thể dễ dàng được chấp nhận hơn, và ít khả năng gây ra phản ứng dữ dội hơn là xây dựng chương trình trực tiếp nhằm vào trao quyền cho phụ nữ.²² Mặc dù không có bằng chứng định lượng nào tìm hiểu về sự đồng ý này, nhưng theo các tài liệu khác về BLPN, các chuyên gia đưa ra giả thuyết rằng: cách mà nam giới đánh giá, chấp nhận (và tham gia) các chương trình có thể là một thành tố quan trọng trong việc xác định tác động của chương trình đối với BLPN.
5. **Thiết kế khung giám sát và đánh giá để tạo ra bằng chứng về tác động của chương trình đối với việc giảm BLPN.** Khung này phải bao gồm cả phương pháp định lượng và định tính đáng tin cậy (xem Hướng dẫn Giám sát và Đánh giá) để thu thập thông tin về lộ trình thay đổi, và hiểu lợi ích của các thành tố khác nhau. Khi thích hợp, các biện pháp nên bao gồm cả trải nghiệm, tần suất và độ nghiêm trọng của BLPN để có thông tin về những thay đổi có lợi. Điều quan trọng là cần có thêm bằng chứng trong thời gian dài hơn, gồm cả bằng chứng về tác động trung và dài hạn (5-10 năm), và các tác động sau can thiệp, để biết xem sau khi ngừng cung cấp hỗ trợ, liệu tình trạng BLPN có quay trở lại như trước khi can thiệp không, hay là tác động tích cực của can thiệp có được duy trì không.
6. **Đo lường và theo dõi cả tác động của hình thức bạo lực về kinh tế và tinh thần/tình cảm, bên cạnh các hình thức bạo lực thân thể và tình dục.** Hiện thiếu bằng chứng về tác động của các chương trình xóa đói giảm nghèo đối với bạo lực kinh tế và tinh thần/tình cảm, có một số kết quả đánh giá cho thấy những hình thức bạo lực này có thể khó thay đổi hơn bạo lực thân thể và tình dục, hoặc thậm chí có thể gia tăng do phản ứng của nam giới đối với những thay đổi về nguồn lực, vai trò và quyền của người phụ nữ ở cấp hộ gia đình.
7. **Phân tách dữ liệu để hiểu rõ hơn tác động đối với các kiểu gia đình khác nhau,** ví dụ: gia đình có phụ nữ làm chủ hộ, gia đình có phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, hộ di cư và hộ đa thế. Ví dụ, đánh giá chương trình hỗ trợ tiền mặt LEAP 1000 ở Ghana cho các bà mẹ mới sinh cho thấy mặc dù tần suất bạo lực do chồng/bạn tình gây ra có giảm đi trong toàn bộ chương trình, các vụ việc bạo lực chỉ giảm ở các hộ gia đình 1 vợ 1 chồng (mặc dù các hộ gia đình đa thế có tỷ lệ bạo lực do chồng/bạn tình gây ra cao hơn).²³ Ngược lại, đánh giá một chương trình quốc gia về hỗ trợ tiền mặt ở Mali nhằm vào chủ hộ là nam giới cho thấy bạo lực do chồng/bạn tình gây ra giảm đáng kể trong các gia đình đa thế nhưng tác động hạn chế ở các gia đình 1 vợ 1 chồng.²⁴ Mặc dù sự khác biệt này có thể được giải thích là do bối cảnh cụ thể, nhưng bằng chứng mới này gợi ý rằng cả mức độ bạo lực và phản ứng đối với chương trình có thể thay đổi khác nhau, tùy theo cấu trúc hộ gia đình.

Thực thi và nhân rộng

5. **Thiết kế khung giám sát và đánh giá để tạo ra bằng chứng về tác động của chương trình đối với việc giảm BLPN.** Khung này phải bao gồm cả phương pháp định lượng và định tính đáng tin cậy (xem Hướng dẫn Giám sát và Đánh giá) để thu thập thông tin về lộ trình thay đổi, và hiểu lợi ích của các thành tố khác nhau. Khi thích hợp, các biện pháp nên bao gồm cả trải nghiệm, tần suất và độ nghiêm trọng của BLPN để có thông tin về những thay đổi có lợi. Điều quan trọng là cần có thêm bằng chứng trong thời gian dài hơn, gồm cả bằng chứng về tác động trung và dài hạn (5-10 năm), và các tác động sau can thiệp, để biết xem sau khi ngừng cung cấp hỗ trợ, liệu tình trạng BLPN có quay trở lại như trước khi can thiệp không, hay là tác động tích cực của can thiệp có được duy trì không.



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Điểm khởi đầu

Bảng sau đây giới thiệu các điểm khởi đầu quan trọng cho chiến lược này, gồm có việc tận dụng các chương trình hoặc nền tảng giảm nghèo đói hiện có để tối đa hóa tác động tích cực đối với IPV, đồng thời giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm tàng. Bảng này cũng đưa ra một số ví dụ về chương trình tiêu biểu.

Điểm khởi đầu	Cơ sở lý luận
<p>Lưới an sinh xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ kinh tế trực tiếp 	<p>Hơn 2,5 tỷ người ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình có thể tiếp cận một hình thức lưới an sinh xã hội nào đó²⁵, gồm cả hỗ trợ về kinh tế. Do phạm vi tiếp cận rộng khắp và vẫn tiếp tục mở rộng của lưới an sinh xã hội trong điều kiện nguồn lực hạn chế, và khả năng nhắm mục tiêu trực tiếp đến phụ nữ và các nhóm yếu thế về kinh tế, các chương trình lưới an sinh xã hội mang đến cơ hội chưa từng có cho các nhà hoạch định chính sách để đạt được kết quả trên diện rộng.</p> <p>Các bằng chứng gần đây đã chứng minh rằng ngay cả khi các hỗ trợ về kinh tế không trực tiếp nhắm tới giảm bạo lực giới thì các hỗ trợ này cũng có thể dẫn đến giảm bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trên diện rộng. Bằng cách điều chỉnh thiết kế hoặc bổ sung các thành tố để tập trung vào các yếu tố chính dẫn đến thay đổi - gồm cả động lực trong nội bộ gia đình, trao quyền kinh tế cho phụ nữ, và điều kiện kinh tế hộ gia đình - có thể đem lại kết quả giảm BLPN cao hơn và bền vững hơn.</p> <p>Ví dụ, hợp phần bổ sung về thay đổi hành vi thuộc Sáng kiến nghiên cứu phương thức hỗ trợ ở Bangladesh (gồm tập huấn nhóm tương tác cho các bà mẹ cũng như sự tham gia của cộng đồng) có vai trò trọng tâm để giúp duy trì kết quả từ sáu đến mười tháng sau khi hỗ trợ lương thực và tiền mặt kết thúc. Đánh giá sáng kiến này cho thấy có bằng chứng về việc hợp phần bổ sung đã tác động trực tiếp đến ba lộ trình chính để giảm BLPN, gồm tăng vốn xã hội và khả năng thương lượng của phụ nữ, hậu quả để lại về mặt xã hội cao hơn đối với những nam giới gây bạo lực, và cải thiện lâu dài về hạnh phúc gia đình.²⁶</p>
<p>Các thể chế kinh tế dựa vào cộng đồng hiện có, ví dụ: nhóm tiết kiệm và vay vốn, nhóm tự lực, đối tượng bảo trợ xã hội</p>	<p>Ngoài chức năng hoạt động như một can thiệp độc lập, các cấu trúc và thể chế kinh tế hiện có ở cộng đồng có thể là một điểm đầu vào hiệu quả về chi phí và có thể nhân rộng cho các loại hình phòng ngừa BLPN. Mặc dù không có bằng chứng chắc chắn cho thấy những loại hình can thiệp này nếu áp dụng riêng lẻ sẽ góp phần giảm BLPN, nhưng bằng chứng bổ sung cho thấy các can thiệp kết hợp giữa kinh tế và xã hội đã đem lại thành công. Những can thiệp này đã hoạt động hiệu quả qua việc nâng cao các kỹ năng xã hội, sự tự tin và mạng lưới của phụ nữ, song song với các hợp phần kinh tế.</p> <p>Ví dụ, can thiệp Indashyikirwa ở Rwanda đã thành công tận dụng các nhóm VSLA hiện có của CARE như một điểm đầu vào để thu hút các cặp vợ chồng tham gia nhằm cải thiện động lực quan hệ bất bình đẳng và giảm IPV.²⁷ Do đó, chương trình hỗ trợ về kinh tế là một nền tảng hữu ích để tiếp cận và thu hút phụ nữ thông qua một mạng lưới đã được các đối tác và cộng đồng rộng lớn hơn chấp nhận. Tại Tanzania, hoạt động can thiệp MAISHA đã kết hợp tài chính vi mô với can thiệp trao quyền về giới để giảm nguy cơ phụ nữ bị bạo lực về thân thể và/hoặc tình dục do chồng/bạn tình gây ra.²⁸ Tham khảo thêm thông tin về các phương pháp tiếp cận kết hợp trong Tóm tắt Chiến lược RESPECT về Tăng cường Kỹ năng xây dựng mối quan hệ và Trao quyền cho Phụ nữ.</p>

Nguồn tài liệu tham khảo hữu ích

Nghiên cứu bằng chứng

[A Mixed-Method Review of Cash Transfers and Intimate Partner Violence in Low- and Middle-Income Countries](#). Buller, A. M., Peterman, A., Ranganathan, M., Bleile, A., Hidrobo, M., & Heise, L. *The World Bank Research Observer*, 33(2), pp.218–258. 2018
Đánh giá theo phương pháp kết hợp này đối với 14 nghiên cứu định lượng và 8 nghiên cứu định tính ở các nước có thu nhập thấp và trung bình đã phát triển một lý thuyết chương trình trong đó đề xuất ba lộ trình mà qua đó hỗ trợ tiền mặt có thể tác động đến IPV: 1) tăng cường an ninh kinh tế và sức khỏe tinh thần/tinh cảm, 2) thay đổi trong mâu thuẫn nội bộ gia đình và 3) thay đổi về trao quyền cho phụ nữ.

[What Works to Prevent Violence against Women and Girls? A Rigorous Global Evidence Review of Interventions to Prevent Violence against Women and Girls](#). Kerr Wilson A, Gibbs A, McAslan Fraser E, Ramsommar L, Parke A, Khuwaja H và Jewkes R. Hoạt động hiệu quả để phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái. 2020
Đánh giá bằng chứng nghiêm ngặt này xác định và trình bày kết quả của các chương trình hỗ trợ kinh tế, các can thiệp tài chính vi mô, tiết kiệm và tài chính, và các can thiệp kết hợp về trao quyền kinh tế và trao quyền xã hội để phòng ngừa IPV.

[Humanitarian Cash Transfer Programming and Gender-Based Violence Outcomes: Evidence and Future Research Priorities](#), Cross, A, Manell, T. & Megevand, M. R. New York: Ủy ban Tị nạn của Phụ nữ và IRC. 2018.
Báo cáo này tóm tắt bằng chứng từ 28 nghiên cứu về giới và các chương trình hỗ trợ tiền mặt trong bối cảnh nhân đạo.

Nghiên cứu điển hình và tóm tắt

[Cash, food, and vouchers reduce intimate partner violence in urban areas in Ecuador](#). Hợp tác nghiên cứu về Hỗ trợ tiền mặt và Bạo lực do bạn tình gây ra. Washington, DC: International Food Policy Research Institute (IFPRI). 2019.

Nghiên cứu điển hình này tóm tắt tác động của chương trình ngắn hạn về thực phẩm, tiền mặt và phiếu nhận hàng nhắm đến người nghèo thành thị ở Bắc Ecuador, dẫn đến giảm 30% IPV thân thể và / hoặc tình dục.

[Food and cash transfers coupled with nutrition behaviour change communication lead to sustained reductions in intimate partner violence in Bangladesh](#). Cash Transfer and Intimate Partner Violence Research Collaborative. Washington, DC: International Food Policy Research Institute (IFPRI). 2019.

Nghiên cứu điển hình này tóm tắt những phát hiện từ một chương trình hỗ trợ kinh tế kết hợp với hợp phần truyền thông thay đổi hành vi dinh dưỡng ở Bangladesh. Chương trình đã dẫn đến giảm 26% IPV thân thể.

[Cash transfers conditional on schooling reduce IPV among young women in South Africa](#). Cash Transfer and Intimate Partner Violence Research Collaborative. Washington, DC: International Food Policy Research Institute (IFPRI). 2019.

Bản tóm tắt này trình bày tóm tắt tác động của chương trình hỗ trợ tiền mặt có điều kiện nhắm vào các trẻ em gái vị thành niên ở Nam Phi. Chương trình đã giúp giảm 34% bạo lực IPV thân thể bằng cách cho phép các trẻ em gái tránh được những quan hệ bạo lực tiềm tàng, vì việc hỗ trợ tiền mặt giúp hoãn thời gian các em bắt đầu quan hệ tình dục và giảm số bạn tình.

[Getting down to business: Women's economic and social empowerment in Burundi](#). International Rescue Committee (IRC), New York: IRC.

Nghiên cứu điển hình này tóm tắt những phát hiện từ đánh giá chương trình EASE của IRC (Nâng quyền kinh tế và xã hội cho phụ nữ) của IRC ở Burundi. Kết quả cho thấy rằng việc bổ sung thêm một nhóm thảo luận về giới vào VSLA dẫn tới giảm đáng kể IPV (22% trong hai tuần cuối). Xem Sổ tay Hướng dẫn Thực hiện Chương trình EA \$ E.

Hướng dẫn thực hành

[Resources for Mainstreaming Gender-Based Violence \(GBV\) Considerations in Cash and Voucher Assistance \(CVA\) and Utilizing CVA in GBV Prevention and Response](#). Women's Refugee Commission, Mercy Corps, IRC. New York: Women's Refugee Commission and IRC; Portland: Mercy Corps. 2020.

Bản tóm tắt này hỗ trợ những cán bộ hỗ trợ tiền mặt và phòng chống BLG đảm bảo bảo vệ các nhóm dân cư bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng và xung đột khỏi BLG.

[Cash & Voucher Assistance and Gender-Based Violence Compendium: Practical Guidance for Humanitarian Practitioners](#). CARE and Cash Learning Partnership (CaLP). 2019.

Tài liệu này nhằm mục đích giúp các tổ chức nhân đạo lồng ghép các biện pháp giảm thiểu và phòng ngừa rủi ro BLG trong các can thiệp hỗ trợ tiền mặt và phiếu nhận hàng (CVA), đồng thời tích hợp CVA vào công tác phòng ngừa và ứng phó với BLG khi thích hợp.

Webinar

Leveraging Cash Transfers to Reduce IPV at Scale Promise and Potential from Research around the Globe. The Transfer Project (2019) Sự kiện bên lề CSW63 [online video]. Có tại: <https://www.youtube.com/watch?v=dtNxb8FKmyc>
Sự kiện bên lề CSW63 này do UN Women, Sida và Văn phòng Thủ tướng (Tanzania) tổ chức, đã trình bày các bằng chứng mới trên khắp thế giới về tác động của việc hỗ trợ tiền mặt có thể giúp giảm bạo lực do chồng/bạn tình (IPV) đối với phụ nữ.

Chú thích

- ¹ Chiến lược này ghi nhận có sự khác biệt giữa các khái niệm về nghèo, an ninh kinh tế, bất ổn kinh tế, của cải, tài sản, nhưng chúng được sử dụng thay thế cho nhau trong các bản tóm tắt / khung. Các khái niệm cụ thể hơn được sử dụng cho các chỉ số riêng lẻ khi mô tả nghiên cứu cụ thể.
- ² Stockl H, March LM, Pallitto C, et al. (2014) [Intimate partner violence among adolescents and young women: prevalence and associated factors in nine countries: a cross sectional study](#). BMC Public Health. 2014;14:751; Decker MR, Peitzmeier S, Olumide A, et al. (2014) [Prevalence and health impact of intimate partner violence and non-partner sexual violence among female adolescents aged 15–19 years in vulnerable urban environments: a multi-country study](#). JAdolesc Health;55:S58–S67; Heise L, Kotsadam A. (2015) [Cross-national and multilevel correlates of partner violence: an analysis of data from population-based surveys](#). Lancet Global Health. 2015;3:e332–e340. Jewkes, R. (2017) [What are the drivers of violence against women and girls and how to prevent it](#). Presentation for What Works to Prevent VAWG.
- ³ Peterman, A., Roy, S., and Ranganathan, M. (2019) [How is economic security linked to gender-based violence? New insights from the Sexual Violence Research Initiative Forum 2019](#). IFPRI Blog
- ⁴ Gibbs, A and Bishop, K (2019) [Combined economic empowerment and gender-transformative interventions. Evidence Review](#). What works to prevent VAWG programme.
- ⁵ Sđd.
- ⁶ Lưới an sinh xã hội có thể được định nghĩa là “các lợi ích không phân bổ, được cung cấp bằng tiền hoặc hiện vật, nhằm hỗ trợ người nghèo hoặc người dễ bị tổn thương. Đây là một thành tố của hệ thống bảo trợ xã hội lớn hơn bao gồm bảo hiểm xã hội có đóng góp, chẳng hạn như lương hưu và bảo hiểm y tế, cũng như các chính sách và chương trình thị trường lao động” - trang 4, Beegle, K., Coudouel, A. & Monsalve, E. (2019), [Realizing the Full Potential of Social Safety Nets in Africa](#), Washington DC: Ngân hàng Thế giới.
- ⁷ Xếp hạng bằng chứng phần được rút ra từ các đánh giá có hệ thống của hơn 1 lần đánh giá các can thiệp chủ yếu sử dụng các thiết kế thử nghiệm bao gồm các phương pháp ngẫu nhiên, ngẫu nhiên theo cụm và bán thực nghiệm. Người ta thừa nhận rằng đối với một số chiến lược như can thiệp vào lĩnh vực tư pháp, các phương pháp đánh giá thay thế có thể phù hợp hơn, bao gồm chuỗi thời gian, thiết kế quan sát và cắt ngang mặc dù thường được coi là chất lượng thấp hơn. Đây là một lĩnh vực mới nổi và do đó, có rất nhiều biến thể (chưa thống nhất) về tính nghiêm ngặt của thiết kế và đánh giá nghiên cứu. Nguồn của các đánh giá và nghiên cứu này được cung cấp trong phần tài liệu tham khảo.
- ⁸ Ví dụ các can thiệp pháp lý như quyền bình đẳng về tài sản đã có hiệu quả với các chiến lược can thiệp giảm nghèo trực tiếp ở Ấn Độ. Xem: Amaral, S (2017) [Do Improved Property Rights Decrease Violence Against Women in India?](#) Viện Nghiên cứu Kinh tế và Xã hội.
- ⁹ Buller, AM, Peterman, A., Ranganathan, M., Bleile, A., Hidrobo, M., & Heise, L. (2018) [A Mixed-Method Review of Cash Transfers and Intimate Partner Violence in Low- and Middle-Income Countries](#). The World Bank Research Observer, 33(2), pp.218–258.
- ¹⁰ Sđd
- ¹¹ Falb, K., Annan, J., Blackwell, A., & Stennes, J. (2019). [Cash transfers in Raqqa Governorate, Syria: Changes over time in women's experiences of violence and wellbeing](#). Washington DC: International Rescue Committee and London: UK Department for International Development; Kerr Wilson A, Gibbs A, McAslan Fraser E, Ramsoomar L, Parke A, Khuwaja H and Jewkes R (2020) [What Works to Prevent Violence against Women and Girls? A Rigorous Global Evidence Review of Interventions to Prevent Violence against Women and Girls](#), South Africa; What Works to Prevent VAWG.
- ¹² Pettifor, A., MacPhail, C., Selin, A., Gómez-Olivé, F. X., Rosenberg, M., Wagner, R. G., Mabuza, W., Hughes, J. P., Suchindran, C., Piwowar-Manning, E., Wang, J., Twine, R., Daniel, T., Andrew, P., Laeyendecker, O., Agyei, Y., Tollman, S., Kahn, K., & HPTN 068 protocol team (2016). [HPTN 068: A Randomized Control Trial of a Conditional Cash Transfer to Reduce HIV Infection in Young Women in South Africa-Study Design and Baseline Results](#). *AIDS and behavior*, 20 (9), 1863–1882.
- ¹³ Kerr Wilson A, Gibbs A, McAslan Fraser E, Ramsoomar L, Parke A, Khuwaja H và Jewkes R (2020) nt.
- ¹⁴ Chương trình Trickle-Up gồm một hoạt động kiểm soát và một hoạt động can thiệp kinh tế, với VSLA, tập huấn sinh kế và vốn khởi nghiệp cho phụ nữ trong 6 tháng.
- ¹⁵ Kerr Wilson A, Gibbs A, McAslan Fraser E, Ramsoomar L, Parke A, Khuwaja H and Jewkes R (2020) nt.
- ¹⁶ Hidrobo, Melissa, Amber Peterman, and Lori Heise. (2016). ["The Effect of Cash, Vouchers, and Food Transfers on Intimate Partner Violence: Evidence from a Randomized Experiment in Northern Ecuador."](#) *American Economic Journal: Applied Economics*, 8 (3): 284-303.
- ¹⁷ Pettifor, A., MacPhail, C., Huges, J., Selin, A., Wang, J., Gomez-Olive, F.X...Khan, K. (2016) [The effect of a conditional cash transfer on HIV incidence in young women in rural South Africa \(HPTN 068\): a phase 3, randomized controlled trial](#). *Lancet Global Health*, 4(12) PE978-E988
- ¹⁸ Prevention Collaborative (2019) [Cash transfers and intimate partner violence: Findings from a review of quantitative and qualitative studies in low and middle-income countries](#). Prevention Collaborative evidence brief. Prevention Collaborative.
- ¹⁹ Kerr Wilson A, Gibbs A, McAslan Fraser E, Ramsoomar L, Parke A, Khuwaja H and Jewkes R (2020) Sđd.
- ²⁰ Peterman A, Palermo TM, Ferrari G. (2018) [Still a leap of faith: microfinance initiatives for reduction of violence against women and children in low-income and middle-income countries](#). *BMJ Glob Health*;3:e001143. doi:10.1136/bmjgh-2018-001143
- ²¹ Roy, Shalini & Hidrobo, Melissa & Hoddinott, John & Ahmed, Akhter. (2018). [Transfers, Behavior Change Communication, and Intimate Partner Violence: Post-Program Evidence from Rural Bangladesh](#). *The Review of Economics and Statistics*. 1-45.

- ²² Buller, A. M., Peterman, A., Ranganathan, M., Bleile, A., Hidrobo, M., & Heise, L. (2018). Sđd.
- ²³ Peterman, A., Valli, E. & Palermo, T. (2020) [Government Anti-Poverty Programming and Intimate Partner Violence in Ghana](#), *Economic Development and Cultural Change* (in press).
- ²⁴ Heath, R., Hidrobo, M., and Shalini, R (2020) [Cash transfers, polygamy, and intimate partner violence: Experimental evidence from Mali](#) *Journal of Development Economics*, Vol 143 March 2020
- ²⁵ The World Bank (2018) [The State of Social Safety Nets 2018](#). World Bank. Washington DC.
- ²⁶ Roy, S., Hidrobo, M., Hoddinott, J., & Ahmed, A. (2019) Sđd.
- ²⁷ Dunkle, K., Stern, E., Chatterji, S., and Heise, L., (2019) [Indashyikirwa programme to reduce intimate partner violence in Rwanda: Report of findings from a cluster randomized control trial](#). CARE. London.
- ²⁸ Kapiga, S., Harvey, S., Mshana, G., Holm Hansen, C., Mtolela, G.J., Madaha, F. ... & Watts, C. (2019). [A social empowerment intervention to prevent intimate partner violence against women in a microfinance scheme in Tanzania: findings from the MAISHA cluster randomised controlled trial](#). *The Lancet Global Health*, 7(10), 1423- 34.

© UN Women 2020

Tài liệu này là một phần của Hướng dẫn thực hiện khung Tôn trọng phụ nữ, do UN Women thực hiện và tổ chức Social Development Direct xây dựng, có thể tham khảo [tại đây](#).

Đề xuất trích dẫn khi sử dụng thông tin của tài liệu này: UN Women and Social Development Direct (2020) Giảm đói nghèo, Khung Tôn trọng phụ nữ: Tóm tắt Chiến lược Phòng ngừa Bạo lực đối với Phụ nữ.



T Ô N T R Ọ N G
PHỤ NỮ

TÓM TẮT
CHIẾN LƯỢC

**Xây dựng môi trường
an toàn**



Xây dựng môi trường an toàn

MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC: Tạo môi trường an toàn bao gồm trường học¹, nơi làm việc² và các không gian công cộng an toàn nơi phụ nữ và trẻ em gái không còn phải sợ hãi hay bị quấy rối và hay trải qua các loại hình bạo lực khác.

Cơ sở lý luận

Trên toàn cầu, phụ nữ và trẻ em gái tiếp tục phải hứng chịu nhiều hình thức bạo lực khác nhau ở nơi công cộng, bao gồm cả trong trường học, ở chợ và trung tâm mua sắm, ở nơi làm việc, trên đường phố, trên các phương tiện giao thông công cộng, tại nơi lấy nước, trên đồng ruộng, nương rẫy và trên không gian mạng, bên cạnh các không gian khác. Giống như bạo lực do bạo tình gây ra, việc bị bạo lực và bị đe dọa bạo lực ở nơi công cộng có tác động tiêu cực đến sức khỏe và đời sống của phụ nữ, đồng thời có thể hạn chế sự di chuyển và tham gia của phụ nữ vào các hoạt động kinh tế, xã hội và dân sự, cũng như để lại những hậu quả trực tiếp đối với sự phát triển của một quốc gia³. Ví dụ, bạo lực tại nơi làm việc có ảnh hưởng đến kinh tế, sự tham gia xã hội và sức khỏe của cá nhân người lao động. Đồng thời, cũng bạo lực tại nơi làm việc cũng làm gia tăng chi phí cho các doanh nghiệp và ảnh hưởng đến kinh tế địa phương và kinh tế quốc gia như giảm năng suất lao động, tình trạng nghỉ phép, thay đổi công việc, kiện tụng và bồi thường.⁴

Đồng thời, công tác phòng chống VAW tại các không gian công cộng có khả năng tiếp cận được nhiều người với mục đích thay

đổi thái độ, định kiến và hành vi nhằm thúc đẩy quyền được sống trong các không gian an toàn cho phụ nữ. Ví dụ, các can thiệp trong nhà trường có thể giúp phòng ngừa bạo lực thông qua thay đổi toàn bộ môi trường trường học và hướng đến thay đổi nhóm thanh thiếu niên, nâng cao hiểu biết của các em về vai trò giới và các mối quan hệ lành mạnh ngay từ khi còn nhỏ trước khi các em định hình các định kiến, thái độ và hành vi có hại. Tương tự như vậy, phương pháp tiếp cận lồng ghép giới trong quy hoạch đô thị, cụ thể là đầu tư vào các dịch vụ công cộng thiết yếu như vệ sinh, cải thiện hệ thống chiếu sáng và nước sạch đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo những công trình và các dịch vụ này đáp ứng nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái, đảm bảo họ có thể tự do đi lại, học tập và làm việc mà không còn lo lắng về sự an toàn hay bị bạo lực hay quấy rối tình dục⁵.

Yếu tố nguy cơ và yếu tố phòng ngừa

Chiến lược này nhằm giải quyết các yếu tố làm tăng nguy cơ bạo lực sau đây, đồng thời phát huy các yếu tố phòng ngừa ở các cấp độ khác nhau của bạo lực đối với phụ nữ.

Cấp độ	Yếu tố nguy cơ	Yếu tố phòng ngừa
Cá nhân	<p>Thiếu hiểu biết về bạo lực đối với phụ nữ, trong đó có hiểu biết về luật pháp, chính sách và thủ tục trình báo vụ việc (ở cả phụ nữ và nam giới)</p> <p>Thái độ dung túng hoặc biện minh với bạo lực, coi đó là điều bình thường hoặc có thể chấp nhận được (ở cả phụ nữ và nam giới)</p> <p>Thời thơ ấu trải qua bạo lực và/ hoặc chứng kiến bạo lực trong gia đình hoặc ngoài cộng đồng đồng (phụ nữ và nam giới)</p>	<p>Nhận thức và kỹ năng thực hành phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ (phụ nữ và nam giới)</p> <p>Các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định và vận động chính sách (phụ nữ)</p> <p>Thái độ và thực hành bình đẳng giới (phụ nữ và nam giới)</p> <p>Giáo dục phổ thông (phụ nữ và nam giới)</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

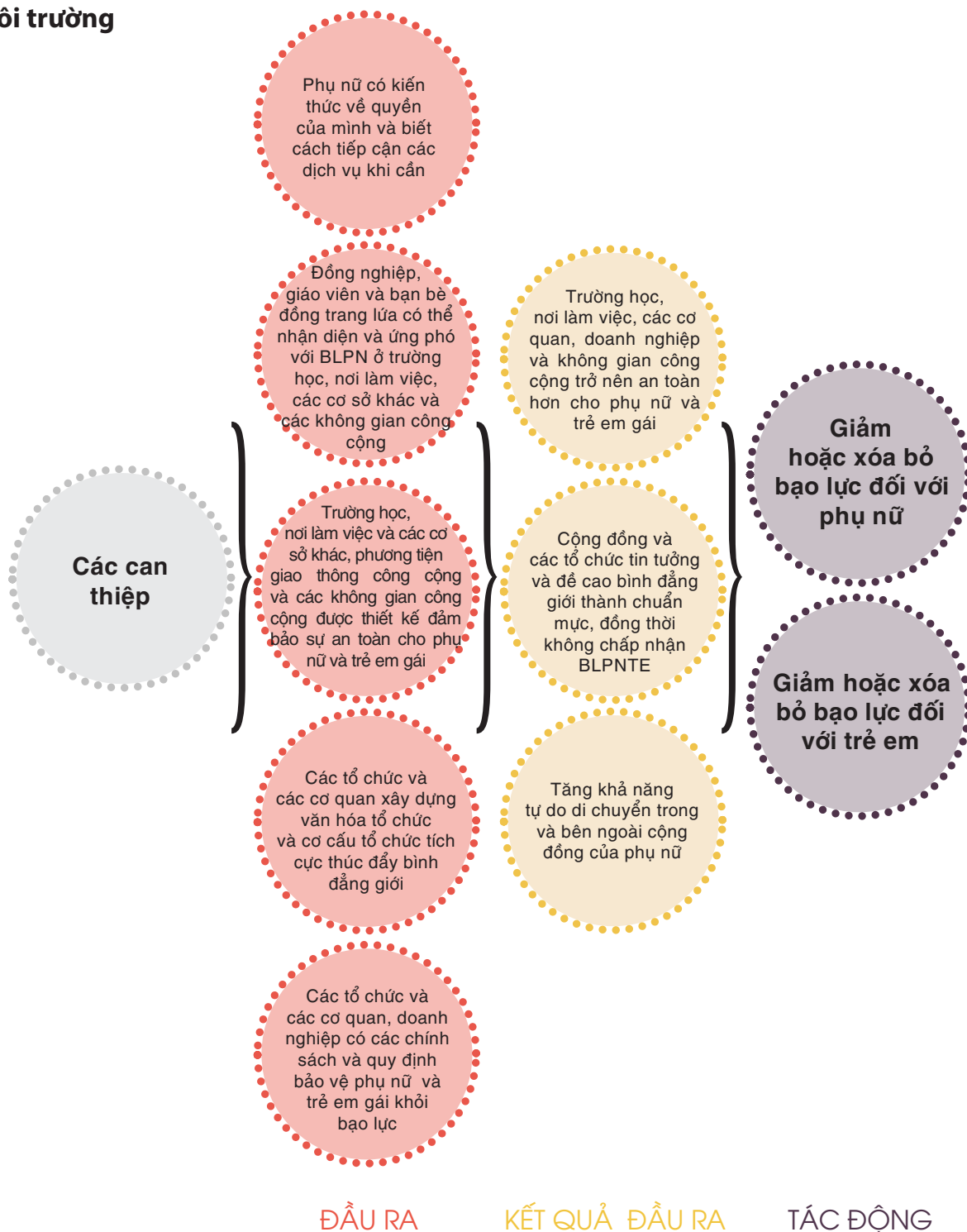
Liên cá nhân	<p>Bạn bè đồng trang lứa, giáo viên, quản lý và đồng nghiệp thiếu hiểu biết về bạo lực đối với phụ nữ, bao gồm hiểu biết về luật pháp, chính sách và thủ tục trình báo.</p> <p>Chênh lệch về trình độ học vấn giữa phụ nữ và nam giới.</p>	<p>Bạn bè đồng trang lứa, giáo viên, quản lý và đồng nghiệp có kiến thức và kỹ năng hành động để phòng ngừa bạo lực⁶.</p> <p>Cân bằng hơn về trình độ học vấn giữa phụ nữ và nam giới.</p>
Cộng đồng	<p>Không gian công cộng không an toàn, thiếu sáng và phương tiện giao thông công cộng đông đúc, chật chội⁷.</p> <p>Thiếu cơ chế giám sát và báo cáo các vụ việc quấy rối, bạo lực trong trường học và nơi làm việc⁸.</p> <p>Các định kiến giới có hại để cao đặc quyền của nam giới và hạn chế quyền tự chủ của phụ nữ.</p>	<p>Không gian công cộng đủ sáng, không khuất tầm nhìn, biển báo rõ ràng và hầm chui đường bộ an toàn.</p> <p>Năng lực quản lý của trường học và nơi làm việc tốt, cơ chế trách nhiệm giải trình tốt.</p> <p>Các chuẩn mực xã hội tôn vinh cách ứng xử phi bạo lực, tôn trọng sự đa dạng và bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ⁹.</p>
Xã hội	<p>Cơ sở hạ tầng và quy hoạch đô thị yếu kém, mù giới hoặc trung tính giới.</p> <p>Luật pháp và chính sách chưa hoàn thiện và/hoặc việc thực thi chính sách chưa hiệu quả để giải quyết quấy rối tình dục và các hình thức bạo lực khác trong và ngoài trường học, nơi làm việc, nơi công cộng và không gian mạng.</p> <p>Thiếu các dịch vụ hỗ trợ chất lượng cao, dễ tiếp cận, thân thiện với từng nhóm đặc thù</p> <p>Phụ nữ có trình độ học vấn thấp và thất nghiệp</p>	<p>Quy hoạch đô thị có đáp ứng giới và có sự tham gia của cộng đồng¹⁰.</p> <p>Các luật pháp và chính sách nghiêm cấm bạo lực đối với phụ nữ trong trường học, nơi làm việc, không gian công cộng và online.</p> <p>Công tác trình báo và các dịch vụ ứng phó dễ tiếp cận, bao gồm cả hỗ trợ tư pháp.</p> <p>Nhiều thể chế bình đẳng giới hơn cho phép sự tham gia bình đẳng của phụ nữ, bao gồm cả ở các cấp quản lý và ra quyết định.</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Lý thuyết về sự thay đổi

Sơ đồ dưới đây trình bày một cách đơn giản hóa lý thuyết về sự thay đổi, làm cơ sở để xây dựng các chương trình can thiệp dựa trên bằng chứng với mục đích đảm bảo trường học, nơi công cộng và nơi làm việc an toàn. Lý thuyết này cần thường xuyên cập nhật, điều chỉnh thêm cho phù hợp với từng chương trình cụ thể, trong những bối cảnh cụ thể.

E: Xây dựng môi trường an toàn



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Các mô hình can thiệp

Có rất nhiều can thiệp khác nhau tiến hành trong bối cảnh quốc gia khác nhau để xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ. Bao gồm các tiếp cận mang tính hệ thống và toàn diện như đối với các can thiệp toàn nhà trường; các can thiệp nhằm xác định và phòng ngừa nguy cơ mất an toàn cho phụ nữ trong quy hoạch và phát triển hạ tầng, giao thông; và các can thiệp nhằm nâng cao năng lực cá nhân trong nhận diện và can thiệp trong các trường hợp bị bạo lực tình dục không phải do bạn tình gây ra. Bảng sau đây mô tả một số mô hình can thiệp tiêu biểu thực hiện khung RESPECT và giới thiệu ngắn gọn một số cơ sở bằng chứng từ các chương trình đã và đang thực hiện làm ví dụ. Ưu tiên các chương trình tiêu biểu tại các nước có mức thu nhập thấp và trung bình, nếu có.

● **nhều triển vọng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy tình trạng bạo lực giảm đáng kể

■ **cần thêm bằng chứng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra trung gian cho thấy có cải thiện liên quan đến bạo lực

◆ **kết quả mâu thuẫn**, đánh giá cho thấy kết quả mâu thuẫn trong việc giảm bạo lực

□ **không có bằng chứng**, can thiệp chưa được đánh giá nghiêm túc

▼ **không hiệu quả**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy bạo lực không giảm

H Nước có mức thu nhập cao

L Nước có mức thu nhập thấp và TB

Mô hình can thiệp

Mô tả

Bằng chứng thể hiện tính hiệu quả

Chương trình tiêu biểu

Cơ sở hạ tầng và giao thông

Các can thiệp trong lĩnh vực này bao gồm nhiều ngành cơ sở hạ tầng trong đó có giao thông, nước, y tế, năng lượng, vệ sinh và nhà ở. Các ngành này có liên quan đến một loạt các can thiệp như quy hoạch giao thông và đô thị toàn diện có trách nhiệm giới, lồng ghép hợp phần phòng ngừa BLPN, góp phần thay đổi văn hóa tổ chức, các chính sách và thủ tục trong các ngành xây dựng và hoạch định cơ sở hạ tầng, giải quyết và loại bỏ các chuẩn mực có hại¹¹.

Những can thiệp này cũng bao gồm các hoạt động tác động đến chính sách và pháp luật, tư pháp, đảm bảo các dịch vụ thiết yếu dành cho nạn nhân của bạo lực, và các chương trình thay đổi chuẩn mực xã hội huy động sự tham gia của cộng đồng. Các can thiệp khác bao gồm đưa ra các ứng dụng bản đồ khu vực an toàn và giao thông an toàn dành riêng cho phụ nữ, sử dụng thông tin của của công chúng đánh giá về mức độ an toàn của các địa điểm với phụ nữ, những chương trình này thường áp dụng ở các thành phố lớn¹².

L

Cần có thêm bằng chứng về tác động lâu dài của các can thiệp về cơ sở hạ tầng và giao thông trong việc giảm bạo lực đối với phụ nữ ở cả quốc gia có mức thu nhập cao và quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình. Tuy nhiên, các đánh giá chỉ ra những thay đổi các kết quả đầu ra trung gian cho thấy sự cải thiện liên quan đến giảm tình trạng bạo lực, bao gồm trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái và tăng cảm giác an toàn cho¹³.

H

Còn **thiếu đầu tư và đánh giá chặt chẽ** đo lường tác động của các chương trình về môi trường an toàn với các cấp độ bạo lực đối với phụ nữ.

Sáng kiến toàn cầu của UN Women - Thành phố an toàn và không gian công cộng an toàn

Can thiệp Safetipin (Ấn Độ)

Công nghệ HarassMap (Cairo, Ai Cập)

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Mô hình can thiệp	Mô tả	Bằng chứng thể hiện tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Can thiệp dựa vào người ngoài cuộc (Người chứng kiến)	<p>Các can thiệp vào người ngoài cuộc chủ yếu làm việc với các nhóm người lớn và/hoặc trẻ em nhằm giúp họ nhận ra các dấu hiệu của bạo lực tình dục trong trường học, trường đại học/cao đẳng và cộng đồng, đồng thời biết cách can thiệp khi chứng kiến bạo lực.</p> <p>Các can thiệp với người ngoài cuộc thường diễn ra phổ biến nhất ở các trường học và trường đại học/cao đẳng và phòng chống bạo lực khi hẹn hò và bạo lực tình dục không do bạn tình gây ra. Được áp dụng đầu tiên ở Mỹ, hầu hết những can thiệp này đã thể hiện được tính hiệu quả với nam thanh niên và trẻ em trai, bao gồm cả thông qua các can thiệp với đội thể thao. Các biện pháp can thiệp này tìm cách xóa tan những lầm tưởng về nạn hiếp dâm, khuyến khích suy ngẫm cẩn trọng về chuẩn mực và thái độ giới, và thường huy động sự tham gia những người có ảnh hưởng trong cộng đồng như huấn luyện viên thể thao để tạo điều kiện để thay đổi thái độ.</p> <p>Các chương trình dành cho người ngoài cuộc thường đa dạng về thời gian và mức độ can thiệp, có thể bao gồm một số buổi tập huấn/nâng cao nhận thức tổ chức một lần duy nhất, và cả những phiên kéo dài trong vài tuần hoặc vài tháng được tổ chức thành nhiều buổi.</p>	<p>H Bằng chứng từ các quốc gia có mức thu nhập cao còn mâu thuẫn, một số đánh giá cho thấy giảm tình trạng nhưng một số đánh giá cho thấy không có tác động gì nhiều. Điều quan trọng cần lưu ý là nhiều hoạt động can thiệp đã được đánh giá chỉ được tiến hành một buổi duy nhất, trong khi với các can thiệp lâu dài hơn được thực hiện thành nhiều buổi tại các quốc gia có mức thu nhập cao lại cho thấy, chẳng hạn như Green Dot, có thể làm giảm bạo lực.</p> <p>Nếu chỉ là các chương trình đơn lẻ thì các biện pháp can thiệp ngắn dựa vào người ngoài cuộc không giúp giảm bạo lực đối với phụ nữ¹⁶.</p> <p>Phần lớn các can thiệp được đánh giá chặt chẽ là tại Hoa Kỳ và không có bằng chứng từ các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình cho thấy các can thiệp dựa vào người ngoài cuộc có thể giúp giảm bạo lực¹⁷. Tuy nhiên, các đánh giá phi thực nghiệm đã cho thấy những tác động tích cực đối với các kết quả đầu ra trung gian, bao gồm đánh giá của Bell Bajao cho thấy những thay đổi tích cực về kiến thức và thái độ về bạo lực đối với phụ nữ, trong đó nhiều người tìm đến các dịch vụ trợ giúp hơn¹⁸.</p>	<p>Green Dot (trường học ở Hoa Kỳ)</p> <p>Huấn luyện các câu bé trưởng thành (Coaching Boys into Men) (Hoa Kỳ, Parivartan (Ấn Độ))</p> <p>Bell Bajao (Rung chuông)</p>
		L	

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Mô hình can thiệp	Mô tả	Bằng chứng thể hiện tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Các can thiệp toàn nhà trường	<p>Các biện pháp can thiệp toàn nhà trường là cách tiếp cận toàn diện nhằm tạo ra môi trường an toàn, thân thiện với trẻ em và có nhạy cảm giới để trẻ em có thể học tập¹⁹. Các chương trình này góp phần làm giảm bạo lực học đường. Các chương trình thường làm việc với các nhóm đối tượng khác nhau tại trường học và ngoài cộng đồng, thường bao gồm lồng ghép vào chương trình học phổ thông, cũng như phối hợp làm việc với giáo viên, phụ huynh, cơ quan quản lý trường học và chính quyền địa phương. Những chương trình can thiệp này nhằm mục đích giảm thiểu bạo lực học đường và trừng phạt thân thể trẻ em. Các nhóm tham gia chương trình thường rất đa dạng phụ thuộc vào nội dung can thiệp và chương trình hoạt động.</p> <p>Bằng cách tham gia ở nhiều cấp độ, mục đích của các can thiệp là tạo ra thay đổi mang tính hệ thống và bền vững, đặc biệt thay đổi về thái độ và hành vi thông qua việc tạo ra môi trường ủng hộ thái độ và hành vi tích cực, tiến bộ trong trường học và ngoài cộng đồng²⁰.</p>	<p>H Không có bằng chứng tại các quốc gia có mức thu nhập cao cho thấy các can thiệp toàn nhà trường giúp giảm bạo lực.</p> <p>L Bằng chứng từ các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình cho thấy các can thiệp có thể tác động tích cực đến các kết quả đầu ra trung hạn như giảm hành vi trừng phạt thân thể của cán bộ trường học, tuy nhiên vẫn cần thêm bằng chứng²¹.</p> <p>Bằng chứng từ các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình phần lớn tập trung vào các can thiệp vào chương trình giáo dục phổ thông nhằm nâng cao nhận thức và xây dựng các kỹ năng phòng ngừa bạo lực (được đề cập trong Tóm tắt Chiến lược RESPECT Phòng ngừa bạo hành trẻ em và vị thành niên²². Mặc dù rất khó đo lường tính hiệu quả của các biện pháp can thiệp toàn nhà trường, nhưng bằng chứng hiện có nêu bật tầm quan trọng của các chính sách tiến bộ, một môi trường văn hóa tích cực trong cộng đồng và xung quanh trường học nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và thúc đẩy các thảo luận về vấn đề bạo lực²³.</p>	<p>Bộ công cụ Trường học tốt (Good Schools Toolkit) (Uganda)</p> <p>Thay đổi giáo dục dành cho trẻ em gái tại Nigeria và Tanzania (TEGINT)</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Các chương trình tiêu biểu

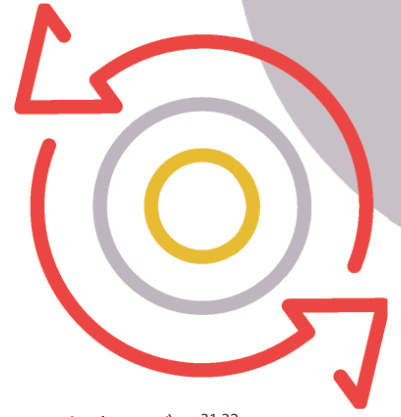
Bảng sau đây tóm tắt ba chương trình khác nhau đã được chứng minh làm giảm tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ, hoặc cho thấy triển vọng trong việc xử lý các kết quả đầu ra trung gian trong khung thời gian của chương trình. Bảng này nên đọc kèm cùng với **Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai** ở trang 9, cũng như **các nguyên tắc hướng dẫn xây dựng chương trình hiệu quả** có trong khung RESPECT khi tùy chỉnh một trong những phương pháp này. Thông tin chi tiết hơn của mỗi chương trình được trình bày tại **phần tóm tắt chương trình**.

Chương trình	Mô tả	Địa điểm	Nhóm mục tiêu	Các hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và tác động
Dự án Green Dot (Chấm xanh)	Một chương trình vận động bạn bè cùng tham phòng ngừa bạo lực tình dục tại các trường trung học phổ thông ²⁴ .	Hợp chủng quốc Hoa Kỳ	Học sinh trung học phổ thông	Trong chương trình này, giáo viên lựa chọn các thủ lĩnh học sinh nam và nữ, các em sẽ được các nhà giáo dục có trình độ của Trung tâm hỗ trợ khủng hoảng hiệp tâm tập huấn chuyên sâu trong vòng 5 giờ về các biện pháp can thiệp của người ngoài cuộc. Các thủ lĩnh học sinh đã được tập huấn được gọi là "chấm xanh" và được học cách nhận biết các hành vi dẫn đến bạo lực tình dục ("chấm đỏ") và cách can thiệp an toàn. Chương trình còn tổ chức các buổi trình bày toàn trường hàng năm, giúp củng cố khái niệm "chấm xanh" và "chấm đỏ".	5 năm	Loại đánh giá: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên (RCT) Tác động: Giảm đáng kể bạo lực thể xác và tình dục do bạn tình gây ra sau hai năm đầu tiên. Đồng thời cũng giảm đáng kể tình trạng trẻ em gái bị bạo lực thể xác và tình dục do bạn tình gây ra trong hai năm cuối của chương trình ²⁵ .
Bộ công cụ Trường học tốt , Tổ chức Raising Voices	Phương pháp tiếp cận toàn trường để giải quyết vấn đề bạo lực đối với trẻ em ở các trường tiểu học	Uganda	Giáo viên và học sinh tiểu học	Mục tiêu của Bộ công cụ là ngăn chặn bạo lực với trẻ em ²⁶ tại trường học bằng cách tác động đến văn hóa hoạt động của chính trường học. Nó bao gồm quy trình sáu bước bao gồm khoảng 60 hoạt động được phối hợp ở cấp trường với các hoạt động bổ sung thu hút sự tham gia của phụ huynh và toàn thể cộng đồng.	18 Tháng	Loại đánh giá: RCT Tác động: Tại các trường triển khai can thiệp, Bộ công cụ đã giúp giảm 42% nguy cơ bạo lực thể xác đối với trẻ em do giáo viên và nhân viên nhà trường gây ra (trong 18 tháng). Cũng như vậy, số giáo viên sử dụng bạo lực thể xác đối với học sinh đã giảm 50% (so với mẫu đối chứng). Bộ công cụ thúc đẩy sự gắn kết của học sinh, cũng như cảm giác an toàn và thuộc về trường học.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Chương trình	Mô tả	Địa điểm	Nhóm mục tiêu	Các hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và tác động
Port Moresby: Chương trình Thành phố An toàn cho Phụ nữ và Trẻ em gái , UN Women	Một chương trình thành phố an toàn và không gian công cộng an toàn toàn diện và đa ngành kết hợp phương pháp tiếp cận toàn diện để đảm bảo các các sáng kiến về khu chợ và giao thông công cộng an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái. Chương trình cũng bao gồm một chiến dịch cộng đồng và các hoạt động kêu gọi cộng đồng tập trung phòng ngừa bạo lực tình dục trong không gian công cộng ²⁸ .	Port Moresby, Papua New Guinea	Phụ nữ là người bán hàng và người mua sắm ở chợ, phụ nữ là người sử dụng phương tiện giao thông công cộng thường xuyên, quản lý chợ, các cơ quan nhà nước bao gồm giao thông vận tải, sinh viên, người cung cấp dịch vụ các cơ quan chức năng và công chúng	<p>Sáng kiến Chợ An toàn: nâng cao năng lực quản lý chợ; thành lập hiệp hội các tiểu thương buôn bán trong chợ; giới thiệu hệ thống thu phí chợ trên trang web; tổ chức tập huấn cho phụ nữ về kiến thức tài chính, phát triển kinh doanh và nâng cao nhận thức về sức khỏe.</p> <p>Sáng kiến Giao thông Công cộng An toàn: hỗ trợ dịch vụ xe buýt dành riêng cho phụ nữ nhằm giải quyết tình trạng bạo lực cao đối với phụ nữ và trẻ em gái ở nơi công cộng, và là biện pháp đặc biệt tạm thời để đảm bảo an toàn cho phụ nữ và trẻ em. Các biện pháp khác bao gồm nâng cao nhận thức thể chế và nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý vận tải, tài xế xe buýt và taxi (nam và nữ), tổ chức nghiên cứu về giới và giao thông trên toàn thành phố để cung cấp thông tin cho quy hoạch giao thông của thành phố.</p> <p>Hoạt động của thanh niên và cộng đồng: chiến dịch thay đổi hành vi dựa trên bằng chứng “Sanap Wan-taim” (“Sát cánh cùng nhau”) quảng bá các thông điệp chính²⁹; bao gồm chương trình Thanh niên lãnh đạo trong trường học, chợ và nhà ở cho người có thu nhập thấp; tổ chức tập huấn về ngôi nhà an toàn và công tác bảo vệ phụ nữ; thiết lập các Dịch vụ tư vấn và chuyển tuyến trong cộng đồng để đảm bảo phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực tiếp cận được các dịch vụ.</p>	9 năm (Sáng kiến Chợ An toàn) 5 năm (Sáng kiến Giao thông Công cộng An toàn)	<p>Loại đánh giá: Đánh giá tác động có sự tham gia tham gia hậu nghiệm và phi thực nghiệm</p> <p>Tác động: Cải thiện các kết quả đầu ra liên quan đến trao quyền cho phụ nữ, bao gồm cả việc phụ nữ buôn bán ở chợ cũng có tiếng nói trong việc ra quyết định về quản trị chợ, đồng thời nâng cao nhận thức của phụ nữ về sự an toàn, sự thoải mái và phẩm giá tại chợ và trên xe buýt³⁰.</p>

Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai



Các yếu tố và nguyên tắc chung của các phương pháp tiếp cận hiệu quả nhằm tạo môi trường an toàn bao gồm:^{31,32}

Thiết kế và thích ứng chương trình

- 1. Tiến hành nghiên cứu phạm vi gồm các phương pháp định tính, có thể bao gồm cả việc đánh giá sự an toàn của phụ nữ, từ đó giúp các bên liên quan hiểu rõ hơn về việc phụ nữ và trẻ em gái bị ảnh hưởng bởi bạo lực như thế nào, đồng thời xác định các yếu tố có thể ảnh hưởng đến nhận thức và sự an toàn trong môi trường cụ thể.** Phương pháp tiếp cận này gồm cả việc lập bản đồ các bên liên quan để xác định các bên liên quan, các cơ hội hợp tác và phối hợp để thiết kế các chương trình hiệu quả. Các bên liên quan chính trong các hội thảo có sự tham gia của cộng đồng phải phản ánh các kết quả nghiên cứu phạm vi để đưa vào thiết kế chương trình.
- 2. Thu hút sự tham gia của các nhóm phụ nữ và trẻ em gái khác nhau ở tất cả các giai đoạn, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em gái phải đối mặt với nhiều hình thức phân biệt đối xử liên tầng, và có nguy cơ cao bị bạo lực và quấy rối tại nơi làm việc và không gian công cộng³³.** Các nhóm phụ nữ bao gồm phụ nữ làm việc trong khu vực phi chính thức, phụ nữ di cư, phụ nữ là lao động giúp việc gia đình và phụ nữ là lao động tình dục. Hoạt động này giúp đảm bảo rằng các can thiệp sẽ xem xét các nhóm phụ nữ và trẻ em gái trải qua bạo lực khác nhau như thế nào, cân nhắc đến tuổi tác, dân tộc, tình trạng khuyết tật, tình trạng kinh tế xã hội và các yếu tố khác³⁴. Tuy nhiên, hiện có rất ít bằng chứng về điểm này.
- 3. Đề cập tới các hành vi quấy rối và các hình thức khác của bạo lực đối với phụ nữ tại không gian công cộng và các môi trường khác như một phần của vòng tròn bạo lực³⁵.** Bằng chứng chứng minh mối liên hệ giữa bạo lực đối với phụ nữ trong không gian công cộng và riêng tư, bao gồm cả trong không gian mạng, tuy nhiên hiện có rất ít chương trình tích cực giải quyết vấn đề về vòng tròn bạo lực này.
- 4. Áp dụng cách tiếp cận dựa trên quyền, ví dụ, phương pháp tiếp cận 'quyền được sống trong thành phố' (right to the city) trong các can thiệp nhằm giải quyết vấn đề bạo lực trong không gian công cộng và quyền được giáo dục, quyền được hưởng dịch vụ, quyền được làm việc, quyền được giải trí và quyền được tham gia vào các hoạt động chính trị của phụ nữ và trẻ em gái³⁶.**

Triển khai thực hiện

- 5. Khuyến khích người tham gia suy ngẫm về chuẩn mực và quyền lực giới thông qua các cách tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng.** Ví dụ, các biện pháp can thiệp nhằm phòng ngừa bạo lực đồng trang lứa trong trường học cho thấy có hiệu quả trong việc phòng ngừa bạo lực và thường sử dụng các nhóm đơn giới hoặc nhóm hỗn hợp với nam giới và trẻ em trai cũng như phụ nữ và trẻ em gái để suy nghĩ về các định kiến giới³⁷.
- 6. Đảm bảo các can thiệp đủ mạnh và không đơn lẻ.** Ví dụ, các chương trình can thiệp dựa vào người ngoài cuộc, bao gồm một hoặc hai phiên tập huấn hoặc các can thiệp số như ứng dụng lập bản đồ an toàn, có thể sẽ không giảm được bạo lực đối với phụ nữ nếu chỉ triển khai như các can thiệp đơn lẻ³⁸.
- 7. Điều phối và xây dựng quan hệ đối tác với các bên liên quan trong nhiều ngành/lĩnh vực, bao gồm cả chính quyền cấp địa phương, khu vực và quốc gia³⁹.** Ví dụ, làm việc với chính quyền địa phương để xử lý bạo lực đối với phụ nữ tại không gian công cộng và xây dựng quan hệ hợp tác với các tổ chức bảo vệ quyền phụ nữ trong các hoạt động từ thiết kế đến thực hiện, giám sát và đánh giá⁴⁰. Tăng cường quan hệ đối tác tích cực và ý thức làm chủ của phụ nữ tại địa phương trong vai trò ra quyết định chính, là chìa khóa để thực hiện thành công chiến lược này.
- 8. Xem xét và giải quyết vấn đề văn hóa tổ chức xung quanh bình đẳng giới và bạo lực đối với phụ nữ, bao gồm cả trong trường học, giao thông, cơ sở hạ tầng và doanh nghiệp.** Ví dụ, mục đích của Bộ công cụ Trường học tích cực là tạo dựng văn hóa học đường tích cực, trong đó tất cả trẻ em đều được an toàn học tập. Toàn thể nhà trường cùng đặt ra mục tiêu và thống nhất một kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu này, cũng như tăng cường quản trị nhà trường⁴¹.
- 9. Hỗ trợ các tổ chức hoạt động vì quyền của phụ nữ nhằm vận động và giám sát công tác lập pháp chuyên về xử lý bạo lực đối với phụ nữ trong không gian công cộng.** Trong khuôn khổ Chương trình điểm toàn cầu về thành phố an toàn và không gian công cộng an toàn của UN Women tại Thành phố Quito, Ecuador⁴², và thành phố Quezon, Philippines, các tổ chức vì quyền phụ nữ cùng các đối tác nghiên cứu đã thu thập dữ liệu

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

về quấy rối tình dục trong không gian công cộng như một phần trong nghiên cứu phạm vi, nhằm giải quyết những khoảng trống trong chính sách và pháp luật về quấy rối tình dục trong không gian công cộng. Nhờ cách tiếp cận làm việc với các bên liên quan đa ngành này, một bộ luật có tính chất đột phá đã được

thông qua, quy định các hình phạt đối với tình dục trong không gian công cộng và giúp thu hẹp khoảng trống về pháp luật cũng cần được xử lý ở các thành phố khác⁴³.

- 10. Xây dựng, khai thác và công bố dữ liệu và bằng chứng giám sát tính hiệu quả của các can thiệp phòng ngừa bạo lực.** Hiện còn thiếu dữ liệu và bằng chứng thể hiện tính hiệu quả, đặc biệt là các biện pháp can thiệp nhằm phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ trong không gian công cộng và các môi trường khác.

Các điểm đầu vào

Các phương pháp tiếp cận để tạo ra môi trường an toàn có thể được lồng ghép vào nhiều bối cảnh và ngành để tối đa hóa tác động. Bảng sau đây nêu bật các điểm đầu vào chính cho chiến lược này, bao gồm các ví dụ về chương trình:

Hoạt động ban đầu Cơ sở lý luận

Giao thông

- Quy hoạch giao thông và cơ sở hạ tầng (nhà ga, khu vực chờ, dịch vụ và kết nối chặng cuối⁴⁴)
- Giao thông công cộng

Các nghiên cứu đã chỉ ra mức độ phổ biến cao của nạn quấy rối tình dục và các hình thức bạo lực khác trong và xung quanh phương tiện giao thông công cộng, và công tác quy hoạch yếu kém có thể tạo ra các điểm nóng về bạo lực như thế nào.^{45,46} Quy hoạch giao thông, chính sách và các can thiệp có trách nhiệm giới, mà có sự tham vấn cần trọng với phụ nữ và trẻ em gái, đồng thời xem xét và giảm thiểu nguy cơ bạo lực một cách rõ ràng, giúp nâng cao nhận thức của phụ nữ về an toàn và phòng ngừa bạo lực.

Ví dụ, Chương trình Thành phố An toàn Quito ở Ecuador đã thực hiện nghiên cứu tổng hợp bằng chứng toàn diện vào năm 2012, kết quả cho thấy 65% phụ nữ ở Quito đã từng trải qua một số hình thức quấy rối tình dục, phần lớn xảy ra trên các phương tiện giao thông công cộng. Để ứng phó với tình hình này, chính quyền thành phố đã đưa chương trình giao thông an toàn vào kế hoạch hàng năm và thành lập một ủy ban xây dựng chiến lược toàn diện phòng ngừa và ứng phó với quấy rối tình dục và các hình thức khác của bạo lực đối với phụ nữ trên các phương tiện giao thông công cộng. Dự thảo quy định đã được xác nhận với các tài xế xe buýt và các nhóm vận hành; theo đó, đã lập được một biểu đồ rõ ràng nhằm đảm bảo các nhóm hiểu rõ vai trò của mình trong báo cáo và giải quyết các vụ việc bạo lực đối với phụ nữ⁴⁷.

Một ví dụ khác là tổ chức tập huấn về giới cho các lái xe, nhân viên bán vé và tất cả nhân viên vận tải ở Delhi để giúp họ hiểu về quấy rối tình dục. Khóa đào tạo này đã được thực hiện từ năm 2007 tới nay. Hiện nay khi bắt kỳ phương tiện giao thông nào đến gia hạn đăng ký hàng năm, chủ phương tiện sẽ phải tham gia một buổi tập huấn kéo dài một giờ về quấy rối tình dục⁴⁸.

Quy hoạch và xây dựng đô thị

- Không gian công cộng
- Cung cấp năng lượng
- Nước và vệ sinh
- Đất và nhà ở, bao gồm cả các khu định cư không chính thức
- Các trại cho người tị nạn/di cư nội địa

Việc đảm bảo các dự án phát triển đô thị ngay từ đầu có cân nhắc tới việc phụ nữ sử dụng không gian đô thị và các nguy cơ mất an toàn có thể phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, chẳng hạn bằng cách đảm bảo các lối đi công cộng được an toàn và có chiếu sáng tốt. Đánh giá an toàn, tích cực làm việc với phụ nữ và trẻ em gái, có các ứng dụng báo cáo hoặc lập bản đồ có thể giúp khuyến khích hành động hiệu quả do có nhận thức rõ hơn về tỷ lệ bạo lực hiện hành và các điểm nóng về bạo lực⁴⁹.

Ví dụ, *Chương trình Thành phố an toàn Delhi không có bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái* đã hợp tác với Jagoris, chính quyền địa phương và UN Women sử dụng Đánh giá sự an toàn cho phụ nữ (WSA), thu thập thông tin chi tiết về sự an toàn của phụ nữ, bên cạnh những phát hiện của nghiên cứu tổng hợp bằng chứng toàn diện của chương trình. Đánh giá được tiến hành thành theo ba giai đoạn: trước hết là đánh giá bằng hình thức văn bản với 5-6 người tham gia ở cộng đồng; thứ hai, Jagori, đối tác thực hiện chính, đã tổ chức tập huấn về phương pháp luận WSA tại nhiều bang; và cuối cùng là Lập bản đồ đánh giá đường phố mở (OSAM) nhằm thu thập ý kiến của phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai. Các kết quả đạt được gồm có việc nêu bật tầm quan trọng của kết nối chặng cuối và các điểm nóng nguy hiểm mà chính quyền địa phương đã tìm cách giải quyết. Phương pháp luận WSA cũng trở thành yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các quy hoạch đô thị và các dự án thành phố thông minh tại Ấn Độ⁵⁰.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Công việc và việc làm⁵¹

- Lao động chính thức
- Lao động phi chính thức
- Các sáng kiến quyền lao động và điều kiện lao động
- Chương trình việc làm cho thanh niên
- Chương trình việc làm cho phụ nữ

Công ước về Chấm dứt Bạo lực và Quấy rối, năm 2019 (C190) của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), tập trung vào bạo lực và quấy rối trong môi trường lao động, đưa ra điểm đầu vào chính cho chiến lược này⁵². Công ước ràng buộc về mặt pháp lý công nhận rằng bạo lực và quấy rối trên cơ sở giới ảnh hưởng không cân xứng đến phụ nữ và trẻ em gái, đồng thời áp dụng với đối tượng phụ nữ bị bạo lực và quấy rối tại nơi làm việc, trên đường đi làm, trong các chuyến công tác, khi giao tiếp/liên lạc liên quan đến công việc và nơi lưu trú do người sử dụng lao động cung cấp. Phạm vi áp dụng cho tất cả các khu vực, cả khu vực tư nhân và khu vực công, cả nền kinh tế chính thức và phi chính thức. Ví dụ, sáng kiến Better Work (Công việc tốt hơn) của ILO áp dụng cách tiếp cận ba mũi nhọn nhằm phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ trong ngành dệt may thông qua việc thiết lập các hệ thống như chính sách về quấy rối tình dục, cơ chế khiếu nại và chuyển tuyến, nâng cao nhận thức của người lao động và nâng cao năng lực của các nhà quản lý, những người chịu trách nhiệm về nguồn nhân lực, quản lý trực tiếp và người lao động⁵³. Một ví dụ về luật pháp quốc gia bảo vệ người lao động phi chính thức bao gồm Đạo luật chống quấy rối tình dục phụ nữ tại nơi làm việc (Phòng ngừa, Nghiêm cấm, Sửa đổi) năm 2013 của Ấn Độ, đạo luật này quy định rõ ràng và đề cập đến cả nhóm người lao động chính thức và không chính thức trong luật. Nhà ở cũng được coi là nơi làm việc và lao động giúp việc tại gia đình có thể sử dụng các cơ chế để gửi khiếu nại lên Ủy ban khiếu nại cấp quận⁵⁴.

Trường học và các cơ sở giáo dục khác

- Cách tiếp cận toàn nhà trường
- Các can thiệp học tập dựa trên giáo trình giảng dạy
- Đào tạo giáo viên

Trường học có tiềm năng phòng ngừa bạo lực trên quy mô lớn, không chỉ trong môi trường học đường mà còn ở gia đình và trong các mối quan hệ tương lai⁵⁵. Các phương pháp tiếp cận toàn trường để tập trung tới việc liên kết giữa các trường học, cộng đồng và gia đình có thể là một cách thức hiệu quả để tạo ra môi trường học tập an toàn⁵⁶. Các phương pháp can thiệp khác như phương pháp tiếp cận giáo trình giảng dạy dựa vào nhà trường cũng cho thấy nhiều triển vọng (vui lòng tham khảo **Tóm tắt Chiến lược RESPECT Phòng ngừa bạo hành trẻ em và trẻ vị thành niên**).

Ví dụ, một chương trình giáo dục kỹ năng sống dựa trên trò chơi được tổ chức phi chính phủ Quyền được vui chơi thực hiện tại 40 trường học công lập ở Pakistan với mục đích trao quyền cho trẻ em và phòng ngừa bạo lực. Can thiệp này cũng bao gồm cả đào tạo giáo viên, tổ chức trại hè, giải đấu thể thao và Ngày vui chơi theo chủ đề cho trẻ em, và cha mẹ được mời tham dự vài lần một năm. Báo cáo cho thấy trẻ em tham gia vào can thiệp này đã giảm đáng kể bạo lực đồng trang lứa và trừng phạt thân thể trong trường học⁵⁷.

Công nghệ số

- Ứng dụng và thông tin trực tuyến
- Các chiến dịch số

Công nghệ kỹ thuật số cùng lúc mang lại cả các vấn đề và giải pháp phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, do môi trường trực tuyến làm trầm trọng hơn và nhân rộng hậu quả của loại hình bạo lực này, khi các công nghệ mới và đang phát triển cung cấp thêm các phương pháp mới cho người gây bạo lực đối với phụ nữ. Tuy nhiên, công nghệ số cũng tạo ra không gian cho vận động chính sách và hoạt động xã hội trực tuyến về bạo lực đối với phụ nữ và quyền của phụ nữ; nhờ đó, hiện các chiến dịch trực tuyến đã trở thành một phần cốt lõi trong công tác của các tổ chức vì quyền của phụ nữ và các can thiệp mới xuất hiện, như thông qua các ứng dụng lập bản đồ an toàn⁵⁸. Điều quan trọng là các giải pháp kỹ thuật số phải có biện pháp ứng phó an toàn và phù hợp - tư vấn trực tuyến yêu cầu phải có các cố vấn được đào tạo và hệ thống lập bản đồ/cảnh báo cần đi kèm với ứng phó hiệu quả từ lực lượng cảnh sát. Hiện vẫn thiếu bằng chứng chứng minh liệu công nghệ số có thể phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ hay không và phòng ngừa như thế nào; rất có thể phải triển khai trong một gói tổng quan chung để phát huy hiệu quả⁵⁹.

Phong trào #MeToo là một ví dụ về chiến dịch trực tuyến chống lại bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái. Các ví dụ khác như #BringBackOurGirls yêu cầu trả lại các cô gái bị bắt cóc từ Chibok ở Nigeria vào năm 2014 và #NiUnaMenos bắt đầu ở Ác-hen-ti-na vào năm 2015 là một chiến dịch chống bạo lực trên cơ sở giới và từ đó lan rộng khắp châu Mỹ Latinh và Caribe.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Tài liệu tham khảo chính

Trường học an toàn

[Global Guidance on Addressing School-related Gender-based Violence](#): Paris and New York, UNESCO và UN Women; 2016. *Cung cấp tài nguyên tổng hợp, tập trung về bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến học đường (SRGBV).*

[Bộ Công cụ xây dựng môi trường học đường tích cực \(Good school toolkit\): Raising Voices.](#)

Một phương pháp được thiết kế để hỗ trợ các nhà giáo dục và trẻ em khám phá thế nào là một trường học an toàn thân thiện với trẻ em và hỗ trợ các em thực hiện tầm nhìn này, phương pháp này đã được chứng minh là có hiệu quả trong việc giảm bạo lực trong trường học.

[Effects of Bystander Programs on the Prevention of Sexual Assault Among Adolescents and College Students.](#) Hensman Kettrey, H., Marx, R. A., and E. E Tanner-Smith. Campbell Collaboration. 2019.

Một đánh giá có hệ thống về hiệu quả của các chương trình dành cho người ngoài cuộc giữa thanh thiếu niên và sinh viên đại học. 25 trong số 27 đánh giá chặt chẽ đã được thực hiện ở Mỹ.

[A Whole School Approach to Prevent School-Related Gender-Based Violence: Minimum Standards and Monitoring Framework,](#) Global Working Group to End SRGBV & UNGEI (2017)

Hướng dẫn này cung cấp khung hướng dẫn các nhà hoạch định chính sách và các nhà thực hành trong việc thiết kế các chương trình phòng chống bạo lực học đường và tăng cường các hành động ứng phó.

Không gian công cộng an toàn

[Safe Cities and Safe Public Spaces for Women and Girls Global Flagship Initiative: International Compendium of Practices. And Second Compendium.](#) UN Women: New York. 2019

Tổng hợp các biện pháp can thiệp từ các thành phố trên toàn cầu để đảm bảo an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái.

[Safe Cities and Safe Public Spaces for Women and Girls Global Flagship Initiative: Global Results Report.](#) UN Women: New York. 2017

Kết quả từ sáng kiến điểm của UN Women bao gồm khung chương trình, các nghiên cứu điển hình và học hỏi từ chương trình toàn cầu.

[Violence against Women and Girls, Infrastructure and Cities Briefing Paper.](#) Fraser, E., Viswanath, K. and L. McLean. 2017.

Bài viết nghiên cứu ngắn về trường hợp xử lý bạo lực đối với phụ nữ thông qua cơ sở hạ tầng và công việc thành phố, các điểm đầu vào và các nghiên cứu điển hình.

[Violence Against Women and Girls Resource Guide: Transport Brief.](#) World Bank. 2015

Báo cáo tóm tắt nhấn mạnh mối liên hệ giữa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái và giao thông vận tải, các cân nhắc về đạo đức và an toàn để xây dựng chương trình giao thông, các điểm đầu vào để tích hợp tập trung vào bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái vào các sáng kiến vận tải và các nguồn lực được đề xuất.

Môi trường làm việc an toàn

[Violence and Harassment Convention,](#) International Labour Organization (ILO). 2019.

Công ước quốc tế cung cấp khung thực hành để định hình tương lai công việc dựa trên phẩm giá và sự tôn trọng, nhằm ngăn chặn bạo lực và quấy rối.

[Handbook: Addressing Violence and Harassment in the World of Work,](#) UN Women and ILO. 2019.

Cung cấp các bài học, hành động thiết thực và các ví dụ nhiều triển vọng về cách xử lý bạo lực và quấy rối tại nơi làm việc.

[What Works? Preventing & Responding to Sexual Harassment in the Workplace A Rapid Review of Evidence.](#) CARE. 2018.

Đánh giá nhanh về thực tiễn đầy hứa hẹn trong việc ứng phó với quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Rà soát/đánh giá bằng chứng

[A Rigorous Review of Global Research Evidence on Policy and Practice on School-related Gender-based Violence,](#) Parkes, J., Heslop, J., Johnson Ross, F., Westerveld, R. & Unterhalter, E. University College London, Institute of Education, 2016.

Cung cấp đánh giá toàn cầu về bằng chứng về các phương pháp tiếp cận để giải quyết vấn đề bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến trường học.

[A Rigorous Global Evidence Review of Interventions to Prevent Violence against Women and Girls,](#) Kerr-Wilson, A.; Gibbs, A. ;

McAslan Fraser E.; Ramsoomar, L.; Parke, A.; Khuwaja, HMA. ; Rachel Jewkes. What Works to prevent violence among women and girls global Programme, Pretoria, South Africa. 2020.

Cung cấp đánh giá cập nhật về bằng chứng thể hiện tính hiệu quả của các chương trình phòng chống bạo lực đối với phụ nữ.

[What Works to Prevent Sexual Violence against Children: Evidence Review.](#) Ligiero, D., Hart, C., Fulu, E., Thomas, A., & Radford, L. Together for Girls. 2019.

Đưa ra bản tóm tắt thân thiện với người dùng về bằng chứng hiện có cho thấy những điều giúp ngăn chặn bạo lực tình dục đối với trẻ em và trẻ vị thành niên

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Chú thích

¹ Bao gồm giáo dục sau phổ thông, chẳng hạn như giáo dục đại học tại trường đại học, cao đẳng hoặc viện công nghệ, cũng như Giáo dục và Đào tạo Kỹ thuật và Day nghề (TVET).

² Các can thiệp về lực lượng lao động được đưa vào trong chiến lược P - Giảm nghèo

³ UN Women website: <https://www.unwomen.org/en/what-we-do/ending-violence-against-women/creating-safe-public-spaces>

⁴ ILO (2018) [Ending violence and harassment against women and men in the world of work: International Labour Conference 107th Session 2018](#), ILO: Geneva.

⁵ UN Women (2017) [Safe Cities and Safe Public Spaces: GLOBAL RESULTS REPORT](#). UN Women: New York.

⁶ UNESCO (2016) [Global Guidance on School-related Gender-Based Violence](#). UNESCO: Paris and UN Women: New York.; UN Women (2019a) [Guide to Support the Implementation of the Global Women's Safety Framework](#), UN Women: New York; UN Women and ILO (2019) [Addressing Violence and Harassment against Women in the World of Work: Handbook](#); New York and Geneva: UN Women and ILO; UN Women (2018) [A Global Women's Safety Framework in Rural Spaces: Informed by experience in the tea sector](#), New York: UN Women.

⁷ Fraser et al., (2017) [Violence against Women and Girls, Infrastructure and Cities Briefing Paper](#).

⁸ ILO (2018) Đã dẫn; UNESCO (2016) [Global Guidance on Addressing School-related Gender-based Violence](#),

⁹ UN Women (2017) Đã dẫn.

¹⁰ UN Women (2017) Đã dẫn; UN Women (2019a) Đã dẫn.

¹¹ Fraser et al., (2017) Đã dẫn.

¹² UN Women (2017) Đã dẫn; World Bank, The Global Women's Institute, IDB and ICRW (2015) [VAWG Transport Brief: VAWG Resource Guide](#).

¹³ Fulu (2016) [A Regional Study of Interventions to Enhance Women and Girls' Safety and Mobility in Public Spaces, Asia and the Pacific Region](#)

¹⁴ Fulu (2016) [A Regional Study of Interventions to Enhance Women and Girls' Safety and Mobility in Public Spaces, Asia and the Pacific Region](#)

¹⁵ Kerr-Wilson, A.; Gibbs, A.; McAslan Fraser E.; Ramsoomar, L.; Parke, A.; Khuwaja, HMA.; and Rachel Jewkes (2020). [A rigorous global evidence review of interventions to prevent violence against women and girls, What Works to prevent violence among women and girls global programme](#), Pretoria, South Africa.

¹⁶ Kerr Wilson A, Gibbs A, McAslan Fraser E, Ramsoomar L, Parke A, Khuwaja H and Jewkes R (2020) [What Works to Prevent Violence against Women and Girls? A Rigorous Global Evidence Review of Interventions to Prevent Violence against Women and Girls, South Africa](#); What Works to Prevent VAWG

¹⁷ Breakthrough Insights (undated) [Breakthrough's Bell Bajao! A Campaign to Bring Domestic Violence to a Halt](#).

¹⁸ UNESCO (2016) Đã dẫn; Global Working Group to End SRGBV & UNGEI (2017) [A Whole School Approach to Prevent School-related Gender-Based Violence: Minimum Standards and Monitoring Framework](#). Global Working Group to End SRGBV (2019) [Ending School-Related Gender-Based Violence A Series of Thematic Briefs](#).

¹⁹ Fulu, E., Kerr-Wilson, A. & J. Lang (2014) [What works to prevent violence against women and girls? Evidence Review of interventions to prevent violence against women and girls](#). What Works: Pretoria. ; Kerr-Wilson et al., (2020); WHO (2019) [School-based violence prevention: a practical handbook](#). Geneva: World Health Organization. Devries, K. M., Knight, L., Child, J. C., Mirembe, A., Nakuti, J., and R. Jones (2015) 'The Good School Toolkit for reducing physical violence from school staff to primary school students: a cluster-randomised controlled trial in Uganda' in The Lancet, vol. 3, no. 7.; UNICEF (2020) What Works to Prevent Online and Offline Child Sexual Exploitation and Abuse? Review of national education strategies in East Asia and the Pacific. UNICEF: Bangkok.

²⁰ UNICEF (2020) Đã dẫn.

²¹ Ligiero, D., Hart, C., Fulu, E., Thomas, A., & L. Radford (2019) What Works to Prevent Sexual Violence Against Children: Evidence Review. Together for Girls.

²² Phương pháp Green Dot cũng đã được điều chỉnh để sử dụng trong các trường mẫu giáo, trung học cơ sở và đại học.

²³ Coker, A. L., Bush, H. M., Cook-Craig, P. G., DeGue, S. A., Clear, E. R., Brancato, C. J. Fisher, B & Recktenwald, E. A. (2017). RCT testing bystander effectiveness to reduce violence. American Journal of Preventive Medicine, 52(5), 566-578.

²⁴ Bộ Công cụ giúp xây dựng môi trường học đường tích cực nhằm giải quyết một số hình thức bạo lực đối với trẻ em bao gồm bạo lực đồng trang lứa cũng như bạo lực do giáo viên gây ra đối với học sinh.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

- ²⁷ Devries, K. M., Knight, L., Child, J. C., Mirembe, A., Nakuti, J., Jones, R., Sturgess, J., Allen, E., Kyegombe, N., Parkes, J., Walakira, E., Watts, C., Elbourne, D., and D. Naker (2015). The Good School Toolkit for reducing physical violence from school staff to primary school students: A cluster-randomised controlled trial in Uganda. *The Lancet Global Health*, 3(7), e378-e386.
- ²⁸ Là một cách tiếp cận tổng thể, sáng kiến Thành phố An toàn Port Moresby bao gồm văn hóa tổ chức thể chế, chính sách và thủ tục, đào tạo và nâng cao nhận thức, cơ chế báo cáo, và một kế hoạch thay đổi hành vi đa hướng trong trường học, chợ và phương tiện giao thông công cộng.
- ²⁹ Những vấn đề này xoay quanh vấn đề bình đẳng giới, sự đồng ý, rằng hành vi quấy rối là sai trái, rằng phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai phải sát cánh cùng nhau để tạo nên một thành phố an toàn và một thành phố an toàn là một thành phố tuyệt vời.
- ³⁰ UN Women (2019b) [Evaluation of the Port Moresby: A Safe City for Women and Girls Programme](#).
- ³¹ Kerr Wilson, A et al (2020) Đã dẫn.
- ³² UNICEF (2020) Đã dẫn
- ³³ CARE (2018) [Ending violence and harassment against women and men in the world of work CARE International's position on the new ILO Convention](#).
- ³⁴ Women in Cities International (2012) [Tackling Gender Exclusion: Experiences from the Gender Inclusive Cities Programme](#); Fraser et al., (2017) Đã dẫn.
- ³⁵ Fulu (2016) Đã dẫn.
- ³⁶ Fulu (2016); UN Women (2019c). UN Women [Safe Cities and Safe Public Spaces for Women and Girls Global Flagship Initiative: International Compendium of practices](#). UN Women: New York.
- ³⁷ Kerr-Wilson et al., (2020) Đã dẫn.
- ³⁸ Kerr-Wilson et al., (2020) Đã dẫn.
- ³⁹ Fulu (2016) Đã dẫn; Fraser et al., (2017) Đã dẫn.
- ⁴⁰ UN Women (2019b) Đã dẫn.
- ⁴¹ Raising Voices website: <http://raisingvoices.org/good-school/>
- ⁴² UN Women (2017) [Safe Cities and Safe Public Spaces Global Results Report](#), New York: UN Women.
- ⁴³ UN Women (2017) Đã dẫn.
- ⁴⁴ Phụ nữ cho biết họ phải đối mặt với sự quấy rối không chỉ bên trong phương tiện giao thông công cộng mà còn ở 'chặng cuối cùng' đến và đi từ trung tâm giao thông tới đích đến - thường được gọi là 'kết nối chặng cuối'.
- ⁴⁵ World Bank et al (2015) Đã dẫn.
- ⁴⁶ Fraser et al., (2017) Đã dẫn.
- ⁴⁷ UN Women (2019c) Đã dẫn.
- ⁴⁸ Vaishnavi, H (2017) [Manas Foundation has trained 2.4 lakh auto, taxi and bus drivers of Delhi to become women-friendly](#), YourStory.
- ⁴⁹ UN Women (2017) Đã dẫn.
- ⁵⁰ UN Women (2019c) Đã dẫn.
- ⁵¹ Các can thiệp về lực lượng lao động được đề cập trong Chiến lược "P" - Giảm đói nghèo
- ⁵² ILO (2019) [ILO Convention 190: Convention Concerning the Elimination of Violence and Harassment in the World of Work](#), Adopted by the Conference at its one hundred and eighth session, Geneva, 21 June 2019.
- ⁵³ ILO & IFC (2019) [Sexual harassment at work: Insights from the global garment industry. Thematic brief](#).
- ⁵⁴ Martha Farrell Foundation (2018) [Sexual Harassment of Domestic Workplaces Workers at their Workplaces: An Ongoing Study on Part-time Domestic Workers in Gurgaon, Faridabad and South Delhi](#), Delhi: Martha Farrell Foundation
- ⁵⁵ Kerr Wilson, A et al (2020) Đã dẫn.
- ⁵⁶ Global Working Group to End SRGBV & UNGEI (2017) Đã dẫn.
- ⁵⁷ Karmaliani, R., McFarlane, J., Maqbool Ahmed Khuwaja, H., Bhamani S., Saeed Ali, T., Somani, Y., Asad, N., Chirwa, E. D., & Jewkes R. (2019). Right to play's Intervention to Reduce Peer Violence among Children in Public Schools in Pakistan: A Cluster-Randomized Controlled Trial Evaluation. Draft manuscript – What Works
- ⁵⁸ Faith, B and Fraser, E (2018) [What Works to Prevent Cyber Violence against Women and Girls](#), VAWG Helpdesk Research Report No. 212. London, UK: VAWG Helpdesk.
- ⁵⁹ Kerr-Wilson et al., (2020) Đã dẫn.

© UN Women 2020

Tài liệu này là một phần của Hướng dẫn thực hiện Khung TÔN TRỌNG PHỤ NỮ do UN Women thực hiện và tổ chức Social Development Direct xây dựng, có thể tham khảo Khung RESPECT [tại đây](#).

Đề xuất trích dẫn khi sử dụng thông tin của tài liệu này: UN Women và Social Development Direct (2020) Tạo Môi trường An toàn, Khung TÔN TRỌNG PHỤ NỮ: Tóm tắt Chiến lược Phòng ngừa Bạo lực đối với Phụ nữ.



T Ò N T R Ọ N G
PHỤ NỮ

TÓM TẮT
CHIẾN LƯỢC

**Phòng ngừa bạo lực với
trẻ em và trẻ vị thành niên**

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Phòng ngừa bạo lực với trẻ em và trẻ vị thành niên

MỤC ĐÍCH CỦA CHIẾN LƯỢC: Nuôi dưỡng các mối quan hệ gia đình, ngăn cấm trừng phạt thân thể trẻ em, giảm tình trạng phụ huynh sử dụng các phương pháp hà khắc để nuôi dạy con cái và tạo dựng các mối quan hệ cha mẹ - con cái tích cực.

Cơ sở lý luận

Trên thế giới, những năm qua, hơn một nửa số trẻ em trong độ tuổi từ 2-17 đã từng phải trải qua một số dạng bạo lực.¹ Tuy nhiên, trong nhiều bối cảnh, quy mô bạo lực trẻ em và trẻ vị thành niên trên thực tế có thể cao hơn nhiều với những gì ghi nhận được, do tình trạng báo cáo không đầy đủ trên phạm vi rộng.

Bạo lực đối với trẻ em² có thể xảy ra dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm ngược đãi trẻ em, bắt nạt, bạo lực thanh thiếu niên, bạo lực do bạn tình gây ra, bạo lực tình dục hoặc bạo lực tinh thần, với một số hình thức nhất định xảy ra ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình phát triển của trẻ.³

Bạo lực đối với trẻ em và bạo lực đối với phụ nữ có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, với bằng chứng rõ ràng thể hiện các mối liên hệ giữa hai hình thức bạo lực này, bao gồm nguy cơ, hậu quả chung và các điểm giống nhau (xem hình 1).

- **Bạo lực do bạn tình và bạo lực/ ngược đãi trẻ em thường xảy ra trong cùng một hộ gia đình.**⁴ Trẻ em sống trong các hộ gia đình có mẹ bị bạo lực thường dễ bị kỷ luật mang tính chất bạo lực hơn.⁵ Nhất là trong trường hợp chế độ gia trưởng cứng nhắc đã bình thường hóa và biện minh cho việc sử dụng bạo lực. Ví dụ, nghiên cứu tại Afghanistan cho thấy phụ nữ đã từng bị bạo lực thể xác do bạn tình gây ra trong vòng 12 tháng trước sẽ dễ có hành vi đánh đập con cái hơn, so với những phụ nữ không có trải nghiệm này.⁶
- Chế độ gia trưởng này được duy trì bởi những định kiến xã hội có hại, bao gồm các định kiến gây hạn chế việc trình báo, dung túng cho những biện pháp kỷ luật mang tính chất bạo lực (đánh đập và trừng phạt thân thể với người vợ), ưu tiên danh giá gia đình, đồng thời đổ lỗi cho người bị bạo lực và ủng hộ bất bình đẳng giới.⁷

Hình 1: Mối liên hệ giữa Bạo lực đối với phụ nữ và Bạo lực đối với trẻ em



Nguồn: Phỏng theo Fulu et al (2017)¹

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

- Bạo lực đối với trẻ em và bạo lực đối với phụ nữ thường đan xen trong giai đoạn vị thành niên (lứa tuổi từ 10-19). Đây thường là thời điểm mà một số hình thức bạo lực xảy ra lần đầu, như bạo lực do bạn tình gây ra, và cũng là thời điểm nguy cơ bạo lực gia tăng. Báo cáo cho thấy cứ trong ba trẻ em gái vị thành niên tuổi từ 15 tới 19 có quan hệ tình cảm, có ít nhất một em đã từng bị bạo lực về tinh thần, thể xác hoặc bạo lực tình dục. Tỷ lệ này cao hơn 50% ở một số khu vực thuộc Châu Phi hạ Sahara.⁸ Tuy nhiên, độ tuổi vị thành niên cũng là thời điểm mang lại cơ hội ngăn ngừa bạo lực.⁹
- Bạo lực đối với trẻ em có liên quan tới vòng tròn bạo lực liên thế hệ. Bạo lực thời thơ ấu làm tăng nguy cơ gây ra và trải qua bạo lực do bạn tình gây ra trong tương lai. Có bằng chứng về mối liên hệ giữa những tổn thương thời thơ ấu, bạo lực do bạn tình và nuôi dạy con cái hà khắc.¹⁰

Mối liên hệ sâu xa giữa bạo lực do bạn tình gây ra và bạo lực đối với trẻ em kêu gọi nhiều nỗ lực hơn nữa để giải quyết những yếu tố nguy cơ chung và sự đan xen của các hình thức bạo lực cùng với công tác truyền thông và hợp tác phòng ngừa bạo lực đối với trẻ em và bạo lực đối với phụ nữ mạnh mẽ hơn.

Khung INSPIRE bao gồm 7 chiến lược chấm dứt bạo lực đối với trẻ em. Mỗi chữ trong từ INSPIRE đại diện cho một chiến lược thể hiện các hình thức phòng ngừa bạo lực đối với trẻ em khác nhau. Bảng 2 cho thấy sự liên kết giữa khung RESPECT và INSPIRE.

Bảng 1: So sánh giữa khung INSPIRE và RESPECT¹¹

So sánh giữa khung INSPIRE và khung RESPECT	
INSPIRE: Chấm dứt bạo lực đối với trẻ em	RESPECT: Phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ
<i>Thực thi và thi hành luật</i>	<i>Đưa ra và tạo điều kiện thực thi pháp luật và chính sách*</i>
Thay đổi chuẩn mực và giá trị	Thay đổi thái độ, niềm tin và định kiến
Tạo môi trường an toàn	Tạo môi trường an toàn
Hỗ trợ cha mẹ và người chăm sóc	Phòng ngừa bạo lực với trẻ em và trẻ vị thành niên
Tăng cường thu nhập và kinh tế	Giảm nghèo đói
	Trao quyền cho phụ nữ
Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và ứng phó	Đảm bảo cung cấp dịch vụ
Giáo dục và kỹ năng sống	Tăng cường các kỹ năng xây dựng mối quan hệ
<i>Hợp tác đa ngành ***</i>	<i>Điều phối và quan hệ đối tác với các ngành**</i>
<i>Giám sát và đánh giá***</i>	<i>Tăng cường các hệ thống giám sát và đánh giá**</i>
*Cấu phần của “môi trường thuận lợi”, ** “Nguyên tắc hướng dẫn xây dựng chương trình hiệu quả”, *** “Chiến lược xuyên suốt”	

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Các yếu tố nguy cơ và bảo vệ

Chiến lược này nhằm phòng ngừa nhiều hình thức bạo lực đối với trẻ em và trẻ vị thành niên. Tập trung vào các phương pháp tiếp cận toàn diện nhằm mục đích tìm cách giảm thiểu các yếu tố nguy cơ chung và phá vỡ vòng tròn bạo lực và bạo lực liên thế hệ trong các hộ gia đình và cộng đồng.¹²¹³

Chiến lược này bao gồm các phương pháp tiếp cận nhằm phòng ngừa bạo lực đối với thanh thiếu niên, bao gồm các hình thức bắt nạt, bạo lực đồng trang lứa, bạo lực trong khi hẹn hò, cũng như bóc lột tình dục trong môi trường học đường.

Các phương pháp tiếp cận toàn nhà trường có trong **Tóm tắt chiến lược RESPECT Tạo Môi trường an toàn**. Các phương pháp tiếp cận kỹ năng sống tập trung vào trao quyền cho trẻ em gái vị thành niên được đưa vào **Tóm tắt Chiến lược: Trao quyền cho Phụ nữ**.

Chiến lược này nhằm giải quyết các yếu tố làm tăng hoặc giảm nguy cơ bạo lực của trẻ em và trẻ vị thành niên, được tóm tắt như sau:

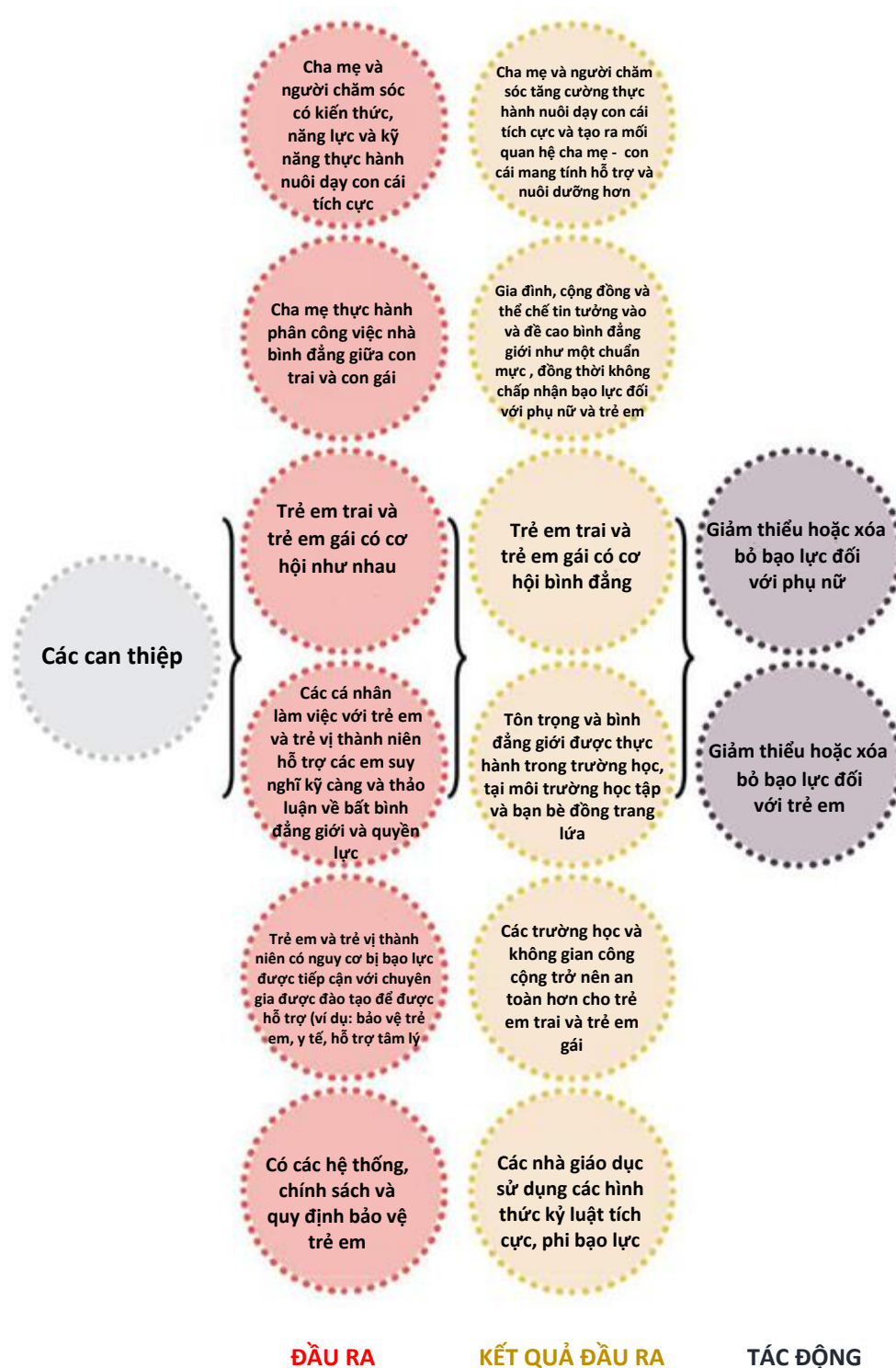
Cấp độ	Yếu tố nguy cơ	Yếu tố bảo vệ
Cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> Thời thơ ấu trải qua bạo lực và/ hoặc tiếp xúc với bạo lực trong gia đình (nam giới và phụ nữ) Trình độ học vấn thấp (nam giới và phụ nữ) Lạm dụng ma túy và rượu (nam giới và phụ nữ) Rối loạn chức năng tâm lý / Điều tiết cảm xúc kém (nam giới) Thái độ dung túng hoặc biện minh cho bạo lực, coi đây là điều bình thường hoặc có thể chấp nhận được (nam giới và phụ nữ) 	<ul style="list-style-type: none"> Thời thơ ấu trải nghiệm hình thức giao tiếp + giải quyết xung đột không bạo lực (nam giới và phụ nữ) Giáo dục và biết chữ (nam giới và phụ nữ) Tự tin vào năng lực bản thân và lòng tự trọng cao (nam giới và phụ nữ) Thái độ và thực hành bình đẳng giới (nam giới và phụ nữ)
Giữa các cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> Phương pháp nuôi dạy con không tích cực Xung đột hôn nhân và gia đình tan vỡ Giao tiếp kém, kỹ năng giải quyết xung đột và giải quyết vấn đề không hiệu quả Bạn bè đồng trang lứa có hành vi bạo lực 	<ul style="list-style-type: none"> Phương pháp nuôi dạy con tích cực Các kỹ năng xây dựng mối quan hệ nhằm giảm thiểu tác nhân gây bạo lực (ví dụ: giải quyết xung đột, giao tiếp)
Cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> Các định kiến giới có hại để cao đặc quyền của nam giới và hạn chế quyền tự chủ của phụ nữ Trừng phạt thân thể được thực hành rộng rãi trong trường học Các thể chế cộng đồng dung thứ cho/không ứng phó với bạo lực 	<ul style="list-style-type: none"> Các tiêu chuẩn ủng hộ phi bạo lực, tôn trọng sự đa dạng và bình đẳng giới cũng như thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ Môi trường trường học thúc đẩy chương trình giáo dục và giảng dạy thân thiện với trẻ em và bình đẳng giới

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Lý thuyết về sự thay đổi

Sơ đồ sau trình bày một lý thuyết đơn giản về sự thay đổi đối với các can thiệp dựa trên bằng chứng nhằm thiết lập mối quan hệ gia đình được nuôi dưỡng, cấm trừng phạt thân thể, giảm các thực hành nuôi dạy con cái hà khắc, đồng thời tạo dựng mối quan hệ cha mẹ-con cái tích cực. Cần xây dựng và điều chỉnh thêm đối với từng chương trình cụ thể.

C: Phòng ngừa bạo lực với trẻ em và trẻ vị thành niên



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Các mô hình can thiệp

Một số can thiệp khác nhau được thực hiện trong các bối cảnh quốc gia khác nhau nhằm giải quyết cả hai vấn đề bạo lực đối với trẻ em và bạo lực đối với phụ nữ với các can thiệp về nuôi dạy con cái tích cực là một trong những phương pháp tiếp cận nhiều triển vọng nhất. Có nhiều bằng chứng hạn chế hơn đối với các loại can thiệp khác, cụ thể là bằng chứng của các nước có mức thu nhập thấp và trung bình.

Bảng sau đây trình bày các loại hình can thiệp chính được nêu trong khung RESPECT và cung cấp tổng quan ngắn gọn về cơ sở bằng chứng hiện tại và các chương trình tiêu biểu. Ưu tiên các chương trình tiêu biểu tại các nước có mức thu nhập thấp và trung bình, nếu có.

- **hiệu triển vọng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy tình trạng bạo lực giảm đáng kể
- **cần thêm bằng chứng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra trung gian cho thấy có cải thiện liên quan đến bạo lực
- ◆ **kết quả mâu thuẫn**, đánh giá cho thấy kết quả mâu thuẫn trong việc giảm bạo lực
- ▼ **không hiệu quả**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy bạo lực không giảm
- **không có bằng chứng**, can thiệp chưa được đánh giá nghiêm túc
- H Nước có mức thu nhập cao
- L Nước có mức thu nhập thấp và TB

Mô hình can thiệp	Mô tả	Bằng chứng thể hiện tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Các can thiệp nuôi dạy con cái về cách xử trí vấn đề bạo lực do bạn tình gây ra và ngược đãi trẻ em	Cách tiếp cận nhiều triển vọng nhất theo chiến lược này gồm các can thiệp hoặc dịch vụ nhằm cải thiện mối quan hệ giữa người chăm sóc và trẻ em và các phương pháp kỷ luật, cũng như chủ động thúc đẩy bình đẳng giới và thách thức các định kiến, vai trò và mối quan hệ hạn chế về giới. Các chương trình này hướng đến các ông bố và các cặp vợ chồng, đồng thời tập trung vào giao tiếp giữa cha mẹ và con cái, cũng như phương pháp kỷ luật bằng đòn roi đối với trẻ em, qua đó thúc đẩy phản ánh, đối thoại và hành động. Các can thiệp nuôi dạy con cái thường bao gồm tư vấn cá nhân hoặc thảo luận nhóm, đưa ra các tấm gương tích cực, và hướng dẫn chơi trò chơi giữa cha mẹ và con cái. ¹⁴	<div style="display: flex; flex-direction: column; align-items: center;"> <div style="background-color: #4CAF50; color: white; border-radius: 50%; width: 40px; height: 40px; display: flex; align-items: center; justify-content: center; margin-bottom: 10px;">H</div> <div style="background-color: #4CAF50; color: white; border-radius: 50%; width: 40px; height: 40px; display: flex; align-items: center; justify-content: center;">L</div> </div> <p>Có bằng chứng nhiều triển vọng của cả các nước có mức thu nhập cao, trung bình và thấp¹⁵ cho thấy đây là loại hình can thiệp hiệu quả nhằm xử trí vấn đề bạo lực do bạn tình gây ra và kỷ luật bằng đòn roi đối với trẻ em. Bằng chứng từ các nước có mức thu nhập cao cho thấy lợi ích quan trọng và dài hạn trong việc ngăn ngừa ngược đãi trẻ em và giảm thiểu bạo lực đối với và do người trẻ tuổi.</p>	<p>Bandeberho (Rwanda)</p> <p>Những người cha thực thụ (Read Fathers) (Uganda)</p> <p>Nuôi dạy con cái vì sức khỏe trọn đời (Parenting for Lifelong Health) (Nam Phi)</p> <p>Cha mẹ tạo ra sự khác biệt (Parents Make the Difference) (Liberia)</p> <p>Xây dựng gia đình hạnh phúc (Building Happy Families) (Thái Lan)</p>
Các chương trình đào tạo kỹ năng sống/ chương trình học tại nhà trường, bao gồm đào tạo ngăn ngừa hiếp dâm	Loại hình can thiệp này gồm có các phương pháp tiếp cận dựa vào chương trình học nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và xử lý bạo lực trong mối quan hệ và bạo lực đồng trang lứa của trẻ vị thành niên cả trong và ngoài nhà trường.	<div style="display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <div style="background-color: #FF9800; color: white; border-radius: 50%; width: 40px; height: 40px; display: flex; align-items: center; justify-content: center; margin-right: 10px;">H</div> </div> <p>Loại hình can thiệp này gồm có các phương pháp tiếp cận dựa vào chương trình học nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và xử lý bạo lực trong mối quan hệ và bạo lực đồng trang lứa của trẻ vị thành niên cả trong và ngoài nhà trường.</p>	<p>Chuẩn bị (PREPARE) (Nam Phi)</p> <p>Quyền được chơi (Right to Play) (Pakistan)</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

và bạo lực trong khi hẹn hò



Cần có thêm bằng chứng về tính hiệu quả của loại can thiệp này trong việc giảm bạo lực ở các nước có mức thu nhập thấp và trung bình. Ngoài ra, có bằng chứng tốt cho thấy các can thiệp tự vệ ở trường đại học phát huy hiệu quả tại các nước có mức thu nhập cao. Tuy nhiên, tại các nước có mức thu nhập thấp và trung bình, bằng chứng về tính hiệu quả của các biện pháp can thiệp tự vệ trong việc giảm bạo lực trong khi hẹn hò tại trường học vẫn còn tương đối mâu thuẫn.

[Ujamaa/Đào tạo chuyển đổi không trao quyền không phương tiện](#) (Kenya)

Thăm khám tại nhà và kết nối với nhân viên y tế

Những can thiệp này bao gồm việc thăm khám tại nhà, thường do y tá hoặc nhân viên y tế cộng đồng, tập trung vào các bà mẹ có nguy cơ hoặc đã từng trải qua bạo lực do bạn tình gây ra và các hộ gia đình có nguy cơ xảy ra bạo lực với trẻ em. Các chương trình này thường làm việc với các bà mẹ, bao gồm cả bà mẹ đang mang thai và bà mẹ có con ở mọi lứa tuổi, và tìm cách củng cố kỹ năng nuôi dạy con cái.¹⁶



Bằng chứng tại các nước có mức thu nhập cao cho thấy các chương trình với nhân viên y tế thăm khám tại nhà nhiều buổi là một **cách tiếp cận đầy hứa hẹn** nhằm giảm mức độ bạo lực mà phụ nữ và trẻ em phải gánh chịu.

[Quan hệ đối tác Y tá-Gia đình Nurse-Family Partnership](#) (Hoa Kỳ)



Cần có thêm bằng chứng từ các nước có mức thu nhập thấp và trung bình về việc liệu những can thiệp này có thể làm giảm mức độ bạo lực do bạn tình gây ra và ngược đãi trẻ em hay không, bao gồm các nghiên cứu tiếp theo để kiểm tra xem liệu các tác động tích cực này có bền vững hay không.¹⁷

[VoorZorg](#) (Hà Lan)

[Chương trình Trẻ sơ sinh \(The infants\)](#) (Nam Phi)

Các can thiệp hỗ trợ tâm lý cho trẻ em trải qua bạo lực và chứng kiến bạo lực do chồng/bạn tình gây ra

Phối hợp các can thiệp tâm lý nhằm xử lý các vấn đề về sức khỏe tâm thần và tổn thương do trải nghiệm hoặc chứng kiến bạo lực trong thời thơ ấu gây ra, là các cách tiếp cận phòng ngừa thứ cấp để chấm dứt vòng lặp bạo lực. Các can thiệp này có thể đóng vai trò quan trọng để cải thiện sức khỏe của trẻ em cũng như phòng ngừa vòng tròn bạo lực liên thế hệ.



Có **bằng chứng nhiều triển vọng** từ các nước có mức thu nhập cao cho thấy những loại can thiệp này có thể dẫn đến việc giảm mức độ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em.

[Hướng dẫn của WHO về sức khỏe tinh thần \(WHO Guidelines for Mental Health \(mh-GAP\)\)](#) (Toàn cầu)



Bằng chứng từ các nước có mức thu nhập thấp và trung bình cho thấy các chương trình hướng đến cả bà mẹ và con cái của họ, dù là can thiệp riêng cho các bà mẹ và trẻ em, hay can thiệp được cung cấp chung cho cả mẹ và con, có thể mang lại lợi ích đặc biệt trong xử lý các tác động tâm lý xã hội do bạo lực.¹⁸ Tuy nhiên, **cần có thêm bằng chứng** từ các nước có mức thu nhập thấp và trung bình về việc liệu các loại hình tiếp cận này có thể giúp phòng ngừa bạo lực với trẻ em trong tương lai, cũng như phòng ngừa bạo lực do bạn tình gây ra tại nhà.

[Dự án về bạo lực gia đình VEGA](#) (Canada)

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Các chương trình tiêu biểu

Bảng sau đây tóm tắt ba chương trình khác nhau có hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em trong khung thời gian chương trình. Bảng này nên đọc kèm cùng với danh mục thiết kế và triển khai ở trang 9, cũng như các nguyên tắc hướng dẫn xây dựng chương trình hiệu quả được đưa ra tại khung RESPECT khi tùy chỉnh một trong những phương pháp này. Thông tin chi tiết hơn của mỗi chương trình được trình bày tại phần tóm tắt chương trình.

Chương trình	Mô tả	Địa điểm	Nhóm mục tiêu	Các hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và Tác động
Dự án <u>Bandeberaho</u>, MenCare+, Trung tâm nguồn lực nam giới Rwanda	Các biện pháp can thiệp nhằm vào các cặp đôi/vợ chồng nhằm thúc đẩy vai trò làm cha tích cực và bình đẳng giới giữa các ông bố và bạn đời/bạn tình của họ, nhằm thay đổi sự mất cân bằng quyền lực-giới, đồng thời giảm bạo lực do bạn tình gây ra và giảm kỷ luật bằng đòn roi đối với trẻ em	Triển khai ở 04 Quận Rwanda-Karongi, Musanze, Nyaruguru và Rwamagana	Nam giới từ 21-35 tuổi, đã kết hôn hoặc đang sống cùng bạn tình, là những ông bố tương lai và những ông bố có con dưới 5 tuổi và bạn đời của họ	Các buổi học theo nhóm nhỏ có sự tham gia dành cho nam giới và vợ/bạn tình, bao gồm 15 buổi cho nam giới và 8 buổi cho bạn tình của họ. Các buổi học nhằm thúc đẩy tầm quan trọng và đối thoại về giới và quyền lực, làm cha, chăm sóc, phát triển của trẻ em, giao tiếp giữa cặp đôi và ra quyết định. Chương trình được điều chỉnh từ Chương trình P của MenCare+ để thu hút sự tham gia của nam giới vào chương trình sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em.	1 năm	Loại đánh giá: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên (RCT) Tác động: 21 tháng sau thời điểm ban đầu, giảm đáng kể tình trạng phụ nữ bị bạo lực thể xác và bạo lực tinh dục do bạn tình gây ra. Báo cáo cho thấy trường phạt thể xác đối với trẻ em đã giảm đáng kể khi áp dụng các can thiệp đối với phụ nữ và nam giới. ¹⁹
<u>CHUẨN BỊ</u>, Sở Y tế Western Cape, Sở Y tế Thành phố Cape Town, Quỹ phòng chống HIV Desmond Tutu; Trung tâm Tư pháp và phòng ngừa Tội phạm (CJCP)²⁰	Chương trình phòng ngừa HIV và bạo lực do bạn tình gây ra, đa thành phần, dựa vào trường học cho trẻ vị thành niên	Triển khai tại 42 trường trung học ở Western Cape, Nam Phi	Học sinh lớp 8 tuổi từ 13 đến 14	21 buổi học với tối đa 25 người tham gia do các điều phối viên đã được đào tạo – là những người đã được chọn lọc phù hợp với công tác hướng dẫn chuẩn mực giới tích cực và cởi mở với giáo dục giới tính. Nội dung của các buổi học gồm các vấn đề giao tiếp, các mối quan hệ, bất bình đẳng quyền lực-giới và bạo lực do bạn tình gây ra.	12 tháng	Loại đánh giá: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên Tác động: Giảm tình trạng trẻ em gái bị bạo lực trong khi hẹn hò trong khung thời gian 12 tháng sau khảo sát đầu kỳ. ²¹

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Hợp phần giáo dục được bổ sung với dịch vụ y tế học đường và chương trình an toàn trường học, bao gồm hướng dẫn về cách thức xác định các không gian, địa điểm không an toàn.

Quyền được vui chơi. Quyền được vui chơi Pakistan (RTP) và Quý Aga Khan

Một chương trình dựa trên hoạt động vui chơi và thể thao nhằm giảm bạo lực đồng lứa trong trường học

Hyderabad, Tỉnh Sindh, Pakistan

Học sinh lớp 6 tuổi trung bình 12

Các hoạt động học tập dựa trên vui chơi (chơi mà học, học mà chơi) theo cấu trúc và kéo dài 40 phút đã được tích hợp vào thời khóa biểu của trường, hai buổi một tuần. Các hoạt động tập trung vào việc phát triển các kỹ năng sống thiết yếu bao gồm kỹ năng tư duy phản biện để thách thức bạo lực và bất bình đẳng giới.

Can thiệp tại trường học cũng thu hút sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng rộng lớn hơn thông qua các giải đấu, sự kiện và "Ngày vui chơi" theo chủ đề thường kỳ (ví dụ: tập trung vào chủ đề 'Chăm dứt bạo lực').²²

12 tháng

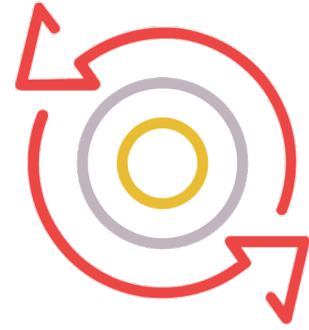
Loại đánh giá: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên

Tác động: Giảm đáng kể bạo lực đồng trang lứa, giảm đáng kể kỷ luật bằng đòn roi ở trường học và ở nhà cũng như giảm đáng kể tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái phải chứng kiến bạo lực gia đình tại nhà.

Cải thiện thái độ bình đẳng giới ở cả trẻ em trai và trẻ em gái.²³

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai chương trình



Các yếu tố và nguyên tắc chung của các phương pháp tiếp cận hiệu quả nhằm Phòng ngừa bạo lực với trẻ em và trẻ vị thành niên bao gồm:^{24,25}

Thiết kế và điều chỉnh chương trình

- 1. Thiết kế các chương trình xử lý các yếu tố nguy cơ của bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em.** Bằng chứng cho thấy các chương trình chỉ tìm cách giải quyết vấn đề bạo lực trẻ em sẽ đem lại ít tác động với trẻ khi mà trẻ vẫn tiếp tục phải chứng kiến mẹ mình bị bạo lực do bạo tình gây ra.²⁶ Trong khi đó, các chương trình tập trung vào việc loại bỏ các yếu tố nguy cơ phổ biến cho cả bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực đối với trẻ em sẽ đem lại nhiều tiềm năng giảm cả hai hình thức bạo lực này hơn. Ví dụ, một nghiên cứu về biện pháp can thiệp SASA! ở Uganda đã cho thấy việc có nhiều chương trình hợp tác hơn để ngăn ngừa tất cả các hình thức bạo lực tại các hộ gia đình sẽ đem lại nhiều tiềm năng hơn.²⁷
- 2. Tập trung vào nhận định quan trọng về vấn đề giới và quyền lực, bao gồm cả trong các hộ gia đình.**²⁸ Các chương trình giúp làm mẫu phương pháp dạy các chuẩn mực giới cho trẻ em và hỗ trợ các em thay đổi và điều chỉnh hành vi của mình, chẳng hạn như biện pháp can thiệp với các cặp đôi/ vợ chồng Bandedereho ở Rwanda đã cho thấy tiềm năng trong việc giảm cả bạo lực đối với trẻ em và bạo lực đối với phụ nữ.²⁹
- 3. Tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ và kỹ năng làm cha mẹ, thay vì chỉ đơn giản là nâng cao nhận thức.**³⁰ Các biện pháp can thiệp chủ động tìm cách phát triển các kỹ năng xây dựng mối quan hệ, bao gồm thông qua các cơ hội thực hành các kỹ năng đó trong không gian an toàn, đã chứng minh được sự thành công trong công tác phòng ngừa bạo lực.³¹ Điều này bao gồm phát triển các kỹ năng kỹ thuật tích cực ở các bậc cha mẹ, giúp cha mẹ quản lý những cảm xúc khó khăn như tức giận và thất vọng, và các kỹ năng giao tiếp tích cực giữa bạn đời/bạn tình.³²
- 4. Các phương pháp tiếp cận phải được điều chỉnh và phù hợp với bối cảnh địa phương.** Điều chỉnh chương trình phù hợp với bối cảnh sẽ giúp vượt qua các rào cản, thu hút và duy trì sự tham gia, đặc biệt là việc thu hút sự tham gia của các ông bố. Ngoài ra, các chương trình cũng cần phải hướng đến mục tiêu vượt ra ngoài nhóm mục tiêu để tạo một môi trường thuận lợi giúp duy trì sự thay đổi ở cấp độ cá nhân. Ví dụ, bằng cách thu hút các đối tượng khác nhau (các nhà lãnh đạo cộng đồng và tôn giáo, nhân viên y tế, giáo viên, thành viên ban quản lý trường học của phụ huynh, các dịch vụ giáo dục mầm non) thông qua các chiến lược khác như các chiến dịch xã hội và thay đổi hành vi.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Thực thi và nhân rộng

5. **Bao gồm nhiều buổi học dành cho cha mẹ và người chăm sóc để củng cố các khái niệm chính và việc học diễn ra trong nhiều tháng chứ không phải chỉ theo tuần.**^{33,34} Các buổi học tổ chức một lần dường như không hiệu quả. Để thay đổi các định kiến xã hội có hại dung túng và duy trì bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, đòi hỏi phải tăng cường học tập và lặp lại các thông điệp chính trong thời gian dài. Nhiều buổi học dành riêng cho các nhóm chỉ có nam giới/chỉ có nữ giới hoặc cả nam và nữ là yếu tố quan trọng mang lại thành công cho một số chương trình.³⁵
6. **Đảm bảo các điều phối viên được đào tạo, giám sát và theo dõi đầy đủ**^{36,37} và được hướng dẫn, hỗ trợ. Bằng chứng từ các chương trình thăm khám tại nhà cho thấy các yếu tố này có liên quan tới kết quả đầu ra tích cực của chương trình, bao gồm với cả tình trạng ngược đãi trẻ em.³⁸
7. **Lồng ghép các buổi học dành cho nhóm nhỏ và cá nhân vào các can thiệp nuôi dạy con cái**, tạo cơ hội cho người tham gia thảo luận về chuẩn mực và quyền lực giới với nhau, thực hành và làm mẫu các thái độ và hành vi mới trong không gian an toàn, và chia sẻ các quan ngại cá nhân với cố vấn.³⁹
8. **Cân nhắc cách tiếp cận các gia đình có nguy cơ bạo lực cao.** Đến tận nhà là cách đặc biệt hữu ích để tiếp cận các gia đình có thể không sử dụng các dịch vụ thông thường, bao gồm cả những đối tượng có nguy cơ bị bạo lực cao nhất trong gia đình.⁴⁰
9. **Sử dụng các phương pháp tiếp cận có sự tham gia của các bên liên quan và dựa trên hoạt động vui chơi.**⁴¹ Các phương pháp tiếp cận tương tác dựa trên chương trình giảng dạy được tích hợp hoàn toàn vào ngày học đã được nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng giúp thu hút trẻ em và thanh thiếu niên.⁴² Ví dụ [Chương trình phát triển giới trẻ tích cực](#) thuộc [Quyền được vui chơi](#) tại Pakistan bao gồm một bộ giáo trình và các hoạt động trường học dựa trên vui chơi, cho phép trẻ em hiểu và suy nghĩ về các chuẩn mực xã hội, bao gồm các ngày vui chơi theo chủ đề dành cho cha mẹ và cộng đồng địa phương.⁴³
10. **Đảm bảo có các cơ chế báo cáo và chuyển tuyến thân thiện với trẻ em và nhạy cảm về giới**, bao gồm cả việc phối hợp với các đối tác bảo vệ trẻ em trước khi bắt đầu thực thi và đảm bảo người thực thi biết đến các cơ chế này.⁴⁴ Đây là một phần thiết yếu của chương trình bảo vệ và “không gây hại”, và các chương trình cần được chuẩn bị để có thể ứng phó thích hợp với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em (thường có thể yêu cầu làm việc với nhiều bên liên quan khác nhau). Trong những bối cảnh yêu cầu chế độ báo cáo bắt buộc, người thực hiện trợ giúp phải báo cáo các trường hợp bạo lực thể xác hoặc tình dục với các cơ quan chức năng. Các cân nhắc về đạo đức và an toàn trong yêu cầu báo cáo bắt buộc được thảo luận tại Tuyên bố Thông lệ tốt nhất số 7 của Tổ chức y tế thế giới về [hướng dẫn lâm sàng trong Ứng xử với trẻ em và trẻ vị thành niên bị bạo lực tình dục](#).
11. **Cần củng cố các hệ thống và thể chế để nhân rộng, đặc biệt các hệ thống bảo vệ trẻ em**, ví dụ như quản lý trường học, chuyển tuyến và hỗ trợ tâm lý, với đầy đủ cán bộ công tác xã hội được đào tạo.

Điểm khởi đầu

Các phương pháp tiếp cận để giải quyết vấn đề bạo lực trẻ em và trẻ vị thành niên có thể được tích hợp vào nhiều môi trường và lĩnh vực để tối đa hóa tác động. Xây dựng các chương trình này dựa trên các sáng kiến đang triển khai có thể giúp tăng khả năng tiếp cận của chương trình phòng ngừa đồng thời có thể tạo ra thêm các kết quả tích cực khác cho chính các sáng kiến này. Bảng sau đây nêu bật các điểm đầu vào chính cho chiến lược này, bao gồm các chương trình ví dụ.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Điểm khởi đầu	Cơ sở lý luận
<p>Các biện pháp can thiệp bảo trợ xã hội và trao quyền kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trợ cấp tiền mặt • Mô hình Cổ phần Tài chính Tụ quần (VSLA) kết hợp với đào tạo về chuẩn mực giới • Tài chính vi mô kết hợp với đào tạo chuẩn mực giới • Các chương trình việc làm cho thanh niên 	<p>Các chương trình tăng cường thu nhập và kinh tế tạo cơ hội giải quyết bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em một cách trực tiếp và cả gián tiếp, thông qua việc tập trung vào các yếu tố nguy cơ. Các chương trình mang lại cơ hội kinh tế cho gia đình và phụ nữ cùng với đào tạo về chuẩn mực giới đã chứng minh thành công trong giảm tình trạng bạo lực.⁴⁵ Đối với thanh thiếu niên, các can thiệp dài hạn nhiều lớp có hiệu quả ⁴⁶.</p> <p>Ví dụ, chương trình Trao quyền và Sinh kế cho Thanh thiếu niên (ELA) ở Afghanistan và Uganda đã làm giảm 50% số trường hợp bị hiếp dâm. Chương trình giúp hỗ trợ trẻ em gái vị thành niên được cố vấn, đào tạo kỹ năng sống và tài chính vi mô tại các câu lạc bộ vị thành niên. Chương trình được điều hành bởi các cố vấn đồng trang lứa với nội dung về nâng cao nhận thức về các chuẩn mực giới, sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục.⁴⁷</p> <p>Mạng lưới an toàn xã hội, bao gồm trợ cấp tiền mặt, có thể mang lại tác động phòng ngừa khỏi bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em.⁴⁸ Bằng chứng hứa hẹn nhất liên quan đến bạo lực tình dục đối với trẻ em gái vị thành niên tại Châu Phi. Ví dụ, một đánh giá về Trợ cấp tiền mặt của Kenya cho trẻ mồ côi và trẻ dễ bị tổn thương cho thấy giao dịch tình dục ở trẻ em gái vị thành niên đã giảm.⁴⁹ Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng trợ cấp tiền mặt có thể làm giảm 10% việc ngược đãi trẻ em, đồng thời tăng hành vi thân thiện với xã hội ở trẻ em trai vị thành niên.⁵⁰ Tuy nhiên, cần nghiên cứu sâu hơn để tìm hiểu các đặc điểm thiết kế có nhiều khả năng bảo vệ trẻ em và phụ nữ khỏi bạo lực, cũng như cách giảm thiểu mọi tác động tiêu cực tiềm tàng.⁵¹ Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo chiến lược RESPECT về “Giảm nghèo đói”.</p>
<p>Giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao nhận thức và kỹ năng sống • Giáo dục giới tính toàn diện • Thể thao và vui chơi • Phát triển trẻ thơ 	<p>Trường học là môi trường vô cùng hữu ích cho việc thực hiện chương trình phòng ngừa bạo lực đối với trẻ em và phụ nữ do có thể tiếp cận với rất nhiều trẻ ở độ tuổi trước khi các định kiến giới về bạo lực ăn sâu vào tiềm thức của các em. Các chương trình này có xu hướng dạy trẻ em về hậu quả của bạo lực và thường xây dựng các kỹ năng cho các em để giảm nguy cơ bị bạo lực, có thể do người lớn hoặc trẻ em khác gây ra.</p> <p>Ví dụ, Quyền được vui chơi ở Pakistan đã sử dụng thể thao và vui chơi để thay đổi định kiến xã hội nhằm ủng hộ bình đẳng giới và phi bạo lực. Nghiên cứu cuối kỳ cho thấy tình trạng kỷ luật bằng đòn roi đã giảm đáng kể cả ở nhà trường và gia đình, cũng như bạo lực đồng trang lứa tại trường và việc chứng kiến bạo lực gia đình tại nhà.^{52,53}</p>
<p>Y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lập chương trình về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, đặc biệt là khám thai • Tiếp cận nhân viên y tế cộng đồng 	<p>Trải nghiệm bạo lực, đặc biệt là bạo lực trong gia đình, thường được ghi nhận đầu tiên trong lĩnh vực y tế. Các điểm đầu vào bao gồm nhân viên y tế tiến hành khám thai và thăm khám tại nhà, từ đó có thể nhắm đến những người có thể không được tham gia vào các loại chương trình dựa vào cộng đồng khác.</p> <p>Chẳng hạn như, Chương trình Nuôi dạy con cái vì sức khỏe trọn đời (PLH) bao gồm cả phương pháp tiếp cận nuôi dạy con cái trước sinh và vị thành niên. Chương trình Trẻ sơ sinh do các nhân viên y tế cộng đồng thực hiện bắt đầu từ khi các bà mẹ đang mang thai và tiếp tục cho đến khi trẻ được 6 tháng tuổi. Chương trình sử dụng phương pháp tư vấn kết hợp với các phương pháp chăm sóc tích cực cho trẻ sơ sinh và xây dựng mối quan hệ giữa cha mẹ và trẻ sơ sinh.^{54,55} Chương trình PLH cho cha mẹ và trẻ vị thành niên sử dụng phương pháp tiếp cận tương tự với cha mẹ và trẻ em từ 10-17 tuổi. Các nghiên cứu của cả hai chương trình ở Nam Phi đã cho thấy những hiệu quả can thiệp lâu dài trong việc giảm bạo lực và trừng phạt thân thể, đồng thời tăng cường phương pháp nuôi dạy con cái tích cực.</p>

Nguồn tài liệu tham khảo hữu ích

Hiểu về bạo lực trẻ em và mối liên hệ với bạo lực đối với phụ nữ

[Bridging the gaps: a global review of intersections of violence against women and violence against children](#), Guedes, A. Bott, S., García-Moreno, C. và M. Colombini. *Hành động Y tế Toàn cầu*, tập. 9, số 10. 2016

Trình bày đánh giá tường thuật bằng chứng về các điểm chung giữa bạo lực đối với trẻ em và bạo lực đối với phụ nữ - bao gồm cả bạo lực tình dục do người không phải bạn tình, tập trung vào các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình.

[Intersections of violence against women and violence against children.](#), Fulu, E., McCook, S. và K. Falb. What Works Evidence Review Cape Town: South Africa. 2017

Cung cấp cái nhìn tổng quan về bằng chứng về mối liên hệ giữa VAC và VAW, bao gồm các yếu tố nguy cơ chung, các định kiến xã hội chung, tình trạng cùng xảy ra và chu kỳ bạo lực liên thế hệ.

[Global prevalence of past-year violence against children: a systematic review and minimum estimates](#), Hillis, S., Mercy, J., Amobi, A., et al. *Pediatrics*, vol. 137; no. 3. 2016

Đưa ra các ước tính xác thực nhất và gần đây nhất về tỷ lệ bạo lực đối với trẻ em trên toàn cầu

[Hidden in plain sight: a statistical analysis of violence against children](#), New York: UNICEF. 2014

Cung cấp dữ liệu về mức độ phổ biến của các hình thức bạo lực khác nhau đối với trẻ em, với các số liệu toàn cầu và dữ liệu từ 190 quốc gia.

[What works to prevent sexual violence against children: Evidence Review](#). Ligiero, D., Hart, C., Fulu, E., Thomas, A., & Radford, L. Together for Girls. 2019

Trình bày tóm tắt thân thiện với người dùng về bằng chứng hiện cho thấy những điểm hiệu quả giúp phòng ngừa bạo lực tình dục đối với trẻ em và thanh thiếu niên.

Hiểu quy mô của bạo lực đối với trẻ em và ứng phó

[Violence Against Children Surveys \(VACS\)](#), US Centers for Disease Control and Prevention (CDC)

Các cuộc khảo sát về tình dục đối với trẻ em do CDC chủ trì trong chương trình Chung tay vì trẻ em gái và đo lường bạo lực thể chất, tình cảm và tình dục đối với trẻ em gái và trẻ em trai. Các cuộc khảo sát đã được thực hiện tại nhiều quốc gia thu nhập thấp và trung bình và phân tích có trên trang web.

[Out of the Shadows index](#) của the Economist gồm chỉ số đo của 60 quốc gia xem xét cách thức các quốc gia ứng phó với nguy cơ bạo lực tình dục đối với trẻ em.

Các khung và hướng dẫn quốc tế

[Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em \(UNCRC\)](#), 1992

Tuyên bố quốc tế về quyền trẻ em bao gồm 54 điều và hiệp ước quốc tế về quyền con người được phê chuẩn rộng rãi nhất trong lịch sử.

[INSPIRE: Bày chiến lược nhằm Chấm dứt Bạo lực Đối với Trẻ em, Geneva](#): Tổ chức Y tế Thế giới (WHO); 2016

Nguồn lực dựa trên bằng chứng cho những người tham gia vào việc phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với trẻ em và trẻ vị thành niên, bao gồm chính phủ, cơ sở, xã hội dân sự và khu vực tư nhân

[Sổ tay INSPIRE: hành động thực thi bày chiến lược chấm dứt bạo lực đối với trẻ em, New York](#): UNICEF; 2018

Nhằm mục đích giúp các nhà hoạch định chính sách, lập kế hoạch, các chuyên gia, các nhà tài trợ và những người ủng hộ vận hành bày chiến lược INSPIRE ở quốc gia hoặc cơ sở của họ.

[Khung Kết quả và Hướng dẫn chỉ số INSPIRE, New York](#): UNICEF; 2018

Được thiết kế để giúp các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ giám sát tiến độ và theo dõi sự thay đổi theo thời gian của bày chiến lược INSPIRE.

Tài liệu bao gồm khung kết quả và bộ chỉ số cốt lõi, cùng với hướng dẫn sử dụng chi tiết.

[Preventing and responding to violence against children: Theory of Change](#), UNICEF; 2017

Trình bày lý thuyết tổng thể, lý thuyết thay đổi đa ngành giúp hướng dẫn công việc của UNICEF trong phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với trẻ em gái, trẻ em trai và trẻ vị thành niên.

[Global Guidance on Addressing School-related Gender-based Violence](#), Paris và New York: UNESCO và UN Women; 2016

Cung cấp tài nguyên tổng hợp, tập trung tại một nơi về bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến học đường (SRGBV).

Chú thích

- ¹ Hillis, S., Mercy, J., Amobi, A., and Kress, H (2016) [Global prevalence of past-year violence against children: a systematic review and minimum estimates](#). *Pediatrics*;137(3):e20154079.
- ² Bạo lực đối với người dưới 18 tuổi..
- ³ Cả trẻ em gái và trẻ em trai đều có thể trải qua bạo hành đối với trẻ em và trẻ vị thành niên, trong đó trẻ em gái đặc biệt dễ bị lạm dụng tình dục, trong khi trẻ em trai có nhiều khả năng trở thành nạn nhân và thủ phạm giết người hơn. Vị thành niên (10-19 tuổi) là thời kỳ gia tăng nguy cơ bị bạo hành, với 1/3 trẻ em gái vị thành niên từ 15 đến 19 tuổi đang có quan hệ thân mật cho biết đã từng bị bạo hành về tình cảm, thể xác hoặc tình dục, tỷ lệ này lên tới hơn 50% ở một số các khu vực thuộc Châu Phi cận Sahara. Tuổi vị thành niên cũng là thời điểm bắt đầu xảy ra bạo lực tình dục (do trẻ em trai) nhưng cũng có thể là cơ hội để phòng ngừa. Đọc: Stoltenborgh, MA., van Ijzendoorn MH, Euser, E., Bakerman-Kranenburg, MJ (2011) [A global perspective on child sexual abuse: Meta-analysis of prevalence around the world](#). *Child Maltreatment*. 16:79–101; WHO (2015) [Preventing Youth Violence: An Overview of the Evidence](#). Geneva: World Health Organization;
- ⁴ Guedes, A. Bott, S., García-Moreno, C. and M. Colombini (2016) [Bridging the gaps: a global review of intersections of violence against women and violence against children](#), *Global Health Action*, vol. 9, no. 10.
- ⁵ Guedes, A. Bott, S., García-Moreno, C. and M. Colombini (2016) Đã dẫn.
- ⁶ Fulu E, McCook S, Falb K (2017) [What Works Evidence Review: Intersections of violence against women and violence against children](#) 7 Kenny, L., Cislighi, B. et al. (2019) [Addressing Social Norms at the VAW/VAC Intersection Learning Group on Social Norms and Gender-related Harmful Practices](#) Convened by the Gender, Violence and Health Centre (GVHC) of the London School of Hygiene & Tropical Medicine (LSHTM).
- ⁸ UNICEF (2014) [A Statistical Snapshot of Violence against Adolescent Girls](#). New York: United Nations Children's Fund
- ⁹ Guedes, A. Bott, S., García-Moreno, C. and M. Colombini (2016) Đã dẫn; Fulu E, McCook S, Falb K (2017) [Đã dẫn](#).
- ¹⁰ Fulu E, McCook S, Falb K (2017) [Đã dẫn](#).
- ¹¹ Guedes, A. (2020) Personal communication - table shared for forthcoming paper
- ¹² Guedes, A. Bott, S., García-Moreno, C. and M. Colombini (2016) Đã dẫn.
- ¹³ Fulu E, McCook S, Falb K (2017) Đã dẫn.
- ¹⁴ Kerr Wilson A, Gibbs A, McAslan Fraser E, Ramsommar L, Parke A, Khuwaja H and Jewkes R (2020) [What Works to Prevent Violence against Women and Girls? A Rigorous Global Evidence Review of Interventions to Prevent Violence against Women and Girls](#), South Africa; What Works to Prevent VAWG
- ¹⁵ Xin lưu ý rằng phân loại này đã được cập nhật kể từ khi Khung RESPECT được triển khai, dựa trên bằng chứng từ chương trình Những hoạt động hiệu quả giúp ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái của DFID. Vui lòng đọc Kerr Wilson và cộng sự (2020) để biết thêm thông tin về bằng chứng của các can thiệp với phương pháp nuôi dạy con cái tích cực.
- ¹⁶ WHO (2013) [Preventing Violence: Evaluating Outcomes of Parenting Programmes](#). Geneva: World Health Organization.
- ¹⁷ Prosman, GJ., Lo Fo Wong, SH., van der Wouden, JC., Lagro-Janssen, AL (2015) [Effectiveness of home visiting in reducing partner violence for families experiencing abuse: a systematic review](#), *Family Practice*. 32(3):247-56.
- ¹⁸ Anderson, K, & van Ee, E (2018) [Mothers and Children Exposed to Intimate Partner Violence: A Review of Treatment Interventions](#), *International journal of environmental research and public health*, 15(9), 1955.
- ¹⁹ Doyle, K., Levitov, RG., Barker, G., Bastian, GG., Bingenheimer, JB., Kazimbaya, S & Shattuck D (2018) [Gender-transformative Bandebereho couples' intervention to promote male engagement in reproductive and maternal health and violence prevention in Rwanda: Findings from a randomized controlled trial](#). *PloS One*, 13(4), e0192756
- ²⁰ Mathews, C., Eggers, SM., Townsend, L., Aarø LE, de Vries, PJ., Mason-Jones, AJ & Wubs, A (2016) [Effects of PREPARE, a multi-component, school-based HIV and intimate partner violence \(IPV\) prevention Programme](#) on adolescent sexual risk behaviour and IPV: Cluster randomised controlled trial. *AIDS and Behavior*, 20(9), 1821-1840.
- ²¹ Mathews et al., (2016) Đã dẫn.
- ²² McFarlane, J., Karmalian, R. et al (2017) [Preventing Peer Violence Against Children: Methods and Baseline Data of a Cluster Randomized Controlled Trial in Pakistan](#), *Global Health: Science and Practice*, 5(1): 115-137.
- ²³ What Works (2018) [Right to Play: Preventing violence among and against children in schools in Hyderabad, Pakistan](#). Evidence Brief 24 Kerr Wilson, A et al (2020) Đã dẫn.
- ²⁵ UNICEF (2020) [What works to prevent online and offline child sexual abuse and exploitation. A review of national education policies in East Asia and the Pacific](#). Bangkok.
- ²⁶ Eckenrode J, Ganzel B, Henderson CR Jr et al. Preventing child abuse and neglect with a program of nurse home visitation: the limiting effects of domestic violence. *JAMA* 2000; 284: 1385–91, cited in Prosman, GJ., Lo Fo Wong, SH., van der Wouden, JC., Lagro-Janssen, AL (2015) [Effectiveness of home visiting in reducing partner violence for families experiencing abuse: a systematic review](#), *Family Practice*. 32(3):247-56.
- ²⁷ Kyegombe, N., Abramsky, T., Devries, K., Michau, L., Nakuti, J., Starmann, E., Musuya, T., Heise, L. & Watts, C. (2015) What is the potential for interventions designed to prevent violence against women to reduce children's exposure to violence? Findings from the SASA! study, Kampala, Uganda. *Child abuse & neglect*, 50. pp. 128-140.
- ²⁸ Kerr Wilson et al (2020) Đã dẫn.
- ²⁹ Doyle K et al (2018) Đã dẫn.
- ³⁰ Kerr Wilson et al (2020) Đã dẫn.

- ³¹ Jewkes, R., Willan, S., Heise, L., Washington, L., Shai, N., Kerr-Wilson, A, Christofides, N. (2020) [Effective design and implementation elements in interventions to prevent violence against women and girls](#). What Works To Prevent VAWG? Global Programme Synthesis Product Series. South African Medical Research Council, Pretoria; Kerr Wilson et al (2020) Đã dẫn.
- ³² Prevention Collaborative (2019) [Evidence Review: Parenting and caregiver support programmes to prevent and respond to violence in the home](#).
- ³³ Kerr Wilson et al (2020) Đã dẫn.
- ³⁴ WHO (2009) [Violence Prevention: The Evidence. Promoting gender equality to prevent violence against women](#). Geneva: WHO
- ³⁵ Siu GE, Wight D, Seeley J et al. (2017) [Men's Involvement in a Parenting Programme to Reduce Child Maltreatment and Gender-Based Violence: Formative Evaluation in Uganda](#). *Eur J Dev Res* 29, 1017–1037.
- ³⁶ Kerr Wilson et al (2020) Đã dẫn.
- ³⁷ Ligiero D, Hart C, Fulu E, Thomas A, & Radford L. (2019) [What Works to Prevent Sexual Violence against Children: Evidence Review](#). Together for Girls. togetherforgirls.org/svsolutions
- ³⁸ Casillas KL, Fauchier A, Derkash BT, & Garrido EF (2016) [Implementation of evidence-based home visiting programs aimed at reducing child maltreatment: A meta-analytic review](#). *Child Abuse & Neglect*, 53, 64-80
- ³⁹ Prevention Collaborative (2019) Đã dẫn.
- ⁴⁰ Prosman et al. (2015) Đã dẫn.
- ⁴¹ Kerr Wilson et al (2020) Đã dẫn.
- ⁴² Ligiero et al (2019) Đã dẫn.
- ⁴³ What Works (2018) Đã dẫn.
- ⁴⁴ Wathen CN and HL MacMillan (2013) [Children's exposure to intimate partner violence: impacts and interventions](#). *Paediatric Child Health* 18(8):419-422.
- ⁴⁵ Kerr Wilson et al (2020) Đã dẫn.
- ⁴⁶ Kerr Wilson et al (2020) Đã dẫn.
- ⁴⁷ WHO (2016) [INSPIRE Framework: Seven strategies for ending violence against children](#). Geneva: World Health Organisation.
- ⁴⁸ Peterman, A., Neijhoft, A., Cook, S., & Palermo, T. M. (2017). [Understanding the linkages between social safety nets and childhood violence: A review of the evidence from low- and middle-income countries](#). *Health Policy and Planning*, 32(7), 1049-1071;
- ⁴⁹ Rosenberg, M., Pettifor, A., Thirumurthy, H., Halpern, C. T., & Handa, S. (2014) [The impact of a national poverty reduction program on the characteristics of sex partners among Kenyan adolescents](#). *AIDS and Behavior*, 18(2), 311-316; Buller, A. M., Peterman, A., Ranganathan, M., Bleile, A., Hidrobo, M., & Heise, L. (2018) [A mixed-method review of cash transfers and intimate partner violence in low and middle-income countries](#). UNICEF Office of Research Innocenti Working Paper.
- ⁵⁰ WHO (2016) [INSPIRE: Seven Strategies for Ending Violence against Children](#), Geneva: World Health Organisation; Cancian M, Yang M, Slack KS. (2013) [The effect of additional child support income on the risk of child maltreatment](#). *Social Service Review*.87(3): 417–37; Huston AC, Miller C, Richburg-Hayes L, Duncan GJ, Eldred CA, Weisner TS et al. (2003) [New hope for families and children: five year results of a program to reduce poverty and reform welfare](#). New York: Manpower Demonstration Research Corporation. 117; Ozer EJ, Fernald LCH, Manley JG, Gertler PJ. (2009) [Effects of a conditional cash transfer program on children's behavior problems](#). *Pediatrics*. 123:e630–7
- ⁵¹ Ligiero D, Hart C, Fulu E, Thomas A, & Radford L. (2019) Đã dẫn.
- ⁵² What Works (2018) Đã dẫn.
- ⁵³ Fulu et al (2017) *Ibid*.
- ⁵⁴ https://www.who.int/violence_injury_prevention/violence/child/PLH_Infants/en/
- ⁵⁵ WHO (2016) Đã dẫn.

© UN Women 2020

Tài liệu này là một phần của Hướng dẫn thực hiện khung Tôn trọng phụ nữ do UN Women thực hiện và tổ chức Social Development Direct xây dựng, có thể tham khảo [tại đây](#).

Đề xuất trích dẫn khi sử dụng thông tin của tài liệu này: UN Women và Social Development Direct (2020) Phòng ngừa bạo lực đối với trẻ em và trẻ vị thành niên. Khung Tôn trọng phụ nữ: Tóm tắt Chiến lược phòng ngừa Bạo lực đối với Phụ nữ.



T Ô N T R Ọ N G
PHỤ NỮ

TÓM TẮT
CHIẾN LƯỢC

**Thay đổi thái độ, niềm tin
và chuẩn mực**



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Định nghĩa

Niềm tin = nhận định của một cá nhân về thế giới
(ví dụ: phụ nữ đương nhiên cần được nam giới dẫn dắt)

Giá trị = những phẩm chất mà một cá nhân coi trọng - thường là mãi mãi và được công nhận trên toàn cầu (ví dụ: bình đẳng, trung thực, trung thành)

Thái độ = cách một cá nhân giao tiếp hoặc thể hiện niềm tin và giá trị của mình bằng lời nói (ví dụ: tôi nghĩ tôi đưa ra quyết định thay cho vợ tôi cũng không vấn đề gì)

Khuôn mẫu = kỳ vọng thường thấy về các giá trị, thái độ và hành vi của một nhóm (ví dụ: phụ nữ năng lực kém hơn nam giới)

Hành vi = những gì một cá nhân làm trên thực tế, điều này thường trùng khớp với niềm tin và giá trị của họ nhưng không phải lúc nào cũng trùng khớp như vậy (ví dụ: một người đàn ông đánh vợ vì cô vợ cãi lại anh ta)

Chuẩn mực = niềm tin chung về những điều được coi là điển hình và phù hợp trong một nhóm văn hóa hoặc xã hội (ví dụ: một người đàn ông có thể trừng phạt vợ mình)

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Thay đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực

MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC: Thúc đẩy thái độ, niềm tin và chuẩn mực tích cực nhằm thúc đẩy bình đẳng giới; thách thức quyền lực và đặc quyền của nam giới, phân biệt đối xử và sự phụ thuộc của phụ nữ; đồng thời lên án bạo lực đối với phụ nữ (BLPN).

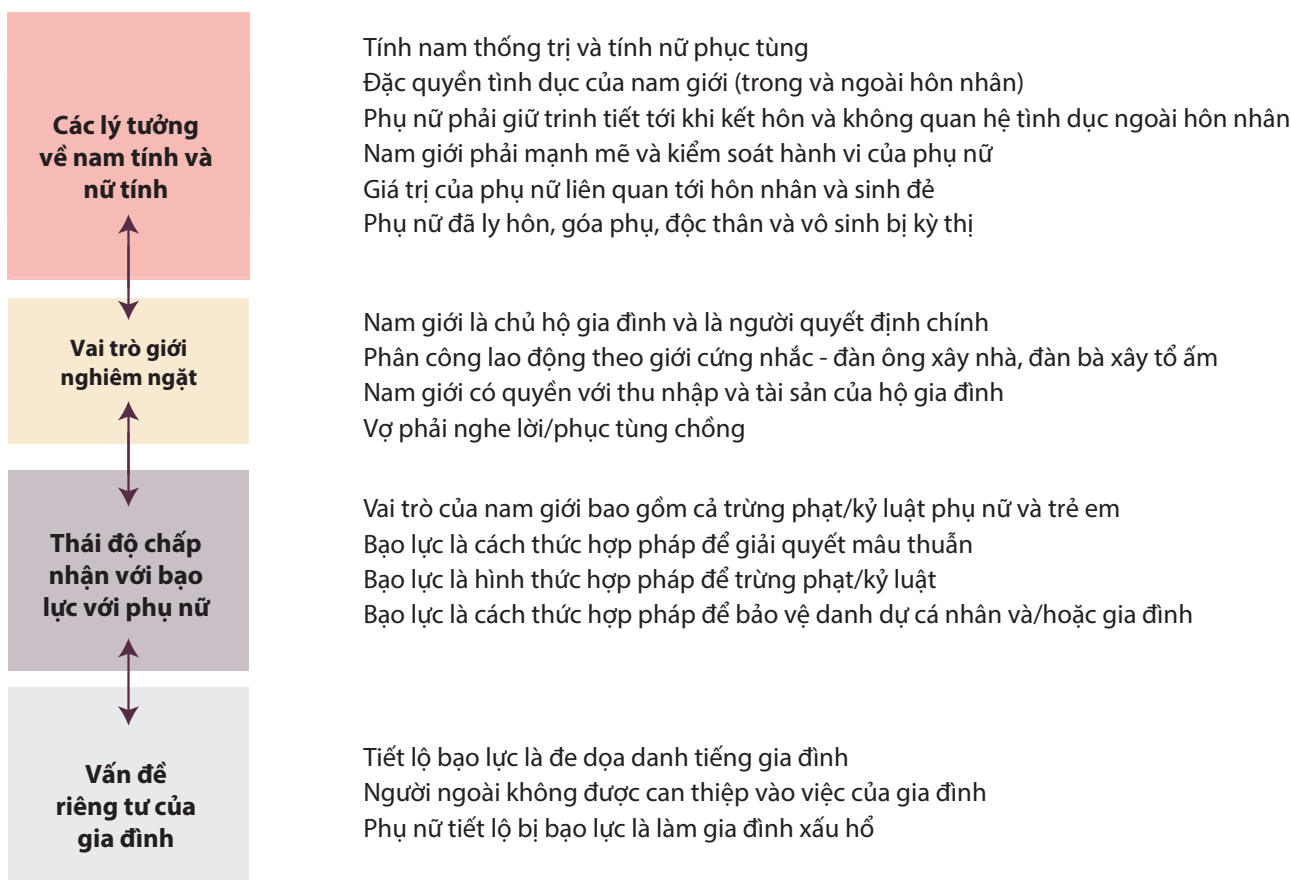
Cơ sở lý luận

Thái độ, giá trị, niềm tin và chuẩn mực bất bình đẳng giới là những yếu tố tác động mạnh mẽ dẫn đến bạo lực đối với phụ nữ. Những yếu tố này bao gồm niềm tin và chuẩn mực của cá nhân về việc thế nào là nam giới hay thế nào là phụ nữ, vai trò giới không bình đẳng trong gia đình, cộng đồng và cuộc sống nói chung, thái độ dung túng bạo lực và quy chụp rằng đó là vấn đề gia đình (xem hình 1). Những yếu tố này cũng có thể bao gồm cả thái độ, niềm tin và chuẩn mực do có liên quan đến các hình thức phân biệt đối xử khác, bao gồm phân biệt chủng tộc, kỳ thị đồng tính và chủ nghĩa giai cấp. Do đó, nỗ lực thúc đẩy thái độ, niềm tin và chuẩn mực tích cực về giới đóng vai trò thiết yếu để đạt được mục tiêu giảm bạo lực đối với phụ nữ lâu dài và bền vững, đạt được bình đẳng giới và tạo ra các cộng đồng hạnh phúc, lành mạnh hơn và an toàn hơn.

Hình 1: Niềm tin cá nhân và chuẩn mực xã hội biện minh, nuôi dưỡng bạo lực với phụ nữ

LOẠI NIỀM TIN/CHUẨN MỰC

VÍ DỤ VỀ NIỀM TIN VÀ CHUẨN MỰC CỤ THỂ



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Các yếu tố nguy cơ và yếu tố phòng ngừa nào được đề cập trong chiến lược?

Chiến lược này nhằm xử lý các yếu tố nguy cơ và thúc đẩy các yếu tố phòng ngừa sau:

Cấp độ	Yếu tố nguy cơ	Yếu tố phòng ngừa
Cá nhân	<p>Thái độ dung túng hoặc biện minh cho bạo lực, coi đây là điều bình thường hoặc có thể chấp nhận được (phụ nữ và nam giới)</p> <p>Thiếu nhận thức về BLPN, bao gồm về luật pháp, chính sách và thủ tục trình báo (phụ nữ và nam giới)</p>	<p>Thái độ và thực hành bình đẳng giới (phụ nữ và nam giới)</p> <p>Nhận thức và kỹ năng hành động nhằm phòng ngừa BLPN (phụ nữ và nam giới)</p>
Liên cá nhân	<p>Giao tiếp kém, kỹ năng giải quyết xung đột và giải quyết vấn đề không hiệu quả</p> <p>Các mối quan hệ với bạn tình và quan hệ với nhà chồng có mức độ bất bình đẳng cao</p>	<p>Các kỹ năng xây dựng mối quan hệ nhằm giảm thiểu tác nhân gây bạo lực (ví dụ giải quyết xung đột, giao tiếp)</p> <p>Các mối quan hệ gia đình và quan hệ tình cảm tôn trọng bình đẳng giới, bao gồm chia sẻ trách nhiệm gia đình và cùng ra quyết định</p>
Cộng đồng	<p>Các chuẩn mực giới có hại để cao đặc quyền của nam giới và hạn chế quyền tự chủ của phụ nữ</p>	<p>Các tiêu chuẩn ủng hộ phi bạo lực, tôn trọng sự đa dạng và bình đẳng giới cũng như thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ</p>

Hộp 1: Chuẩn mực xã hội là gì và các chuẩn mực thúc đẩy bạo lực đối với phụ nữ như thế nào?

Chuẩn mực xã hội là những niềm tin chung về hành vi được coi là tiêu biểu và phù hợp trong một 'nhóm tham chiếu' nhất định (các nhóm/mạng lưới văn hóa và xã hội có tổ chức hoặc phi chính thức đưa ra các kỳ vọng được cá nhân coi trọng).

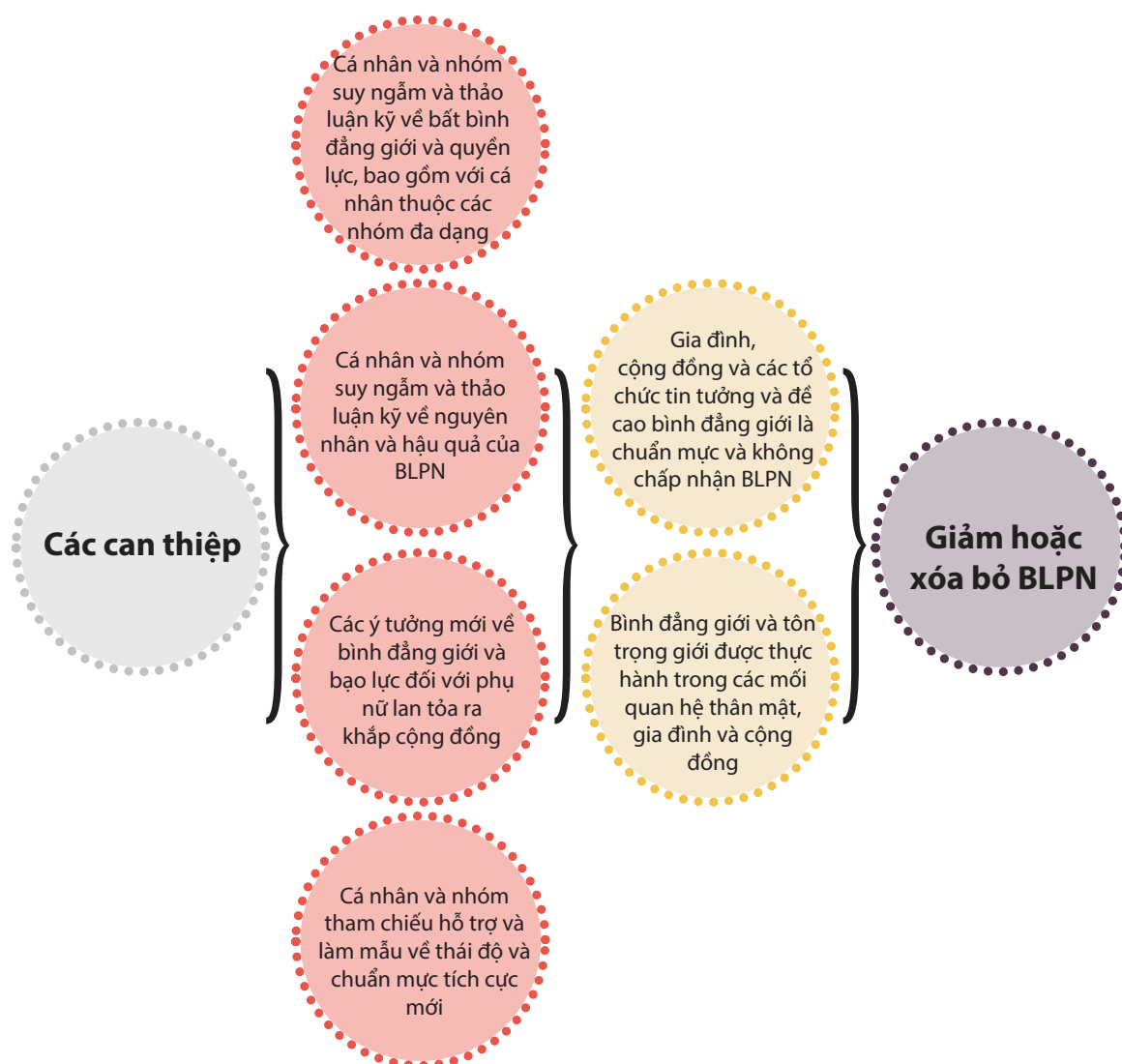
Các chuẩn mực xã hội không nhất thiết phải tương đồng với thái độ và niềm tin của cá nhân, và những kỳ vọng xã hội tạo ra theo đó cũng là động lực mạnh mẽ cho hành vi của cá nhân. Điều này giải thích tại sao việc nâng cao kiến thức và cải thiện thái độ của một cá nhân về BLPN không nhất thiết dẫn đến sự thay đổi hành vi và giảm đi hành vi bạo lực. Hành vi của mỗi cá nhân cũng có thể thay đổi trước khi thái độ của họ thay đổi. Mặc dù lý tưởng nhất là cả thái độ và hành vi đều phải thay đổi theo chiều hướng tốt, nhưng quá trình thay đổi không chạy theo chiều tuyến tính như vậy.

Các chuẩn mực xã hội biến động và có thể thay đổi; nếu có đủ số người bị tác động dẫn tới thay đổi cách ứng xử, thì có thể đạt đến 'điểm giới hạn' giúp thay đổi quan điểm về hành vi được xem là bình thường và điển hình. Cũng có thể tác động thay đổi bằng cách xóa bỏ những hiểu nhầm thường gặp và chứng minh rằng nhận thức của một người không đúng với thực tế.

Cơ sở lý luận

Sơ đồ sau trình bày một lý thuyết đơn giản về sự thay đổi đối với các can thiệp dựa trên bằng chứng nhằm thay đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực về bình đẳng giới và BLPN. Cần xây dựng và điều chỉnh thêm đối với từng chương trình cụ thể.

T: Thay đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC





Các loại hình can thiệp

Một số can thiệp trong các bối cảnh quốc gia khác nhau nhằm thay đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực về BLPN đã được thực hiện. Một số biện pháp can thiệp yêu cầu làm việc cao độ với phụ nữ và nam giới để thay đổi niềm tin, thái độ và hành vi của cá nhân đối với các chuẩn mực xã hội chi phối vấn đề giới, quyền lực và BLPN. Bảng sau đây trình bày các loại hình can thiệp chính được nêu trong khung RESPECT và cung cấp tổng quan ngắn gọn về cơ sở bằng chứng hiện có¹ và các chương trình tiêu biểu. Ưu tiên các chương trình tiêu biểu tại các nước có mức thu nhập thấp và trung bình, nếu có.

- **nhều triển vọng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy tình trạng bạo lực giảm đáng kể
- **cần thêm bằng chứng**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra trung gian cho thấy có cải thiện liên quan đến bạo lực
- ◆ **kết quả mâu thuẫn**, đánh giá cho thấy kết quả mâu thuẫn trong việc giảm bạo lực
- ▼ **không hiệu quả**, > 1 đánh giá kết quả đầu ra cho thấy bạo lực không giảm
- **không có bằng chứng**, can thiệp chưa được đánh giá nghiêm túc
- Ⓗ **Nước có mức thu nhập cao**
- Ⓕ **Nước có mức thu nhập thấp và TB**

Mô hình can thiệp	Mô tả	Bằng chứng thể hiện tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Các phương pháp tiếp cận vận động/huy động cộng đồng	Các phương pháp tiếp cận hiệu quả nhất theo chiến lược này bao gồm các phương pháp tiếp cận huy động cộng đồng. Cách tiếp cận này có sự tham gia của các 'nhà hoạt động xã hội trong cộng đồng' tình nguyện đang sống trong và/hoặc làm việc với các cộng đồng này, là những người được đào tạo và hỗ trợ để tham gia các hoạt động phi chính thức cùng với nam giới và phụ nữ tại cộng đồng nhằm thách thức các chuẩn mực và thái độ có hại về BLPN. Những cách tiếp cận này cũng được thực hiện với những người có tầm ảnh hưởng như những người đứng đầu nhóm tôn giáo và các nhà lãnh đạo truyền thống, cảnh sát, nhà cung cấp dịch vụ y tế và xã hội, để tác động đến các chuẩn mực và tăng cường các dịch vụ ứng phó cấp địa phương dành cho người bị bạo lực.	<p>Ⓕ Có bằng chứng đầy triển vọng từ các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình cho thấy các can thiệp được thiết kế tốt và thực hiện trong nhiều năm thuộc loại này có thể giúp giảm bạo lực về thể xác và tình dục do bạn tình gây ra ở cấp độ cộng đồng trong khung thời gian của chương trình².</p> <p>Bằng chứng cho thấy rằng các phương pháp tiếp cận hoạt động/huy động cộng đồng phát huy hiệu quả nhất khi triển khai các hoạt động cường độ cao, huy động sự tham gia trên toàn cộng đồng và tổ chức các hoạt động phi chính thức khuyến khích cộng đồng suy ngẫm và thảo luận³.</p> <p>Ⓗ Không có bằng chứng từ các quốc gia có mức thu nhập cao do những can thiệp này vẫn chưa được đánh giá chặt chẽ.</p>	<p>SASA! (25+ quốc gia)</p> <p>SHARE (Uganda)</p> <p>COMBAT (Ghana)</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Mô hình can thiệp	Mô tả	Bảng chứng thể hiện tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Hội thảo với nhóm nam giới và phụ nữ nhằm thúc đẩy thay đổi về thái độ và chuẩn mực	Cách tiếp cận này bao gồm các hội thảo nhóm nhỏ đồng đẳng gồm nam giới, phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái để thay đổi niềm tin, thái độ và hành vi. Thường bao gồm các phương pháp tiếp cận giáo dục nhóm khuyến khích sự tham gia, thu hút người tham gia thảo luận kỹ về giới, quyền lực và BLPN. Cách tiếp cận này cũng có thể trang bị kỹ năng và sự tự tin cho nhóm nhỏ nhằm tác động đến sự thay đổi cộng đồng lớn hơn ⁴ .	  <p>Bảng chứng đầy triển vọng từ các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình cho thấy các cuộc hội thảo chuyên sâu với nhóm nam giới và phụ nữ có thể cải thiện thái độ và hành vi cá nhân của những đối tượng mục tiêu đó, bao gồm cả tác động giảm tỷ lệ BLPN. Cần có thêm bằng chứng từ các quốc gia có mức thu nhập cao. Bảng chứng cho thấy các tiếp cận này phát huy hiệu quả nhất khi kết hợp làm việc với nam giới, phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái, theo các cặp đôi hoặc trong các hoạt động giáo dục nhóm đồng trang lứa - thường thực hiện riêng lẻ và sau đó kết hợp lại với nhau (xem thêm Tóm tắt Chiến lược RESPECT tăng cường kỹ năng xây dựng quan hệ).</p>	Bước đệm (Stepping Stones) (Rwanda) Chương trình Indashyikirwa (phần dành cho cặp đôi) (Rwanda) Thay đổi các đặc điểm thể hiện nam tính (Transforming masculinities) (DRC)
Giáo dục với nhóm nam giới và trẻ em trai để thay đổi thái độ và chuẩn mực	Cách tiếp cận này được thực hiện chuyên sâu với riêng nam giới và trẻ em trai (tức là không có sự tham gia của phụ nữ hoặc trẻ em gái), thúc đẩy thái độ, chuẩn mực và hành vi bình đẳng giới nhằm giảm tình trạng nam giới gây ra BLPN. Thông thường, dựa trên các phương pháp tiếp cận giáo dục nhóm khuyến khích sự tham gia, từ đó đề cập đến các khái niệm về nam tính và thái độ và hành vi giới bất bình đẳng, cũng như thảo luận về việc sử dụng bạo lực.	  <p>Bảng chứng từ các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình cho thấy chỉ làm việc riêng với nam giới và trẻ em trai không mang lại hiệu quả trong việc giảm các kết quả đầu ra liên quan đến bạo lực. Cần thêm bằng chứng từ các quốc gia có mức thu nhập cao.</p> <p>Bảng chứng cho thấy các can thiệp được thực hiện với cả nam giới và phụ nữ (và trẻ em trai và trẻ em gái) có hiệu quả hơn trong việc giảm bạo lực so với các can thiệp đơn giới tính⁵.</p>	Yaari Dosti (India) Sáng kiến chuẩn mực nam giới Ethiopian (Ethiopia)

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Loại hình can thiệp	Mô tả		Bằng chứng thể hiện tính hiệu quả	Chương trình tiêu biểu
Các chiến dịch tiếp thị xã hội hoặc phương pháp tiếp cận ‘giáo dục giải trí’ và giáo dục nhóm	Cách tiếp cận này kết hợp với các thông điệp được lồng ghép vào các phương tiện giải trí phổ biến (chẳng hạn như truyền hình hoặc đài phát thanh) cùng với giáo dục nhóm trực tiếp nhằm giảm BLPN.	H	Cần có thêm bằng chứng từ các quốc gia có mức thu nhập cao, thấp và trung bình về tính hiệu quả của các chiến dịch tiếp thị xã hội hoặc giáo dục nhóm kết hợp với ‘giáo dục giải trí’ nhằm giảm mức độ BLPN ⁶ . Tuy nhiên, các chiến dịch và phương pháp tiếp cận được thiết kế tốt và được thực hiện trong thời gian dài (2 năm trở lên) có thể đóng vai trò quan trọng khi kết hợp với hoạt động/huy động cộng đồng hoặc các hội thảo theo nhóm nhằm nâng cao kiến thức, khơi nguồn tranh luận về khả năng chấp nhận BLPN và thay đổi thái độ của cá nhân, đặc biệt là kết hợp với công tác cấp cộng đồng ⁷ .	Bell Bajao (India) Soul City (South Africa) Sexto Sentido (Nicaragua)
Các chiến dịch nâng cao nhận thức độc lập	Cách tiếp cận này nhằm mục đích nâng cao nhận thức về BLPN thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (như truyền hình, đài phát thanh, bảng quảng cáo, internet). Tuy nhiên, không giống như các cách tiếp cận nêu trên, cách tiếp cận này không được thực hiện chuyên sâu với cá nhân hoặc cộng đồng.	L H	Bằng chứng từ các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình và các quốc gia có mức thu nhập cao cho thấy rằng các chiến dịch nâng cao nhận thức đơn lẻ, thường sử dụng truyền thông đại chúng để nâng cao nhận thức về BLPN, mặc dù hấp dẫn về phạm vi tiếp cận và quy mô tiềm năng, nhưng tự thân không đạt được hiệu quả trong việc giúp giảm BLPN ⁸ .	Chiến dịch quốc gia thường niên 16 ngày hành động chống Bạo lực Giới (chỉ tập trung vào nâng cao nhận thức)

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Các chương trình tiêu biểu

Bảng sau đây tóm tắt ba chương trình khác nhau có hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ BLPN trong khung thời gian chương trình. Bảng này nên đọc kèm cùng với **Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai** ở trang 11, cũng như **các nguyên tắc hướng dẫn xây dựng chương trình hiệu quả** được đưa ra tại khung RESPECT khi tùy chỉnh một trong những phương pháp này. Thông tin chi tiết hơn của mỗi chương trình được trình bày tại **phần tóm tắt chương trình**.

Chương trình	Mô tả	Địa điểm	Nhóm mục tiêu	Các hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và tác động
SASA!	Là cách tiếp cận huy động cộng đồng mang lại thay đổi do cộng đồng làm chủ về các chuẩn mực xã hội và hành vi gây ra bất bình đẳng giới, BLPN và có nguy cơ cao bị nhiễm HIV.	Hơn 25 quốc gia ở tất cả các khu vực	Các nhà hoạt động xã hội trong cộng đồng bao gồm cả phụ nữ và nam giới quan tâm đến các vấn đề bạo lực, quyền lực và quyền con người. Các nhà lãnh đạo cộng đồng bao gồm các nhà lãnh đạo chính quyền và lãnh tụ văn hóa địa phương, các nhà lãnh đạo tổ chức, các chuyên gia cũng như các thành viên cộng đồng khác.	Nhân viên được đào tạo và có thời gian để thấm nhuần cách tiếp cận và có khả năng triển khai tiếp cận. Các nhà hoạt động địa phương được đào tạo chuyên sâu và liên tục được cố vấn nhằm tiến hành các hoạt động không chính thức ở cấp cộng đồng. Vận dụng nhiều chiến lược để tiếp cận các đối tượng khác nhau trong cộng đồng, bao gồm các hoạt động xã hội tại địa phương, truyền thông, vận động chính sách và tài liệu truyền thông. Bộ tài liệu truyền thông Nhà hoạt động xã hội SASA! ⁹ chia thành bốn giai đoạn, được thiết kế để các tổ chức địa phương có thể tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thay đổi ở cấp cộng đồng một cách hiệu quả và có hệ thống.	Trên 3 năm	Loại đánh giá: Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên (RCT) ¹⁰ Tác động: Can thiệp giúp giảm đáng kể thái độ chấp nhận bạo lực do bạn tình gây ra cũng như tình trạng phụ nữ bị bạo lực do bạn tình gây ra.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Chương trình	Mô tả	Địa điểm	Nhóm mục tiêu	Các hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và tác động
Chiến lược ứng phó dựa vào cộng đồng tại khu vực nông thôn (RRS) thông qua các Nhóm hành động dựa vào cộng đồng (COMBAT)	Là cách tiếp cận huy động cộng đồng nhằm giảm tỷ lệ BLPNTEG ở Ghana, đồng thời bảo vệ quyền của phụ nữ thông qua các cơ cấu dựa trên cộng đồng và nhà nước	Ghana	Các Nhóm Hành động Dựa vào Cộng đồng (COMBATs), bao gồm cả nam giới và phụ nữ địa phương. Các bên liên quan trong cộng đồng bao gồm các nhà lãnh đạo, người đứng đầu nhóm tôn giáo, các cơ quan chính phủ liên quan đến công tác ứng phó với BLPN và các thành viên khác trong cộng đồng.	Các nhóm COMBATs được lựa chọn và đào tạo kỹ lưỡng nhằm cảm hóa cộng đồng rộng hơn, đồng thời cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ và chuyển tuyến cần thiết cho người bị bạo lực. COMBATs vận dụng phương pháp khuyến khích sự tham gia bao gồm đóng vai nhân vật, kịch và đối thoại, để giáo dục và cảm hóa các thành viên cộng đồng thông qua các cuộc họp cộng đồng và họp nhóm xã hội khác.	Trên 2 năm	Loại đánh giá: Bản thực nghiệm Tác động: Giảm tình trạng phụ nữ bị bạo lực tình dục và thể xác do bạn tình gây ra. Con số thống kê cho thấy có giảm đáng kể tình trạng nam giới kiểm soát hành vi và trầm cảm ở phụ nữ; cải thiện thái độ về giới ở nam giới và phụ nữ ¹¹ .
Can thiệp Mái nhà an toàn và tôn trọng cho mọi thành viên (SHARE)	Huy động dựa vào cộng đồng lồng ghép vào các dịch vụ phòng ngừa và điều trị HIV thường xuyên	Uganda	40 tình nguyện viên cộng đồng - phụ nữ và nam giới địa phương. 12 tình nguyện hỗ trợ tư vấn cộng đồng (CCA)	Kết hợp hoạt động dựa vào cộng đồng để thay đổi thái độ và chuẩn mực góp phần vào việc gây ra bạo lực do bạn tình và nguy cơ HIV, tiến hành sàng lọc và can thiệp giúp giảm bạo lực và nguy cơ liên quan đến công khai HIV đối với phụ nữ cần được tư vấn và xét nghiệm HIV. SHARE được mô phỏng trên SASA! và Phương pháp tiếp cận Bước đệm (Stepping Stones), lồng ghép các hoạt động phòng ngừa bạo lực chất lượng cao, phù hợp với văn hóa vào cơ cấu hỗ trợ xã hội và y tế sẵn có.	5 năm	Loại đánh giá: Thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng theo cụm Tác động: Giảm tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác và tinh thần do bạn tình gây ra trong năm qua. Giảm tỷ lệ hiện nhiễm HIV và tỷ lệ tiết lộ thông tin về HIV ở cả phụ nữ và nam giới ¹² .

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Chương trình	Mô tả	Địa điểm	Nhóm mục tiêu	Các hoạt động cốt lõi	Thời gian	Đánh giá và tác động
Chương trình Vai trò giới bình đẳng và thay đổi (GREAT)	Chương trình thay đổi chuẩn mực xã hội, tập trung vào trẻ vị thành niên	Uganda	<p>Trẻ vị thành niên nhỏ tuổi: trẻ em trai và trẻ em gái từ 10-14 tuổi, đang đi học</p> <p>Thanh thiếu niên: trai và gái 15-19 tuổi, chưa lập gia đình và chưa có con</p> <p>Thanh thiếu niên mới kết hôn hoặc đang làm cha mẹ: thanh niên nam và nữ tuổi 15-19 tuổi, đã kết hôn/đang chung sống, có hoặc không có con</p> <p>Chương trình cũng thu hút sự tham gia của các thành viên trong cộng đồng nhằm hỗ trợ thanh thiếu niên thay đổi cá nhân và đạt tới sự thay đổi trên toàn cộng đồng.</p>	<p>GREAT đã xây dựng và thử nghiệm bốn biện pháp can thiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chu trình hành động của cộng đồng (CAC) thu hút các nhà lãnh đạo cộng đồng (người đứng đầu thị tộc, tôn giáo và trưởng thôn do dân trong thôn bầu chọn) tham gia vào quá trình đối thoại và hành động tập thể Phim truyền hình dài tập, Oteka + thảo luận trực tiếp Liên kết dịch vụ của nhóm y tế thôn bản (VHT) Bộ công cụ GREAT xây dựng các phương pháp tiếp cận khuyến khích tham gia và tương tác dành riêng cho trẻ vị thành niên với mục đích thảo luận và suy ngẫm về các chuẩn mực giới của bản thân, và sức khỏe tình dục và sinh sản 	5 năm	<p>Loại đánh giá: Phương pháp hỗn hợp bán thực nghiệm</p> <p>Tác động: Vị thành niên - thanh niên cho thấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cải thiện thái độ và hành vi liên quan đến kế hoạch hóa gia đình. Tăng khả năng tìm kiếm các dịch vụ y tế, đồng thời cảm thấy thoải mái hơn khi tìm kiếm các dịch vụ từ các nhóm y tế thôn bản. Tăng cường giao tiếp với bạn tình và cùng ra quyết định chấp nhận bạo lực do nam giới gây ra đối với phụ nữ hơn. Giảm tỷ lệ nam, nữ thanh niên mới kết hôn/đang làm cha mẹ có phản ứng bạo lực với bạn tình khi tức giận.



Danh mục các hoạt động thiết kế và triển khai

Các yếu tố và nguyên tắc chung của các phương pháp tiếp cận hiệu quả nhằm xử lý thái độ, niềm tin và chuẩn mực có hại và/hoặc thúc đẩy thái độ, niềm tin và chuẩn mực tích cực bao gồm¹³:

- 1. Tiến hành phân tích và nghiên cứu ngữ cảnh cấu thành chất lượng cao để xác định các chuẩn mực và thái độ cụ thể tạo điều kiện cho BLPN trong các bối cảnh cụ thể.** Các can thiệp thành công dựa trên phân tích quyền lực giới về căn nguyên của BLPN, cụ thể về hành vi mà họ muốn thúc đẩy hoặc thay đổi, hiểu rõ về các chuẩn mực/chuẩn mực và thái độ ảnh hưởng đến các hành vi này tại địa phương, cũng như việc khen thưởng và xử phạt của xã hội nhằm duy trì các chuẩn mực/chuẩn mực này. Hiện nay có một số phương pháp tiếp cận định tính đã được thí nghiệm và thử nghiệm, có thể sử dụng để phát hiện các chuẩn mực/chuẩn mực xã hội và cách các chuẩn mực/chuẩn mực này hoạt động trong các bối cảnh cụ thể. Bao gồm sử dụng các câu hỏi mở theo các nhóm để tìm hiểu xem một hành vi có phải là hành vi điển hình và phù hợp trong các hoàn cảnh khác nhau hay không, đồng thời sử dụng các nội dung mô tả giả định kèm theo các câu hỏi có cấu trúc để hiểu sâu hơn về các động lực xung quanh các chuẩn mực cụ thể.¹⁴ Khi điều chỉnh/thích ứng các chương trình hiện có, nên có sự tham gia của người xây dựng chương trình để đảm bảo trung thành với các nguyên tắc cốt lõi và học hỏi kinh nghiệm thích ứng của những nơi khác¹⁵.
- 2. Đảm bảo các tổ chức ủng hộ mạnh mẽ và tham gia vào can thiệp.** Không phải loại hình tổ chức nào cũng phù hợp để tham gia vào công tác xây dựng chương trình chuẩn mực xã hội và thay đổi chuẩn mực giới ở cấp cộng đồng. Các can thiệp thành công đã được thực hiện bởi các tổ chức hướng tới giá trị, sẵn sàng dành thời gian để hỗ trợ nhân viên, bao gồm cả lãnh đạo của tổ chức, nhằm tự vấn về bạo lực, phân biệt đối xử, quyền lực và các mối quan hệ trong cuộc sống của họ cũng như các mối quan hệ trong tổ chức¹⁶.
- 3. Tập trung vào thúc đẩy các chuẩn mực và hành vi tích cực theo ngữ cảnh cụ thể.** Thường công tác thúc đẩy các chuẩn mực, thái độ và hành vi mới tích cực sẽ hiệu quả hơn khi triển khai trên nhiều nền tảng theo thời gian nghĩa là nêu lên 'những gì có thể', chứ không phải là nhấn mạnh vào các hành vi và chuẩn mực có hại, tức là 'vấn đề', từ đó có thể vô hình chung thông báo rằng hành vi này là bình thường¹⁷. Ví dụ, các thông điệp truyền cảm hứng như "cùng nhau phát triển hộ gia đình" hoặc "vai trò làm cha của nam giới", có thể phù hợp với các đối tượng mục tiêu cũng như giúp tránh các

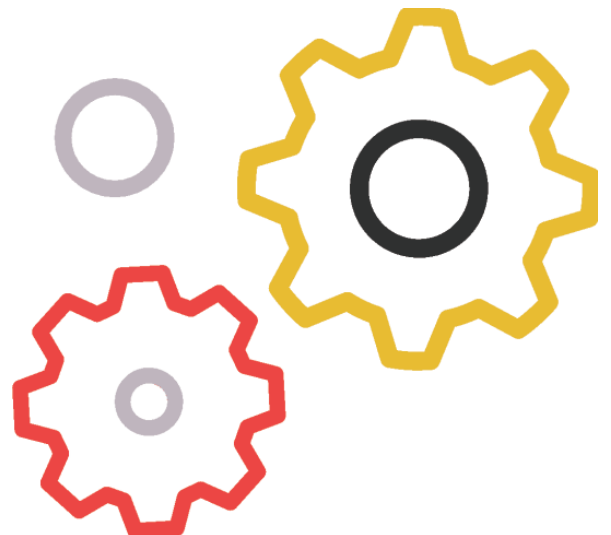
phản ứng trái chiều có thể có¹⁸. Tuy nhiên, điều quan trọng là không được bỏ qua những niềm tin vững chắc về bất bình đẳng và mối quan hệ quyền lực trong hộ gia đình, là những điều khó khăn hơn và cần nhiều thời gian hơn để thay đổi.

- 4. Thiết kế nhằm thúc đẩy thay đổi xã hội quy mô lớn hơn chứ không chỉ tập trung vào cá nhân và nhóm mục tiêu nhỏ.** Có nhiều sáng kiến khác nhau nhằm thay đổi các chuẩn mực xã hội. Thông thường, các chương trình tổ chức nhóm nhỏ cùng nhau tự vấn (ví dụ chương trình REAL và GREAT) cũng sử dụng phương tiện truyền thông (kịch phát thanh, bảng quảng cáo cộng đồng) nhằm khơi dậy sự suy ngẫm trong toàn cộng đồng. Các tiếp cận huy động cộng đồng khác với nhiều chiến lược khác, vì nỗ lực tác động thay đổi ở cấp cộng đồng, chứ không chỉ ở cấp độ cá nhân và nhóm. Để đạt đến điểm giới hạn hoặc được số đông những nhân vật quan trọng ủng hộ thay đổi, các can thiệp phải tiếp cận được với tỷ lệ lớn thành viên của cộng đồng hoặc tổ chức thông qua quy trình hoặc chiến lược có tổ chức. Ví dụ: làm việc với các thành viên có ảnh hưởng trong cộng đồng để làm hình mẫu cho các hành vi tích cực tại không gian cộng đồng, đồng thời kết hợp các chiến lược truyền thông để truyền tải các thông điệp chính trên phạm vi rộng và nâng cao tác động của các tương tác trực tiếp¹⁹.
- 5. Tránh các hoạt động nâng cao nhận thức đơn lẻ.** Mặc dù đây là một trong những cách tiếp cận phổ biến nhất giúp xử lý vấn đề BLPN cho đến nay, nhưng bằng chứng cho thấy các hoạt động loại này không đủ sâu, phụ thuộc nhiều vào thông điệp hoặc cung cấp thông tin hơn là khơi dậy tư duy phản biện, hoặc không đủ cơ sở lý thuyết nhằm thay đổi các chuẩn mực đã ăn sâu hoặc tự thân giúp giảm BLPN.

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Triển khai và nhân rộng

6. **Lựa chọn, đào tạo và giám sát kỹ lưỡng tất cả các nhân viên của chương trình, bao gồm cả các tình nguyện viên hoặc điều phối viên cộng đồng.** Các tiếp cận thành công dựa trên sự tham gia của các tình nguyện viên cộng đồng hoặc các nhà hoạt động từ cộng đồng, là những người có thể có cùng chuẩn mực và thái độ về BLPN ở giai đoạn khi mới bắt đầu can thiệp, cũng chính là những chuẩn mực và thái độ mà chương trình muốn thay đổi. Những thành viên phải là người có uy tín trong cộng đồng hoặc tổ chức để gây ảnh hưởng đến các thảo luận về giới, quyền lực và BLPN, có đủ động lực, đồng thời được đào tạo và hỗ trợ đầy đủ trong suốt quá trình can thiệp²⁰ để làm hình mẫu về các hành vi có trách nhiệm giới, khéo léo tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thảo luận, thúc đẩy cộng đồng và các tổ chức phòng ngừa BLPN²¹. Thay đổi bắt đầu từ bên trong - trước tiên các nhân viên dự án chính là những người cần dành thời gian suy ngẫm và được đào tạo đầu tiên²².
7. **Thu hút sự tham gia của cả phụ nữ và nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái²³.** Các chuẩn mực xã hội về BLPN có ở cả nam giới và phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái, vì vậy quan trọng là phải có sự tham gia của cả hai giới vào các can thiệp²⁴. Tuy nhiên, một số phiên thảo luận và đối thoại riêng với các nhóm cùng một giới tính cũng có thể hỗ trợ cho các can thiệp trên, giúp người tham gia cảm thấy thoải mái khi nói chuyện và khám phá ý tưởng.
8. **Không thực hiện thay đổi theo mô hình từ trên xuống.** Các tiếp cận phải do người dân làm chủ và thu hút sự tham gia của nhiều bên liên quan (thành viên cộng đồng, người đứng đầu nhóm tôn giáo và nhà lãnh đạo truyền thống, các cơ quan nhà nước và nhà tài trợ) trong các nỗ lực phòng ngừa và củng cố các thông điệp bằng nhiều cách và phương hướng. Quan trọng là phải lập kế hoạch cẩn thận, theo dõi và giảm thiểu các hậu quả tiêu cực không mong muốn, chẳng hạn như phản ứng trái chiều²⁵.
9. **Tạo không gian an toàn cho phép suy ngẫm kỹ, liên tục thông qua sự tham gia có ý nghĩa của cá nhân.** Ngoài các khóa đào tạo và sự kiện chỉ tổ chức một lần, các phương pháp tiếp cận thành công giúp tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thay đổi, khuyến khích mọi người cùng tìm hiểu và thử thách chính ý tưởng và nhận định của bản thân, cũng như thực hành các hành vi tích cực thay thế thông qua phương pháp tiếp cận kêu gọi sự tham gia có cấu trúc tại các không gian an toàn. Cách tiếp cận này đòi hỏi phương pháp sư phạm được thiết kế kỹ lưỡng, phù hợp với bối cảnh văn hóa xã hội, khớp với các thuật ngữ, hình ảnh, sự đại diện và khái niệm tại địa phương.
10. **Đủ thời gian và mức độ thay đổi (3-5 năm).** Các phương pháp tiếp cận nhằm thay đổi các chuẩn mực xã hội ăn sâu đòi hỏi quá trình thay đổi xã hội phức tạp, không thể đạt được thông qua các biện pháp can thiệp "nhẹ nhàng" trong khoảng thời gian ngắn. Có thể phải mất nhiều năm để thay đổi các chuẩn mực xã hội đã ăn sâu vào phần lớn cộng đồng và đòi hỏi các can thiệp đa thành phần trong đó có việc phải có đủ thời gian dành cho hoạt động thiết kế và điều chỉnh.
11. **Tăng cường chăm sóc và hỗ trợ dựa vào cộng đồng đối với phụ nữ bị bạo lực.** Ví dụ, các tình nguyện viên cộng đồng có thể đóng vai trò cầu nối quan trọng giữa các thành viên cộng đồng với các cơ quan nhà nước và các tổ chức trợ giúp phi chính phủ khác, nhằm đảm bảo rằng người bị bạo lực được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần, an ninh, phúc lợi xã hội và pháp lý, và cả dịch vụ tư pháp nếu có liên quan (vui lòng đọc **Tóm tắt chiến lược RESPECT: Bảo đảm cung cấp dịch vụ hỗ trợ** để biết thêm thông tin).



TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Các điểm đầu vào

Các phương pháp tiếp cận nhằm thay đổi các chuẩn mực, thái độ và niềm tin có hại có thể được lồng ghép vào nhiều bối cảnh và lĩnh vực để tối đa hóa tác động. Bảng sau đây nhấn mạnh một số điểm đầu vào quan trọng và nhiều triển vọng giúp thay đổi các chuẩn mực, thái độ và niềm tin có hại, bao gồm các ví dụ về chương trình.

Điểm khởi đầu	Cơ sở lý luận
Các cuộc họp và cấu trúc cộng đồng hiện có	<p>Cần hợp tác với các tổ chức vì quyền của phụ nữ trong cộng đồng, đồng thời có được sự ủng hộ của lãnh đạo cộng đồng địa phương để giúp bạn xác định các cá nhân và nhóm đáng tin cậy để làm việc cùng. Có thể xây dựng các chương trình làm việc chuyên sâu và tổ chức tập huấn với các nhóm cá nhân trên các nền tảng hiện có, nơi nam giới và/hoặc phụ nữ, trẻ em nam và trẻ em gái gặp gỡ - chẳng hạn như các cuộc họp về chương trình tài chính vi mô, câu lạc bộ thể thao, họp phụ huynh hoặc các buổi sinh hoạt tôn giáo. Điều này không chỉ giúp thúc đẩy tỷ lệ tham gia và gắn kết cao hơn mà còn tăng cường tác động đến các kết quả trung gian như tăng cường trao quyền cho phụ nữ.²⁶</p> <p>Ví dụ, Chương trình Indashyikirwa có kết hợp tư vấn cặp đôi với hoạt động cộng đồng, tận dụng các nhóm chính thức hiện có ở Rwanda để tạo điều kiện thuận lợi khi tham gia với cộng đồng bao gồm các diễn đàn buổi tối dành cho cha mẹ và các buổi họp về Mô hình Cổ phần Tài chính Tự quản (VSLA)²⁷.</p>
Trường học và cơ sở giáo dục	<p>Lồng ghép các phương pháp tiếp cận nhằm cải thiện thái độ, niềm tin và chuẩn mực cá nhân trong môi trường trường học (thông qua các phương pháp tiếp cận toàn nhà trường, bao gồm cả giáo trình giảng dạy) có khả năng tiếp cận nhiều trẻ em và thanh niên, đang ở độ tuổi quan trọng khi thái độ và chuẩn mực/chuẩn mực đang trong quá trình hình thành và do đó dễ dàng thay đổi hơn. Những sáng kiến này xử lý các chuẩn mực về giới, bạo lực khi hẹn hò và lạm dụng tình dục ở người trẻ tuổi.</p> <p>Ví dụ, tại Ấn Độ, các khía cạnh chính của phương pháp tiếp cận dựa trên trường học được gọi là Phong trào bình đẳng giới tại trường học, giúp thúc đẩy hơn nữa các chuẩn mực bình đẳng giới ở học sinh trung học cơ sở (trong độ tuổi từ 12-14), được chính quyền bang Maharashtra lồng ghép vào giáo trình giảng dạy của gần 25,000 trường học²⁸.</p>
Các dịch vụ y tế bao gồm sức khỏe tình dục và sinh sản, tư vấn, xét nghiệm và điều trị HIV	<p>Ngành y tế có thể cung cấp một điểm đầu vào quan trọng để tiến hành xây dựng chương trình về chuẩn mực xã hội. Có thể lồng ghép các thông điệp chính vào các tài liệu giáo dục và nguồn tham khảo tại các phòng chờ, phòng khám, và không gian tư vấn, và có thể gửi riêng cho từng khách hàng/bệnh nhân nữ và nam.</p> <p>Các dịch vụ y tế như tư vấn kế hoạch hóa gia đình, tư vấn và xét nghiệm HIV, có thể đóng vai trò quan trọng trong phòng ngừa sơ cấp. Ví dụ, ở Tanzania, chương trình Bước đệm (Stepping Stones) với trẻ em tổ chức các buổi hội thảo với trẻ em (tuổi từ 5-14) bị ảnh hưởng bởi HIV và những người chăm sóc, giúp họ hiểu về HIV, sức khỏe tình dục và kỹ năng giúp cải thiện khả năng phục hồi. Chương trình đã mang lại hiệu quả trong việc giảm bạo lực đối với trẻ em và tăng số lượng tế bào CD4 và cân nặng của trẻ em tham gia chương trình, những người phải sống chung với HIV so với nhóm đối chứng, cùng với các kết quả khác²⁹.</p>

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC

Tài liệu tham khảo hữu ích

Tìm hiểu lý thuyết về chuẩn mực

[Violence prevention: the evidence. Changing cultural and social norms that support violence.](#) Geneva: World Health Organisation; 2009. Tóm tắt cho những người ủng hộ, người thiết kế chương trình và người thực thi mô tả kiến thức hiện có về các biện pháp can thiệp nhằm xử lý tác động của chuẩn mực đối với bạo lực.

[Shifting social norms to tackle VAWG: A DFID Guidance Note.](#) London: DFID 2016

Tài liệu hướng dẫn này nhằm hỗ trợ các cố vấn và người quản lý chương trình có được bằng chứng, ví dụ liên quan và hướng dẫn thực hành về cách xử lý chuẩn mực xã hội có hại trong bối cảnh xây dựng chương trình ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

[Addressing Social Norms at the VAW/VAC Intersection.](#) London: London School of Hygiene & Tropical Medicine; 2019

Bản tóm tắt ngắn gọn về các chuẩn mực xã hội và sự đan xen giữa bạo lực đối với phụ nữ (BLPN) và bạo lực đối với trẻ em (VAC), dựa trên cuộc họp hai ngày của Nhóm học tập về các chuẩn mực xã hội và thực hành có hại về giới.

[Social norms, gender norms and adolescent girls: a brief guide.](#) London: Overseas Development Institute; 2015.

Cung cấp cái nhìn tổng quan về các chuẩn mực xã hội liên quan đến bất bình đẳng giới ảnh hưởng đến trẻ em gái vị thành niên. Dựa trên điều tra thực địa ở Ethiopia, Nepal, Việt Nam và Uganda, xem xét mối quan hệ giữa nghèo đói và các chuẩn mực phân biệt đối xử về giới.

[Piecing together the evidence on social norms and VAW.](#) Melbourne, Equality Institute; 2017

Một tập sách để hiểu cung cấp tổng quan hiện trạng bằng chứng về các động lực và các yếu tố góp phần khiến xảy ra bạo lực đối với phụ nữ, tập trung vào vai trò của các chuẩn mực xã hội.

Tiếp cận chuẩn mực xã hội với công tác ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ

[Community-based norms focused interventions: definition and attributes.](#) The Learning Collaborative to Advance Normative Change; 2018

Bản tóm tắt này nêu bật các thuộc tính chính của các phương pháp tiếp cận hiệu quả dựa vào cộng đồng để thay đổi các chuẩn mực về giới, bao gồm cả các phương pháp được thiết kế để thúc đẩy sức khỏe sinh sản của vị thành niên và thanh niên.

Các phương pháp luận nghiên cứu để đánh giá chuẩn mực

[Measuring gender-related social norms, Learning Report 1.](#) London: Learning Group on Social Norms and Gender-related Harmful Practices of the London School of Hygiene & Tropical Medicine; Cislaghi B, Heise L. 2017

Mô tả các kỹ thuật phát triển để đo lường chuẩn mực với kinh nghiệm từ các chương trình giải quyết bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

[Applying theory to practice: CARE's journey piloting social norms measures for gender programming.](#) Cooperative for Assistance and Relief Everywhere, Inc (CARE); 2017

Tập trung vào công việc của CARE nhằm áp dụng lý thuyết chuẩn mực xã hội vào thực tiễn phát triển của CARE.

Mở rộng quy mô của các biện pháp can thiệp

[On the CUSP: the politics and prospects of scaling social norms change programming.](#) Goldman, L., Lundgren, R., Gillespie, D., Bajenja, E., Muyhango, L. and Michau, L., Sexual and Reproductive Health Matters; 2019

Bài báo tóm tắt các bài học và ý nghĩa về nhân rộng các chuẩn mực xã hội, thay đổi các sáng kiến về bình đẳng giới nhằm phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và cải thiện các quyền và sức khỏe sinh sản và tình dục (SRHR), từ Nhân rộng cộng đồng hiểu biết (CUSP). Xem CUSP để biết thêm, nghiên cứu điển hình, tài liệu và nguồn lực về nhân rộng các can thiệp với chuẩn mực

[Guidance Note on Scaling Up Social Norm Change. K4D Emerging Issues Report.](#) Brighton, UK: Institute of Development Studies. 2019

Cung cấp hướng dẫn về cách DFID có thể hỗ trợ nhân rộng các phương pháp tiếp cận toàn diện đối với những thay đổi xã hội phức tạp dành cho các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương. Bao gồm bốn bản tóm tắt đi kèm về: khái niệm và nguồn lực; các loại hình nhân rộng, nguồn lực và giá trị đồng tiền của việc nhân rộng; và quản lý và giám sát rủi ro.

[USAID. Scaling-up interventions to prevent and respond to gender-based violence: an analytical report.](#) Washington DC: USAID; 2015

Mô tả kinh nghiệm nhân rộng các chương trình bạo lực trên cơ sở giới và đưa ra các nghiên cứu điển hình về các chương trình INSPIRE, Yaari Dosti, IMAGE, Stepping Stones và Soul City

Chú thích

¹ Xếp hạng bằng chứng chủ yếu dựa trên rà soát đánh giá hệ thống khi tiến hành nhiều đánh giá các can thiệp sử dụng thiết kế thử nghiệm, bao gồm phương pháp cụm ngẫu nhiên và giả thực nghiệm. Với một số chiến lược chẳng hạn như can thiệp ngành tư pháp, các phương pháp đánh giá thay thế được công nhận là hợp lý hơn, bao gồm theo chuỗi thời gian, thiết kế quan sát và liên ngành, mặc dù thường những phương pháp này bị xem là có chất lượng thấp hơn. Đây là lĩnh vực mới nổi, do đó, có rất nhiều khác biệt về tính chặt chẽ của thiết kế và đánh giá nghiên cứu. Các nguồn đánh giá và nghiên cứu được nêu tại phần tài liệu tham khảo.

² Kerr-Wilson, Gibbs, Fraser et al., (2020) *What Works Evidence Review*

³ Jewkes, R., Willan, S., Heise, L., Washington, L., Shai, N., Kerr-Wilson, A., Christofides, N. (2020) [Effective design and implementation elements in interventions to prevent violence against women and girls. What Works To Prevent VAWG?](#) Global Programme Synthesis Product Series. Pretoria: South African Medical Research Council.

⁴ Fulu, E. Kerr-Wilson, A. and Lang, J. (2014). [What works to prevent violence against women and girls? Evidence Review of interventions to prevent violence against women and girls.](#)

⁵ Ibid.; Jewkes, Flood and Lang (2014) [From work with men and boys to changes of social norms and reduction of inequities in gender relations: a conceptual shift in prevention of violence against women and girls.](#) Bangkok: UNDP, Bangkok

⁶ Ellsberg et al, (2015) [Prevention of violence against women and girls: what does the evidence say?](#) Lancet, 18;385(9977):1555-66

⁷ Kerr-Wilson et al (2020) Ibid.

⁸ Ellsberg et al (2015) Ibid.; Jewkes, R., Willan, S., Heise, L., et al. (2020). [Effective design and implementation elements in interventions to prevent violence against women and girls.](#) What Works to Prevent VAWG? Global Programme Synthesis Product Series. South African Medical Research Council, Pretoria.

⁹ Bộ công cụ SASA! đã được sửa đổi dựa trên kiến thức từ nghiên cứu và thực tiễn. SASA Together! bao gồm các chiến lược mới có thể tiếp cận tất cả các tầng lớp của cộng đồng (hoạt động tích cực tại địa phương, các nhà lãnh đạo cộng đồng, củng cố thể chế) và được đưa ra vào tháng 2 năm 2020 www.Raisingvoices.org/sasatogether.

¹⁰ Abramsky, T., Devries, K., Kiss, L. et al.(2014) [Findings from the SASA! Study: a cluster randomized controlled trial to assess the impact of a community mobilization intervention to prevent violence against women and reduce HIV risk in Kampala, Uganda.](#) BMC Med 12, 122 (2014).

¹¹ Adolphina A. Addo-Lartey, Deda Ogum Alangea, Yandisa Sikweyiya, Esnat D. Chirwa, Dorcas Coker-Appiah, Rachel Jewkes & Richard M. K. Adanu (2019) [Rural response system to prevent violence against women: methodology for a community randomised controlled trial in the central region of Ghana,](#) Global Health Action, 12:1,

¹² The Prevention Collaborative (2019a) [Study Summary: Integrating IPV and HIV Prevention: Impacts of the SHARE Intervention in Uganda](#)

¹³ Thông tin từ kinh nghiệm tổng hợp của những người thực hành bao gồm Cộng đồng tăng cường hiểu biết về nhân rộng mô hình (CUSP)– một nhóm gồm chín tổ chức có kinh nghiệm dày dặn trong việc nhân rộng các phương pháp liên quan tới chuẩn mực xã hội trong các bối cảnh khác nhau.

¹⁴ Xem Cislighi, B and Heise, L (2017) [Measuring social norms.](#) Technical Brief July 2017. STRIVE.

¹⁵ Cộng đồng tăng cường hiểu biết về nhân rộng mô hình (CUSP) đã đưa ra hướng dẫn về cách điều chỉnh và mở rộng quy mô các sáng kiến khác nhau một cách hiệu quả và có đạo đức.

¹⁶ Michau, L. Letiyo, E. Musuya, T. Goldmann, L. (2019) [Social norms change at scale: insights from SASA! Community for understanding scale up \(CUSP\),](#) July 2018.

¹⁷ McLean, Lyndsay, Heise, Lori L and Stern, Erin A (2019) [Shifting and transforming gender-inequitable beliefs, behaviours and norms in intimate partnerships: the Indashyikirwa couples programme in Rwanda.](#) Culture, Health and Sexuality. ISSN 1369-1058; Cislighi, B & Heise, L (2018) [Theory and practice of social norms interventions: eight common pitfalls,](#) Globalisation and Health, 8(83).

¹⁸ McLean et al (2019) Ibid.

¹⁹ Heise, L. (2011). [What works to prevent partner violence? An evidence overview.](#) London: STRIVE Research Consortium; Alexander-Scott, M., Bell, E. and Holden, J. (2016). [Shifting social norms to tackle violence against women and girls.](#) London: VAWG Helpdesk.

²⁰ Cũng cần chú ý đến việc tài trợ và hỗ trợ giảng viên xây dựng mạng lưới, thành viên và tiêu chuẩn, v.v.

²¹ Bartel, D (2018) [Training and Mentoring Community Facilitators to Lead Critical Reflection Groups for Preventing Violence Against Women.](#) The Prevention Collaborative.

²² CUSP (2018) [Social Norms Change at Scale: CUSP's Collective Insights](#)

²³ Như được đưa ra trong cấu trúc và nguyên tắc ban đầu của Stepping Stones, liên quan đến các phiên không liên tục khi 4 nhóm đồng đẳng cùng nhau chia sẻ, so sánh và xây dựng sự tôn trọng, cộng tác, đồng cảm và tin tưởng lẫn nhau giữa các giới và thế hệ. Xem [Guidelines for Adapting Stepping Stones and Salamandar Trust \(2019\)](#) Stepping Stones and Stepping Stones Plus.

²⁴ Fulu, Kerr-Wilson and Lang (2014) Ibid. ; Jewkes, Flood and Lang (2014) Ibid.

²⁵ CUSP (2018) Ibid; Cislighi, B & Heise, L (2018) Ibid.

²⁶ Alexander-Scott et al (2016) Ibid.

²⁷ The Prevention Collaborative (2019b) [Programme Summary: The Indashyikirwa programme, Rwanda.](#)

²⁸ <https://www.icrw.org/research-programs/gender-equity-movement-in-schools-gems/>

²⁹ Holden, S., Gordon-Dseagu, V., Gordon, G., Chiziza, N., Kiwira, P., Magesa, D., Manyama, W. and Welbourn, A. (2018) [Building resilience to adverse childhood experiences: An assessment of the effects of the Stepping Stones with Children training programme on Tanzanian children affected by HIV and their caregivers,](#) Health Education Journal. <https://doi.org/10.1177/0017896918787217>

© UN Women 2020

Tài liệu này là một phần của Hướng dẫn thực hiện Khung chính sách RESPECT do UN Women thực hiện và tổ chức Social Development Direct xây dựng, có thể tham khảo Khung RESPECT [tại đây](#).

Đề xuất trích dẫn khi sử dụng thông tin của tài liệu này: UN Women và Social Development Direct (2020) Thay đổi Thái độ, Niềm tin và Chuẩn mực, Khung RESPECT: Tóm tắt Chiến lược Phòng ngừa Bạo lực Đối với Phụ nữ.



T Ô N T R Ọ N G
PHỤ NỮ

**Hướng dẫn Giám sát
và Đánh giá (GS&ĐG)
Khung TÔN TRỌNG PHỤ NỮ**

Giới thiệu

Hướng dẫn đánh giá và giám sát (GS&ĐG) này trình bày các chiến lược giám sát và đánh giá quá trình xây dựng chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ (BLPN). Hướng dẫn này có mục tiêu hỗ trợ công tác triển khai Khung TÔN TRỌNG PHỤ NỮ và cung cấp hướng dẫn về cách xây dựng và thực hiện Khung giám sát và đánh giá trong hoạt động phòng ngừa BLPN; Các chỉ số GS&ĐG cho mỗi chiến lược trong số bảy chiến lược của Khung TÔN TRỌNG PHỤ NỮ và lời khuyên về cách thiết kế và thực hiện các hệ thống và quy trình GS&ĐG an toàn và có đạo đức. Hướng dẫn này không nhằm mục đích cung cấp một cách đầy đủ và toàn diện thông tin, mà chỉ bao gồm các thông tin tóm lược để sử dụng cùng với các tài liệu chiến lược khác của Khung TÔN TRỌNG PHỤ NỮ, người đọc có thể tìm hiểu thêm các tài liệu hữu ích khác.

Tại sao việc giám sát và đánh giá công tác phòng ngừa BLPN lại quan trọng?

Xây dựng cơ sở bằng chứng trên toàn cầu mạnh mẽ về các thực hành hiệu quả nhằm phòng ngừa và ứng phó bạo lực đối với phụ nữ: Mặc dù cơ sở bằng chứng đang ngày càng phát triển, nhưng vẫn còn nhiều khoảng trống về kiến thức liên quan đến chiến lược và hoạt động can thiệp nào hiệu quả nhất, trong bối cảnh nào, với nhóm đối tượng nào và tại sao. Đã có nhiều bằng chứng rõ ràng về một số hình thức bạo lực cụ thể đối với phụ nữ, chẳng hạn như bạo lực do chồng/bạn tình gây ra (IPV) và bạo lực tình dục không phải do bạn tình gây ra (NPSV), nhưng vẫn còn hạn chế bằng chứng trong các hình thức bạo lực khác.

Theo dõi tiến độ và hiệu quả chương trình: GS&ĐG có thể giúp xác định xem chương trình có bảo đảm tiến độ để thực hiện các kết quả đề ra hoặc xem có cần phải thực hiện các điều chỉnh nào không. GS&ĐG có thể đánh giá sự thành công của hoạt động can thiệp và xác định xem liệu các hoạt động can thiệp này có hiệu quả hay không, đối với đối tượng nào và tại sao.

Giúp xác định các hoạt động can thiệp hiệu quả và hiệu suất nhất có thể nhân rộng mô hình: Mặc dù đã có nhiều bằng chứng hơn về các hoạt động có hiệu quả trong phòng ngừa bạo lực, nhưng vẫn còn thiếu các hiểu biết liên quan đến cách thức phòng ngừa bạo lực ở quy mô lớn theo các cách hiệu quả nhất mà không giảm tác động của các hoạt động can thiệp.

Xác định và quản lý rủi ro có thể ảnh hưởng đến chương trình cũng như người hưởng lợi: Các chương trình phòng ngừa BLPN hướng đến mục tiêu thay đổi sự bất bình đẳng giới và quyền lực và do vậy có thể dẫn đến các phản ứng trái

chiều mang tính tiêu cực từ các thành viên cộng đồng, nam giới và các lãnh đạo – chẳng hạn như thái độ phản kháng cũng như các hành vi kiểm soát và/hoặc bạo lực gia tăng. Hệ thống GS&ĐG có vai trò quan trọng nhằm giám sát các rủi ro này và bảo đảm thực hiện các chiến lược giảm thiểu rủi ro.

Bảo đảm các phương pháp đo lường và theo dõi tiến độ trong thực hiện phòng ngừa BLPN trên toàn thế giới: Thách thức chính trong đo lường tiến độ phòng ngừa BLPN là sự khác biệt lớn về các chỉ số và hình thức đo lường, dẫn đến dữ liệu không thể so sánh được. Mặc dù các chỉ số và thước đo ở mức tác động đối với một số loại bạo lực, chẳng hạn như bạo lực do chồng/bạn tình gây ra và bạo lực do người không phải chồng/bạn tình gây ra, đang trở nên phù hợp hơn, nhưng có sự khác biệt lớn hơn trong các chỉ số và thước đo đối với các loại bạo lực khác và đối với các kết quả như sự thay đổi trong các chuẩn mực xã hội. Điều quan trọng là phải phát triển và sử dụng một bộ chỉ số toàn cầu có thể so sánh được, cả chỉ số đo lường tác động và kết quả.

Hộp 1: Định nghĩa

Giám sát: là quá trình thu thập, phân tích và sử dụng thông tin một cách có hệ thống để giám sát tiến độ thực hiện chương trình nhằm hướng đến thực hiện các mục tiêu đề ra và hướng dẫn đưa ra các quyết định về quản lý. Hoạt động giám sát thường tập trung vào các quy trình, chẳng hạn như hoạt động xảy ra khi nào và ở đâu, ai thực hiện các hoạt động này và hoạt động này đã tiếp cận được bao nhiêu người hoặc tổ chức.

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Đánh giá: là hoạt động đánh giá hoạt động, dự án, chương trình, chiến lược, chính sách, chủ đề, chuyên đề, ngành, lĩnh vực hoạt động hoặc hiệu suất của các tổ chức. Hoạt động đánh giá tập trung vào các kết quả dự kiến và đã đạt được, xem xét các chuỗi kết quả (đầu vào, hoạt động, đầu ra, kết quả và tác động), các quy trình và các yếu tố ảnh hưởng và nguyên nhân, nhằm hiểu được khả năng đạt được các kết quả hoặc không đạt được các kết quả này.

Nguồn: [Programming Essentials, Monitoring & Evaluation](#). UNWOMEN Virtual Knowledge Centre to End Violence against Women and Girls

Nguyên tắc chỉ đạo trong hoạt động GS&ĐG của các chương trình phòng ngừa BLPN

Khuyến khích các cơ quan đối tác địa phương và các cơ quan liên quan khác tham gia trong công tác thiết kế khung giám sát và đánh giá: điều này là rất quan trọng nhằm bảo đảm các khung giám sát và đánh giá này là phù hợp với hoàn cảnh và đáp ứng các yêu cầu về bằng chứng, dữ liệu.

Bảo đảm cách tiếp cận GS&ĐG lấy người bị bạo lực làm trung tâm có nghĩa là các cách tiếp cận này phải bảo vệ quyền riêng tư, tính bảo mật cũng như sự an toàn về thể chất và tinh thần của các phụ nữ tham gia.

Áp dụng phương pháp tiếp cận có đáp ứng giới: GS&ĐG cần tích hợp phân tích giới và mối quan hệ quyền lực giới, cũng như sử dụng các phương pháp mang tính chất bao trùm và trao quyền.

Bảo đảm tập trung vào mục tiêu học hỏi cũng như trách nhiệm giải trình cho cả các nhà tài trợ và người tham gia chương trình. Nguyên tắc này đòi hỏi hoạt động thu thập dữ liệu phải hữu ích cho công tác thiết kế chương trình, thích nghi điều chỉnh chương trình, ra quyết định, đánh giá tiến độ và bài học kinh nghiệm, cũng như bảo đảm có cơ chế phản hồi để chia sẻ kết quả với người tham gia và các công đồng có liên quan.

Sử dụng phương pháp và công cụ khuyến khích sự tham gia tích cực: Các phương pháp và công cụ cần tối đa hóa sự tham gia tích cực và phù hợp với bối cảnh địa phương, trong đó cần quan tâm đến bối cảnh văn hóa - xã hội, kinh tế và chính trị, trình độ ngôn ngữ và trình độ học vấn, cũng như tình trạng khuyết tật của người tham gia.

Bảo đảm đủ ngân sách để có thể tích hợp cách tiếp cận giám sát và đánh giá chất lượng cao và phù hợp vào công tác thiết kế chương trình ngay từ ban đầu.

Xây dựng khung GS&ĐG cho công tác phòng ngừa BLPN

Có một số bước quan trọng cần thực hiện khi xây dựng và triển khai khung GS&ĐG, nên tảng cho hệ thống GS&ĐG thiết thực. Các bước này được tổng hợp từ nhiều hoạt động phòng ngừa BLPN cũng như nguồn lực GS&ĐG khác nhau, có thể tham vấn để hướng dẫn thêm.²

1. Nghiên cứu tình hình/ phân tích vấn đề

Trước hoặc trong khi xây dựng hoạt động phòng ngừa bạo lực, điều quan trọng là phải thực hiện các nghiên cứu đầu vào, đôi khi được gọi là phân tích tình hình, hoạt động này có thể cung cấp thông tin cho giai đoạn thiết kế cũng như thích nghi điều chỉnh chương trình. Nghiên cứu đầu vào xem xét các vấn đề dưới đây trong các bối cảnh cụ thể để thực hiện chương trình:

- Các hình thức và mức độ bạo lực chính và các động cơ cụ thể thúc đẩy BLPN – trong đó có nhận thức của người dân địa phương về các động cơ này;
- Các niềm tin và chuẩn mực xã hội cụ thể làm nền tảng cũng như tạo điều kiện để các hình thức BLPN khác nhau diễn ra;
- Nhu cầu và trải nghiệm cụ thể cùng các nhóm dân số khác nhau, trong đó có nhóm dễ bị tổn thương;
- Các hoạt động can thiệp hiện nay, các bài học kinh nghiệm và bằng chứng về tác động của các hoạt động này;
- Dịch vụ hỗ trợ dành cho người bị bạo lực, khả năng tiếp cận dịch vụ cũng như năng lực của họ; và
- Các đối tác tham gia chính, bao gồm cả các chủ thể chính thức và phi chính thức, năng lực, kiến thức, thái độ và thực hành của các cơ quan này.

Bước 1 của cuốn sách đi kèm về cách xây dựng các chiến lược phòng ngừa quốc gia cung cấp các hướng dẫn chi tiết về cách thực hiện một nghiên cứu tình hình ở cấp quốc gia/địa phương

2. Xây dựng lý thuyết về sự thay đổi

Một bước quan trọng trong quá trình xây dựng Khung GS&ĐG là xây dựng Lý thuyết về sự thay đổi (ToC) cho chương trình, trong đó mô tả:

- Các đường hướng dự kiến nhằm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi liên quan đến BLPN hoặc các yếu tố rủi ro dẫn tới BLPN;
- Cách thức các đường hướng này sẽ dẫn đến tác động mong muốn và
- Giả định đưa ra nhằm giải thích các đường hướng và quy trình dự kiến dẫn đến sự thay đổi.

Các loại khung GS&ĐG khác bao gồm khung kết quả và khung logic, thường phác họa đầu vào, hoạt động, đầu ra, kết quả và tác động dự kiến của một chương trình theo kiểu tuyến tính hơn. Các khung giám sát và đánh giá tuyến tính

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

thường không mô tả hết công tác lập chương trình phòng ngừa BLPN do các khung này không mô tả được sự phức tạp và mối liên kết giữa các đường hướng thay đổi khác nhau. Trong phần tóm tắt của từng chiến lược TÔN TRỌNG PHỤ NỮ sẽ cung cấp một Lý thuyết về sự thay đổi đơn giản, cùng với Lý thuyết về sự thay đổi cho các ví dụ chương trình cụ thể được cung cấp trong phần tóm tắt chương trình.

3. Thiết kế các câu hỏi GS&ĐG

Các câu hỏi giám sát và đánh giá phải dựa trên mục tiêu tổng thể của chương trình phòng ngừa BLPN và là nền tảng cho thiết kế đánh giá tốt. Ngoài việc đặt câu hỏi về việc liệu có đạt được các kết quả mong đợi trước mắt và lâu dài hay không (thay đổi nào đang diễn ra), các câu hỏi cũng cần tìm hiểu cách thức và lý do tại sao các thay đổi này xảy ra hoặc không xảy ra. Cũng cần có các câu hỏi về việc thực hiện chương trình, xem xét các bài học, thành công và thách thức và liệu có đang tuân thủ hay không các quy trình thực hiện. Đây thường được gọi là đánh giá quá trình hơn là đánh giá tác động.

Một điều cũng quan trọng là hỏi thêm các câu hỏi nằm ngoài phạm vi lý thuyết về sự thay đổi hoặc khung logic và tìm hiểu bất kỳ các hậu quả không mong muốn nào của chương trình - cả tích cực và tiêu cực - và tìm hiểu xem liệu các chiến lược quản lý rủi ro có đang phát huy tác dụng hay không. Cuối cùng, theo tiêu chí đánh giá của OECD DAC (xem Hộp 2), cũng sẽ có ích khi hỏi các câu hỏi về tính phù hợp của chương trình đối với đối tượng hưởng lợi dự kiến mà chương trình nhắm tới và liệu có thấy được các tác động tích cực không, làm cách nào để có thể duy trì lợi ích của hoạt động can thiệp ngoài khung thời gian thực hiện chương trình.

4. Thiết kế phương pháp tiếp cận đánh giá

Có ba loại thiết kế đánh giá chính được sử dụng để đo lường và giải thích kết quả và tác động của một chương trình:

- 1. Thiết kế thực nghiệm:** Thiết kế này thường được gọi là thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên (RCT), trong đó các cá nhân hoặc nhóm (ví dụ: cộng đồng hoặc trường học) được chỉ định ngẫu nhiên để nhận sự can thiệp (nhóm điều trị hoặc can thiệp) hay không (nhóm đối chứng). Thiết kế đánh giá này được cho là nghiêm ngặt nhất vì thiết kế này so sánh trực tiếp tình huống có và không có can thiệp và do đó có thể kết luận về thay đổi cho hoạt động can thiệp. Thiết kế này cũng kém linh hoạt nhất và có thể tốn kém. Có các cuộc tranh luận về đạo đức nghiên cứu của việc chỉ định ngẫu nhiên phụ nữ vào các nhóm đối chứng trong đánh giá nếu họ không được hưởng lợi trực tiếp từ chương trình. Do đó, thực hành tốt nhất là lập kế hoạch triển khai can thiệp cho các nhóm đối chứng sau khi kết thúc đánh giá và nếu đánh giá tác động chỉ ra được kết quả tích cực.
- 2. Thiết kế giả thực nghiệm với nhóm đối chứng:** Thiết kế này tương tự như thiết kế thử nghiệm trong đó một nhóm nhận được sự can thiệp (nhóm điều trị hoặc can thiệp) trong khi nhóm khác thì không (nhóm đối chứng); tuy nhiên, thường không có sự chỉ định ngẫu nhiên vào nhóm này hay nhóm kia, điều này có thể dẫn đến sai lệch trong mẫu. Tuy nhiên, thiết kế này cần nghiêm

ngặt nếu nhóm đối chứng được lựa chọn theo các tiêu chí liên quan để tạo ra sự "phù hợp" nhất có thể với nhóm can thiệp. Giống như RCT, các thiết kế giả thực nghiệm với

Hộp 2: Tiêu chí đánh giá

Tính phù hợp: Mức độ theo đó hoạt động hỗ trợ phù hợp với ưu tiên và chính sách liên quan nhóm đối tượng, người nhận hỗ trợ, cũng như nhà tài trợ.

Tính hiệu quả: Thước đo mức độ theo đó hoạt động hỗ trợ đạt được mục tiêu đề ra hay không.

Hiệu suất: Đo lường đầu ra - định lượng và định tính - trong mối quan hệ với đầu vào. Đánh giá xem đây có phải là cách ít tốn kém nhất để đạt được các kết quả mong muốn không?

Tác động: Các thay đổi tích cực và tiêu cực mà hoạt động can thiệp phát triển mang lại, trực tiếp hoặc gián tiếp, chủ định hoặc không chủ định.

Tính bền vững: Đo lường xem lợi ích của một hoạt động có khả năng tiếp tục hay không sau khi kết thúc nguồn tài trợ.

Nguồn: OECD (2010) Glossary of Key Terms in Evaluation and Results-Based Management

các nhóm đối chứng cũng có thể tốn kém và trong một số trường hợp, tốn kém hơn so với RCT do cần phải sử dụng các mẫu lớn hơn để giải quyết vấn đề không ngẫu nhiên. Các thiết kế giả thực nghiệm với các nhóm đối chứng cũng có thể có các vấn đề đạo đức tương tự như các vấn đề đã được nêu trong thiết kế thực nghiệm

- 3. Thiết kế không thực nghiệm:** Đây là các thiết kế đánh giá không sử dụng nhóm kiểm soát hoặc nhóm đối chứng. Thiết kế không thực nghiệm thường sử dụng cách tiếp cận trước thử nghiệm, sau thử nghiệm, trong đó kết quả được đo lường trong nhóm dân số nhận sự can thiệp tại một hoặc hai thời điểm khác nhau (ví dụ: đầu kỳ và cuối kỳ). Loại thiết kế này thường được dùng để đo lường kết quả tại nhiều hơn hai thời điểm đánh giá (ví dụ: bao gồm nghiên cứu giữa kỳ và/hoặc nghiên cứu một thời gian sau khi hoạt động can thiệp đã kết thúc nhằm tìm hiểu tính bền vững của các tác động do chương trình mang lại theo thời gian).

Một hạn chế chính trong sử dụng thiết kế không thực nghiệm là không nhất thiết có thể kết luận bất kỳ tác động nào quan sát được cho hoạt động can thiệp, mặc dù sử dụng các phương pháp hỗn hợp khác nhau (xem dưới đây) có thể giảm các rủi ro này và tăng thêm độ tin cậy của phân tích. Các thiết kế này thường ít tốn kém hơn nhiều so với các thiết kế thực nghiệm.

Có thể sử dụng các phương pháp khác nhau trong quá trình thiết kế được mô tả ở trên:

Phương pháp định lượng, chẳng hạn như điều tra, khảo sát với các câu hỏi đóng, rút ra từ phân tích số liệu và hữu ích trong việc xác định xem liệu thay đổi có xảy ra hay không và quy mô của sự thay đổi.

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Phương pháp định tính, chẳng hạn như các cuộc thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu với các câu hỏi mở, rút ra từ phân tích tài liệu và phân tích tường thuật, phương pháp này hữu ích cho việc hiểu được cách thức và lý do tại sao thay đổi xảy ra theo thời gian và tìm ra các hậu quả không mong muốn của quá trình xây dựng chương trình. Đặc biệt, trong đánh giá và nghiên cứu BLPN, một số kết quả, chẳng hạn như các chuẩn mực xã hội, có thể khó định lượng và tốt nhất nên tìm hiểu các kết quả này thông qua các phương pháp tường thuật và cởi mở hơn.

Phương pháp hỗn hợp: Thu thập và so sánh dữ liệu từ các phương pháp và nguồn khác nhau có thể giúp tăng độ tin cậy của phân tích. Con người ngày càng nhận ra rằng trong ba loại hình thiết kế đánh giá này thì sử dụng cả phương pháp định lượng và định tính, thường được gọi là phương pháp hỗn hợp mang lại nhiều giá trị to lớn.

Phương pháp đánh giá có sự tham gia có thể đặc biệt phù hợp cho hoạt động GS&ĐG trong lĩnh vực này bởi vì BLPN bắt nguồn từ các chuẩn mực, dạng thức và mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng. Phương pháp đánh giá có sự tham gia ghi nhận các vấn đề bất bình đẳng này và nhằm mục tiêu trao quyền cho phụ nữ và cộng đồng thông qua hợp tác và khuyến khích tham gia có ý nghĩa trong các quá trình và kết quả GS&ĐG. Các phương pháp này cũng hữu ích trong việc hiểu được cách thức các nhóm người tham gia khác nhau trải nghiệm về chương trình và các thay đổi do chương trình mang lại.³

5. Xây dựng chỉ số

Sau khi đã chọn lựa phương pháp thiết kế đánh giá phù hợp, cần xây dựng các chỉ số để theo dõi tiến độ, kết quả và tác động. Chỉ số cần phải bảo đảm nguyên tắc “THÔNG MINH” (SMART - cụ thể, có thể đo lường, có thể đạt được, phù hợp và có thời hạn). Thường các chỉ số được phân thành ba loại như sau:

- Chỉ số đầu ra**, đo lường tiến độ thực hiện các hoạt động của chương trình và đạt được kết quả ngắn hạn trước mắt. Dữ liệu về chỉ số đầu ra thường được thu thập thông qua hoạt động giám sát thường xuyên.
- Chỉ số kết quả**, đo lường thay đổi trong trung hạn, do các can thiệp của chương trình mang lại. Dữ liệu về kết quả thường được thu thập thông qua hoạt động đánh giá.
- Chỉ số tác động**, đo lường các tác động trong dài hạn của một chương trình. Dữ liệu về chỉ số tác động thường được thu thập thông qua hoạt động đánh giá.

Có thể sử dụng cả chỉ số định lượng và định tính ở cả ba cấp độ tùy thuộc vào bản chất của các câu hỏi GS&ĐG. Phụ lục A trình bày thêm các hướng dẫn về xây dựng chỉ số và công cụ thu thập dữ liệu cho bảy chiến lược TÔN TRỌNG PHỤ NỮ.

6. Xây dựng các công cụ giám sát và đánh giá

Sau khi đã thống nhất về các chỉ số, cần thiết kế các công cụ thu thập dữ liệu để đo lường các chỉ số này. Có nhiều nguồn dữ liệu và các công cụ hiện đang được sử dụng trên toàn cầu để đo lường BLPN, cũng như thái độ, hành vi và chuẩn mực xã hội liên quan. Có thể tìm thấy các câu hỏi chuẩn hóa cho các cuộc khảo sát định lượng trong các bảng hỏi sau đây. Nhiều quốc gia sử dụng các bảng hỏi này để thu thập dữ liệu cho dân số (mang tính đại diện cho quốc gia). Phụ lục A bao gồm cả hướng dẫn sử dụng các bảng hỏi này cho các chỉ số cụ thể.

- Điều tra đa quốc gia về sức khỏe của phụ nữ và bạo lực gia đình của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (WHO MCS).⁴
- Hợp phần bạo lực gia đình trong Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe (DHS).⁵
- Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ (MICS) của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF).⁶
- Điều tra quốc tế về nam giới và bình đẳng giới (IMAGES).⁷
- Nghiên cứu cắt ngang đa quốc gia về nam giới và bạo lực tại khu vực Châu Á - Thái bình dương (UN MCS).⁸
- Điều tra bạo lực đối với trẻ em (VACS).⁹

Bao gồm các câu hỏi chuẩn hóa từ các khảo sát này trong nội dung đánh giá dưới đây có thể được coi là một thực hành tốt:

- Dữ liệu nhân khẩu học cá nhân, trong đó có giới, tuổi, tình trạng khuyết tật¹⁰
- Dữ liệu kinh tế - xã hội hộ gia đình, trong đó có thành phần, thu nhập, tài sản, v.v..
- Quan điểm về bình đẳng giới và các hình thức BLPN cụ thể¹¹
- Trải nghiệm về các hình thức BLPN cụ thể khác nhau (dành cho phụ nữ)
- Các hành vi tìm kiếm sự giúp đỡ và tiếp cận dịch vụ (dành cho phụ nữ)¹²

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Tùy thuộc vào bối cảnh cụ thể, các loại hình bạo lực cần giải quyết, thiết kế chương trình và lý thuyết về sự thay đổi và đối tượng mục tiêu cụ thể, cũng có thể bổ sung các **hợp phần tùy chọn** để cung cấp dữ liệu quan trọng về các yếu tố rủi ro đối với trải nghiệm và hành vi gây ra BLPN. Ví dụ:

- Sử dụng chất có cồn và chất gây nghiện (liều lượng, tần suất)¹³
- Sức khỏe tâm thần và trầm cảm¹⁴
- Các hình thức BLPN cụ thể khác nhau (đối với nam giới, đối với phụ nữ)¹⁵
- Thái độ và thực hành có liên quan đến việc dạy dỗ và kỷ luật trẻ em¹⁶
- Thái độ đối với người trải qua BLPN¹⁷
- Quan điểm về thái độ của người khác nhằm hiểu được các chuẩn mực xã hội và các nhóm tham chiếu¹⁸

Ngoài ra, có một số công cụ định tính đã được xây dựng cho hoạt động phỏng vấn sâu, các nhóm thảo luận tập trung và hội thảo cộng đồng với phụ nữ, nam giới, điều phối viên cộng đồng, cán bộ hiện trường, lãnh đạo cộng đồng, các tổ chức hoạt động vì quyền của phụ nữ và các nhà cung cấp dịch vụ. Sử dụng các hình ảnh minh họa (câu chuyện được mở ra) là một cách hữu ích để tìm hiểu về các chuẩn mực.¹⁹

7. Bảo đảm hoạt động nghiên cứu, giám sát và đánh giá phục vụ cho việc điều chỉnh và nhân rộng mô hình

Cần chú ý thêm đến nhiều cân nhắc khác khi tiến hành hoạt động nghiên cứu, giám sát và đánh giá nhằm hỗ trợ điều chỉnh và nhân rộng chương trình phòng ngừa BLPN.

Điều chỉnh: Nghiên cứu tình hình có vai trò quan trọng đối với việc điều chỉnh thành công các chương trình phòng ngừa BLPN nhằm bảo đảm rằng các phương pháp tiếp cận, thành phần và phương thức phòng ngừa phù hợp với bối cảnh địa phương. Có thêm một số cách thức theo đó hoạt động nghiên cứu, giám sát và đánh giá có thể hỗ trợ việc điều chỉnh.

- Khi điều chỉnh các chương trình phòng ngừa BLPN, điều quan trọng là phải duy trì sự gắn kết đối với các yếu tố cốt lõi của chương trình ban đầu. Dữ liệu giám sát có thể giúp theo dõi sự gắn kết này và bảo đảm duy trì được các yếu tố cũng như giá trị cốt lõi của chương trình.
- Đánh giá quá trình thực hiện chương trình (tức là đầu

vào, hoạt động, quy trình và thủ tục) có thể giúp các chương trình tìm hiểu về những nội dung có hiệu quả và không có hiệu quả và xem xét xem liệu có cần thực hiện các điều chỉnh bổ sung hay không.

Nhân rộng: WHO/ExpandNet định nghĩa nhân rộng là “nỗ lực có chủ ý để tăng cường tác động của... những cải tiến đã được thử nghiệm thành công trong các dự án thí điểm hoặc thử nghiệm nhằm mang lại lợi ích cho nhiều người hơn và thúc đẩy phát triển chính sách và chương trình trên cơ sở lâu dài”.²⁰ Cộng đồng hướng đến hiểu biết về hoạt động nhân rộng (CUSP) - nhóm các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực phát triển, điều chỉnh và nhân rộng các chương trình thay đổi chuẩn mực xã hội, bao gồm cả về phòng ngừa BLPN và bình đẳng giới - đã đưa ra các khuyến nghị đối với hoạt động nhân rộng, trong đó có một số khuyến nghị có nội hàm đối với hoạt động nghiên cứu và GS&ĐG.²¹

- Bảo đảm yếu tố cốt lõi khi triển khai các chương trình phòng ngừa BLPN trên quy mô lớn là rất quan trọng nhưng thường gặp khó khăn do thiếu nguồn lực và yêu cầu tiết kiệm chi phí bằng cách giảm khung thời gian thực hiện, đào tạo tập huấn và cố vấn, tần suất của các hoạt động hoặc các yếu tố khác của chương trình nhằm mở rộng phạm vi bao phủ. Do đó, cần sử dụng dữ liệu giám sát để theo dõi và bảo đảm duy trì các yếu tố cốt lõi của chương trình.
- Thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên (RCT) hoặc các loại hình đánh giá thực nghiệm hoặc giả thực nghiệm có thể phù hợp để đánh giá tính hiệu quả của chương trình ở quy mô lớn. Có thể cần các phương pháp luận khác để hiểu được các đường hướng dẫn đến thay đổi cũng như cơ chế thay đổi khi nhân rộng chương trình ở quy mô lớn hơn.

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Đạo đức trong nghiên cứu và đánh giá về BLPN

Thực hiện giám sát và đánh giá (GS&ĐG) công tác xây dựng chương trình BLPN đặt ra nhiều thách thức về đạo đức và an toàn bên cạnh các vấn đề thường gặp trong GS&ĐG trong các khía cạnh xây dựng chương trình khác. Năm 2001, WHO đã xây dựng tám nguyên tắc thực hiện nghiên cứu có đạo đức về BLPN (gần đây đã cập nhật các nguyên tắc này vào năm 2016). Các nguyên tắc này được áp dụng cho hoạt động GS&ĐG đối với công tác xây dựng chương trình BLPN. Bảng 1 tóm tắt từng nguyên tắc kèm theo các khuyến nghị về thiết kế, lập kế hoạch, triển khai và phổ biến nghiên cứu hoặc các đánh giá về BLPN.²² Có thể tìm thấy bộ hoàn chỉnh các khuyến nghị trong hai tài liệu hướng dẫn về đạo đức của WHO.²³ Tài liệu hướng dẫn gần đây nhất của WHO có bổ sung thêm nguyên tắc đạo đức cho tám nguyên tắc cốt lõi được trình bày dưới đây, trong đó một số nguyên tắc được dành riêng cho các loại hình cụ thể của phương pháp luận và cách tiếp cận đối với hoạt động GS&ĐG.

Bảng 1: Các nguyên tắc cốt lõi về đạo đức trong nghiên cứu BLPN

1 Sự an toàn của người tham gia và nhóm nghiên cứu là trên hết và cần là kim chỉ nam cho toàn bộ các quyết định của dự án.

- ✓ Bảo đảm có được sự đồng thuận của người tham gia sau khi họ được cung cấp đầy đủ thông tin, bao gồm cả việc họ đồng ý tiếp tục tham gia vào đánh giá hoặc nghiên cứu.
- ✓ Tiến hành phỏng vấn trong không gian riêng tư, an toàn.
- ✓ Mô tả cho người tham gia, thành viên hộ gia đình và thành viên cộng đồng rằng đây là một nghiên cứu về sức khỏe của phụ nữ hoặc các mối quan hệ trong gia đình.
- ✓ Chỉ phỏng vấn một phụ nữ mỗi hộ gia đình về bạo lực gia đình và không đưa ra các câu hỏi về bạo lực khi phỏng vấn các thành viên khác trong gia đình. Có ngoại lệ đối với trường hợp phỏng vấn cả hai vợ chồng/bạn tình theo chương trình khảo sát dành cho các cặp đôi, trong chương trình này, rủi ro của trường hợp này giảm đi đáng kể và chương trình có thể hậu thuẫn và cung cấp hỗ trợ kịp thời.
- ✓ Nhà nghiên cứu cần được đào tạo, tập huấn để xử lý các tình huống.
- ✓ Trước khi triển khai nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu tình hình và phân tích các bên liên quan để cung cấp thông tin cho hoạt động thiết kế công cụ nghiên cứu phù hợp về văn hóa.

2 Nghiên cứu cần có phương pháp luận vững chắc và trên nền tảng các kinh nghiệm nghiên cứu hiện tại về cách giảm thiểu tình trạng giấu diếm hoặc không trình báo bạo lực.

- ✗ Tiến hành hoạt động GS&ĐG được thiết kế và thực hiện kém cho các chương trình BLPN là hành động không có đạo đức. Việc này gây lãng phí nguồn lực, có thể góp phần gây ra tình trạng phụ nữ giấu diếm, không trình báo bạo lực và có thể đặt phụ nữ vào rủi ro, đe dọa sự an toàn của họ.
- ✓ Cần sử dụng các công cụ và phương pháp phù hợp, cũng như cần đào tạo người phỏng vấn về cách triển khai các công cụ và phương pháp này một cách an toàn.

3 Bảo mật là tối quan trọng để bảo đảm cả sự an toàn của phụ nữ cũng như chất lượng dữ liệu.

- ✓ Bảo đảm người thực hiện phỏng vấn hiểu được tầm quan trọng của vấn đề bảo mật và được đào tạo tập huấn phù hợp.
- ✗ Không bao giờ ghi tên của người tham gia vào bảng hỏi. Thay vào đó, sử dụng mã định danh duy nhất và giữ tất cả các số nhận dạng riêng biệt với dữ liệu.
- ✓ Nếu sử dụng máy tính bảng hoặc các thiết bị kỹ thuật số khác để thu thập dữ liệu, cần bảo đảm bảo vệ máy tính bảng bằng mật khẩu và mã hóa tất cả các dữ liệu.
- ✓ Bảo đảm tất cả dữ liệu được lưu giữ trong tủ có khóa hoặc các tệp được bảo vệ bằng mật khẩu.
- ✓ Đảm bảo có sự đồng ý của người tham gia trước khi thu âm và xóa bản thu âm sau khi đã chuyển thành bản ghi.
- ✓ Lưu ý trong quá trình báo cáo, dữ liệu được tổng hợp đầy đủ để không thể nhận diện được cộng đồng hoặc cá nhân cụ thể tham gia nghiên cứu.
- ✓ Bảo đảm sử dụng các phương pháp an toàn và phù hợp khi liên hệ lại với người tham gia trong các nghiên cứu hoặc theo dõi công tác thu thập dữ liệu.

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

4 Cần chọn lựa cẩn thận tất cả các thành viên trong nhóm nghiên cứu và cần cung cấp đào tạo tập huấn chuyên môn, cũng như luôn hỗ trợ các thành viên này.

- ✓ Cán bộ nghiên cứu và GS&ĐG cần được tập huấn về BLPN, bình đẳng giới và cách thức xác nhận và vượt qua định kiến của bản thân về các vấn đề liên quan đến giới, cũng như các định kiến có liên quan đến người bị bạo lực.
- ✓ Cán bộ nghiên cứu, trong đó có những người thu thập dữ liệu, cũng cần được tập huấn và hỗ trợ thường xuyên về việc các buổi phỏng vấn có thể khơi gợi cảm giác bị chấn thương tâm lý thứ cấp cho cán bộ nghiên cứu hoặc, trong trường hợp chính bản thân họ đã từng bị bạo lực, buổi phỏng vấn có thể làm họ hồi tưởng lại chấn thương tâm lý trong quá khứ.

Cán bộ nghiên cứu có thể có rủi ro bị bạo lực từ thủ phạm gây bạo lực cho người tham gia nghiên cứu và cần được hỗ trợ liên tục về hậu cần và an ninh, bao gồm cả vận chuyển an toàn, công nghệ và quy trình liên lạc phù hợp.

5 Thiết kế nghiên cứu phải bao gồm các hành động nhằm giảm thiểu bất kỳ tổn thương nào có thể xảy ra cho những người tham gia nghiên cứu.

- ✓ Cần bảo đảm không hỏi trực tiếp các câu hỏi về trải nghiệm hoặc hành vi bạo lực ngay lúc bắt đầu hoặc khi kết thúc phỏng vấn.
- ✓ Tập huấn phỏng vấn viên khi hỏi về bạo lực cần thể hiện sự ủng hộ, hỗ trợ và không phán xét người tham gia.
- ✓ Bảo đảm rằng phỏng vấn viên được đào tạo tập huấn về các tác động có thể xảy ra đối với người bị bạo lực, về cách phản hồi tình trạng tổn thương và cách dùng buổi phỏng vấn nếu cần.

6 Cán bộ thực địa cần được tập huấn để giới thiệu phụ nữ yêu cầu được hỗ trợ tới các dịch vụ và nguồn hỗ trợ sẵn có tại địa phương. Tại những nơi có ít nguồn lực hơn, có thể cần nghiên cứu tạo ra các cơ chế hỗ trợ trong ngắn hạn.

- ✓ Trước khi triển khai các hoạt động thu thập dữ liệu, xác định các nhà cung cấp hỗ trợ hoặc cung cấp dịch vụ tiềm năng mà phụ nữ có thể được chuyển gửi đến, trong đó có các dịch vụ về sức khỏe, tư pháp và xã hội hay các tổ chức dành cho phụ nữ.
- ✓ Bảo đảm nhân viên tư vấn đã qua đào tạo đồng hành cùng nhóm khảo sát thực địa trong quá trình thu thập dữ liệu để cung cấp các hỗ trợ tại chỗ trong trường hợp thiếu các dịch vụ phù hợp dành cho phụ nữ.

7 Cán bộ nghiên cứu và nhà tài trợ có nghĩa vụ đạo đức giúp bảo đảm các phát hiện của nghiên cứu được diễn giải đúng và được sử dụng để thúc đẩy quá trình phát triển chính sách cũng như các hoạt động can thiệp.

- ✓ Bảo đảm kết quả nghiên cứu và GS&ĐG cung cấp thông tin đầu vào cho các chính sách, các hoạt động vận động và can thiệp – trong đó có cả việc chia sẻ cho các nhóm đã tham gia nghiên cứu, khi thấy phù hợp.
- ✓ Thành lập ban cố vấn hoặc nhóm các bên liên quan có thể đóng vai trò xác nhận, phổ biến và áp dụng các phát hiện của nghiên cứu.

8 Chỉ nên đưa các câu hỏi về bạo lực vào điều tra được thiết kế cho các mục đích khác khi có thể đáp ứng được các yêu cầu đạo đức và phương pháp luận.

- ✓ Chỉ nên thực hiện việc lồng ghép các câu hỏi về bạo lực vào nghiên cứu hoặc hoạt động GS&ĐG được thiết kế cho các mục đích và chủ đề khác khi có thể đáp ứng được các tiêu chuẩn về đạo đức và phương pháp luận để cập trong tám nguyên tắc này.

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Các tài liệu hướng dẫn về đạo đức của WHO không đề cập đến các rủi ro cụ thể liên quan tới thực hiện nghiên cứu hoặc hoạt động GS&ĐG về bạo lực đối với trẻ em và thanh thiếu niên, các hoạt động này đòi hỏi phải có thêm các phương pháp tiếp cận và quy trình đối với các rủi ro nêu trên. Có nhiều văn bản hướng dẫn về công tác thu thập dữ liệu bạo lực đối với trẻ em, một số các văn bản này được liệt kê dưới đây. Mặc dù các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu đã được trình bày trong Bảng 1 phần lớn có thể áp dụng cho trẻ em, nhưng cũng có thêm các nguyên tắc có thể áp dụng cho trẻ em và thanh thiếu niên được tóm tắt trong Bảng 2.²⁴

Bảng 2: Các nguyên tắc bổ sung về đạo đức nghiên cứu về bạo lực đối với trẻ em

Sự chấp thuận và đồng ý tự nguyện

Thông thường, trẻ em dưới 18 tuổi theo pháp luật không thể đưa ra sự đồng ý đối với việc tham gia vào nghiên cứu hoặc vào hoạt động GS&ĐG, trong trường hợp này, cha mẹ hoặc người giám hộ thường phải thay mặt cho con em mình để đồng ý. Tuy nhiên, phải tạo cơ hội cho trẻ em được tự nguyện chấp thuận trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin đối với việc tham gia hoặc từ chối tham gia nghiên cứu, nếu người giám hộ hoặc cha mẹ ký vào bản đồng thuận. Các nghiên cứu viên hoặc những người thực hiện chương trình cũng nên sẵn sàng xem xét xem có cần miễn việc cho phép và đồng ý của cha mẹ; chẳng hạn trong trường hợp kiến thức của cha mẹ về nghiên cứu hoặc hoạt động GS&ĐG có thể khiến con em mình phải đối mặt với nguy cơ bị bạo lực hoặc bị lạm dụng.²⁵

- ✓ Bảo đảm ngôn ngữ (nói hoặc viết) được sử dụng để mô tả nghiên cứu và để lấy sự chấp thuận là phù hợp với độ tuổi của trẻ.
- ✓ Cần thông báo rõ ràng rằng sự chấp thuận của trẻ mang tính chất tự nguyện và rằng sẽ không có hậu quả tiêu cực nào xảy ra nếu trẻ từ chối tham gia.
- ✓ Khi nhận được sự chấp thuận/đồng ý, cần bảo đảm rằng trẻ và cha mẹ/người giám hộ được cung cấp đầy đủ thông tin về những hạn chế có thể có liên quan đến vấn đề bảo mật, chẳng hạn như khi các yêu cầu pháp lý về việc trình báo bắt buộc đối với việc lạm dụng trẻ em có thể có hiệu lực hơn so với các yêu cầu về bảo mật (xem bên dưới).

Giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn

Điều quan trọng trong tất cả các nghiên cứu là phải bảo đảm an toàn cho người tham gia khảo sát và giảm thiểu rủi ro họ bị làm hại; tuy nhiên, tiến hành thu thập dữ liệu đối với trẻ em, đặc biệt trong các chủ đề liên quan tới bạo lực, đòi hỏi phải cân nhắc đến các loại rủi ro cụ thể mà trẻ em có thể dễ bị tổn thương.

- ✓ Bảo đảm rằng các quy trình nghiên cứu xác định được tất cả các rủi ro tiềm tàng đối với trẻ em.
- ✓ Tham khảo ý kiến của các bên liên quan có hiểu biết tại địa phương để xác định các rủi ro có thể xảy ra đối với trẻ em.
- ✓ Bảo đảm nhóm nghiên cứu được tập huấn để tiến hành nghiên cứu và thu thập dữ liệu với trẻ em, trong đó bao gồm cả các chủ đề nhạy cảm và cách phản hồi với trạng thái tổn thương của trẻ.
- ✓ Cần chuẩn bị để quản lý các nội hàm và rủi ro có thể có đối với các yêu cầu khai báo bắt buộc các trường hợp xâm hại trẻ em cho các cơ quan chức năng. Các yêu cầu sẽ khác nhau trong các bối cảnh khác nhau và cần phải phân tích và cân đối các lợi ích và rủi ro có thể có do việc khai báo tùy theo bối cảnh văn hóa và luật pháp.
- ✓ Bảo đảm nhóm nghiên cứu luôn có một nhân viên tư vấn/nhà tâm lý học cho trẻ em đã qua đào tạo để có thể cung cấp các hỗ trợ ngay khi cần.

Các nguồn tài liệu hữu ích

Hướng dẫn GS&ĐG

[Programming Essentials, Monitoring & Evaluation](#). UNWOMEN Virtual Knowledge Centre to End Violence against Women and Girls.

Trung tâm tri thức trực tuyến của UN WOMEN có nhiều nguồn tài liệu liên quan, trong đó có các hướng dẫn, nghiên cứu tình huống và các ví dụ về các thực hành có triển vọng liên quan đến các hoạt động can thiệp cũng như giám sát và đánh giá công tác ứng phó và phòng ngừa bạo lực.

Global Women's Institute (2019) [Participatory Monitoring and Evaluation \(M&E\) of Gender Based Violence Programs](#). SVRI Pre-Conference Workshop October 2019, The Global Women's Institute, George Washington University.

Bài trình bày được sử dụng cho hội thảo trừu bị về Giám sát và Đánh giá có sự tham gia tại diễn đàn Sáng kiến nghiên cứu bạo lực tình dục hai năm một lần, với nội dung về các nguyên tắc và thực tiễn thực hiện các phương pháp tiếp cận GS&ĐG có sự tham gia trong các can thiệp BLPN và BLG.

UNICEF (2018) [INSPIRE Indicator Guidance and Results Framework](#). New York: UNICEF.

Được thiết kế để giúp các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ giám sát tiến độ và theo dõi sự thay đổi theo thời gian của bày chiến lược INSPIRE. Tài liệu bao gồm khung kết quả và bộ chỉ số cốt lõi, cùng với hướng dẫn chi tiết về cách sử dụng các công cụ này.

ANROWS (2017) [Counting on change. A guide to prevention monitoring](#). Australian National Research Organisation for Women's Safety

Hướng dẫn dành cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu và các nhà vận động cho hoạt động đo lường tiến độ phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em ở cấp độ dân số.

DFID (2012) [How to Note: Guidance on Monitoring and Evaluation for Programming on Violence against Women and Girls](#). CHASE Guidance Note Series.

Mô tả bốn giai đoạn chính của GS&ĐG cho các chương trình BLPN và cung cấp hướng dẫn chi tiết về cách thực hiện GS&ĐG ở mỗi giai đoạn của chu trình GS&ĐG.

Bloom, S.S. (2008) [Violence Against Women and Girls: A Compendium of Monitoring and Evaluation Indicators](#). Measure Evaluation, for the USAID East Africa Regional Mission and Inter-agency Gender Working Group.

Bản trích yếu toàn diện về các chỉ số để đo lường GS&ĐG của chương trình VAW, với hướng dẫn về định nghĩa chỉ số, cách thức thực hiện đo lường các chỉ số và các công cụ có thể có cần cho công tác thu thập dữ liệu.

Ellsberg, M. & Heise, L. (2005) [Researching Violence Against Women: A Practical Guide for Researchers and Activists](#). World Health Organization, PATH.

Hướng dẫn dành cho các nhà nghiên cứu làm việc trong lĩnh vực ứng phó và phòng ngừa bạo lực với nội dung liên quan đến các thách thức về phương pháp luận và đạo đức khi tiến hành nghiên cứu bạo lực và các kỹ thuật cải tiến để giải quyết các thách thức này.

Đạo đức và An toàn – Bạo lực đối với phụ nữ

WHO (2016) [Ethical and safety recommendations for intervention research on violence against women. Building on lessons from the WHO publication Putting women first: ethical and safety recommendations for research on domestic violence against women](#). Geneva: World Health Organization.

Bản cập nhật các khuyến nghị ban đầu về đạo đức và an toàn của WHO (2001) dành cho nghiên cứu BLPN (xem bên dưới), trên nền tảng các bằng chứng gần đây nhất và tìm hiểu để xây dựng các hành động bổ sung và thực hành tốt nhất.

WHO (2001) [Putting Women First: Ethical and Safety Recommendations for Research on Domestic Violence Against Women](#). Geneva: World Health Organization.

Tài liệu hướng dẫn được xây dựng như một phần của Nghiên cứu đa quốc gia của WHO về sức khỏe phụ nữ và bạo lực gia đình, trong đó trình bày tám nguyên tắc đạo đức và an toàn cốt lõi và mô tả cách thực hiện các nguyên tắc này.

Đạo đức và An toàn – Bạo lực đối với trẻ em

UNICEF (2018) [INSPIRE Indicator Guidance and Results Framework](#). New York: UNICEF

Mặc dù tài liệu tập trung vào hướng dẫn sử dụng khung kết quả và chỉ số cho các chiến lược INSPIRE, nhưng tài liệu cũng bao gồm một chương về các cân nhắc đạo đức trong thu thập dữ liệu về bạo lực đối với trẻ em.

CP MERG (2012) [Ethical principles, dilemmas and risks in collecting data on violence against children: A review of available literature](#). New York: Statistics and Monitoring Section/Division of Policy and Strategy, UNICEF.

Không phải là một tài liệu hướng dẫn, mà là một biên soạn và tổng quan tài liệu để tạo cơ sở cho các hướng dẫn trong tương lai về nghiên cứu mang tính đạo đức với trẻ em. Tài liệu cung cấp một đánh giá sâu rộng về các nguyên tắc, tình huống khó xử và rủi ro khác nhau mà các nhà nghiên cứu có thể gặp phải khi thực hiện nghiên cứu với trẻ em, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị về thực tiễn tốt nhất.

Phụ lục A: Chỉ số tác động và kết quả cho các chiến lược TÔN TRỌNG PHỤ NỮ

Mỗi chiến lược RESPECT đều có bộ các tác động, kết quả và đầu ra, với việc giảm hoặc xóa bỏ BLPN như một tác động trong tất cả bảy chiến lược này. Bảng 3 và 4 trình bày: các tác động và kết quả mà mỗi chiến lược nhắm tới; ví dụ về các chỉ số có thể được sử dụng và điều chỉnh để đo lường các kết quả này và tóm tắt các hướng dẫn và nguồn tài liệu về việc sử dụng các chỉ số này. Các chỉ số đầu ra chưa được bao gồm và cần được điều chỉnh cho phù hợp với chương trình và bối cảnh thực hiện.

Bảng 3: Tác động, chỉ số và hướng dẫn cho các chiến lược RESPECT

Chú ý: Khung TÔN TRỌNG PHỤ NỮ có bốn kết quả tác động mà từng chiến lược khác nhau đóng góp và được đánh số là Tác động 1 đến 4 trong Bảng 3. Các chỉ số tương ứng cũng được đánh số tương ứng (ví dụ: 1.1 and 1.2 cho Tác động 1) và chỉ được dùng trong trường hợp các chỉ số này phù hợp với chiến lược TÔN TRỌNG PHỤ NỮ cụ thể.

Chiến lược	Tác động	Chỉ số	Hướng dẫn
R Tăng cường kỹ năng xây dựng các mối quan hệ	1. BLPN giảm hoặc được xóa bỏ.	1.1. Tỷ lệ phụ nữ đã từng có bạn tình và trẻ em gái từ 15 tuổi trở lên bị bạo lực thể xác, tình dục hoặc tâm lý bởi bạn tình hiện tại hoặc bạn tình cũ trong 12 tháng trước (Chỉ số SDG 5.2.1)	<p>Chỉ số này liên kết với SDG 5.2.1 và có thể được đo lường ở cấp dân số (ví dụ: trong khu vực địa lý) hoặc ở cấp chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình). Bạo lực do bạn tình gây ra (IPV) là một trong những hình thức BLPN phổ biến nhất và theo chỉ số này bao gồm bạo lực thể xác, tình dục hoặc tâm lý (còn được gọi là tình cảm) do người bạn đời hoặc vợ/chồng hiện tại hoặc cũ gây ra. Chỉ số SDG đo lường bất kỳ trường hợp IPV nào trong 12 tháng qua và được đo lường cho trẻ em gái vị thành niên và phụ nữ từ 15 tuổi đến 49 tuổi (tức là độ tuổi sinh sản). Giới hạn tuổi trên đã bị loại bỏ khỏi chỉ số RESPECT để bao gồm cả phụ nữ lớn tuổi, những người cũng có thể bị bạo lực do bạn tình gây ra.</p> <p>Cần điều chỉnh việc đo lường chỉ số này theo loại IPV đang được nhắm mục tiêu và theo dữ liệu phân tách theo loại bạo lực, độ tuổi và các đặc điểm liên quan khác. Các thước đo IPV thường tập trung vào bạo lực thể xác và tình dục do bạn tình gây ra và ít tập trung hơn vào bạo lực tâm lý. Một loại IPV khác ít được đo lường thường xuyên hơn là bạo lực kinh tế, đôi khi được kết hợp vào các thước đo bạo lực tâm lý do bạn tình gây ra và đôi khi được đo lường như một loại IPV riêng biệt. Các bằng chứng gần đây cho thấy bạo lực tình cảm và kinh tế do bạn tình gây ra có những tác động đặc biệt đến phụ nữ và cần được đưa vào các thước đo IPV.¹</p> <p>WHO MCS đã đưa ra một loạt câu hỏi được thiết kế để đo mức độ bạo lực của bạn tình về thể chất và tình dục, và những câu hỏi này đã được sử dụng hiệu quả ở nhiều khu vực và quốc gia. Những câu hỏi này cũng đã được điều chỉnh ở Nam Phi và được sử dụng rộng rãi; chẳng hạn, trong Chương trình Toàn cầu về Ngăn chặn Bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em gái. Đối với các thước đo IPV về cảm xúc và kinh tế, có một số nguồn bao gồm các mục từ WHO MCS, DHS và UN MCS.</p>
		1.2. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15 tuổi trở lên bị bạo lực tình dục bởi người không phải là bạn tình trong 12 tháng trước (chỉ số SDG 5.2.2)	<p>Chỉ số này liên kết với SDG 5.2.2, xác định bạo lực tình dục là bất kỳ hoạt động hoặc hành vi tình dục nào áp đặt lên một người nào đó, trong đó có cưỡng hiếp, xâm hại tình dục, cưỡng bức giao cấu, loạn luân hoặc quấy rối tình dục. Chỉ số SDG đo lường bất kỳ trường hợp bạo lực tình dục nào trong 12 tháng qua, do bất kỳ người nào không phải là bạn tình gây ra đối với trẻ em gái vị thành niên và phụ nữ từ 15 tuổi đến 49 tuổi. Chỉ số này có thể được đo lường ở cấp dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình). Giới hạn tuổi trên đã bị loại bỏ khỏi chỉ số RESPECT để bao gồm phụ nữ lớn tuổi, những người cũng có thể bị bạo lực tình dục do người không phải là bạn tình gây ra.</p> <p>Cần điều chỉnh việc đo lường chỉ số này theo loại bạo lực tình dục đang được nhắm mục tiêu và cần phân tách theo theo tuổi, nơi xảy ra bạo lực hoặc các đặc điểm liên quan khác, chẳng hạn như loại thủ phạm. Hầu hết các khảo sát thu thập dữ liệu về bạo lực tình dục do người không phải là bạn tình gây ra đều đo lường hành vi cưỡng bức quan hệ tình dục hoặc cố gắng cưỡng bức quan hệ tình dục hoặc các hành vi tình dục khác.</p> <p>Có thể tìm thấy các ví dụ về các câu hỏi được sử dụng để đo lường bạo lực tình dục do người không phải là bạn tình gây ra trong WHO MCS, DHS và VACS. Trong khi các cuộc điều tra dân số như WHO MCS và DHS lấy mẫu phụ nữ và trẻ em gái từ 15 tuổi, VACS lấy mẫu trẻ em từ 13 tuổi.</p>

Chiến lược	Tác động	Chỉ số	Hướng dẫn
E Trao quyền cho phụ nữ	1. BLPN giảm hoặc được xóa bỏ.	Xem chỉ số tác động 1.1	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.1
		Xem chỉ số tác động 1.2	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.2
	2. Phụ nữ đang thực hiện các quyền con người của mình và đóng góp vào sự phát triển	2.1. Tỷ lệ số ghế do phụ nữ nắm giữ trong quốc hội và chính quyền địa phương (chỉ số SDG 5.5.1)	Tác động này liên kết với chỉ tiêu 5.5 của SDG, chỉ tiêu này bảo đảm sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của phụ nữ cũng như cơ hội bình đẳng để lãnh đạo ở các cấp ra quyết định trong đời sống chính trị, kinh tế và công cộng. Chỉ tiêu SDG bao gồm chỉ số 5.5.1(a), Tỷ lệ nữ giới nắm giữ các ghế trong quốc hội và 5.5.1(b) Tỷ lệ nữ giới nắm giữ các ghế trong chính quyền địa phương. Nguồn dữ liệu bao gồm số liệu thống kê nhận được từ quốc hội, dữ liệu hành chính dựa trên hồ sơ bầu cử hoặc dữ liệu hành chính công có sẵn từ các bộ ngành.
		2.2. Tỷ lệ các quốc gia có khung pháp lý (trong đó có luật tục) bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ đối với quyền sở hữu và/hoặc kiểm soát đất đai (chỉ số SDG 5.a.2)	Tác động này liên kết với Chỉ số SDG 5.a.2, trong đó nhấn mạnh quyền sở hữu và/hoặc kiểm soát đất đai, đồng thời gắn đến việc kiểm soát các nguồn lực kinh tế khác cũng như giảm nghèo và tiếp cận quyền con người của phụ nữ. Chỉ số được đo lường và giám sát dựa trên sáu chỉ số thay thế, được trình bày chi tiết trong hướng dẫn và siêu dữ liệu chỉ số, cùng với các định nghĩa và nguồn dữ liệu chính. Các chỉ số thay thế này có thể được sử dụng để đo lường mức độ mà một quốc gia hỗ trợ các quyền của phụ nữ về đất đai.
	2.3. Tỷ lệ phụ nữ từ 15 tuổi đến 49 tuổi, những người tự đưa ra các quyết định của mình sau khi được cung cấp đầy đủ thông tin đối với các mối quan hệ tình dục, sử dụng biện pháp tránh thai và chăm sóc sức khỏe sinh sản (Chỉ số SDG 5.6.1)	Chỉ số tác động này liên kết với SDG indicator 5.6.1 và đo lường việc ra quyết định của phụ nữ trong cả ba lĩnh vực: quan hệ tình dục (cho dù họ có muốn quan hệ tình dục với chồng / bạn tình của mình hay không), sử dụng các biện pháp tránh thai và tiếp cận với chăm sóc sức khỏe sinh sản. Hướng dẫn chỉ số và siêu dữ liệu cung cấp ba câu hỏi khảo sát được sử dụng để đo lường chỉ số, lấy từ DHS và MICS. Chỉ số này có thể được đo lường ở cấp độ dân số (ví dụ ở khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ đối với những người thụ hưởng chương trình trực tiếp). Chỉ số tác động này liên kết với SDG indicator 5.6.1 và đo lường việc ra quyết định của phụ nữ trong cả ba lĩnh vực: quan hệ tình dục (liệu họ có muốn quan hệ tình dục với chồng/bạn tình hay không), sử dụng các biện pháp tránh thai và tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. Hướng dẫn và siêu dữ liệu chỉ số đưa ra ba câu hỏi khảo sát được sử dụng để đo lường chỉ số, rút ra từ DHS và MICS. Chỉ số này có thể được đo lường ở cấp dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình).	
	2.4. Chỉ số SIGI	Chỉ số tác động 2.1, 2.2 và 2.3 đo lường các khía cạnh khác nhau của phụ nữ thực hiện các quyền của mình và đóng góp cho sự phát triển. Có nhiều chỉ số giới tổng hợp nhiều khía cạnh khác nhau của quyền phụ nữ, có thể tìm thấy một số các chỉ số này trong tài liệu Data2X, Bản đồ hóa các khoảng trống trong dữ liệu giới (xem từ trang 42). Chỉ số thể chế xã hội và giới (SIGI) của Trung tâm Phát triển OECD đo lường sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ trong các thể chế xã hội, tình trạng này hạn chế khả năng tiếp cận của phụ nữ đối với quyền và khả năng đóng góp vào sự phát triển. Các chương trình có thể chọn sử dụng chỉ số tác động tập trung vào khía cạnh cụ thể trong quyền của phụ nữ hoặc, nếu không lấy từ chỉ số như chỉ số SIGI. SIGI, hiện được đo lường ở 180 quốc gia, bao gồm bốn khía cạnh của các thể chế xã hội mang tính phân biệt đối xử: - Phân biệt đối xử trong gia đình - trong đó có mức độ phổ biến của tình trạng tảo hôn, trách nhiệm gia đình của phụ nữ và trẻ em gái, tiếp cận ly hôn và tiếp cận quyền thừa kế. - Sự toàn vẹn thể xác bị hạn chế - trong đó có mức độ phổ biến của bạo lực đối với phụ nữ và các biện pháp bảo vệ pháp lý khỏi bạo lực, mức độ phổ biến của tình trạng cắt bộ phận sinh dục nữ (FGM) và quyền tự chủ sinh sản của phụ nữ. - Tiếp cận hạn chế đối với các nguồn lực sản xuất và tài chính - trong đó có khả năng tiếp cận an toàn đối với tài sản đất đai, tài sản khác không phải là đất đai và các dịch vụ tài chính chính thức và tiếp cận các quyền tại nơi làm việc. - Các quyền tự do dân sự bị hạn chế - bao gồm quyền công dân, tiếng nói chính trị, tự do đi lại và tiếp cận công lý.	

Chiến lược	Tác động	Chỉ số	Hướng dẫn	
S Bảo đảm dịch vụ	1. BLPN giảm hoặc được xóa bỏ	Xem chỉ số tác động 1.1	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.1	
		Xem chỉ số tác động 1.2	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.2	
	3. Cải thiện kết quả sức khỏe và kết quả phát triển trong hộ gia đình, cộng đồng và xã hội	3.1. Tỷ lệ phụ nữ và nam giới được can thiệp cải thiện được kết quả trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần, tình dục và sinh sản	Các chỉ số cho tác động này sẽ cần được xây dựng cụ thể hơn tùy theo dịch vụ mục tiêu mà chương trình nhắm đến và liệu bất kỳ can thiệp nào của chương trình này có chủ ý nhằm mục tiêu tăng cường kết quả lớn hơn về sức khỏe bên cạnh mục tiêu giảm BLPN và giải quyết các nhu cầu sức khỏe trước mắt của những người bị bạo lực. Các chỉ số ví dụ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ phụ nữ và nam giới có các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm - Tỷ lệ phụ nữ và nam giới trình báo sử dụng các chất có cồn cũng như các chất gây nghiện có hại - Tỷ lệ phụ nữ và nam giới trình báo các biểu hiện trầm cảm trong vòng 1 tháng vừa qua - Tỷ lệ phụ nữ và nam giới trình báo tình trạng tâm lý tình cảm - Tỷ lệ phụ nữ sinh con trong vòng 12 tháng vừa qua với sự có mặt của hộ lý đã qua đào tạo - Tỷ lệ phụ nữ với lần sinh con gần đây nhất là theo mong muốn vào thời điểm đó 	
		3.2. Tỷ lệ các vụ bạo lực đối với phụ nữ được trình báo cho cơ quan công an và được điều tra, khởi tố	Một thước đo quan trọng để đánh giá một hệ thống cảnh sát và pháp luật hoạt động và hiệu quả để giải quyết các vụ BLPN là tỷ lệ các vụ bạo lực được trình báo và được cảnh sát điều tra và khởi tố. Có thể đo lường chỉ số này qua hồ sơ của cảnh sát và tòa án. Có thể tìm được các hướng dẫn thêm tại đây: Trung tâm tri thức trực tuyến của UN WOMEN nhằm chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái & Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái: Bản trích yếu các chỉ số giám sát và đánh giá.	
P Giảm nghèo	1. BLPN giảm hoặc được xóa bỏ	Xem chỉ số tác động 1.1	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.1	
		Xem chỉ số tác động 1.2	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.2	
	3. Cải thiện kết quả sức khỏe và kết quả phát triển trong hộ gia đình, cộng đồng và xã hội	3.3. Tỷ lệ phụ nữ và nam giới được can thiệp có kết quả cải thiện về sức khỏe thể chất, tâm thần, tình dục và sinh sản	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 3.1	
		3.4. Tỷ lệ dân số sống dưới chuẩn nghèo quốc gia, theo giới tính và độ tuổi (chỉ số SDG 1.2.1)	Chỉ số tác động này liên kết với Chỉ số SDG 1.2.1, chỉ số này đo lường tỷ lệ đói nghèo quốc gia và tỷ lệ dân số sống dưới mức chuẩn nghèo quốc gia. Hướng dẫn và siêu dữ liệu chỉ số khen ngợi việc đo lường đói nghèo thông qua tiêu dùng của hộ gia đình hơn là thu nhập và đưa ra các định nghĩa hướng dẫn chi tiết và các nguồn dữ liệu.	
		3.5. Tỷ lệ nam giới, phụ nữ và trẻ em ở mọi lứa tuổi sống trong tình trạng nghèo đói dưới tất cả các khía cạnh theo định nghĩa quốc gia (chỉ số SDG 1.2.2)	Chỉ số tác động này liên kết với Chỉ số SDG 1.2.2. Chưa có hướng dẫn cụ thể hoặc siêu dữ liệu nào được công bố cho chỉ số SDG này; tuy nhiên, một số nguồn đã lấy từ chỉ số nghèo đa chiều, chỉ số này đo lường mức độ thiếu thốn theo tình trạng sức khỏe yếu, thiếu giáo dục, mức sống không đầy đủ, thiếu thu nhập, mất quyền lực, chất lượng công việc kém và đe dọa bạo lực.	
		3.6. Tỷ lệ nam giới và phụ nữ thực hiện bình đẳng giới và có mối quan hệ Tôn trọng phụ nữ với bạn tình	Các chỉ số cho tác động này sẽ cần được đưa ra cụ thể hơn theo chương trình. Việc thực hiện bình đẳng giới trong các mối quan hệ bạn tình có thể bao gồm việc cùng ra quyết định và phân công vai trò trong gia đình công bằng hơn về giới. Thực hiện mối quan hệ Tôn trọng phụ nữ có thể bao gồm giá trị, sự Tôn trọng phụ nữ và quan tâm đến quyền của người khác - cả những gì người tham gia thể hiện về người khác và cách họ cảm thấy được người khác đối xử/coi trọng.	

Chiến lược	Tác động	Chỉ số	Hướng dẫn
E Tạo môi trường an toàn	1. BLPN giảm hoặc được xóa bỏ	Xem chỉ số tác động 1.1	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.1
		Xem chỉ số tác động 1.2	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.2
		1.3. Tỷ lệ số người là nạn nhân quấy rối tình dục hoặc thể xác, theo giới tính, độ tuổi, tình trạng khuyết tật và nơi xảy ra bạo lực trong 12 tháng trước.	Chỉ số này liên kết với SDG 11.7.2 , định nghĩa quấy rối tình dục là bất kỳ hành vi nào có hàm ý tình dục mang tính chất đe dọa và quấy rối thể xác như tất cả các hành vi khác liên quan đến quấy rối có thể gây ra nỗi sợ hãi cho sự toàn vẹn thể chất và/hoặc tổn thương về tinh thần của một người. Có thể đo lường chỉ số này ở cấp dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp chương trình (ví dụ: đối với người hưởng trực tiếp từ chương trình). Chỉ số này được phân tách theo giới tính, độ tuổi, tình trạng khuyết tật và nơi xảy ra. Hướng dẫn SDG dành cho chỉ số 11.7.2 bao gồm các phương pháp đo lường chỉ số này, trong đó có tám câu hỏi được đưa vào điều tra hộ gia đình.
	4. Bạo lực đối với trẻ em (BLTE) giảm hoặc được xóa bỏ.	4.1. Tỷ lệ nam và nữ thanh niên 18-29 tuổi từng bị bạo lực tình dục ở độ tuổi 18 (SDG 16.2.3)	Chỉ số này liên kết với SDG 16.2.3 , định nghĩa bạo lực tình dục đến tuổi 18 là bất kỳ hoạt động tình dục nào được áp đặt đối với trẻ em từ 17 tuổi trở xuống, bao gồm xâm hại tình dục, cưỡng bức tình dục, bóc lột tình dục vì mục đích thương mại (bao gồm cả buôn bán), mại dâm trẻ em và bóc lột hoặc nô lệ tình dục. Có thể đo lường chỉ số này ở cấp dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình). Chỉ số này được đo cho cả phụ nữ và nam giới từ 18-29 tuổi. Các thước đo bạo lực tình dục nên bao gồm cả loại bạo lực và thủ phạm. Một số công cụ GS&ĐG cũng bao gồm địa điểm và độ tuổi xảy ra bạo lực. VACS bao gồm một bộ câu hỏi toàn diện về bạo lực, xâm hại và bóc lột tình dục đã phải trải qua trong thời thơ ấu và bao gồm các thước đo loại bạo lực tình dục khác nhau, thủ phạm bạo lực, độ tuổi mà người tham gia đã trải qua bạo lực và tuổi của thủ phạm gây bạo lực.
	4.2. Tỷ lệ trẻ em gái và trẻ em trai từ 1-17 tuổi đã trải qua bất kỳ hình phạt thể chất nào và/hoặc gây hấn tâm lý bởi người chăm sóc trong tháng qua (SDG 16.2.1)	Chỉ số tác động này liên quan đến SDG 16.2.1 và cũng liên quan đến INSPIRE: Bày chiến lược để chấm dứt bạo lực đối với trẻ em . Các hình phạt thể xác (thường được gọi là hình phạt thân thể) bao gồm các hành động khác nhau, trong đó có lắc, tát, đánh hoặc đánh đập, và hành vi gây hấn về tâm lý bao gồm lạm dụng bằng lời nói, la mắng, la hét hoặc gọi tên lăng mạ. Chỉ số đo lường trải nghiệm bị hình phạt hoặc gây hấn trong tháng qua đối với trẻ em và thanh thiếu niên từ 1-17 tuổi và phải được phân tách theo giới tính, độ tuổi và loại bạo lực. Có thể đo lường chỉ số ở cấp dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình). VACS bao gồm một bộ câu hỏi về các trải nghiệm của trẻ em và thanh thiếu niên về bạo lực thể xác hoặc tình cảm do người chăm sóc gây ra. Nhiều nghiên cứu đo lường các trình báo hình phạt thể xác và gây hấn tâm lý của cha mẹ/người chăm sóc; chẳng hạn như, Hợp phần kỹ thuật trẻ em của MICS , bao gồm các thước đo riêng biệt cho trẻ dưới 5 tuổi và trẻ trong độ tuổi 5-17. Có thể tìm được các hướng dẫn bổ sung cho chỉ số này trong Hướng dẫn chỉ số và Khung kết quả NSPIRE và Hướng dẫn chỉ số SDG 16.2.1 .	
C Phòng ngừa xâm hại trẻ em và trẻ vị thành niên	1. BLPN giảm hoặc được xóa bỏ	Xem chỉ số tác động 1.1	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.1
		Xem chỉ số tác động 1.2	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.2

Chiến lược	Tác động	Chỉ số	Hướng dẫn
	4. BLTE giảm hoặc được xóa bỏ	Xem chỉ số tác động 4.1	Xem hướng dẫn cho chỉ số tác động 4.1
		Xem chỉ số tác động 4.2	Xem hướng dẫn cho chỉ số tác động 4.2
T Thay đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực	1. BLPN giảm hoặc được xóa bỏ	Xem chỉ số tác động 1.1	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.1
		Xem chỉ số tác động 1.2	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số tác động 1.2

Bảng 4: Kết quả, chỉ số và hướng dẫn chiến lược TÔN TRỌNG PHỤ NỮ (RESPECT)

Chú ý: Trong Table 4, các kết quả theo chiến lược R được gắn nhãn R1, R2 và R3. Các chỉ số tương ứng được gắn nhãn, ví dụ, R1.1, R1.2 và R1.3 cho kết quả R1, v.v.. cho các kết quả khác. Cách gắn nhãn này được áp dụng cho các chiến lược để dễ dàng tham khảo

Chiến lược	Tác động	Kết quả	Chỉ số	Hướng dẫn
R Tăng cường kỹ năng xây dựng các mối quan hệ	BLPN giảm hoặc được xóa bỏ	R1. Bình đẳng giới và Tôn trọng phụ nữ được thực hiện trong các mối quan hệ bạn tình và gia đình	R1.1. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15-49 tuổi, hiện đang có bạn tình tham gia (một mình hoặc cùng bạn đời) vào việc ra quyết định trong gia đình	<p>Chỉ số kết quả này liên kết với chỉ số 7.3 trong INSPIRE, nhưng hình thức đo lường có hơi khác một chút. INSPIRE định nghĩa việc ra quyết định trong gia đình là sự tham gia của phụ nữ (một mình hoặc cùng với chồng) vào các quyết định liên quan đến chăm sóc sức khỏe của chính họ, thực hiện các công việc mua sắm lớn trong gia đình hoặc viếng thăm gia đình hoặc bạn bè. Ở đây, sự tham gia của phụ nữ và trẻ em gái trong quá trình ra quyết định (một mình hoặc cùng với chồng) chỉ được đo lường đối với các quyết định liên quan đến hộ gia đình, trong đó có, ví dụ, mua bán cho gia đình và chi tiêu thu nhập gia đình. Các hình thức ra quyết định khác trong đó phụ nữ quyết định về các hành động tự chủ của họ được ghi lại trong kết quả Phụ nữ và trẻ em gái có thể đưa ra các quyết định tự chủ trong khuôn khổ chiến lược Trao quyền cho phụ nữ.</p> <p>Việc đo lường chỉ số này có thể áp dụng theo DHS, bao gồm một loạt các câu hỏi đo lường quá trình ra quyết định của phụ nữ có liên quan đến nhiều vấn đề gia đình. Có thể đo lường chỉ số này ở cấp độ dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình).</p>
			R1.2. Tỷ lệ phụ nữ và nam giới cho biết đã thực hành phân công vai trò trong gia đình một cách bình đẳng.	Phân công vai trò gia đình một cách công bằng theo giới được định nghĩa là sự tham gia của phụ nữ và nam giới vào các công việc gia đình, trong đó có nuôi dạy con cái, các việc vặt trong nhà và các công việc nhà khác. Ví dụ: khảo sát IMAGES có các câu hỏi về phân công lao động trong hộ gia đình và tham gia vào việc chăm sóc. Có thể đo lường ở cấp độ dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình).

Chiến lược	Tác động	Kết quả	Chỉ số	Hướng dẫn
			R1.3. Tỷ lệ phụ nữ từ 15 tuổi trở lên từng trải qua các hành vi kiểm soát từ bạn tình trong vòng 12 tháng qua	<p>Các hành vi kiểm soát từ bạn tình được công nhận rộng rãi là một hình thức BLPN có thể dự báo được về các hình thức IPV nghiêm trọng hơn. Các hành vi kiểm soát có thể bao gồm hạn chế khả năng di chuyển hoặc tiếp cận bạn bè và gia đình, cũng như bộc lộ cảm giác ghen tị hoặc thiếu lòng tin.</p> <p>DHS đo lường các hành vi kiểm soát từ vợ/chồng thông qua hợp phần về kiểm soát hôn nhân, trong đó có các mục khảo sát liên quan đến các loại kiểm soát sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghen tị hoặc tức giận nếu cô ấy nói chuyện với đàn ông khác - Thường xuyên buộc tội cô ấy là không chung thủy - Không cho phép cô ấy gặp gỡ bạn bè nữ của mình - Cố gắng hạn chế cô ấy tiếp xúc với gia đình - Nhất quyết luôn muốn biết cô ấy ở đâu - Không có lòng tin với việc cô ấy sử dụng tiền <p>Có thể đo lường chỉ số này ở cấp độ dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình).</p>
		R2. Xung đột giữa các cá nhân được giải quyết một cách hòa bình	R2.1. Tỷ lệ nam giới và phụ nữ cho biết họ đã giải quyết ba bất đồng gần đây nhất của mình theo cách không sử dụng bạo lực	<p>Giải quyết xung đột không sử dụng bạo lực bao gồm việc từ chối bạo lực thể xác và tình cảm như một phương tiện để giải quyết xung đột và chấp nhận giao tiếp tích cực, trong đó có đối thoại hòa bình, thấu cảm, lắng nghe, quản lý giận dữ, thương lượng, dàn xếp và hòa giải. Có nhiều các công cụ đã được sử dụng tại các quốc gia có thu nhập thấp và thu nhập trung bình để đo lường các biện pháp giải quyết xung đột không sử dụng bạo lực giữa các cặp đôi, trong đó có Thang đo chiến thuật giải quyết xung đột (Conflict Tactics Scales), tiểu thang đo giao tiếp trong công cụ Đánh giá hoạt động của cặp đôi (Couple Functionality Assessment tool), tiểu thang đo giao tiếp tích cực của Bảng hỏi các dạng thức giao tiếp (Communication Patterns Questionnaire), và tiểu thang đo giao tiếp tích cực lẫn nhau của Thang đo biện pháp giải quyết xung đột và giao tiếp (General Communication and Conflict Resolution Scale).</p>
		R3. Các cặp vợ chồng và gia đình tin tưởng và đề cao bình đẳng giới như một chuẩn mực và không chấp nhận bạo lực	R3.1. Tỷ lệ người đồng ý rằng việc chồng (đàn ông) đánh vợ (bạn tình) của mình có thể biện minh được trong ít nhất một hoàn cảnh, có phân tách theo giới tính và độ tuổi	<p>Thái độ chấp nhận hoặc biện minh cho BLPN có thể xảy ra khi mọi người tin rằng bạo lực là cách hợp pháp để giải quyết xung đột, để kỷ luật phụ nữ hoặc để giải quyết các mối quan hệ nhằm bảo vệ danh dự. Trong chiến lược này, 'mọi người' đề cập đến bạn tình và các thành viên khác trong gia đình.</p> <p>Chỉ số này là một chỉ số phổ biến được sử dụng trong các nghiên cứu dân số như WHO MCS và DHS, trong đó thường trình bày năm trường hợp: nếu phụ nữ đi ra ngoài mà không nói với chồng, nếu cô ấy bỏ bê con cái, nếu cô ấy tranh cãi với chồng, nếu cô ấy từ chối quan hệ tình dục với chồng mình, hoặc nếu cô ấy làm cháy thức ăn. Một số nghiên cứu cũng đo lường các trường hợp khác, chẳng hạn như nếu phụ nữ không chung thủy với chồng hoặc bạn tình của mình hoặc nếu cô ấy không vàng lời anh ta. Có thể đo lường chỉ số này ở cấp độ dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình).</p>
			R3.2. Tỷ lệ người có thái độ bình đẳng giới	<p>Thái độ bình đẳng giới đề cập đến thái độ về công bằng và bình đẳng trong các quyền, vai trò và trách nhiệm của nam giới và phụ nữ. Trong chiến lược này, 'mọi người' đề cập đến bạn tình và các thành viên khác trong gia đình.</p> <p>Một công cụ hữu ích để đo lường thái độ công bằng giới là Thang đo thái độ của nam giới đối với bình đẳng giới (GEM), đã được sử dụng trong nhiều bối cảnh quốc gia để đo lường nhận thức và thái độ của mọi người về vai trò và trách nhiệm của nam giới và phụ nữ.</p>

Chiến lược	Tác động	Kết quả	Chỉ số	Hướng dẫn
E Trao quyền cho phụ nữ.	BLPN giảm hoặc được xóa bỏ Phụ nữ đang thực hiện các quyền con người và đóng góp cho sự phát triển	E1. Bình đẳng giới và Tôn trọng phụ nữ được thực hiện trong các mối quan hệ bạn tình, gia đình và cộng đồng	E1.1. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15-49 tuổi tham gia (một mình hoặc cùng với chồng) vào việc ra quyết định trong gia đình	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R1.1
			E1.2. Tỷ lệ phụ nữ và nam giới cho biết đã thực hiện việc phân công các vai trò trong gia đình một cách bình đẳng giới	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R1.2
	E2. Phụ nữ và trẻ em gái có thể ra các quyết định tự chủ	E2.1. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái có thể tự ra quyết định về cuộc sống của chính mình, được phân tách theo độ tuổi	Quyền ra quyết định tự chủ, thường được dùng làm biến đại diện cho quyền tự quyết của phụ nữ, liên quan đến việc phụ nữ đưa ra quyết định về các hành động cá nhân của họ, trong đó có tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sử dụng các biện pháp tránh thai và di chuyển (thăm gia đình hoặc bạn bè) và khác với ra quyết định cho gia đình. Có thể đo lường chỉ số này bằng cách điều chỉnh các câu hỏi của DHS về quá trình ra quyết định của hộ gia đình (xem hướng dẫn về kết quả Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ra quyết định của hộ gia đình trong khuôn khổ chiến lược Mối quan hệ). Có thể sử dụng thêm các thước đo khác, chẳng hạn như đo lường việc phụ nữ đưa ra quyết định tự chủ về khả năng di chuyển của họ (ví dụ: bạn có được phép ra khỏi nhà để đi bộ đến thăm bạn bè/người thân trong làng của bạn không? Hoặc đi phương tiện công cộng để thăm bạn bè/người thân?).	
		E2.2. Tỷ lệ phụ nữ cho biết có quyền tự quyết	Các nghiên cứu gần đây về công tác trao quyền cho phụ nữ cho thấy rằng việc ra quyết định có thể là thước đo chưa đầy đủ về quyền tự quyết của phụ nữ và có thể đo lường trực tiếp quyền tự quyết của phụ nữ. Có thể định nghĩa quyền tự quyết là khả năng phụ nữ có thể xác định các mục đích và mục tiêu cuộc sống và khả năng thực hiện những điều đó, trong đó có việc đặt mục tiêu, nhận thức về khả năng và quyền kiểm soát (đôi khi được gọi là năng lực bản thân) và thực hiện các mục tiêu này. Có thể tìm thấy các ví dụ về công cụ được sử dụng để đo lường các khía cạnh này trong hướng dẫn "Đo lường quyền tự quyết của phụ nữ" do Ngân hàng Thế giới xây dựng.	
	E3. Phụ nữ tăng sự độc lập về tài chính	E3.1. Tỷ lệ phụ nữ cho biết mức độ độc lập tài chính đã tăng lên	Phụ nữ tiếp cận thu nhập và các nguồn lực kinh tế là một thước đo quan trọng về trao quyền, nhưng chưa đủ bởi vì phụ nữ có thể không kiểm soát được thu nhập họ kiếm được hoặc các nguồn lực mà họ có. Sự độc lập tài chính của phụ nữ bao gồm cả khả năng tiếp cận các nguồn lực kinh tế và quyền lực để hưởng lợi từ các hoạt động và nguồn lực kinh tế. Nguồn lực kinh tế có thể bao gồm kỹ năng (ví dụ: qua đào tạo nghề), vốn tài chính (ví dụ: vốn vay và tiết kiệm), vốn xã hội (ví dụ: các mạng lưới quan hệ xã hội) và vốn vật chất (ví dụ: công cụ, đất đai). Quyền lực để hưởng lợi từ các hoạt động kinh tế và nguồn lực có nghĩa là phụ nữ có thể đưa ra quyết định về và kiểm soát cách sử dụng và chi tiêu vốn tài chính. Có thể tìm được các hướng dẫn bổ sung về cách xây dựng các chỉ số và câu hỏi để đo lường sự độc lập tài chính và trao quyền kinh tế cho phụ nữ có thể được tìm thấy trong hướng dẫn do ICRW , Oxfam xây dựng và trong lộ trình này.	
E4. Phụ nữ tham gia vào đời sống công và đời sống chính trị	E4.1. Tỷ lệ phụ nữ đã phát biểu tại cuộc họp chính phủ trong vòng 6 tháng vừa qua	Cần điều chỉnh chỉ số này theo bản chất của chương trình và bối cảnh địa phương. Cần chỉ rõ các loại cuộc họp công nào cần bao gồm, khoảng thời gian (ví dụ: 6 tháng hoặc khoảng thời gian khác) và phụ nữ nào. Có thể đo lường chỉ số này ở cấp độ dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình).		

Chiến lược	Tác động	Kết quả	Chỉ số	Hướng dẫn
S Bảo đảm dịch vụ	BLPN giảm hoặc được xóa bỏ Các kết quả sức khỏe và phát triển được cải thiện trong hộ gia đình, cộng đồng và xã hội	S1. Cải thiện hoạt động ứng phó của các tổ chức trong lĩnh vực y tế, tư pháp, an ninh và xã hội	S1.1. Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ thực hiện các hoạt động ứng phó được cải thiện đối với người trải qua BLPN	Cần điều chỉnh chỉ số này và các cách tiếp cận đo lường cho phù hợp với bối cảnh của địa phương và chương trình, cũng như các cơ sở dịch vụ được nhắm mục tiêu. Việc cải thiện hoạt động ứng phó của các tổ chức có thể bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau, chẳng hạn như: phát triển và thực hiện các chính sách, thủ tục và quy trình để cải thiện mức độ ứng phó của các dịch vụ; phát triển, tạo điều kiện và lồng ghép đào tạo cho nhân viên dịch vụ về các khung hoạt động hoặc chương trình giảng dạy mang tính chuyển đổi giới; và xây dựng hệ thống chuyển tuyến toàn diện. Có thể tìm được một số ví dụ về các chỉ số phụ khả thi để cải thiện hoạt động ứng phó của các tổ chức, bao gồm từ các lĩnh vực dịch vụ khác nhau trong tài liệu Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái: Bản trích yếu các chỉ số giám sát và đánh giá.
		S2. Các tổ chức và nhà cung cấp dịch vụ tin tưởng và đề cao vấn đề bình đẳng giới như một chuẩn mực và không còn chấp nhận BLPN	S2.1. Tỷ lệ người đồng ý rằng việc chống (đàn ông) đánh vợ (bạn tình) của mình có thể biện minh được trong ít nhất một hoàn cảnh, có phân tách theo giới tính và độ tuổi	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R3.1 – trong chiến lược S “mọi người” để cập đến nhân viên của từng nhà cung cấp dịch vụ, được phân tách theo dịch vụ.
			S2.2. Tỷ lệ người có thái độ bình đẳng giới	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R3.2 – trong chiến lược S “mọi người” để cập đến nhân viên của từng nhà cung cấp dịch vụ, được phân tách theo dịch vụ.
			S2.3. Nhà cung cấp dịch vụ có chính sách nội bộ riêng về bình đẳng giới	Một cách để đo lường cam kết của tổ chức đối với bình đẳng giới là xem xét các chính sách, thủ tục và thực tiễn nội bộ của tổ chức liên quan đến giới. Chỉ số này là một ví dụ đơn giản, nhưng sẽ cần được phát triển thêm để xác định cụ thể các yếu tố tối thiểu của chính sách bình đẳng giới cho từng tổ chức cụ thể. Có thể kiện toàn chỉ số này hơn nữa bằng cách thực hiện kiểm toán giới hoặc đánh giá năng lực của tổ chức hoặc áp dụng một số danh sách kiểm sẵn có về hòa nhập giới/lồng ghép giới. Ví dụ, xem Công cụ đánh giá năng lực bình đẳng giới của UN Women hoặc Sổ tay hướng dẫn dành cho cán bộ hỗ trợ kiểm toán giới của ILO.
			S2.4. Nhà cung cấp dịch vụ có chính sách nội bộ riêng để giải quyết các khiếu nại nội bộ liên quan đến BLPN	Cách thức một tổ chức giải quyết các khiếu nại nội bộ về phân biệt đối xử giới, quấy rối tình dục và bạo lực trên cơ sở giới là chỉ số tốt về cam kết của tổ chức đó trong việc giải quyết BLPN. Có thể sử dụng chỉ số này hoặc chỉ số tương tự và sẽ cần phát triển thêm để xác định cụ thể các yếu tố tối thiểu trong chính sách nội bộ nhằm ngăn chặn và giải quyết BLPN trong tổ chức.
S3. Chất lượng và sự an toàn của các dịch vụ BLPN được cải thiện	S3.1. Tỷ lệ người trải qua BLPN cho biết đã có sự cải thiện về mức độ hài lòng đối với chất lượng và an toàn của các dịch vụ BLPN	Cần điều chỉnh chỉ số này cho phù hợp với bối cảnh của địa phương và chương trình, bao gồm cả loại hình cung cấp dịch vụ và các tiêu chuẩn tương ứng về chất lượng và an toàn. Chẳng hạn, các tiêu chuẩn có thể có đối với các dịch vụ chất lượng mà các chương trình có thể nhắm đến bao gồm khả năng tiếp cận, khả năng chi trả, tính sẵn có và kiến thức của nhân viên, cách đối xử với những người bị bạo lực và sự nhạy cảm trong việc xử lý các tình huống khó. Các tiêu chuẩn có thể có về an toàn trong các dịch vụ BLPN có thể bao gồm quyền riêng tư, bảo mật và giảm thiểu hơn nữa nguy cơ bạo lực. Một cách để đo lường sự hài lòng của nạn nhân đối với các dịch vụ, thường được sử dụng trong các can thiệp dịch vụ y tế, là thông qua các cuộc khảo sát về mức độ hài lòng của khách hàng hoặc các cuộc khảo sát khi kết thúc can thiệp, có thể bao gồm các mục khảo sát cụ thể cho các tiêu chuẩn hoặc trải nghiệm khác nhau liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. Có thể tìm thấy ví dụ về khảo sát khách hàng rời khỏi lĩnh vực y tế BLG trong		

Chiến lược	Tác động	Kết quả	Chỉ số	Hướng dẫn
				Cải thiện hoạt động ứng phó của lĩnh vực y tế đối với Bạo lực trên cơ sở giới: Sổ tay hướng dẫn nguồn lực cho các nhà chuyên môn trong chăm sóc sức khỏe tại các quốc gia đang phát triển
		S4. Cải thiện mức độ tiếp nhận các dịch vụ BLPN của người bị bạo lực	S4.1. Tỷ lệ người bị bạo lực cho biết có sử dụng các dịch vụ BLPNTEG (Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái)	Chỉ số này đo lường việc phụ nữ từng bị bạo lực sử dụng các dịch vụ BLPN chính thức. WHO MCS bao gồm các câu hỏi liên quan đến người bị bạo lực tìm kiếm hành vi trợ giúp, bao gồm cả các tổ chức và mạng lưới không chính thức (ví dụ: bạn bè, gia đình, hàng xóm, lãnh đạo cộng đồng hoặc tôn giáo) và các dịch vụ chính thức (ví dụ: cảnh sát, cơ sở y tế, dịch vụ pháp lý, tổ chức của phụ nữ). Đây là những câu hỏi dành cho những phụ nữ cho biết đã trải qua BLPN trong 12 tháng qua.
P Giảm nghèo	BLPN giảm hoặc được xóa bỏ Các kết quả sức khỏe và phát triển được cải thiện trong hộ gia đình, cộng đồng và xã hội	P1. Giảm nghèo hộ gia đình và tình trạng kinh tế bấp bênh	P1.1. Tỷ lệ phụ nữ và nam giới báo cáo về tình trạng thiếu an ninh lương thực, phân tách theo giới tính	Tình trạng mất an ninh lương thực hộ gia đình là thước đo đo lường đói nghèo hộ gia đình được sử dụng phổ biến và trong nhiều nghiên cứu đã phát hiện thấy có mối liên hệ chặt chẽ với việc phụ nữ trải nghiệm IPV và nam giới gây ra IPV. Có thể đo lường chỉ số này ở cấp độ dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình). Các công cụ được sử dụng để đo lường mức độ mất an ninh lương thực bao gồm Thang đo trải nghiệm về mất an ninh lương thực (Food Insecurity Experience Scale) và Thang đo khả năng tiếp cận tình trạng mất an ninh lương thực hộ gia đình (Household Food Insecurity Access Scale) .
			P1.2. Tổng tiêu dùng hộ gia đình	Tiêu dùng là thước đo quan trọng của đói nghèo hộ gia đình và có thể bao gồm chi tiêu cho thực phẩm, nhà cửa, điện/xăng dầu, các vật dụng gia đình, giao thông, giáo dục và các hàng hóa và dịch vụ khác. Các nguồn dữ liệu và công cụ tương ứng có thể được lấy từ các khảo sát chi tiêu quốc gia, cùng với các hướng dẫn bổ sung trong Hướng dẫn đo lường trao quyền cho phụ nữ và kết quả kinh tế trong các đánh giá tác động về các nhóm phụ nữ của Hiệp hội bằng chứng về các nhóm phụ nữ (ECWG)
			P1.3. Tỷ lệ phụ nữ và nam giới cho biết đã trải qua căng thẳng	Căng thẳng là một yếu tố quan trọng quyết định tình trạng sức khỏe tâm thần và sức khỏe tình cảm kém. Tổng quan lý thuyết cũng đã tài liệu hóa được mối liên hệ giữa nghèo đói và căng thẳng, cũng như mối quan hệ giữa căng thẳng và trải nghiệm bạo lực hoặc hành vi gây ra bạo lực. Chỉ số này đo lường trải nghiệm tự trình báo của phụ nữ và nam giới về các vấn đề căng thẳng chung. Một công cụ được sử dụng rộng rãi để đo lường căng thẳng là Thang đo căng thẳng cảm nhận (Perceived Stress Scale) (PSS), đã được sử dụng trong nhiều bối cảnh quốc gia và là thước đo mức độ các cá nhân cảm nhận các tình huống hiện tại trong cuộc sống của họ là căng thẳng.
		P2. Phụ nữ tăng cường kinh tế ổn định	P2.1. Tỷ lệ phụ nữ báo cáo về tình trạng kinh tế ổn định	Có thể định nghĩa an ninh kinh tế là khả năng tiếp cận các nhu cầu cơ bản và khoản thu nhập hoặc tiết kiệm ổn định. Có thể đo lường chỉ số này ở cấp độ dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình). Có thể tìm thấy tập hợp các công cụ để đo lường an ninh kinh tế và trao quyền trong tài liệu của Phòng nghiên cứu hành động nghèo Abdul Latif Jameel (J-PAL), Hướng dẫn thực tế cho công tác đo lường thực hiện mục tiêu trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái trong các đánh giá tác động . Cũng có thể tìm thấy các hướng dẫn bổ sung khác về đo lường trao quyền kinh tế cho phụ nữ trên trang web Trao quyền kinh tế cho phụ nữ: Lộ trình .
		P3. Phụ nữ tăng cường sự độc lập tài chính	P3.1. Tỷ lệ phụ nữ báo cáo đã có sự gia tăng về khả năng độc lập tài chính	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số E3.1

Chiến lược	Tác động	Kết quả	Chỉ số	Hướng dẫn
E Tạo môi trường an toàn	BLPN giảm hoặc được xóa bỏ BLTE giảm hoặc được xóa bỏ	EN1. Trường học, nơi làm việc, các tổ chức khác và không gian công cộng trở nên an toàn hơn cho phụ nữ và trẻ em gái	EN1.1. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái cho biết họ cảm thấy an toàn khi ở trường học, nơi làm việc và không gian công cộng, được phân tách theo giới tính và độ tuổi	Chỉ số này đo lường cảm giác an toàn của phụ nữ và trẻ em gái trong nhiều bối cảnh khác nhau, bao gồm trong trường học và các cơ sở giáo dục khác, nơi làm việc và không gian công cộng. Cảm thấy an toàn có nghĩa là không cảm thấy có nguy cơ bị bạo lực, quấy rối hoặc bóc lột. Các phép đo lường cho chỉ số này sẽ thay đổi tùy theo từng môi trường cụ thể. <u>Khảo sát toàn cầu về sức khỏe học sinh trong môi trường học đường (GSHS)</u> bao gồm các mục đo lường nhận thức của học sinh về sự an toàn tại trường học và trên đường đến trường. VACS bao gồm một tập hợp toàn diện các mục đo lường nhận thức và trải nghiệm của trẻ em và thanh thiếu niên về an toàn và bạo lực trong các môi trường khác nhau, bao gồm ở gia đình, cộng đồng và trường học.
		EN2. Cộng đồng và tổ chức tin tưởng và đề cao bình đẳng giới như một chuẩn mực và không còn chấp nhận BLPN/BLTE	EN2.1. Tỷ lệ người đồng ý rằng việc chống (đàn ông) đánh vợ (bạn tình) của mình có thể biện minh được trong ít nhất một hoàn cảnh, có phân tách theo giới tính và độ tuổi	<u>Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R3.1</u> – trong chiến lược EN, “mọi người” đề cập đến các thành viên trong cộng đồng, giáo viên, đồng nghiệp tại nơi làm việc và các nhà quản lý, cũng như các chủ thể có nghĩa vụ.
			EN2.2. Tỷ lệ người có thái độ bình đẳng giới	<u>Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R3.2</u> – trong chiến lược EN, “mọi người” đề cập đến các thành viên trong cộng đồng, giáo viên, đồng nghiệp tại nơi làm việc và các nhà quản lý, cũng như các chủ thể có nghĩa vụ.
			EN2.3. Tổ chức có chính sách nội bộ riêng về bình đẳng giới	<u>Xem hướng dẫn dành cho chỉ số S2.3</u>
			EN2.4. Tổ chức có quy trình thủ tục riêng để giải quyết các khiếu nại nội bộ liên quan đến BLPN	<u>Xem hướng dẫn dành cho chỉ số S2.4</u>
EN3. Khả năng tự chủ di chuyển của phụ nữ trong cộng đồng cũng như ngoài cộng đồng của mình được tăng cường	EN3.1. Số lần trung bình phụ nữ rời nhà trong tháng vừa qua a) để đi đâu đó trong cộng đồng của họ; b) đi đâu đó bên ngoài cộng đồng của họ	Khả năng di chuyển gia tăng của phụ nữ có thể cho thấy sự gia tăng về mức độ trao quyền, nhưng cũng có thể chỉ ra rằng phụ nữ cảm thấy tự tin và an toàn khi tiếp cận môi trường của họ. Chỉ số này đo lường mức độ di chuyển của phụ nữ trong tháng qua cả trong và ngoài cộng đồng của họ và là một thước đo quan trọng để đánh giá việc sử dụng môi trường của họ. Cần phân tích chỉ số này cùng với chỉ số EN1.1 để đảm bảo rằng phụ nữ cảm thấy an toàn khi di chuyển trong các không gian công cộng. Có thể hỏi các câu hỏi bổ sung, trong đó có câu hỏi bao nhiêu lần phụ nữ rời khỏi cộng đồng của họ trong tháng trước và liệu việc di chuyển là một mình hay đi cùng một ai khác.		

Chiến lược	Tác động	Kết quả	Chỉ số	Hướng dẫn
C Phòng ngừa xâm hại trẻ em và trẻ vị thành niên	BLPN giảm hoặc được xóa bỏ	C1. Cha mẹ và người chăm sóc tăng cường các phương pháp nuôi dạy con tích cực và tạo ra nhiều mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái mang tính chất nuôi dưỡng và hỗ trợ	C1.1. Tỷ lệ trẻ em gái và trẻ em trai từ 1-17 tuổi đã chịu bất kỳ hình thức kỷ luật nào không dùng bạo lực của người chăm sóc trong tháng vừa qua, phân tách theo giới tính và độ tuổi	Kết quả này liên kết với chỉ số Chỉ số SDG 16.2.1 và Kết quả 6 của INSPIRE, bao gồm ba lĩnh vực: biện pháp kỷ luật mang tính tích cực của người chăm sóc, mối quan hệ tích cực giữa cha mẹ và con cái và sự giám sát của cha mẹ/người giám hộ. Có thể đo lường chỉ số này ở cấp độ dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình). Có thể tìm được thêm các hướng dẫn về các công cụ có thể có cho chỉ số này trong Hướng dẫn chỉ số và Khung kết quả INSPIRE , bao gồm các câu hỏi mẫu, gồm các câu hỏi lấy từ MICS.
	BLTE giảm hoặc được xóa bỏ	C2. Gia đình, cộng đồng và tổ chức tin tưởng và đề cao bình đẳng giới như một chuẩn mực và không còn chấp nhận BLPN/BLTE	C2.1. Tỷ lệ người đồng ý rằng việc chống (đàn ông) đánh vợ (bạn tình) của mình có thể biện minh được trong ít nhất một hoàn cảnh, có phân tách theo giới tính và độ tuổi	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R3.1 – trong chiến lược C, “mọi người” để cập đến các thành viên trong gia đình, thành viên cộng đồng, giáo viên và các chủ thể có nghĩa vụ.
			C2.2. Tỷ lệ người có thái độ bình đẳng giới	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R3.2 – trong chiến lược C, “mọi người” để cập đến các thành viên trong gia đình, thành viên cộng đồng, giáo viên và các chủ thể có nghĩa vụ.
			C2.3. Trường học có chính sách nội bộ riêng về bình đẳng giới	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số S2.3
			C2.4. Trường học có quy trình riêng để giải quyết các khiếu nại nội bộ về BLPN	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số S2.4
	C3. Trẻ em gái và trẻ em trai được trao các cơ hội bình đẳng	C3.1. Tỷ lệ các bậc cha mẹ cho biết họ trao cơ hội bình đẳng cho con trai và con gái, phân tách theo giới tính	Việc cha mẹ cung cấp cơ hội bình đẳng cho con trai và con gái có thể bao gồm cho phép con cái tham gia giáo dục hoặc nhận các công việc an toàn, được trả lương công bằng, quyền được chọn kết hôn khi trưởng thành, bình đẳng giới trong việc phân công trách nhiệm gia đình và quyền tự do đi lại. Việc đo lường chỉ số phải được điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh địa phương và chương trình, bao gồm cả các loại cơ hội mà các can thiệp tìm cách giải quyết.	
	C4. Bình đẳng giới và Tôn trọng phụ nữ được thực hiện tại trường học, môi trường học tập và đồng lứa	C4.1. Số trường học, môi trường học tập và đồng lứa thực hiện bình đẳng giới và có các mối quan hệ mang tính Tôn trọng phụ nữ	Các chỉ số cho kết quả này sẽ cần được thực hiện cụ thể hơn theo bối cảnh xây dựng chương trình và các nhóm mục tiêu. Ví dụ: trường học và môi trường học tập thực hiện bình đẳng giới có thể liên quan đến việc giáo viên đối xử bình đẳng với trẻ em trai và trẻ em gái trong lớp học. Việc xây dựng các mối quan hệ mang tính Tôn trọng phụ nữ có thể bao gồm xây dựng các khuôn mẫu giá trị, sự Tôn trọng phụ nữ và quan tâm đến quyền của người khác.	
C5. Trường học và không gian công cộng trở nên an toàn hơn cho trẻ em trai và trẻ em gái	C5.1. Tỷ lệ trẻ em gái và trẻ em trai cho biết họ cảm thấy an toàn	Chỉ số này liên kết với Chỉ số kết quả INSPIRE 9.2, tập trung vào sự an toàn của trẻ tại trường học hoặc trên đường đến trường và mở rộng chỉ số này để bao gồm cả an toàn của trẻ tại các địa điểm khác, trong đó có các không gian công cộng. Có thể đo lường chỉ số này ở cấp độ dân số (ví dụ: trong một khu vực địa lý) hoặc ở cấp độ chương trình (ví dụ: đối với người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình).		

Chiến lược	Tác động	Kết quả	Chỉ số	Hướng dẫn
			tại trường học và không gian công cộng, phân tách theo giới và độ tuổi	Khảo sát toàn cầu về sức khỏe học sinh trong môi trường học đường (GSHS) bao gồm các mục đo lường nhận thức của học sinh về sự an toàn tại trường học và trên đường đến trường. VACS bao gồm một tập hợp toàn diện các mục đo lường nhận thức và trải nghiệm của trẻ em về an toàn và bạo lực trong các môi trường khác nhau, bao gồm ở gia đình, cộng đồng và trường học.
		C6. Các nhà giáo dục sử dụng các hình thức kỷ luật mang tính tích cực và không bạo lực	C6.1. Tỷ lệ các nhà giáo dục báo cáo sử dụng các hình thức kỷ luật thay thế, không bạo lực trong ba lần gần đây nhất	Các nhà giáo dục có thể bao gồm giáo viên và các nhân viên giáo dục khác trong trường học hoặc các môi trường học tập khác, trong đó có câu lạc bộ thanh thiếu niên, trung tâm cộng đồng hoặc bất kỳ không gian nào khác nơi trẻ em và thanh niên tham gia học tập (cho dù họ tham gia tại trường hay ngoài trường). Các hình thức kỷ luật không bạo lực bao gồm từ chối trừng phạt thể xác, trong đó có bạo lực thể xác và tinh thần, và áp dụng các phương pháp kỷ luật thay thế, chẳng hạn như giao thêm bài tập về nhà hoặc nhiệm vụ học tập khác, yêu cầu trẻ xin lỗi trước lớp/nhóm hoặc yêu cầu phụ huynh đến để thảo luận hành vi yếu kém của trẻ. Có thể đo lường chỉ số này bằng cách yêu cầu các nhà giáo dục cho biết họ đã sử dụng phương pháp nào trong ba lần gần đây nhất mà họ kỷ luật trẻ, với câu trả lời gồm nhiều phương án chọn lựa gồm cả phương pháp kỷ luật bạo lực và không bạo lực.
T Thay đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực	BLPN giảm hoặc được xóa bỏ	T1. Gia đình, cộng đồng và tổ chức tin tưởng và đề cao bình đẳng giới như một chuẩn mực và không còn chấp nhận BLPN	T1.1. Tỷ lệ người đồng ý rằng việc chống (đàn ông) đánh vợ (bạn tình) của mình có thể biện minh được trong ít nhất một hoàn cảnh, có phân tách theo giới tính và độ tuổi	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R3.1 – trong chiến lược T, “mọi người” để cập đến thành viên gia đình, thành viên cộng đồng và các chủ thể có nghĩa vụ khác.
			T1.2. Tỷ lệ người có thái độ bình đẳng giới	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R3.2 – trong chiến lược T, “mọi người” để cập đến thành viên gia đình, thành viên cộng đồng và các chủ thể có nghĩa vụ khác.
			T1.3. Tỷ lệ người tin rằng người khác trong cộng đồng sẽ phản ứng theo cách X nếu phụ nữ hoặc đàn ông làm X	Chuẩn mực xã hội là các quy tắc ứng xử được một nhóm dân số hoặc một nhóm chia sẻ và bao gồm niềm tin về những gì người khác làm và những gì một người được mong đợi phải làm. Hiểu được các chuẩn mực xã hội đòi hỏi phải có cách tiếp cận phân tích để nắm bắt nội dung của chuẩn mực xã hội cụ thể là gì, nhóm tham chiếu là ai đối với từng chuẩn mực đó, các biện pháp trừng phạt xã hội (tích cực hoặc tiêu cực) ngăn cản các cá nhân thay đổi hành vi của họ và liệu có bất kỳ ngoại lệ nào đối với các quy tắc ứng xử (ví dụ: tình huống trong đó có thể chấp nhận việc phá vỡ quy tắc). Việc tiến hành một phân tích như vậy đòi hỏi phải đo lường các yếu tố khác nhau của chuẩn mực xã hội này (tức là các nhóm tham chiếu, các biện pháp trừng phạt, các trường hợp ngoại lệ), nội dung này sẽ yêu cầu nhiều chỉ số khác nhau. Chỉ số này là một ví dụ có thể được sử dụng để đo lường các biện pháp trừng phạt xã hội và cách người khác trong cộng đồng sẽ phản ứng với một hành vi cụ thể. Các hành vi và phản ứng (X) sẽ cần được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh chương trình và sự thay đổi mong muốn. Ví dụ: nếu mục tiêu của chương trình là chuyển đổi các chuẩn mực xung quanh quan niệm cho rằng bạo lực gia đình là vấn đề riêng tư của gia đình mà người khác không nên can thiệp, thì một chỉ số thích hợp có thể là: Tỷ lệ người tin rằng những người khác trong cộng đồng sẽ can thiệp nếu một người đàn ông gây ra IPV. Có nhiều công cụ có thể sử dụng để tiến hành phân tích chuẩn mực xã hội, bao gồm Kế hoạch phân tích chuẩn mực xã hội (SNAP) của CARE và Công cụ tìm hiểu chuẩn mực xã hội của Cộng tác viên học tập (SNET). Có thể tìm thấy các công cụ này và các nguồn khác về đo lường chuẩn mực xã hội trên trang web Thúc đẩy học tập và sáng kiến đổi mới về chuẩn mực giới (ALIGN).

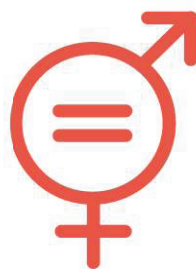
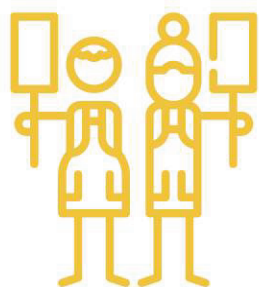
Chiến lược	Tác động	Kết quả	Chỉ số	Hướng dẫn
		T2. Bình đẳng giới và Tôn trọng phụ nữ được thực hiện trong các mối quan hệ bạn tình, gia đình và cộng đồng	T2.1. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15-49 tuổi hiện đang có bạn tình tham gia (một mình hoặc cùng bạn tình) vào việc ra quyết định trong gia đình	Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R1.1
	T2.2. Tỷ lệ phụ nữ và nam giới cho biết đã thực hiện phân công vai trò gia đình một cách bình đẳng giới		Xem hướng dẫn dành cho chỉ số R1.2	
	T2.3. Tỷ lệ phụ nữ nói rằng các thành viên cộng đồng khác đã hỏi ý kiến của họ về các vấn đề quan trọng		Chỉ số này đo lường sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ra quyết định của cộng đồng và có thể minh họa sự thay đổi trong các chuẩn mực cộng đồng xung quanh nội dung giá trị của phụ nữ, ý kiến của phụ nữ và sự đóng góp của họ vào các vấn đề cộng đồng. Một câu hỏi khảo sát có thể hỏi phụ nữ xem các thành viên cộng đồng có hỏi ý kiến của họ hay không, kèm theo các câu hỏi tiếp theo về những ý kiến được tìm kiếm/về vấn đề gì.	

Chú thích

1. Nguồn bao gồm: Programming Essentials, Monitoring & Evaluation. UNWOMEN Virtual Knowledge Centre to End Violence against Women and Girls; DFID (2012) How to Note: Guidance on Monitoring and Evaluation for Programming on Violence against Women and Girls. CHASE Guidance Note Series; Programming Essentials, Monitoring & Evaluation; USAID (2014) Toolkit for Monitoring and Evaluating Gender-Based Violence Interventions Along the Relief to Development Continuum. United States Agency for International Development.
2. Programming Essentials, Monitoring & Evaluation. UNWOMEN Virtual Knowledge Centre to End Violence against Women and Girls; Ellsberg, M. & Heise, L. (2005) Researching Violence Against Women: A Practical Guide for Researchers and Activists. World Health Organization, PATH; Global Women's Institute (2019) Participatory Monitoring and Evaluation (GS&DG) of Gender Based Violence Programs. SVRI Pre-Conference Workshop October 2019, The Global Women's Institute, The George Washington University; DFID (2012) How to Note: Guidance on Monitoring and Evaluation for Programming on Violence against Women and Girls. CHASE Guidance Note Series.
3. Hướng dẫn cụ thể hơn: Global Women's Institute (2019) Participatory Monitoring and Evaluation (GS&DG) of Gender Based Violence Programs. SVRI Pre-Conference Workshop October 2019, The Global Women's Institute, George Washington University.
4. García-Moreno, C., Jansen, HAFM., Ellsberg, M., Heise, L. & Watts, C. (2005) WHO multi-country study on women's health and domestic violence against women: initial results on prevalence, health outcomes and women's responses. Geneva: World Health Organization.
5. https://dhsprogram.com/pubs/pdf/DHSQMP/DHS6_Module_Domestic_Violence_6Aug2014_DHSQMP.pdf
6. https://www.unicef.org/statistics/index_24302.html
7. <https://promundoglobal.org/programs/international-men-and-gender-equality-survey-images/>
8. Fulu, E., Jewkes, R., Roselli, T., García-Moreno, C. (2013) [Prevalence of and factors associated with male perpetration of intimate partner violence: findings from the UN Multi-country Cross-sectional Study on Men and Violence in Asia and the Pacific](#). Lancet Global Health, 1(4): e208-e218.
9. <https://www.cdc.gov/violenceprevention/childabuseandneglect/vacs/index.html>
10. Tình trạng khuyết tật thường được đo bằng [Washington Group Short Set of Disability \(WG-SS\) \[Bộ Câu Hỏi Ngắn của Washington Group về Tình Trạng Khuyết Tật\]](#), là một bộ sáu câu hỏi đo lường tình trạng khuyết tật chức năng có thể được sử dụng trong các cuộc điều tra dân số. Có một số hạn chế trong việc sử dụng bộ câu hỏi ngắn, có thể không nắm bắt được tất cả các dạng khó khăn trong hoạt động. Nếu cần dữ liệu toàn diện hơn về tình trạng khuyết tật, có thể sử dụng [Washington Group Extended Set on Functioning \(WG ES-F\) \[Bộ Mở rộng của Washington Group về Chức năng\]](#). Washington Group hợp tác với UNICEF cũng đã phát triển Bộ câu hỏi về chức năng cho trẻ em, để sử dụng với trẻ em từ 2-17 tuổi.
11. Có một loạt các công cụ khác nhau được sử dụng để đo lường thái độ của giới. Một số cuộc khảo sát, bao gồm cả từ IMAGES, lấy từ [Gender Equitable Mens \(GEM\) Scale \[Thang đo Nam giới và bình đẳng giới\]](#). [Gender Equity Scale \[Thang đo Bình đẳng giới\]](#) cũng đã được sử dụng trong nhiều bối cảnh khác nhau. DHS đo lường khả năng chấp nhận hoặc biện minh cho việc đánh vợ trong năm trường hợp khác nhau, bao gồm nếu người vợ làm cháy thức ăn, tranh cãi với chồng, đi ra ngoài mà không nói với chồng, bỏ bê con cái và từ chối quan hệ tình dục với chồng. Công cụ DHS này đã được điều chỉnh trong nhiều nghiên cứu khác nhau để đo lường các trường hợp bổ sung liên quan đến môi trường; chẳng hạn, nếu một người vợ không chung thủy với chồng mình.
12. [DHS Domestic Violence Module \[Mô-đun Bạo lực Gia đình của DHS\]](#) chứa các câu hỏi khảo sát đánh giá hành vi tìm kiếm sự trợ giúp của nạn nhân, bao gồm cả những người mà họ đã tìm kiếm sự trợ giúp sau khi trải qua bạo lực và những câu hỏi này có thể được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh văn hóa.
13. Một công cụ đã được sử dụng để đo lường mức độ tiêu thụ, lạm dụng và phụ thuộc vào rượu, bao gồm cả trong các nghiên cứu BLPN ở các nước có thu nhập thấp và trung bình là [Alcohol Use Disorders Identification Test \(AUDIT\) \[Bài kiểm tra Nhận dạng Rối loạn Sử dụng Rượu\]](#).
14. Có một số công cụ khác nhau được sử dụng để đo các triệu chứng của bệnh trầm cảm hoặc các loại bệnh tâm thần khác, bao gồm cả chứng lo âu và rối loạn căng thẳng sau chấn thương. Một thang đo phổ biến để đo các triệu chứng trầm cảm ở người lớn, đã được sử dụng và tiêu chuẩn hóa ở nhiều bối cảnh khác nhau, là thang đo được cập nhật của [Center for Epidemiologic Studies Depression Scale \(CESD-R\)](#). Đối với trẻ em, các biện pháp đo lường các triệu chứng trầm cảm thường được sử dụng bao gồm Center for Epidemiologic Studies Depression Scale for Children (CES-DC), được chứng minh là đáng tin cậy đối với thanh thiếu niên nhưng không đáng tin cậy đối với trẻ nhỏ và ấn bản thứ hai của [Children's Depression Inventory \[Kiểm kê bệnh trầm cảm ở trẻ em\] \(CDI-2\)](#).
15. Có một loạt các công cụ được sử dụng để đo lường mức độ gây ra bạo lực và chúng thường được điều chỉnh từ các công cụ được sử dụng để đo lường trải nghiệm bạo lực và được diễn đạt bằng giọng câu chủ động. Ví dụ: [UN MCS](#) đã điều chỉnh bộ câu hỏi của WHO MCS về trải nghiệm bạo lực do bạn tình (IPV) và bạo lực tình dục không phải do bạn tình (NPSV) gây ra để đo lường mức độ lâu dài của IPV và NPSV. Bộ câu hỏi được điều chỉnh này sau đó đã được sử dụng trong các nghiên cứu khác, bao gồm cả trong Chương trình Toàn cầu ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

16. [MICS Child Discipline Module \[Môđun Kỷ luật Trẻ em MICS\]](#), được điều chỉnh từ Thang đo Chiến thuật Xung đột giữa Cha mẹ-Con cái, bao gồm một tập hợp các câu hỏi được đặt ra cho cha mẹ và người chăm sóc về các thực hành và thái độ liên quan đến kỷ luật của cha mẹ đối với con cái. Bộ VACS cũng bao gồm một bộ câu hỏi về trải nghiệm trừng phạt thân thể của trẻ em và thanh thiếu niên, đây có thể là một biện pháp đáng tin cậy hơn là hỏi người chăm sóc.
17. Các công cụ đo lường thái độ đối với nạn nhân bạo lực gia đình có thể đo lường một loạt các loại thái độ khác nhau, bao gồm hiểu lầm thường thấy về hiếp dâm và kỳ vọng về khả năng chịu đựng của phụ nữ đối với bạo lực do chồng/bạn tình gây ra. Ví dụ: một dạng ngắn của [Illinois Rape Myth Acceptance Scale \[Thang đo Sự chấp thuận những lời đồn thổi về hiếp dâm Illinois\]](#) đã được sử dụng và điều chỉnh trong các bối cảnh văn hóa khác nhau để đo lường sự đồng ý của người tham gia với huyền thoại hiếp dâm liên quan đến những người sống sót sau bạo lực.
18. Mặc dù việc đo lường quan điểm và thái độ giới của cá nhân liên quan đến bạo lực gia đình là một yếu tố quan trọng của việc giám sát và đánh giá bạo lực gia đình, một số can thiệp cũng có thể quan tâm đến việc đo lường nhận thức về thái độ của những người khác trong cộng đồng để hiểu các chuẩn mực xã hội. Điều này đã được thực hiện theo một số cách. Ví dụ, trong Hoạt động ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái trên toàn cầu có hiệu quả các nghiên cứu được rút ra từ các công cụ như Thang đo GEM hoặc Thang đo bình đẳng giới và các câu hỏi điều chỉnh để đo lường nhận thức của cộng đồng về bình đẳng giới và bạo lực gia đình. Nếu các can thiệp về BLPN tập trung đặc biệt vào sự thay đổi các chuẩn mực xã hội, thì có thể cần thu thập dữ liệu toàn diện hơn về thái độ của từng cá nhân và nhận thức về thái độ của cộng đồng, bao gồm các nhóm tham chiếu quan trọng về các chuẩn mực xã hội và các biện pháp trừng phạt hoặc hậu quả của việc từ chối hoặc xác nhận các chuẩn mực. Để biết hướng dẫn về các công cụ hiện có khác nhau để đo lường các chuẩn mực xã hội, hãy xem Samman, E. (2019) [Quantitative measurement of gendered social norms](#). Advancing Learning and Innovation on Gender Norms (ALIGN).
19. Xem ví dụ: Stern, E., Heise, L. & McLean, L. (2018) [The doing and undoing of male household decision-making and economic authority in Rwanda and its implications for gender transformative programming](#). Culture, Health and Sexuality 20(19); Ellsberg, M. & Heise, L. (2005) *Researching Violence Against Women: A Practical Guide for Researchers and Activists*. World Health Organization, PATH.
20. https://www.who.int/immunization/hpv/deliver/nine_steps_for_developing_a_scalingup_strategy_who_2010.pdf
21. Goldmann, L., Lundgren, R., Welbourn, A. et al. (2019) [On the CUSP: the politics and prospects of scaling social norms change programming](#). Sexual and Reproductive Health Matters, 27(2): 51-63.
22. Thiết kế và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và giám sát và đánh giá với các nhóm dân số hoặc người tham gia cụ thể cần giải quyết các thách thức bổ sung về đạo đức và an toàn đối với những thách thức được nêu trong tám nguyên tắc của WHO. Ví dụ, thực hiện nghiên cứu với các thủ phạm bạo lực, cho dù đó là nam giới hay phụ nữ, đều làm nảy sinh những rủi ro cụ thể cần được giải quyết và lập kế hoạch. Ví dụ, xem Jewkes, R., Dartnall, E. & Sikweyiya, Y. (2012). *Ethical and Safety Recommendations for Research on the Perpetration of Sexual Violence*. Sexual Violence Research Initiative. Pretoria, South Africa, Medical Research Council.
23. WHO (2001) *Putting Women First: Ethical and Safety Recommendations for Research on Domestic Violence Against Women*. Geneva: World Health Organization; WHO (2016) *Ethical and safety recommendations for intervention research on violence against women. Building on lessons from the WHO publication Putting women first: ethical and safety recommendations for research on domestic violence against women*. Geneva: World Health Organization.
24. Hướng dẫn được xây dựng dựa trên tài liệu [Khung Chỉ số và Kết quả INSPIRE](#) (2018) của UNICEF, bao gồm một chương về đạo đức và an toàn khi thực hiện nghiên cứu và giám sát và đánh giá với trẻ em.
25. Không có sự đồng thuận về vấn đề này. Một số người ủng hộ quyền trẻ em cho rằng sẽ an toàn và thể hiện sự tôn trọng với trẻ em hơn nếu cho phép một đứa trẻ quyết định tham gia mà không cần sự đồng ý của cha mẹ. Các nhà nghiên cứu và nhân viên lập chương trình nên cân nhắc và đánh giá xem liệu có những trường hợp cụ thể thích hợp để phỏng vấn trẻ em mà không cần sự đồng ý của cha mẹ miễn là việc này có thể được thực hiện một cách an toàn. Ví dụ, điều này có thể xảy ra trong trường hợp trẻ em đã kết hôn, hoặc trong số trẻ em ly thân / sống lang thang, trẻ em bán dâm hoặc khi cha mẹ biết về nghiên cứu sẽ làm tăng nguy cơ bị lạm dụng.
26. Gibbs, A., Dunkle, K. & Jewkes, R. (2018) Emotional and economic intimate partner violence as key drivers of depression and suicidal ideation: A cross-sectional study among young women in informal settlements in South Africa. PLOS ONE, <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0194885>.
27. Jewkes, R., Nduna, M., Levin J., Jama, N., Dunkle, K., Khuzwayo, N. et al. (2006) A cluster randomized-controlled trial to determine the effectiveness of Stepping Stones in preventing HIV infections and promoting safer sexual behaviour amongst youth in the rural Eastern Cape, South Africa: trial design, methods and baseline findings. *Trop Med Int Health*. 2006;11 (1):3-16.
28. Donald, A., Koolwal, G., Annan, J., Falb, K. & Goldstein, M. (2020) [Measuring women's agency](#). Feminist Economics, <https://doi.org/10.1080/13545701.2019.1683757>.

TÔN TRỌNG PHỤ NỮ



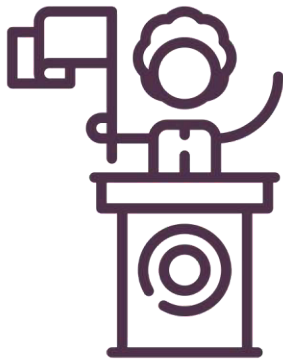
**Tăng cường Môi trường thuận lợi cho công
tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ**

Tăng cường môi trường thuận lợi cho công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ

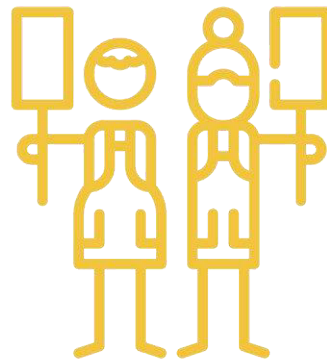
Tổng quan

Bạo lực đối với phụ nữ (BLPN) bắt nguồn từ mối quan hệ bất bình đẳng về quyền lực giữa nam giới và phụ nữ. Những bất bình đẳng giới này được tạo ra và củng cố thông qua các chuẩn mực xã hội, phong tục tập quán và cấu trúc mang tính phân biệt đối xử trong gia đình, cộng đồng, tại nơi làm việc, tại các cơ quan nhà nước và khu vực ngoài nhà nước. Bất bình đẳng giới cũng diễn ra đồng thời và đan xen với các hình thức bạo lực và phân biệt đối xử khác dựa trên các đặc điểm bản dạng khác như chủng tộc, dân tộc, xu hướng tính dục, tình trạng không khuyết tật/khuyết tật và tình trạng công dân hay nhập cư.

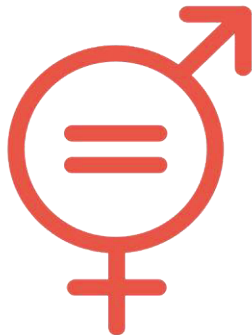
Để phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, điều quan trọng là phải giải quyết các vấn đề mang tính hệ thống trong môi trường rộng lớn hơn, môi trường có thể nuôi dưỡng hoặc hạn chế bạo lực. Tài liệu này hướng dẫn cách các nhà hoạch định chính sách quốc gia và các đối tác tài trợ có thể thúc đẩy tạo môi trường thuận lợi cho công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ theo bốn chiến lược chính như sau:



XÂY DỰNG CAM KẾT CHÍNH TRỊ



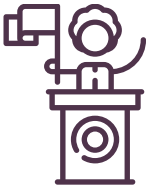
ĐẦU TƯ VÀO CÁC TỔ CHỨC CỦA PHỤ NỮ



THỰC THI LUẬT PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH



PHÂN BỐ NGUỒN LỰC ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ



XÂY DỰNG CAM KẾT CHÍNH TRỊ

Kết quả đầu ra: Các nhà lãnh đạo và hoạch định chính sách cam kết lên tiếng và lên án hành vi bạo lực đối với phụ nữ.

Mục đích: Các nhà lãnh đạo và hoạch định chính sách ở các cấp khác nhau - đặc biệt là các nhà lãnh đạo quốc gia, địa phương và cộng đồng - lên tiếng và lên án bất bình đẳng giới và bạo lực đối với phụ nữ, đồng thời có hành động phối hợp nhằm phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ.

Cơ sở lý luận: Xây dựng cam kết chính trị nhằm phòng ngừa và ứng phó với bất bình đẳng giới và bạo lực đối với phụ nữ là trọng tâm thực hiện của Khung chiến lược RESPECT. Ví dụ, có được sự ủng hộ và hỗ trợ của các nhà lãnh đạo và nhà hoạch định chính sách cấp quốc gia và địa phương có thể giúp đảm bảo rằng bạo lực do bạo tình gây ra được coi là hành vi vi phạm quyền con người và là một vấn đề xã hội được công chúng quan tâm chứ không phải là một vấn đề riêng tư. Sự hỗ trợ và ủng hộ này cũng rất quan trọng để giải quyết các khía cạnh liên quan đến trao quyền cho phụ nữ như giáo dục, quyền tài sản và thúc đẩy vai trò lãnh đạo. Các nhà lãnh đạo và hoạch định chính sách có thể làm nổi bật, thu hút sự chú ý và tạo động lực cho các vấn đề bình đẳng giới và bạo lực đối với phụ nữ, đồng thời có thể khuyến khích các chủ thể khác hỗ trợ và hành động vì vấn đề này.

Cam kết chính trị cũng là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy thay đổi mang tính hệ thống trong việc phòng ngừa và ứng phó với BLPN, yêu cầu phải xây dựng và thực thi các luật, chính sách hoặc kế hoạch hành động quốc gia, cũng như phân bổ nguồn lực đảm bảo bền vững về tài chính cho các hoạt động phòng ngừa và ứng phó với BLPN.

Các nhà lãnh đạo chính trị, cùng với các nhà lãnh đạo có tầm ảnh hưởng và những người có tầm ảnh hưởng trong cộng đồng, cũng có thể đóng một vai trò quan trọng trong quá trình thay đổi các chuẩn mực xã hội xung quanh vấn đề BLPN thông qua việc lên tiếng và lên án sự phân biệt đối xử và bạo lực¹.

Nghiên cứu trường hợp điển hình: Fiji

Chính phủ Fiji là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới xây dựng chiến lược quốc gia toàn diện, tổng hợp nỗ lực của các bộ, ngành, cơ quan của chính phủ nhằm phòng ngừa bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái. Chiến lược 5 năm (2020-2025) có cam kết cấp cao, với ngân sách để triển khai hoạt động đầy đủ. Sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên bằng chứng, chiến lược này sẽ đề ra các biện pháp ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm phòng ngừa bạo lực với PN.

Một số lưu ý chính dành cho các nhà hoạch định chính sách: Những lưu ý chính sau đây có thể giúp định hướng hoạt động để xây dựng cam kết chính trị giữa các nhà lãnh đạo có ảnh hưởng và các nhà hoạch định chính sách khác.

Lưu ý chính	Nội dung
Thu hút sự tham gia của các nhà lãnh đạo quốc gia, địa phương và cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> Hướng đến các nhà lãnh đạo và các nhà hoạch định chính sách quan trọng có tầm ảnh hưởng ở tất cả các cấp - cấp quốc gia, cấp địa phương và cấp cộng đồng. Bằng chứng cho thấy rằng việc thu hút sự tham gia của các cơ cấu lãnh đạo cộng đồng chính thức và không chính thức (bao gồm cả các nhà lãnh đạo được bầu, truyền thống và tôn giáo) trong các cộng đồng tại khu vực nông thôn là đặc biệt quan trọng².
Lập luận về đạo đức và kinh tế để hành động	<ul style="list-style-type: none"> Làm việc với các chuyên gia địa phương để nâng cao nhận thức của các nhà lãnh đạo và các nhà hoạch định chính sách về quy mô và nguyên nhân của BLPN trong bối cảnh quốc gia và địa phương, bao gồm bằng chứng về những tác động xã hội và kinh tế tiêu cực đối với phụ nữ, trẻ em, gia đình và cộng đồng và nền kinh tế quốc dân và điều này có liên quan như thế nào với cơ sở bằng chứng toàn cầu³. Lập luận cả về lĩnh vực đạo đức và kinh tế: bình đẳng giới và BLPN là sự vi phạm quyền con người và cũng là rào cản đối với hạnh phúc gia đình và sự phát triển kinh tế. Hướng lập luận này đến công chúng và những người đi đầu trong lĩnh vực phòng ngừa BLPN, những người sẽ truyền tải những thông điệp này.

Nghiên cứu trường hợp: Sierra Leone

Tại Sierra Leone, các tổ chức xã hội đã sử dụng một số trường hợp bạo lực tình dục nghiêm trọng cùng với các số liệu thể hiện sự gia tăng mạnh của các vụ tấn công tình dục trong năm trước đó để tạo áp lực khiến Chính phủ phải hành động. Nổi bật trong chuỗi hoạt động này là chiến dịch vận động do Đệ nhất phu nhân dẫn đầu và vào tháng 2/2019, Tổng thống đã tuyên bố Tình trạng khẩn cấp liên quan đến BLPN, cho phép chính phủ ban hành các quy định mới ngay lập tức, bao gồm các quy định mới hỗ trợ người bị bạo lực và các hình phạt nghiêm khắc hơn đối với người gây bạo lực.

Tình trạng Khẩn cấp cho phép Chính phủ hành động nhanh, tập trung sự chú ý của quốc gia vào vấn đề bạo lực tình dục và các vụ việc được đưa ra xét xử nhanh chóng. Nhưng cũng có nhiều phản ứng khác nhau và có nghi vấn về tính hợp pháp của việc sử dụng các biện pháp khẩn cấp để tạo ra những thay đổi lập pháp. Đáp lại, Chính phủ đã bãi bỏ Tình trạng Khẩn cấp vào tháng 6/2019, đồng thời đệ trình các thay đổi lên quốc hội và được thông qua vào tháng 9/2019 thông qua sửa đổi Luật xử lý các hành vi xâm hại tình dục 2012. Những thay đổi bao gồm tăng mức án tối thiểu cho tội hiếp dâm và những quy định cho các tội mới, chẳng hạn như người có thẩm quyền có hành vi gạ gẫm (ví dụ: giáo viên).

Nguồn: Martin, L.S. and Koroma (2020) Sierra Leone declared a state of emergency over sexual violence. African Arguments.

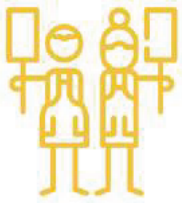
Tài liệu tham khảo:

'Feminist mobilisation and progressive policy change: why governments take action to combat violence against women', Weldon, S.L. and Htun, M. in *Gender & Development* 21 (2). 2012 Phân tích đột phá này về BLPN ở 70 quốc gia từ năm 1985 đến 2005 cho thấy rằng yếu tố nhất quán và quan trọng nhất thúc đẩy sự thay đổi chính sách là hoạt động vì nữ quyền.

'Economic and Social Costs of Violence: Evidence Brief' What Works to Prevent VAWG Programme. 2020. Bản tóm tắt bằng chứng này cung cấp một công cụ hữu ích để đối thoại với các nhà lãnh đạo chính trị và các nhà hoạch định chính sách. Bản tóm tắt trình bày những phát hiện chính về tác động của BLPN đối với các nền kinh tế quốc dân và xã hội ở Pakistan, Ghana và Nam Sudan.

'Estimating Macroeconomic Loss Due to Violence Against Women and Girls: A Policy Toolkit.' Raghavendra, S., Kim, K., Ashe, S., Chadha, M., Piironen, P.T. and Duvvury, N. Galway: NUI Galway. 2019. Bộ công cụ chính sách này cung cấp hướng dẫn đơn giản để dự toán cả chi phí trực tiếp và gián tiếp do BLPN gây ra. Bộ công cụ cũng hướng dẫn cách xác định rõ ràng các chi phí đối với tăng trưởng kinh tế bằng cách dự toán thiệt hại mà bạo lực gây ra đối với tăng trưởng.

Global Scoping of Advocacy and Funding for the Prevention of Violence Against Women and Girls. The Equality Institute (2019). Tài liệu này trình bày tổng quan về các mô hình tài trợ và các nhà tài trợ cho chương trình phòng ngừa bạo lực gia đình từ 2012-2017, các bài học kinh nghiệm, cơ hội, khoảng cách và các khuyến nghị về vận động và tài trợ.



ĐẦU TƯ VÀO CÁC TỔ CHỨC CỦA PHỤ NỮ

Kết quả đầu ra: Đầu tư, xây dựng chương trình dựa vào hoạt động, nguồn lực của tổ chức phụ nữ và hỗ trợ dành cho những tổ chức này.

Mục đích: Các tổ chức và phong trào vì quyền của phụ nữ có nguồn lực, năng lực và môi trường để vận động cho bình đẳng giới, thực hiện các chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực sáng tạo và hiệu quả, đồng thời yêu cầu các cơ quan, tổ chức nhà nước và khu vực ngoài nhà nước phải có trách nhiệm đối với phụ nữ.

Cơ sở lý luận: Các tổ chức vì quyền của phụ nữ luôn đi đầu trong việc hỗ trợ người bị bạo lực và đã tiên phong trong các mô hình hiệu quả nhằm phòng ngừa và ứng phó với BLPN. Hoạt động của các tổ chức này gồm có: thiết kế các chiến lược huy động cộng đồng nhằm giảm mức độ bạo lực; vận động cho các hệ thống chuyển tuyến tốt hơn và các dịch vụ chính thức (ví dụ: đồn cảnh sát dành cho phụ nữ, tòa án gia đình); cung cấp các dịch vụ không chính thức (ví dụ: nơi tạm lánh, hỗ trợ tâm lý xã hội) và đồng hành trực tiếp với người bị bạo lực để họ có thể tiếp cận các dịch vụ mà họ cần; đồng thời đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ để theo dõi tình trạng BLPN và hỗ trợ sự an toàn của phụ nữ¹¹. Các tổ chức vì quyền của phụ nữ tạo môi trường để phụ nữ cùng nhau hành động nhằm vận động cho sự thay đổi xã hội do cộng đồng địa phương làm chủ và có trách nhiệm với phụ nữ. Các tổ chức này đã vận động cho những thay đổi trong lĩnh vực luật pháp và nghiên cứu cho thấy rằng chính sách và công tác vận động của các phong trào nữ quyền - và các tổ chức vì quyền của phụ nữ dẫn dắt các

phong trào này - là yếu tố quan trọng nhất trong việc cải thiện khung chính sách và luật pháp quốc gia nhằm chấm dứt mọi hình thức BLPN¹².

Ở cấp độ cá nhân, các tổ chức vì quyền của phụ nữ tạo cơ hội cho phụ nữ đảm nhận các vai trò lãnh đạo và ra quyết định, nhất là là phụ nữ tham gia làm lãnh đạo còn hạn chế. Hoạt động này tạo ra một lộ trình để trao quyền chính trị cho phụ nữ, một yếu tố quan trọng trong việc tăng cường bình đẳng giới¹³.

Tuy nhiên, không tính đến vai trò của các tổ chức vì quyền của phụ nữ trong việc thúc đẩy thay đổi xã hội mang tính chiến lược, bền vững, một cách hệ thống và hiệu quả về chi phí đối với vấn đề bạo lực, các tổ chức này vẫn thiếu ngân sách và gặp khó khăn trong việc huy động nguồn lực, họ chỉ nhận được khoảng 1,5% số tiền viện trợ cam kết cho công tác bình đẳng giới¹⁴. Để các phong trào của phụ nữ có thể tiếp tục dẫn đầu và thúc đẩy nỗ lực phòng ngừa và ứng phó với bạo lực, các tổ chức vì quyền của phụ nữ cấp địa phương và quốc gia cần có đủ ngân sách và giữ vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, lập chương trình và ra quyết định về BLPN.

Một số lưu ý chính dành cho các nhà hoạch định chính sách: Những lưu ý chính sau đây có thể giúp hướng dẫn các tổ chức cam kết đầu tư vào các tổ chức vì quyền của phụ nữ.

Lưu ý chính	Nội dung
Hỗ trợ các tổ chức vì quyền của phụ nữ trên phạm vi rộng	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ các tổ chức vì quyền của phụ nữ đa dạng về phạm vi, từ các tổ chức nhỏ, phi chính thức hoạt động ở cấp địa phương đến các tổ chức lớn hơn, hoạt động tích cực trong công tác vận động chính sách và trách nhiệm giải trình ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế. Hỗ trợ các tổ chức vì quyền của phụ nữ hoạt động nhằm thúc đẩy quyền của phụ nữ một cách rộng rãi hơn, bên cạnh các tổ chức hoạt động tập trung vào phòng ngừa bạo lực và phân biệt đối xử đối với các nhóm phụ nữ cụ thể như phụ nữ ít tuổi hơn hoặc lớn tuổi hơn, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ thuộc các nhóm thiểu số tính dục hoặc phụ nữ dân tộc thiểu số.¹⁵

<p>Cân nhắc kỹ hình thức hỗ trợ ngân sách tốt nhất</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cung cấp nguồn vốn linh hoạt, cốt lõi và dài hạn nhằm hỗ trợ tốt nhất cho việc xây dựng phong trào của các tổ chức vì quyền của phụ nữ, ứng phó với các cơ hội và thách thức, rủi ro, nâng cao năng lực tổ chức, nhân rộng chương trình và tạo thay đổi hệ thống và bền vững¹⁶. • Xem xét một loạt các phương thức tài trợ để hỗ trợ các tổ chức vì quyền của phụ nữ ở các quy mô khác nhau: bao gồm tài trợ cho vận động chính sách và mạng lưới; quỹ linh hoạt cho sáng kiến đổi mới, việc nghiên cứu và học tập ngắn hạn; và hỗ trợ trọng tâm dài hạn hơn. • Hỗ trợ ngân sách thông qua các nhà tài trợ có chuyên môn như các quỹ vì phụ nữ để các tổ chức vì quyền của phụ nữ có quy mô nhỏ hơn có được nguồn lực¹⁷.
<p>Những hoạt động hỗ trợ bên cạnh hỗ trợ ngân sách</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ các tổ chức vì quyền của phụ nữ thường xuyên, linh hoạt và lâu dài nhằm tăng cường và mở rộng hoạt động của những tổ chức này về phòng ngừa BLPN, bao gồm tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ tài chính và cơ hội chia sẻ học hỏi. • Hỗ trợ các tổ chức vì quyền của phụ nữ nâng cao năng lực để đa dạng hóa các nguồn tài trợ, đồng thời huy động các nguồn lực địa phương, bao gồm cả nguồn lực của chính quyền địa phương và trung ương. • Hợp tác với các phong trào phụ nữ quốc gia để lồng ghép chương trình nghị sự của các phong trào này vào môi trường toàn cầu và đa phương, đồng thời tạo cơ hội và cơ sở cho các tổ chức vì quyền của phụ nữ hình thành mạng lưới và liên minh cũng như có tiếng nói. Ví dụ: thông qua việc tài trợ cho các mạng lưới và tổ chức các sự kiện, đưa các tổ chức vì quyền của phụ nữ vào danh sách các phái đoàn chính thức của chính phủ để tham (ví dụ: tham dự các phiên họp kéo dài hai tuần của Ủy ban Địa vị Phụ nữ được tổ chức hàng năm ở New York). • Vận động quốc tế và địa phương cho các chương trình nghị sự về nữ quyền, để đưa các tổ chức vì quyền của phụ nữ vào các quá trình ra quyết định chính trị bao gồm các quy trình hòa bình và hỗ trợ tài chính bền vững¹⁸. • Chủ động thu hút sự tham gia của các tổ chức vì quyền của phụ nữ đại diện cho những phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi, để đảm bảo các vòng tài trợ có thể tiếp cận và bao trùm¹⁹.
<p>Hỗ trợ sự an toàn và độc lập của các tổ chức vì quyền của phụ nữ²⁰</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Công nhận và hỗ trợ những người bảo vệ quyền con người của phụ nữ, bao gồm việc ghi lại làm bằng chứng và ứng phó với bạo lực đối với đối tượng này, đồng thời nêu việc này lên như một phần của đối thoại chính sách và các nỗ lực ngoại giao lớn hơn²¹.
<p>Xây dựng chương trình dựa vào các hoạt động hiện có của các tổ chức vì quyền của phụ nữ</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Ghi nhận và coi trọng kiến thức sâu rộng của các tổ chức vì quyền của phụ nữ về cộng đồng và bối cảnh của chính họ. • Hỗ trợ các tổ chức vì quyền của phụ nữ nâng cao năng lực tài liệu hóa, đồng thời chia sẻ công việc, kiến thức và mở rộng ảnh hưởng của những tổ chức này, ví dụ: công tác giám sát, đánh giá và khung kiến thức, thực hiện nghiên cứu và tài liệu hóa kiến thức dựa trên kinh nghiệm thực tế²². • Hợp tác với các tổ chức vì quyền của phụ nữ để cùng xây dựng các hệ thống báo cáo theo dõi sự thay đổi cơ cấu mà những tổ chức này đang cố gắng vận động, có các biện pháp đơn giản, sáng tạo và hiệu quả để theo dõi và báo cáo thay đổi này²³.
<p>Xây dựng mối quan hệ đối tác vững mạnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thu hút sự tham gia vào các tổ chức vì quyền của phụ nữ với tư cách là chuyên gia vào công tác thiết kế và quản lý ngân sách và đảm bảo rằng các tổ chức này có vị trí trong Ban quản lý ngân sách. • Thúc đẩy quan hệ đối tác bình đẳng với các tổ chức vì quyền của phụ nữ - về mặt kiểm soát ngân sách chương trình, có tiếng nói trong việc ra quyết định và được tiếp cận mọi cấp độ thông tin. • Tài trợ và hỗ trợ xây dựng liên minh giữa các tổ chức vì quyền của phụ nữ và với các phong trào xã hội khác, để tăng cường tiếng nói và ảnh hưởng chung.

Ví dụ mô hình ở một số quốc gia: Tổ chức Raising Voices (Hãy lên tiếng) và Trung tâm Phòng ngừa Bạo lực Gia đình ở Uganda

Mối quan hệ đối tác lâu dài và linh hoạt giữa Chương trình Viện trợ quốc tế của chính phủ Ai-len (Irish Aid) và Tổ chức Raising Voices (Hãy lên tiếng) và Trung tâm Phòng ngừa bạo lực gia đình (CEDOVIP) ở Uganda là một ví dụ thực tế tốt về cách mà mối quan hệ đối tác giữa các nhà tài trợ và các tổ chức vì quyền của phụ nữ có thể phát triển theo thời gian khi các tổ chức này phát triển và xây dựng các nguồn tài trợ và hỗ trợ trong nước.

Raising Voices là một tổ chức vì quyền của phụ nữ có trụ sở tại Uganda, tổ chức này xây dựng và thực hiện phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng nhằm thay đổi các chuẩn mực xã hội và giảm thiểu BLPN. Đối tác của Raising Voices là Trung tâm Phòng ngừa bạo lực gia đình, một tổ chức phi chính phủ độc lập của Ugan-dan, do chính tổ chức này đồng sáng lập vào năm 2003.

Ban đầu, Irish Aid đã tài trợ cho Raising Voices thông qua Đại sứ quán Ai-len tại Uganda và sự hỗ trợ này đã giúp Raising Voices phát triển chương trình huy động cộng đồng hàng đầu SASA!. Vào năm 2012, với sự tài trợ chung từ Vương quốc Anh, một thử nghiệm đối chứng ngẫu nhiên với chương trình SASA! cho thấy kết quả thành công và tiềm năng nhân rộng chương trình. Khi Raising Voices bắt đầu điều chỉnh phương pháp luận để sử dụng trong các bối cảnh khác nhau, đồng thời tăng cường nỗ lực vận động và học hỏi, Irish Aid đã quyết định thay đổi phương thức tài trợ không thông qua Đại sứ quán Ai-len tại Uganda nữa mà tài trợ trực tiếp cho tổ chức, cũng như thay đổi hình thức tài trợ từ tài trợ dựa trên dự án sang tài trợ linh hoạt, cốt lõi. Irish Aid cũng cung cấp hỗ trợ phi tài chính bổ sung bao gồm việc liên kết Raising Voices với các đối tác và nhà tài trợ mới, và tạo điều kiện nâng cao ảnh hưởng toàn cầu của tổ chức.

Khi Raising Voices nhân rộng phương pháp luận của mình ra ngoài Uganda, CEDOVIP tiếp tục công việc dự án của họ ở Uganda, và họ đã cùng nhau thiết lập quan hệ đối tác với Chính phủ Uganda. Điều này cho phép Irish Aid làm việc với Raising Voices và CEDOVIP trong giai đoạn chuyển tiếp hai năm được thiết kế để đảm bảo tiến độ đạt được cho đến nay sẽ được duy trì thông qua quan hệ đối tác với chính phủ và các nhà tài trợ khác.

Nguồn: Esplen, E. (2016) Donor support to southern women's rights organisations: OECD Findings. OECD DAC Network on Gender Equality.

Tài liệu tham khảo:

Toward a Feminist Funding Ecosystem: A framework and practical guide' AWID Resourcing Feminist Movements Initiative. 2019. Hướng dẫn này kiểm tra cách các thực hành tài trợ có thể phục vụ các phong trào nữ quyền tốt hơn.

'Feminist Pocketbook' The Coalition of Feminist for Social Change (COFEM). 2017. Nguồn tham khảo hữu ích này gồm có: *Tờ hướng dẫn 4 4: Luôn có trách nhiệm với Phụ nữ và Trẻ em gái [Tipsheet 4: Staying Accountable to Women and Girls]* và *Tờ hướng dẫn 10: Xây dựng phong trào nữ quyền [Tipsheet 10: Feminist Movement Building]*

'Donor support to southern women's rights organisation: OECD Key Findings' Esplen, E. 2016. Báo cáo này ghi lại các xu hướng và chiến lược hỗ trợ của các nhà tài trợ dành cho các tổ chức quyền phụ nữ ở nam bán cầu, đồng thời xác định các phương pháp tiếp cận, mô hình và cơ chế để các nhà tài trợ tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng hỗ trợ cho các tổ chức vì quyền của phụ nữ ở nam bán cầu.

'Standing with the changemakers: lessons from supporting women's movement' Womankind Worldwide. 2017. Báo cáo này nhấn mạnh vai trò của các tổ chức và phong trào vì quyền của phụ nữ trong việc mang lại những tiến bộ về quyền của phụ nữ và cộng đồng quốc tế có thể làm gì để hỗ trợ họ.



THỰC THI LUẬT PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH

Kết quả đầu ra: Ban hành và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi các luật và chính sách nhằm giải quyết vấn đề BLPN, đồng thời thúc đẩy bình đẳng giới, bao gồm cả việc tiếp cận giáo dục trung học.

Mục đích: Luật²⁴ và các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa BLPN được xây dựng và thực thi thông qua việc nâng cao năng lực và trách nhiệm giải trình của các cơ quan/tổ chức và người có trách nhiệm.

Cơ sở lý luận: Luật của quốc gia là bước đầu tiên trong việc đảm bảo các quyền và tự do cơ bản, như được quy định trong các tài liệu quốc tế và khu vực bao gồm Tuyên bố về xóa bỏ BLPN, Công ước Belém do Pará, Nghị định thư Maputo và Công ước Istanbul. Pháp luật tạo cơ sở cho việc công nhận, bảo vệ và thực thi các quyền. Các chính sách, chiến lược và kế hoạch hành động của chính phủ nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết BLPN cũng có thể là một cam kết quan trọng và tạo khung hành động.

Trong 30 năm qua, số quốc gia ban hành luật để giải quyết bạo lực gia đình đã tăng từ gần 0 vào năm 1990, lên 155 vào năm 2020²⁵. Các luật này gồm có luật cho phép truy tố các vụ bạo lực gia đình, ban hành lệnh bảo vệ và quy định quyền được hưởng các dịch vụ đối với người bị bạo lực, trong một số trường hợp bao gồm việc được chăm sóc sức khỏe và trợ giúp pháp lý miễn phí. Ngoài ra còn có một loạt luật cụ thể khác nhằm phòng ngừa BLPN bao gồm luật hình sự hóa hành vi lạm dụng tình dục, hành vi cắt xẻo bộ phận sinh dục nữ, bạo lực gia đình, tảo hôn và kiểm soát ép buộc.

Có bằng chứng mới phát hiện cho thấy các luật trên phạm vi rộng hơn thúc đẩy bình đẳng giới - bao gồm quyền thừa kế, đất đai và tài sản, quyền giám hộ trong hôn nhân và ly hôn - cũng có thể giúp giảm mức độ BLPN. Ví dụ: một nghiên cứu đã đánh giá tác động của

bình đẳng quyền thừa kế của nam giới và phụ nữ đối với các mức độ BLPN ở 16 bang ở Ấn Độ và phát hiện ra rằng phụ nữ kết hôn sau khi luật sửa đổi ít bị bạo lực do bạn tình gây ra hơn²⁶. Luật và chính sách cải thiện khả năng tiếp cận giáo dục trung học cũng rất quan trọng nhằm trao quyền cho trẻ em gái và giảm sự phụ thuộc kinh tế trong tương lai của phụ nữ vào nam giới. Tương tự như vậy, nam giới ít gây bạo lực thể chất và/hoặc bạo lực tình dục đối với bạn tình của họ hơn nếu họ đã học xong trung học²⁷.

Tuy nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là trong khi các khuôn khổ pháp lý và chính sách vững mạnh là yếu tố quan trọng để bảo vệ và ứng phó với bạo lực, đồng thời là một phần trọng yếu trong việc mở rộng khả năng tiếp cận công lý của phụ nữ, có ít bằng chứng cho thấy các luật chống BLPN đóng vai trò như một biện pháp ngăn chặn hành vi gây bạo lực hoặc giảm mức độ bạo lực²⁸. Ở nhiều quốc gia, luật pháp và chính sách không được thực hiện, đặc biệt là ở vùng sâu vùng xa và đây là một thiếu sót lớn. Việc thực hiện hiệu quả các luật và chính sách đòi hỏi phải có cam kết chính trị, ngân sách dành riêng, nhân sự được đào tạo, có sự phối hợp hành động và tiếp cận toàn diện với các dịch vụ²⁹.

Một số lưu ý chính dành cho các nhà hoạch định chính sách: Một số lưu ý chính dành cho các nhà hoạch định chính sách cũng như những người ủng hộ và hỗ trợ cải cách - lưu ý khi xây dựng, thực hiện và giám sát tính hiệu quả của các luật và chính sách bao gồm³⁰:

Lưu ý chính	Nội dung
Quy trình cải cách	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo rằng các quốc gia tuân thủ tiêu chuẩn 'thẩm định' trong luật pháp quốc tế yêu cầu các quốc gia có hành động 'hợp lý' để phòng ngừa, bảo vệ, truy tố, trừng phạt và khắc phục tình trạng BLPN. Áp dụng phương pháp tiếp cận pháp lý toàn diện không chỉ đơn giản là việc hình sự hóa bạo lực để kết hợp các biện pháp khắc phục hậu quả dân sự và các quy định pháp luật đối với công tác phòng ngừa, nâng cao nhận thức, cơ chế thể chế và bảo vệ pháp lý cho người bị bạo lực.

	<ul style="list-style-type: none"> Tham vấn với các bên liên quan trong đó có người bị bạo lực, các tổ chức của phụ nữ và các tổ chức dân sự xã hội có liên quan, các cơ quan chính phủ và người cung cấp dịch vụ, các tổ chức quyền con người quốc gia, chuyên gia hành pháp và tư pháp, chuyên gia y tế, dịch vụ xã hội, văn phòng thống kê quốc gia, các nhà lãnh đạo tôn giáo và cộng đồng.
Các quy định	<ul style="list-style-type: none"> Định nghĩa BLPN ở phạm vi rộng nhất (bao gồm bạo lực thể chất, tình dục, tình cảm và kinh tế) và phù hợp với các tiêu chuẩn quyền con người quốc tế. Tiếp theo, luật pháp cần có các quy định cụ thể đối với các loại bạo lực khác nhau bao gồm quấy rối tình dục, các hình thức bạo lực khác nhau trong gia đình và trong các mối quan hệ giữa các cá nhân, cũng như các không gian, môi trường khác nhau mà bạo lực xảy ra (ví dụ: không gian công cộng; trong gia đình, nơi làm việc, trường học, bạo lực trên không gian mạng). Bảo vệ bình đẳng với tất cả phụ nữ, bao gồm các quy định về không phân biệt đối xử với các nhóm phụ nữ khác nhau và có tính đến các nhóm dễ bị tổn thương. Làm rõ mối quan hệ giữa luật tục và/hoặc luật tôn giáo và các hệ thống tư pháp không chính thức và chính thức bao gồm quyền của người bị bạo lực trong cả hai quy trình.
Thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng kế hoạch hoặc chiến lược hành động quốc gia để thực hiện đầy đủ và phối hợp các luật và chính sách của các cơ quan tổ chức chính phủ (và xã hội dân sự) khác nhau nhằm phòng ngừa BLPN, bao gồm cả việc tạo cơ chế phối hợp liên cơ quan. Xây dựng chiến lược cụ thể để tuyên truyền và phổ biến các luật và chính sách mới vì đây là điều quan trọng đối với cả việc thực hiện và bắt đầu thay đổi các chuẩn mực xã hội xung quanh việc chấp nhận bất bình đẳng giới và bạo lực. Cam kết có đủ ngân sách để thực hiện các luật và chính sách và ngân sách dành cho các dịch vụ phòng ngừa và ứng phó ở tuyến đầu, ví dụ: thông qua ngân sách có trách nhiệm giới (xem phần tóm tắt về Phân bổ nguồn lực). Nâng cao năng lực tổ chức để giải quyết vấn đề BLPN và thúc đẩy bình đẳng giới, thông qua việc đưa ra các điều lệ và tổ chức đào tạo tập huấn chuyên biệt, thường xuyên mang tính chuyển đổi giới dành cho những người chịu trách nhiệm về ứng phó với BLPN, bao gồm các chuyên gia y tế, các cán bộ hành pháp và tư pháp. Để có hiệu quả, khóa tập huấn phải tập trung rõ ràng vào việc giải quyết các thái độ và chuẩn mực có hại đối với vấn đề bình đẳng giới và BLPN. Tập huấn nâng cao và cố vấn trong quá trình công tác cũng rất quan trọng. Đảm bảo người bị bạo lực có thể tiếp cận các dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ được điều phối nhịp nhàng ở các lĩnh vực khác nhau (ví dụ: dịch vụ y tế, an ninh, pháp lý, xã hội). Việc tiếp cận các đường dây trợ giúp hỗ trợ 24/24 giờ và nhà tạm lánh cũng rất quan trọng trong việc cung cấp thông tin và hỗ trợ phụ nữ đang đối mặt với bạo lực. Cải thiện khả năng tiếp cận công lý bao gồm trợ giúp pháp lý, phiên tòa xét xử hoặc thủ tục đặc biệt, phiên tòa xét xử có các thẩm phán được đào tạo đặc biệt và các cơ chế để bảo vệ quyền riêng tư và các quyền của người bị bạo lực.
Giám sát	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng khung giám sát và trách nhiệm giải trình để thực hiện các luật và chính sách mới với các kết quả, chỉ số rõ ràng và giai đoạn cần theo dõi. Giám sát việc thực hiện luật pháp và chính sách thông qua các cơ chế thể chế, ví dụ thông qua việc thành lập các nhóm công tác đa ngành, các ủy ban, báo cáo viên quốc gia hoặc các nhóm quan sát. Các tổ chức xã hội và các tổ chức vì quyền của phụ nữ có thể thiết lập các cơ chế báo cáo ẩn và báo cáo để theo dõi tiến trình và vận động cho sự thay đổi hơn nữa.

Mô hình điển hình ở một số quốc gia: Brazil

Luật Maria de Penha của Brazil là một đạo luật mang tính bước ngoặt, được đặt theo tên của một nhà hoạt động vì quyền phụ nữ, người đã bị liệt sau khi bị chồng tấn công bạo lực. Được ban hành vào năm 2006, đây là luật liên bang đầu tiên của Brazil chống BLPN. Luật xác định các hình thức bạo lực gia đình, đồng thời tạo ra một loạt các cơ chế phòng ngừa và ứng phó, bao gồm các phiên tòa đặc biệt về bạo lực gia đình với các mức án nghiêm khắc hơn, đồn cảnh sát dành cho phụ nữ và nơi tạm lánh hỗ trợ 24/24 giờ cho phụ nữ ở các thành phố có hơn 60.000 dân. Một nhóm giám sát³¹ do phụ nữ lãnh đạo cũng được thành lập để giám sát luật đang được áp dụng ở đâu và như thế nào. Nghiên cứu cho thấy rằng gần như tất cả người dân Brazil (98%) đã biết đến luật này, với đa phần người dân (66%) đã nắm được mục đích và chức năng của luật³². Tuy nhiên, tác động của việc phòng ngừa bạo lực vẫn bị lẫn với một số bằng chứng đã được báo cáo về sự gia tăng tỷ lệ bạo lực thể xác, mặc dù điều này có thể do công tác báo cáo và do nhận thức đã được nâng cao³³. Mới đây, Brazil đã thông qua luật về tội giết phụ nữ vào năm 2015 để xác định rõ ràng việc giết phụ nữ liên quan đến giới và tăng mức án hình sự lên đến 30 năm đối với người phạm tội bị kết án.

Tài liệu tham khảo:

[Handbook for Legislation on Violence against Women](#): United Nations Division for the Advancement of Women in the Department of Economic and Social Affairs (DESA/DAW). 2010. *Cung cấp hướng dẫn chi tiết để hỗ trợ việc thông qua và thực hiện hiệu quả luật pháp nhằm ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ, trừng phạt những kẻ gây tội ác và đảm bảo quyền của những người sống sót.*

[Protecting Women from Violence - Bridging the Implementation Gap Between Law and Practice](#): Global Indicators Group. 2019. *Bản tóm tắt ngắn này xác định những lỗ hổng tồn tại trong việc thực hiện luật và bảo vệ phụ nữ khỏi bạo lực, dựa trên bộ dữ liệu Phụ nữ, Doanh nghiệp và Luật pháp.*

[Do our Laws Promote Gender Equality? A Handbook for CEDAW-based Legal Reviews](#): CEDAW. 2012. *Sổ tay này trình bày khung đánh giá sự tuân thủ của luật pháp quốc gia theo Công ước CEDAW. Mặc dù tài liệu này chủ yếu dành cho các đối tác liên quan ở khu vực Đông Nam Á, tài liệu cũng có thể được sử dụng ở các khu vực khác.*

[Women, Business and the Law](#). The World Bank. *Các báo cáo hàng năm này cung cấp dữ liệu giám sát toàn cầu có thể so sánh được từ 173 quốc gia bao gồm một loạt các chỉ số, trong đó có bảo vệ phụ nữ khỏi bạo lực.*

[Virtual Knowledge Centre legislation module](#). UN Women. *Đưa ra lời khuyên về việc soạn thảo, vận động, thực hiện và giám sát luật pháp quốc gia.*

[VAWG Resource Guide: Citizen Security, Law and Justice Brief](#): The World Bank. 2015. *Bản tóm tắt này xác định các lĩnh vực chính để lồng ghép vấn đề bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái vào lĩnh vực an ninh công dân, luật pháp và tư pháp.*



PHÂN BỐ NGUỒN LỰC

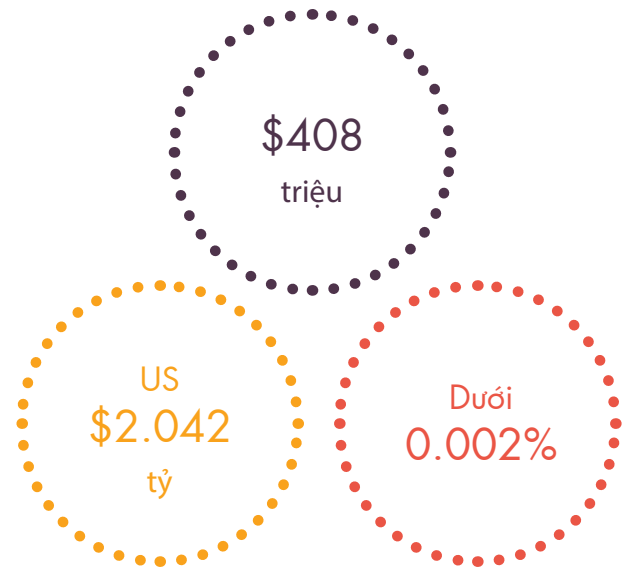
Kết quả đầu ra: Phân bổ nguồn lực cho các chương trình, nghiên cứu và tăng cường thể chế, nâng cao năng lực của các ngành y tế, giáo dục, thực thi pháp luật và dịch vụ xã hội để giải quyết bạo lực đối với phụ nữ.

Mục đích: Tăng cường đầu tư lâu dài và bền vững vào công tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, các chương trình và dịch vụ để cung cấp các can thiệp hiệu quả nhằm phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

Cơ sở lý luận: Tạo môi trường thuận lợi để phòng ngừa bạo lực BLPN yêu cầu chính quyền trung ương và địa phương phải đầu tư nguồn lực tài chính và nhân lực dành riêng cho công tác phòng ngừa. Cần có kinh phí để xây dựng và thực hiện các chương trình phòng ngừa cụ thể, kinh phí dành cho nghiên cứu và thu thập dữ liệu, cho các cải cách luật pháp và chính sách, cũng như về lâu dài để nâng cao năng lực của các cơ quan chính phủ, các dịch vụ và các đối tác xã hội dân sự. Cần ưu tiên và cung cấp nguồn lực cho vấn đề BLPN trong các lĩnh vực và hệ thống khác, bao gồm nhưng không giới hạn trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thực thi pháp luật và dịch vụ xã hội. Phân bổ nguồn lực để giải quyết vấn đề phân biệt đối xử về giới trong các thể chế và nâng cao năng lực thể chế cũng rất quan trọng cho việc tăng cường môi trường thuận lợi.

Trên toàn cầu, việc đầu tư vào công tác phòng ngừa BLPN đang tăng lên. Tuy nhiên, nguồn ngân sách tài trợ không thường xuyên và tập trung vào các dự án quy mô nhỏ không cân đối được với quy mô của vấn đề. Ở cấp quốc gia, các bộ trực thuộc chính phủ chịu trách nhiệm giải quyết vấn đề BLPN thường là những bộ có ít ngân sách nhất và những bộ này phần lớn tập trung vào các dịch vụ ứng phó với BLPN chứ không phải phòng ngừa - và do đó chỉ hỗ trợ được một số ít phụ nữ bị bạo lực hoặc có nguy cơ bị bạo lực³⁴.

Cần bố trí đủ nguồn lực để nhân rộng các mô hình phòng ngừa hiệu quả, đồng thời đổi mới sáng tạo và xây dựng các phương pháp tiếp cận và can thiệp mới.



Trong 5 năm qua, ước tính có khoảng 2,042 tỷ đô la Mỹ đã được đầu tư vào công tác phòng ngừa BLPN - khoảng 408 triệu đô la mỗi năm. Tuy nhiên, con số này thấp hơn 0,002% vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hàng năm³⁵.

Một số lưu ý chính đối với các nhà hoạch định chính sách: Dưới đây là một số lưu ý chính³⁶ đối với các nhà hoạch định chính sách quốc gia - và các đối tác tài trợ của họ - khi phân bổ nguồn lực cho công tác phòng ngừa BLPN:

Lưu ý chính	Nội dung
<p>Phương pháp tiếp cận mang tính chiến lược và dựa trên bằng chứng</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Xác định các mục tiêu/kết quả phòng ngừa cụ thể, đồng thời xem xét một loạt các chiến lược để đạt được những mục tiêu, kết quả này và các tác động nguồn lực của chúng, ví dụ: • Xác định các cơ hội hiện có và các điểm đầu vào để đạt được tiến bộ trong công tác phòng ngừa BLPN, ví dụ: sáng kiến khu vực, quan hệ đối tác mới, chuyển dịch xã hội, phân cấp dịch vụ. • Xem xét nhân rộng các can thiệp đã được thử nghiệm trong bối cảnh quốc gia của bạn đã được chứng minh là có hiệu quả. Tham vấn với các nhà thiết kế, người thực hiện và nhà nghiên cứu chương trình để hiểu được cách thích ứng và nhân rộng các can thiệp tốt nhất.

	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể tham khảo tư vấn về cách nhân rộng các can thiệp để phòng ngừa BLPN tại Nhóm Nâng cao Hiểu biết cho Cộng đồng (Community for Understanding Scale Up - CUSP) và ALiGN platform. • Xem xét điều chỉnh các phương pháp tiếp cận phòng ngừa đã có hiệu quả trong các bối cảnh khác để thực hiện trong bối cảnh quốc gia hoặc địa phương của bạn. Điều này đòi hỏi cả chuyên môn kỹ thuật về phòng ngừa và kiến thức bối cảnh vững chắc. Có thể tham khảo tư vấn về việc thích ứng các sáng kiến dựa trên bằng chứng trên trang web Những hoạt động nào có hiệu quả phòng ngừa BLPN³⁷. • Xác định các cơ hội để tạo ra tác động lớn hơn với ít nguồn lực hơn, chẳng hạn thông qua việc lồng ghép các phương pháp tiếp cận vào các sáng kiến đang thực hiện hoặc làm việc trực tiếp trong và giữa các lĩnh vực..
<p>Lập kế hoạch huy động nguồn lực</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Xác định các yếu tố đầu vào cụ thể cần thiết để thực hiện một can thiệp phòng ngừa như chi phí cố định (ví dụ: tòa nhà, thiết bị, phương tiện), chi phí phát triển (ví dụ: đào tạo, hướng dẫn sử dụng) và chi phí lưu động (ví dụ: nhân viên, vật tư, bảo trì xe cộ/tòa nhà)³⁸. • Tính toán chi phí của các đầu vào khác nhau. Khi tính toán chi phí để thực hiện các can thiệp phòng ngừa khác nhau, hãy tham khảo Hướng dẫn phân tích chi phí của các can thiệp phòng ngừa BLPN và so sánh với chi phí của các chương trình phòng ngừa trong các bối cảnh khác nhau. • Xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực từ các nguồn khác nếu cần, ví dụ: quan hệ đối tác công/tư, quyên góp từ thiện và các nhà tài trợ quốc tế³⁹. • Nếu đang tìm kiếm nguồn tài trợ của các nhà tài trợ, hãy đưa ra ví dụ để kêu gọi đầu tư cho công tác phòng ngừa BLPN. Cần sử dụng một số nguồn lực để nêu bật các tổn thất kinh tế và xã hội của bạo lực, chẳng hạn như Nghiên cứu Hoạt động nào hiệu quả do Bộ Phát triển Anh tài trợ về tác động của BLPN đối với các nền kinh tế quốc dân và xã hội ở Ghana, Nam Sudan và Pakistan.
<p>Phân bổ nguồn lực</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng chu kỳ tài trợ nhiều năm để có đủ thời gian phát triển và xây dựng tính tự chủ/trách nhiệm của các đối tác đa phương đối với các chiến lược phòng ngừa; đưa ra các cơ cấu quản trị và điều phối cần thiết, đồng thời thiết kế, điều chỉnh và triển khai chương trình phòng ngừa BLPN. • Tài trợ cho các tổ chức vì quyền của phụ nữ với tư cách là đối tác và người thực hiện. Xem phần trước về cách hỗ trợ và đầu tư vào các Tổ chức vì Quyền của Phụ nữ. • Cung cấp nguồn lực cho công tác nghiên cứu, thử nghiệm và giám sát để điều chỉnh các chiến lược, can thiệp và dịch vụ phù hợp với bối cảnh của bạn, giám sát hiệu quả của những hoạt động này cũng như bất kỳ hậu quả không mong muốn nào, đồng thời xây dựng cơ sở bằng chứng về phòng ngừa. • Ở cấp chương trình/dự án, đảm bảo nguồn vốn ngân sách dài hạn hơn. Ví dụ, đối với các chương trình phòng ngừa BLPN, có bằng chứng quan trọng cho thấy các chu kỳ dự án ngắn hạn 1-2 năm không có tác dụng phòng ngừa bạo lực⁴⁰. Cần có thời gian chuẩn bị trước để tiến hành nghiên cứu định hướng, thiết kế/điều chỉnh can thiệp và nâng cao năng lực bao gồm thời gian và ngân sách đầy đủ cho việc lựa chọn và đào tạo cẩn thận các nhân viên tuyển đầu, đồng thời cung cấp hỗ trợ và tư vấn thường xuyên liên tục⁴¹. • Lập kế hoạch đảm bảo tính bền vững của hoạt động sau khi can thiệp kết thúc, bao gồm quyền lãnh đạo và tự chủ với hoạt động của cộng đồng đó để duy trì sự thay đổi⁴².
<p>Theo dõi nguồn lực</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Theo dõi các khoản giải ngân để đảm bảo các cơ quan liên quan của chính phủ nhận được ngân sách và ngân sách được chi cho các hoạt động giải quyết vấn đề BLPN. • Đảm bảo tính minh bạch của việc sử dụng nguồn lực để các nhà tài trợ, các tổ chức vì quyền của phụ nữ/tổ chức xã hội dân sự có thể đánh giá liệu ngân sách có đang được sử dụng một cách năng suất và hiệu quả hay không, với tập trung vào việc liệu khoản đầu tư có tiết kiệm chi phí về mặt dài hạn (giá trị tương xứng với khoản tiền bỏ ra) chứ không chỉ đơn giản là mức chi phí thấp nhất hay không.

Mô hình điển hình ở một số quốc gia: VicHealth, Úc⁴³

Tại Úc, bang Victoria đã dẫn đầu trong việc xây dựng phương pháp tiếp cận tổng hợp nỗ lực của các bộ, ngành, cơ quan của chính phủ nhằm phòng ngừa BLPN. Hoạt động này bao gồm công tác xây dựng nền tảng cho phòng ngừa BLPN; xây dựng [Kế hoạch quốc gia Phòng ngừa BLPN và trẻ em giai đoạn 2010-2022](#); tiếp theo là Khung phòng ngừa quốc gia [‘Thay đổi góc nhìn’](#) (2015). Đã có sự đầu tư vào vai trò lãnh đạo, quản trị và điều phối ở cấp địa phương, khu vực và nhà nước và phân bổ nguồn kinh phí dành riêng cho việc thực hiện và nghiên cứu dài hạn. Điều này đã bao gồm việc thành lập [ANROWS](#) (Tổ chức Nghiên cứu Quốc gia về An toàn của Phụ nữ của Úc) và tài trợ riêng cho [OurWatch](#).

Mô hình điển hình ở một số quốc gia: Nam Phi⁴⁴

Vào tháng 11/2018, Tổng thống Nam Phi Ramaphosa đã triệu tập [Hội nghị thượng đỉnh quốc gia về Bạo lực và các vụ giết phụ nữ trên cơ sở giới](#) và sau đó là [Kế hoạch chiến lược quốc gia](#). Chính phủ đã dành 1,6 tỷ ZAR (tương đương 92 triệu đô la Mỹ) cho kế hoạch, dựa trên việc tái ưu tiên ngân sách. Một Quỹ đa ngành về bạo lực trên cơ sở giới, với sự tham gia của khu vực tư nhân, các đối tác phát triển và các bên liên quan khác, cũng sẽ được thành lập để điều chỉnh các khoản đầu tư phù hợp với các ưu tiên quốc gia lớn hơn đã đề ra trong kế hoạch. Ban chỉ đạo điều hành việc thực hiện kế hoạch, bao gồm cả việc phân bổ nguồn lực, đặt tại Phủ Chủ tịch và do các tổ chức xã hội và chính phủ đồng chủ trì. Kế hoạch phân bổ các nguồn lực cho việc lập chương trình phòng ngừa cũng như các biện pháp tăng cường hệ thống tư pháp hình sự và đem lại sự an toàn và bảo vệ tốt hơn cho người dân ở mọi lứa tuổi, vùng địa lý, khuyết tật, xu hướng tính dục, bản dạng tính dục và bản dạng giới, quốc tịch và các yếu tố khác.

Tài liệu tham khảo:

[Handbook of National Action Plans on Violence against Women UN Women](#). 2012. *Chương 3.6 về ngân sách, đưa ra các ví dụ về các bối cảnh quốc gia khác nhau đã tài trợ cho hoạt động phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ như thế nào.*

[Global scoping of advocacy and funding for the prevention of violence against women and girls](#). Equality Institute. 2019. Nghiên cứu này cung cấp phân tích về các nhà tài trợ chính và các hình thức tài trợ cho công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ ở cấp quốc tế..

[Guidelines for Conducting Cost Analyses of Interventions to Prevent Violence against Women and Girls in Low and Middle Income Settings](#). What Works to Prevent VAWG Programme. 2019. Những hướng dẫn này giới thiệu phương pháp tiếp cận tiêu chuẩn hóa để tính chi phí cho các can thiệp phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và được thiết kế để giúp bạn xác định các nguồn lực cụ thể mà bạn cần để thực hiện các can thiệp cũng như cách ấn định giá trị cho các nguồn lực này.

© UN Women 2020

Tài liệu này là một phần của Hướng dẫn thực hiện Khung chính sách RESPECT do UN Women thực hiện và tổ chức Social Development Direct xây dựng, có thể tham khảo Khung RESPECT [tại đây](#).

Đề xuất trích dẫn khi sử dụng thông tin của tài liệu này: UN Women và Social Development Direct (2020) RESPECT: Tăng cường môi trường thuận lợi cho công tác phòng ngừa BLPN

Chú thích

- ¹ Alexander-Scott, M. Bell, E. and Holden, J. (2016) [DFID Guidance Note: Shifting Social Norms to Tackle Violence Against Women and Girls \(VAWG\)](#). London: VAWG Helpdesk
- ² Jewkes, R. et al. (2019) [Community activism approaches to shift harmful gender attitudes, roles and social norms](#). Pretoria: What Works.
- ³ Xem Bước 1 của Sách bài tập để xây dựng chiến lược quốc gia tập trung vào công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ để được hướng dẫn thêm về thực hiện phân tích tình huống ở cấp quốc gia.
- ⁴ Georgia, T. (2015) [DFID Guidance Note on Addressing Violence Against Women and Girls \(VAWG\) Through DFID's Economic Development and Women's Economic Empowerment Programmes – Part B](#), London: VAWG Helpdesk; [What Works to Prevent VAWG Programme \(2020\) 'Economic and Social Costs of Violence: Evidence Brief'](#) Pretoria: What Works.
- ⁵ Weldon, S.L. and Htun, M. (2012) '[Feminist mobilisation and progressive policy change: why governments take action to combat violence against women](#)', in *Gender & Development* 21 (2).
- ⁶ V4C Nigeria (2017) [Thinking and Working Politically for Legal Reform on Gender Equality](#). Abuja: V4C
- ⁷ Fraser, E and Wood, S (2018) [VAWG Legislation, Helpdesk Research Report No. 156](#). London, UK: VAWG Helpdesk.
- ⁸ Ở đây đề cập đến Tây Phi; Gambia; Ma-lai-xi-a; và Namibia
- ⁹ Xem UN Women (2019) [The Big Conversation. Handbook to Address Women against Women in and through the Media](#). Geneva.
- ¹⁰ Kerr-Wilson, A.; Gibbs, A.; McAslan Fraser E.; Ramsoomar, L.; Parke, A.; Khuwaja, HMA.; and Rachel Jewkes (2020). [A rigorous global evidence review of interventions to prevent violence against women and girls](#), What Works to prevent violence among women and girls global Programme, Pretoria, South Africa
- ¹¹ Bishop, K and McLean, L (2017) Ibid.
- ¹² Weldon, S.L. and Htun, M. (2012) '[Feminist mobilisation and progressive policy change: why governments take action to combat violence against women](#)', in *Gender & Development* 21 (2).
- ¹³ Womankind (2017) [Standing with the changemakers: lessons from supporting women's movements](#). Womankind Worldwide.
- ¹⁴ ActionAid (2020) [Women's Rights Organizations Challenging Violence](#). ActionAid UK.
- ¹⁵ Womankind Worldwide (2017) Ibid.
- ¹⁶ Moosa, Z. and Daly, S. (2015) Ibid. ; Esplen, E. (2016) Ibid.
- ¹⁷ Esplen, E. (2016) Ibid.
- ¹⁸ AWID (2019) Ibid.
- ¹⁹ Esplen, E. (2016) Ibid.
- ²⁰ Nagarajan, C and Fraser, E (2016) [Supporting a healthy WRO/CSO sector working on VAWG \(and related gender outcomes\) at the national/large subnational level](#), VAWG Helpdesk Research Report No. 122. London, UK: VAWG Helpdesk.
- ²¹ Womankind Worldwide (2017) Ibid.
- ²² Esplen, E. (2016) Ibid.
- ²³ Esplen, E. (2016) Ibid.
- ²⁴ Bao gồm các luật và chính sách: hình sự hóa lạm dụng tình dục; thúc đẩy bình đẳng trong thừa kế; cấm tảo hôn và cắt xẻo bộ phận sinh dục nữ; luật hôn nhân, quyền nuôi con và ly hôn đảm bảo bình đẳng cho phụ nữ; kế hoạch hành động thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết bạo lực đối với phụ nữ. Cũng bao gồm việc thực hiện các dịch vụ tư pháp và thực thi pháp luật như lệnh bắt giữ và trợ giúp pháp lý.
- ²⁵ World Bank (2020) *Women, Business and the Law 2020*, Washington D.C.: World Bank.
- ²⁶ Amaral, Sofia (2017) "Do Improved Property Rights Decrease Violence Against Women in India?" Institute for Social and Economic Research. Có ở SSRN: <https://ssrn.com/abstract=2504579>. Xem tóm tắt ở <https://prevention-collaborative.org/wp-content/uploads/2018/11/Studysummary-Inheritance-India-FINAL.pdf>
- ²⁷ Abramsky T, Watts C, Garcia Moreno C, et al. (2011) [What factors are associated with recent intimate partner violence? Findings from the WHO multicountry study on women's health and domestic violence](#). *Biomed Central Public Health*; 11(109): 1-17.
- ²⁸ Heise, L. (2011) *What Works to Prevent Partner Violence: An Evidence Overview*.
- ²⁹ Có thể xem Hướng dẫn chi tiết về việc thông qua và thực thi luật pháp và chính sách quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ trong UN Handbook for Legislation on VAW [Sổ tay pháp luật về BLPN của Liên hợp quốc].
- ³⁰ Dựa trên các bài học từ các bằng chứng được nêu bật trong Hộp Nguồn lực chính
- ³¹ Observatório Lei Maria da Penha (Maria de Penha observatory consortium - OBSERVE)
- ³² Gattegno, M, Wilkins, J and Evans, D (2016) '[The relationship between the Maria de Penha Law and intimate partner violence in two Brazilian states](#)', *International Journal of Equity and Health*, 15: 138.
- ³³ Gattegno, M, Wilkins, J and Evans, D (2016) Ibid.
- ³⁴ Equality Institute (2019) *Global scoping of advocacy and funding for the prevention of violence against women and girls*
- ³⁵ Equality Institute (2019) Ibid.
- ³⁶ Dựa trên các bài học từ các bằng chứng được nêu bật trong Hộp Nguồn lực chính
- ³⁷ Bao gồm [Giáo trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ](#), một [rà soát bằng chứng chặt chẽ](#), và [các yếu tố thiết kế và triển khai](#) trong các can thiệp phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ.
- ³⁸ Chương trình nghiên cứu Hoạt động nào có hiệu quả phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái lần đầu tiên đã đưa ra được số lượng lớn bằng chứng quan trọng tại nhiều nước về tác động và hiệu quả chi phí trong công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng lương nhân viên chiếm một phần đáng kể trong chi phí dành cho các can thiệp phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và do đó, loại hình và mức độ tương tác giữa nhân viên và người hưởng lợi là động lực chi phí chính đối với công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Xem: See: Torres-Rueda, S., Ferrari, G., Orangi, S., Hitimana, R., Daviaud, E., Tawaih, T., et al (2020) [What will it cost to prevent violence against women and girls in low- and middle-income countries? Evidence from Ghana, Kenya, Pakistan, Rwanda, South Africa and Zambia](#), *Health Policy and Planning*, czaa024.

³⁹ Để biết tổng quan về các nhà tài trợ chính, xem nghiên cứu của Equality Institute (2019) [Global scoping of advocacy and funding for the prevention of violence against women and girls](#)

⁴⁰ What Works to Prevent VAWG global research programme / Equality Institute (2019)

⁴¹ Jewkes, R., Willan, S., Heise, L., Washington, L., Shai, N., Kerr-Wilson, A., Christofides, N. (2020) [Effective design and implementation elements in interventions to prevent violence against women and girls](#). What Works To Prevent VAWG? Global Programme Synthesis Product Series. South African Medical Research Council, Pretoria

⁴² Goldmann, L., Lundgren, R., Welbourn, A., Gillespie, D., Bajenja, E., Muvhangom, L. & Michau, L. (2019) [On the CUSP: the politics and prospects of scaling social norms change programming](#), Sexual and Reproductive Health Matters, 27:2, 51-63.

⁴³ Xem <https://www.vichealth.vic.gov.au/-/media/ResourceCentre/PublicationsandResources/PVAW/Violence-Against-Women-Research-Overview.pdf>

⁴⁴ Thư của Tổng thống Ramaphosa gửi người dân Nam Phi: <https://www.sabcnews.com/sabcnews/president-ramaphosa-personally-responsible-gender-violence-action-plan/>



T Ô N T R Ọ N G
PHỤ NỮ

Hướng dẫn & Bài tập thực hành
Lập Kế hoạch Quốc gia

Dành riêng cho công tác phòng
ngừa bạo lực đối với phụ nữ

Hướng dẫn & Bài tập Lập Kế hoạch quốc gia:

Dành riêng cho công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ

Hướng dẫn và Bài tập Lập Kế hoạch Quốc gia cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách, bao gồm cả cán bộ Liên hợp quốc, những người có thể hỗ trợ các đối tác cấp Bộ, các bước thiết thực để tham gia vào các quy trình cấp quốc gia hoặc cấp địa phương với mục tiêu giới thiệu phương pháp tiếp cận dựa trên bằng chứng nhằm ngăn chặn bạo lực xảy ra đối với phụ nữ. Các nỗ lực truyền thông nhằm chấm dứt bạo lực gia đình phần lớn tập trung vào cải cách lập pháp và chính sách; cải thiện việc cung cấp và tiếp cận các dịch vụ phối hợp đa ngành; đồng thời thu thập, phân tích và sử dụng dữ liệu tốt hơn. Đây là những yếu tố cực kỳ quan trọng của phương pháp tiếp cận toàn diện, tuy nhiên lại chưa phải là sự đầu tư có mục tiêu cần thiết để ngăn ngừa bạo lực xảy ra ngay từ đầu. Trong thập kỷ qua, một số lượng lớn bằng chứng đã được tổng hợp và trình bày trong các khung hướng dẫn toàn cầu chứng minh rằng có thể thực hiện công tác phòng ngừa và một số chiến lược đã chứng minh được điều này.

Hướng dẫn và Bài tập này dựa trên các khung hướng dẫn phòng ngừa bạo lực toàn cầu bao gồm Khung hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ đầu tiên của Liên hợp quốc (2015) và Khung hướng dẫn TÔN TRỌNG phụ nữ (RESPECT) tiếp theo (2019). Mục đích của Hướng dẫn này là để hỗ trợ việc xây dựng kế hoạch cụ thể cho quốc gia hoặc kế hoạch địa phương, dành riêng cho công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ nhằm đạt được các cam kết xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ. Hướng dẫn này không nhằm mục đích thay thế các kế hoạch hành động quốc gia toàn diện mà bổ sung cho các kế hoạch đó bằng cách nêu chi tiết các khía cạnh phòng ngừa vì những khía cạnh này liên quan đến bối cảnh quốc gia hoặc địa phương. [Hướng dẫn và Bài tập này](#) là một phần của gói hướng dẫn kỹ thuật lớn hơn bao gồm các nguồn tham khảo và công cụ được thiết kế để thực hiện Khung RESPECT hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ.

Bước 1: Làm quen với Khung hướng dẫn phòng ngừa bạo lực

TÔN TRỌNG Phụ nữ: Phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ giới thiệu một khung hướng dẫn thân thiện với người dùng, giúp người dùng hiểu các chiến lược dựa trên bằng chứng nhằm giảm bớt nguy cơ vi phạm và gây bạo lực cũng như các chiến lược bảo vệ người bị bạo lực khỏi những hành vi vi phạm và gây bạo lực. Khung dựa trên sự tổng hợp thông tin và kiến thức mang tính toàn cầu từ các đánh giá và rà soát có hệ thống bao gồm một loạt các sáng kiến ở khắp các quốc gia và trong các bối cảnh khác nhau. Khung hướng dẫn RESPECT cung cấp cơ sở và nền tảng tốt về nội dung và các vấn đề cần tìm hiểu thêm ở cấp quốc gia. Một số yếu tố trình bày trong Khung hướng dẫn RESPECT mang tính phổ biến và có thể nhân rộng, áp dụng trong bối cảnh nước sở tại, trong khi những yếu tố khác sẽ khác dựa trên các nhóm nhân khẩu học và bối cảnh văn hóa, xã hội đặc trưng. Để tìm hiểu chi tiết hơn về thực trạng ban đầu và cơ sở bằng chứng, vui lòng tham khảo Khung cơ sở phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ (Khung Hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ của Liên hợp quốc).

Các khung toàn cầu về phòng ngừa bạo lực với phụ nữ

[Khung Hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ của LHQ \(2015\)](#) là nguồn tham khảo để các nhà hoạch định chính sách và các cán bộ chương trình lập kế hoạch và triển khai các phương pháp tiếp cận có mục tiêu thông qua việc lập bản đồ cách tiếp cận theo lý thuyết thay đổi và thực trạng ban đầu để lập chương trình phòng ngừa bạo lực.

[Khung RESPECT Hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ \(2019\)](#) được xây dựng dựa trên Khung hướng dẫn nêu trên của LHQ và một tập hợp các chiến lược dựa trên bằng chứng nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách thiết kế, lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ.



1 [Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ \(Công ước CEDAW\)](#), các [Mục tiêu Phát triển Bền vững \(SDGs\)](#), [Chương trình hành động Bắc Kinh](#), [Nghị định thư \(Châu Phi\)](#), [Công ước Liên châu Mỹ về việc ngăn ngừa, trừng phạt và xóa bỏ bạo lực với phụ nữ - Công ước Belém do Pará \(Châu Mỹ\)](#) và [Công ước Istanbul \(Châu Âu\)](#).

HƯỚNG DẪN & BÀI TẬP LẬP KẾ HOẠCH QUỐC GIA



Bước 2: Xác định các bên liên quan chính tham gia vào quy trình

Sau khi xem xét Khung Hướng dẫn RESPECT, hãy xác định các chủ thể và đối tác chính của công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, cũng như những đối tượng sẽ có vai trò quan trọng trong công tác này dựa trên những gì đã tìm hiểu được ở Bước 1. Các bên liên quan chính có thể bao gồm các cán bộ kỹ thuật của các Bộ ngành về Phụ nữ/Giới, Y tế, Giáo dục, Việc làm, Giảm nghèo, Trẻ em và Thanh niên, cũng như các tổ chức chính phủ khác, cán bộ LHQ và đại diện của các tổ chức xã hội dân sự hoặc tổ chức về quyền của phụ nữ hoạt động trong lĩnh vực phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Các bên liên quan cũng có thể bao gồm các nhân vật quan trọng hoạt động trong cùng lĩnh vực như các cấp lãnh, văn hóa và tín ngưỡng.

Kế hoạch Hành động quốc gia nhằm ngăn ngừa bạo lực đối với PN và TE gái của Fiji

Năm 2020, Chính phủ Fiji đã công bố việc xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia nhằm ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, khiến nước này trở thành một trong hai quốc gia duy nhất trên thế giới (cùng với Úc) có phương pháp tiếp cận toàn diện, dựa trên bằng chứng, có sự tham gia của chính phủ. Quá trình xây dựng kế hoạch do Bộ Phụ nữ, Trẻ em và Giảm nghèo dẫn đầu, đã tập hợp các đối tác chính như Bộ Y tế và Dịch vụ Y tế; Bộ Giáo dục, Bộ Di sản và Nghệ thuật; Bộ Việc làm, Năng suất, Quan hệ Lao động và Bộ Thanh niên và Thể thao. Các chủ thể hữu quan quan trọng khác đồng hành cùng quá trình này gồm có: UN Women, Trung tâm Phòng ngừa Khủng hoảng Phụ nữ Fiji, Phong trào Quyền của Phụ nữ Fiji, Tổ chức xã hội dân sự Ngôi nhà của Sarah, Tổ chức phi chính phủ Dịch vụ y tế Thái bình dương (Medical Services Pacific), Hiệp hội người khuyết tật Fiji, tổ chức Haus of Kameleon, DIVA và các tổ chức khác.

Tham khảo [Thông cáo báo chí chung của các Bộ trưởng](#).

Để xác định được các bên liên quan, hãy phân tích các đối tác hiện có ở cấp quốc gia và địa phương, các bên có thể đã hoạt động trong lĩnh vực phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ hoặc có tiềm năng tham gia vào công tác này. Để có thông tin chi tiết hơn về các đối tác và điểm bắt đầu đã được xác định phục vụ cho công tác phòng ngừa, vui lòng tham khảo Tóm tắt chiến lược RESPECT.

HƯỚNG DẪN & BÀI TẬP LẬP KẾ HOẠCH QUỐC GIA

Chiến lược	Quan hệ đối tác		
	Ai có thể giúp chúng ta đạt được điều này?		Làm thế nào để hoạt động của đối tác có thể liên kết được với chiến lược này?
Chúng ta muốn triển khai chiến lược nào?	Bộ/Ngành	Đối tác	
Ví dụ: Xây dựng mối quan hệ tôn trọng	Giáo dục Thanh niên Thể thao	Bộ Giáo dục Câu lạc bộ Thanh niên UB Olympic Quốc gia/Quốc tế	Ví dụ: - Bộ GD đã cam kết triển khai chương trình Giáo dục tình dục toàn diện. Các CLB Thanh niên đang tích cực vận động bình đẳng giới và đang thực hiện chiến dịch. được tôn trọng VPQG UB Olympic quốc tế thể hiện sự đồng lòng với sáng kiến thể hệ trẻ bình đẳng, trong đó có công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

HƯỚNG DẪN & BÀI TẬP LẬP KẾ HOẠCH QUỐC GIA

Bước 3: Thực hiện rà soát tài liệu và tổ chức tham vấn nhằm xác định các thông tin liên quan đến tình hình bạo lực đối với phụ nữ tại nước sở tại

Khung hướng dẫn RESPECT dựa trên sự tổng hợp thông tin và kiến thức mang tính toàn cầu từ các đánh giá và rà soát có hệ thống bao gồm một loạt các sáng kiến ở khắp các quốc gia và trong các bối cảnh khác nhau. Điều quan trọng là phải đánh giá tình hình bạo lực đối với phụ nữ, bao gồm các hình thức bạo lực đã xảy ra; các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng; tỷ lệ vi phạm và gây bạo lực; tác nhân và yếu tố nguy cơ của hành vi phạm và gây bạo lực (tham khảo mô hình sinh thái phía dưới) vì những yếu tố này liên quan đến các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng khác nhau; và cả các yếu tố khác giúp lý giải tại sao hành vi gây bạo lực xảy ra.

Có thể thu thập những thông tin này bằng cách tập hợp các thông tin hiện có thông qua việc rà soát tài liệu và tổ chức các cuộc tham vấn với các nhóm chính. Rà soát tài liệu cần bao gồm việc rà soát bất kỳ điều tra dân số quy mô lớn nào đã được thực hiện như các cuộc điều tra sử dụng phương pháp luận của WHO; [Khảo sát Nhân khẩu học và Sức khỏe \(Demographic and Health Surveys\)](#); [Nghiên cứu quốc tế về Nam giới và Bình đẳng giới \(International Men and Gender Equality Studies \(IMAGES\) \(IM-AGES\)\)](#); [Nghiên cứu đa quốc gia của LHQ về Nam giới và Bạo lực \(UN Multi-Country Study on Men and Violence\)](#); và bất kỳ điều tra, khảo sát nào khác đã được tiến hành trên phạm vi quốc gia hoặc địa phương để đánh giá tỷ lệ, các yếu tố bối cảnh, thái độ, niềm tin và định kiến xung quanh vấn đề giới và bạo lực (xem thêm các nguồn tài liệu tham khảo bổ sung ở phần Phụ lục). Các nguồn thông tin quan trọng khác gồm có: nghiên cứu do các tổ chức phi chính phủ trong nước hoặc quốc tế, các tổ chức học thuật và các tổ chức LHQ thực hiện. Bạn có thể sử dụng Google và các cơ sở dữ liệu điện tử có liên quan khác (PubMed, Science Direct và các cơ sở khác) để tìm kiếm các nghiên cứu định lượng và/hoặc định tính liên quan đến việc hiểu về bạo lực đối với phụ nữ và nguyên nhân của vấn đề này.

Trong trường hợp cơ sở bằng chứng hiện có còn hạn chế, các nhà hoạch định chính sách có thể cân nhắc việc tài trợ cho các nghiên cứu bổ sung nhằm xóa bỏ khoảng cách trong việc cung cấp thông tin cho chính sách và thiết kế của kế hoạch quốc gia. Tất cả các nghiên cứu về bạo lực đối với phụ nữ phải đáp ứng [các tiêu chuẩn đạo đức](#) và đảm bảo sự an toàn cho phụ nữ. Các câu hỏi chính đặt ra khi thực hiện một nghiên cứu gồm có:

- Các loại hình (loại, mức độ, người bị bạo lực, người gây bạo lực) bạo lực đối với phụ nữ trên toàn quốc khác nhau như thế nào?
- Bạo lực xảy ra ở đâu, chẳng hạn như ở không gian riêng tư (ví dụ: ở nhà) và/hoặc ở nơi công cộng (ví dụ: trên đường phố, ở chợ, trong thư viện, ở trung tâm giải trí, trên phương tiện giao thông công cộng, tại nơi làm việc, tại các sự kiện xã hội hoặc chính trị và tại trường học)?

- Nhóm phụ nữ nào dễ có nguy cơ bị bạo lực hơn? (ví dụ: theo độ tuổi, sắc tộc, dân tộc, tình trạng hôn nhân, tình trạng HIV, tôn giáo, khuyết tật, tình trạng kinh tế-xã hội, tình trạng di cư, giới tính và bản dạng giới)?
- Những yếu tố nào khiến phụ nữ có nguy cơ bị bạo lực nhiều hơn?
- Những yếu tố nào khiến nam giới có nguy cơ gây bạo lực nhiều hơn?
- Những yếu tố nào làm giảm nguy cơ (nghĩa là yếu tố phòng ngừa) gây bạo lực của nam giới và bị bạo lực của phụ nữ?
- Định kiến xã hội và thái độ cụ thể làm cơ sở cho bạo lực là gì² và ai là người ủng hộ cho những điều này?

Câu trả lời cho những câu hỏi này cũng có thể giúp xác định rõ hơn những chủ thể hữu quan nào cần tham gia vào tham vấn và triển khai các sáng kiến phòng ngừa.

Tim một điều phối viên hiểu biết và có kỹ năng có thể tập hợp các bên liên quan tại một buổi hội thảo để chia sẻ, phân tích và ghi lại bằng chứng, kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm với mục đích đưa ra một định nghĩa và khái niệm chung về bạo lực đối với phụ nữ, với ngôn ngữ thống nhất, được các bên liên quan chính xác nhận trong bối cảnh quốc gia. Để đạt được điều này, có thể phải tổ chức một vài buổi hội thảo và cũng có thể phải xác nhận thông tin với các nhóm (ví dụ: người khuyết tật) không thể tham dự hội thảo.

Các buổi tham vấn nên có đại diện của các nhóm đối tượng thể hiện sự phối hợp chung, đồng thời những nhóm đối tượng này có thể chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn. Các buổi tham vấn cần được tổ chức thường xuyên để xây dựng các mạng lưới và liên minh đa phương vững mạnh, được duy trì thông qua cơ chế điều phối đã thiết lập.

² Tham khảo [Hướng dẫn của Bộ Phát triển Anh về thay đổi định kiến xã hội \(2016\) nhằm giải quyết vấn đề Bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em gái](#).

HƯỚNG DẪN & BÀI TẬP LẬP KẾ HOẠCH QUỐC GIA

Dùng bảng dưới đây để ghi lại thông tin

Khi phân tích các yếu tố nguy cơ và yếu tố bảo vệ, cần đặc biệt chú ý đến các nhóm phụ nữ bị thiệt thòi là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương hơn khi bị bạo lực giới, bất bình đẳng giới và phân biệt đối xử đan xen với các loại hình bất bình đẳng khác dựa trên tuổi tác, chủng tộc, giới tính và bản dạng giới, dân tộc, thu nhập, tình trạng công dân, khuyết tật và/hoặc các yếu tố khác. Có thể sao chép bảng dưới đây để xác định các yếu tố nguy cơ và yếu tố bảo vệ dành cho các đối tượng phụ nữ khác nhau (và người vi phạm) trong các nhóm đối tượng khi cần.

Yếu tố nguy cơ	Xác định nhóm đối tượng:	Yếu tố bảo vệ
Hãy tự hỏi: Những yếu tố và hoàn cảnh, tình trạng thế nào tạo điều kiện cho hành vi vi phạm, gây bạo lực hoặc bị bạo lực?	Tất cả phụ nữ Phụ nữ di cư Phụ nữ khuyết tật PN dân tộc Phụ nữ thiểu số	Hãy tự hỏi: Những yếu tố nào góp phần làm giảm khả năng vi phạm hoặc gây bạo lực?
	Cá nhân	
	Liên cá nhân	
	Cộng đồng	
	Xã hội	

HƯỚNG DẪN & BÀI TẬP LẬP KẾ HOẠCH QUỐC GIA

Sơ đồ dưới đây cho thấy nhiều yếu tố nguy cơ và yếu tố bảo vệ được tổng hợp từ các nghiên cứu toàn cầu đối với bạo lực ở các cấp độ cá nhân, mối quan hệ, cộng đồng và tổ chức thông qua việc sử dụng **mô hình sinh thái xã hội**. Có thể sử dụng sơ đồ này để xác thực các phát hiện đã được ghi lại ở cấp quốc gia.

Tìm hiểu về mô hình sinh thái

MÔ HÌNH SINH THÁI-XÃ HỘI

Xã hội

- Thiếu các quyền kinh tế của phụ nữ
- Luật gia đình có sự phân biệt đối xử giới
- Định hướng văn hóa tập thể
- Phụ nữ có khả năng tiếp cận thấp với việc làm được trả lương

Liên cá nhân

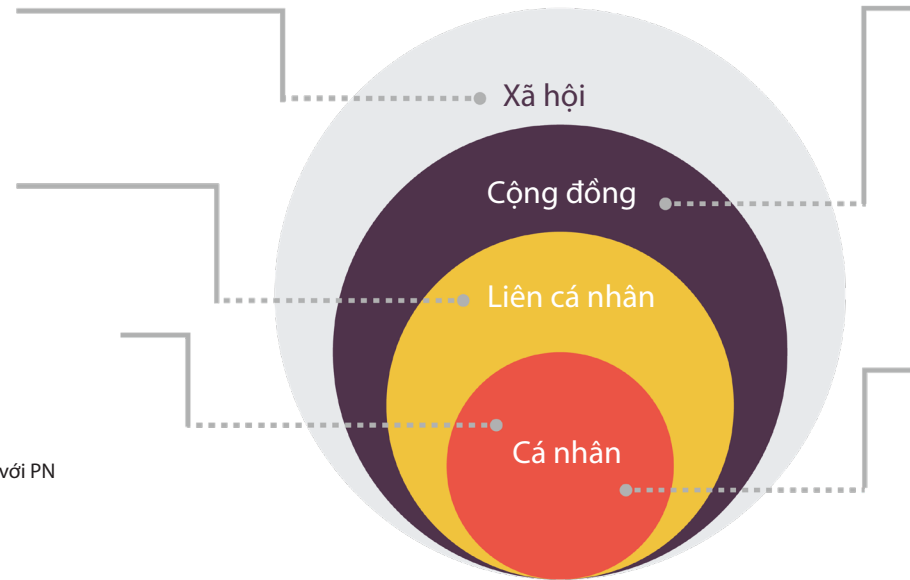
- Ra quyết định không bình đẳng
- Kỹ năng giao tiếp kém
- Xung đột quan hệ cao

Phụ nữ (người bị bạo lực)

- Còn trẻ
- Bị bạo lực từ thời thơ ấu
- Đã chứng kiến bạo lực từ thời thơ ấu
- Có thái độ chấp nhận bạo lực/bạo lực đối với PN
- Nhận được ít hỗ trợ xã hội

Phụ nữ – yếu tố nguy cơ hoặc yếu tố bảo vệ trong các bối cảnh khác nhau

- Việc làm/tạo thu nhập của phụ nữ
- Sở hữu tài sản
- Tiếp cận tín dụng



Mô hình sinh thái xã hội

YẾU TỐ NGUY CƠ

Cộng đồng

- Các định kiến quy định quyền lực của nam giới đối với phụ nữ
- Các định kiến liên kết danh dự của nam giới với phẩm giá của phụ nữ
- Các định kiến tạo điều kiện cho bạo lực đối với phụ nữ • Kỳ thị phụ nữ đã ly hôn/độc thân
- Các định kiến về quyền riêng tư của gia đình
- Tình trạng nghèo đói + thất nghiệp tại địa phương
- Tình trạng bạo lực ở khu vực lân cận
- Thiếu các chế tài xử phạt xã hội hoặc pháp lý đối với hành vi bạo lực đối với phụ nữ

Nam giới (người gây bạo lực đối với PN)

- Còn trẻ
- Có trình độ học vấn thấp
- Bị bạo lực/chứng kiến bạo lực từ thời thơ ấu
- Có thái độ bất bình đẳng giới
- Có thái độ chấp nhận bạo lực
- Rối loạn chức năng tâm lý
- Lạm dụng rượu/chất kích thích

NGUYÊN NHÂN GỐC RỄ CỦA BLPNTEG

Bất bình đẳng giới và phân biệt đối xử đối với trẻ em gái và phụ nữ được hình thành bởi: Các yếu tố, hệ thống và chuẩn mực về kinh tế, chính trị và xã hội, bao gồm các khung và cấu trúc chính sách, luật pháp. Các yếu tố lịch sử (ví dụ: các thực hành văn hóa có nguồn gốc sâu xa, chiến tranh, thuộc địa). Sự khác biệt về cơ cấu dựa trên tuổi tác, thu nhập, vị trí, chủng tộc, dân tộc, tình trạng khuyết tật, bản dạng giới, khuynh hướng tính dục và các đặc điểm khác

HƯỚNG DẪN & BÀI TẬP LẬP KẾ HOẠCH QUỐC GIA

Bước 4: Đánh giá bằng chứng can thiệp của các tổ chức quốc tế trong bối cảnh quốc gia

Kế hoạch phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ cấp quốc gia hoặc cấp địa phương của bạn phải dựa trên bằng chứng đã được các tổ chức quốc tế tổng hợp về thực tế có tính khả thi³ của những hoạt động phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Trong thập kỷ qua, cơ sở bằng chứng toàn cầu⁴ về chương trình phòng ngừa bạo lực đã tăng đáng kể, cơ sở bằng chứng là nguồn thông tin cho việc xây dựng các Khung hướng dẫn Phòng ngừa của LHQ và Khung hướng dẫn RESPECT, cũng như các công cụ và nguồn tham khảo để thích ứng và nhân rộng các phương pháp tiếp cận.

Khung hướng dẫn RESPECT giới thiệu tóm tắt cơ sở bằng chứng xung quanh 7 trụ cột của chiến lược như trong sơ đồ dưới đây.⁵

Mỗi chữ cái của cụm từ viết tắt **RESPECT** đại diện cho một trong 7 chiến lược sau:

- **R** Tăng cường kỹ năng xây dựng mối quan hệ
- **E** Trao quyền cho phụ nữ
- **S** Đảm bảo dịch vụ
- **P** Giảm đói nghèo
- **E** Tạo môi trường an toàn
- **C** Ngăn ngừa bạo hành trẻ em và trẻ vị thành niên
- **T** Chuyển đổi thái độ, niềm tin và định kiến

Bước 5: Xây dựng Kế hoạch phòng ngừa

Có được thông tin từ cơ sở bằng chứng và các cuộc tham vấn, các nhà hoạch định chính sách có thể xây dựng chiến lược hoặc kế hoạch hướng dẫn việc lập chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, trong đó xác định các ưu tiên của chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, chiến lược, bối cảnh và nhóm đối tượng. Các chiến lược phòng ngừa cấp quốc gia và cấp địa phương cần có tầm ảnh hưởng sâu rộng, bao trùm các hình thức bạo lực đối với phụ nữ khác nhau và hướng đến mọi nhóm đối tượng, đồng thời tuân thủ nguyên tắc không để ai bị bỏ lại phía sau.

Bằng chứng cho thấy rằng để đạt được hiệu quả và tính bền vững, các chiến lược phòng ngừa chủ đạo phải bao gồm việc thực hiện thông qua nhiều kênh nhằm thay đổi thái độ của các cá nhân và các thông lệ của tổ chức, tập quán xã hội và văn hóa đã hỗ trợ, dung thứ hoặc bào chữa cho bạo lực, bao gồm cả các hoạt động được duy trì liên tục nhằm chuyển đổi đổi văn hóa, thái độ và hành vi phân biệt đối xử, rập khuôn về giới. Các chiến lược phải phù hợp với khuôn khổ lập pháp và có mục tiêu tăng cường khuôn khổ này; hướng đến các nhóm đối tượng khác nhau trong các môi trường khác nhau nơi họ sống, làm việc và giao lưu; được thực hiện trong nhiều môi trường (như trường học, nơi làm việc, truyền thông); đồng thời thu hút sự tham gia của các nhóm đối tượng khác nhau (như nam giới, trẻ em trai, cha mẹ, trẻ em) ở cấp độ cá nhân, tổ chức, cộng đồng và xã hội của khung sinh thái xã hội.

Kế hoạch Phòng ngừa Bạo lực đối với Phụ nữ (2010-2020) của bang Victoria, Úc

là một phương pháp tiếp cận dài hạn, đa ngành của chính phủ hướng dẫn phòng ngừa cơ bản. Kế hoạch dựa trên đánh giá bằng chứng của mô hình sinh thái-xã hội về nâng cao sức khỏe và phòng ngừa bạo lực. Kế hoạch xác định các môi trường và nhóm đối tượng được đề xuất để có biện pháp hành động trong đó bao gồm cả các chiến lược củng cố lẫn nhau ở cấp độ xã hội, cộng đồng/tổ chức và cá nhân/mối quan hệ.

³ Kinh nghiệm hay có thể bao gồm kinh nghiệm chưa được đánh giá, dựa trên kiến thức thực tiễn và/hoặc kết quả thay thế có thể đã được chứng minh (ví dụ: thay đổi định kiến xã hội).

⁴ Cơ sở bằng chứng là các can thiệp chương trình đã chứng minh được việc giảm bạo lực thông qua việc sử dụng các phương pháp đánh giá nghiêm túc.

⁵ “Khung hướng dẫn cơ bản về Phòng ngừa Bạo lực đối với Phụ nữ” dựa trên “[Khung và tài liệu cơ bản hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ của bang Victoria, Úc có tiêu đề Phòng ngừa bạo lực trước khi bạo lực xảy ra](#)” do Quỹ Nâng cao Sức khỏe bang Victoria, Úc xuất bản.

KHUNG HƯỚNG DẪN CƠ BẢN VỀ PHÒNG NGỪA BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ

CÁC YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH CHÍNH CỦA BẠO LỰC VÀ CHỦ ĐỀ HÀNH ĐỘNG

THỨC ĐẨY MỐI QUAN HỆ BÌNH ĐẲNG VÀ TÔN TRỌNG GIỮA NAM GIỚI VÀ PHỤ NỮ		
<p>Các yếu tố quyết định liên quan đến cá nhân/mối quan hệ</p> <ul style="list-style-type: none"> Niềm tin vào các vai trò và bản dạng giới cứng nhắc, hỗ trợ bình đẳng giới kém Định hướng nam tính, cảm giác được hưởng thụ Sự lấn át của nam giới và kiểm soát của cải trong các mối quan hệ 	<p>Các yếu tố quyết định liên quan đến cộng đồng & tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> Các định kiến văn hóa cụ thể về giới và giới tính Đồng nghiệp nam và văn hóa tổ chức 	<p>Các yếu tố quyết định liên quan đến xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ thể chế và văn hóa, hoặc xử phạt nhẹ đối với bất bình đẳng giới và các vai trò giới cứng nhắc

CÁC TÁC NHÂN CHÍNH VÀ CHỦ ĐỀ HÀNH ĐỘNG

THỨC ĐẨY CÁC CHUẨN MỰC PHI BẠO LỰC/GIẢM TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC TIẾP XÚC VỚI BẠO LỰC TRƯỚC ĐÓ		
<p>Các tác nhân liên quan đến cá nhân/mối quan hệ</p> <ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ cơ bản dành cho bạo lực đối với PN Chứng kiến hoặc bị bạo lực gia đình khi còn nhỏ Tiếp xúc với các hình thức khác của bạo lực giữa các cá nhân hoặc tập thể Sử dụng hoặc chấp nhận bạo lực như là phương tiện để giải quyết tranh chấp giữa các cá nhân 	<p>Các tác nhân liên quan đến cộng đồng & tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> Văn hóa xóm giềng, văn hóa đồng đẳng và văn hóa tổ chức ủng hộ bạo lực hoặc có các chế tài chưa đủ mạnh đối với hành vi bạo lực Bạo lực trong cộng đồng hoặc giữa những người ngang hàng 	<p>Các tác nhân liên quan đến xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> Cho phép hoặc xử phạt nhẹ hành vi bạo lực/bạo lực đối với phụ nữ Đặc tính dung túng bạo lực như là một phương tiện tạo ra các tranh chấp giữa các cá nhân, tranh chấp dân sự hoặc chính trị Quá trình bị thuộc địa

CẢI THIỆN VIỆC TIẾP CẬN CÁC NGUỒN LỰC VÀ CÁC HỆ THỐNG HỖ TRỢ

Các tác nhân liên quan đến cá nhân/mối quan hệ	Các tác nhân liên quan đến cộng đồng & tổ chức	Các tác nhân liên quan đến xã hội
<ul style="list-style-type: none"> Sự cô lập xã hội và hạn chế tiếp cận các hệ thống hỗ trợ Thu nhập, giáo dục, việc làm Tình trạng lực lượng lao động có liên quan Sử dụng rượu và ma túy bất hợp pháp* Kỹ năng làm cha mẹ yếu kém Tính cách cá nhân và sức khỏe tâm thần yếu* Xung đột mối quan hệ và hôn nhân Ly hôn/ly thân 	<ul style="list-style-type: none"> Kết nối và gắn kết xã hội kém, hoạt động tập thể của phụ nữ còn hạn chế Ủng hộ mạnh mẽ quyền riêng tư của gia đình Đặc điểm khu vực lân cận (hạ tầng dịch vụ, tình trạng thất nghiệp, tình trạng nghèo đói, hiệu quả tập thể) 	<ul style="list-style-type: none"> Ủng hộ mạnh mẽ quyền riêng tư và quyền tự chủ của gia đình Phân bổ không đồng đều các nguồn lực vật chất (ví dụ: việc làm, giáo dục)

NHÓM DẪN SỐ VÀ HÀNH ĐỘNG PHÒNG NGỪA

Hành động phòng ngừa	Nhóm dân số
<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu, giám sát và đánh giá Chương trình tham gia trực tiếp Phát triển tổ chức và lực lượng lao động 	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ em Thanh niên Phụ nữ và nam giới Khu vực lân cận bị ảnh hưởng bởi những bất lợi

MÔI TRƯỜNG VÀ LĨNH VỰC HÀNH ĐỘNG

<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ cộng đồng Công ty Cộng đồng đức tin 	<ul style="list-style-type: none"> Giáo dục Nơi làm việc Mạng lưới và tổ chức văn hóa 	<ul style="list-style-type: none"> Nghệ thuật Thể thao và giải trí Phương tiện truyền thông và văn hóa đại chúng 	<ul style="list-style-type: none"> Chính quyền địa phương Y tế Không gian mạng/Công nghệ mới 	<ul style="list-style-type: none"> Tư pháp Học thuật Các tổ chức quân sự
---	--	---	---	---

KẾT QUẢ ĐẦU RA CẤP TRUNG GIẠN

Cá nhân/Mối quan hệ	Tổ chức	Cộng đồng	Xã hội
<ul style="list-style-type: none"> Cải thiện việc kết nối với các nguồn lực và hỗ trợ Mối quan hệ giới bình đẳng và tôn trọng Cải thiện thái độ đối với công bằng giới, vai trò giới và bạo lực/bạo lực đối với phụ nữ Nâng cao kỹ năng sử dụng phương tiện phi bạo lực để giải quyết xung đột giữa các cá nhân Sử dụng rượu có trách nhiệm 	<ul style="list-style-type: none"> Các tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> Làm gương, thúc đẩy và tạo điều kiện cho các mối quan hệ giới bình đẳng, tôn trọng và phi bạo lực Hợp tác giữa các khu vực để giải quyết bạo lực Triển khai các hoạt động phòng ngừa bạo lực dựa trên bằng chứng Có thể tiếp cận, dịch vụ an toàn và hỗ trợ phụ nữ 	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường: <ul style="list-style-type: none"> Coi trọng và ủng hộ các chuẩn mực phi bạo lực, đồng thời xây dựng các mối quan hệ giới bình đẳng và tôn trọng Kết nối giữa con người, giữa con người và các nguồn hỗ trợ chính thức và không chính thức Hành động để giải quyết tình trạng bạo lực 	<ul style="list-style-type: none"> Một xã hội trong đó có các khung lập pháp và quy định, cũng như có sự phân bổ nguồn lực hợp lý để hỗ trợ: <ul style="list-style-type: none"> Công bằng giới Ngăn ngừa và ngăn cấm hành vi bạo lực Hình tượng tích cực của phụ nữ (ví dụ: trong công tác quảng bá) Phát triển mối quan hệ lành mạnh giữa nam giới và phụ nữ

LỢI ÍCH LÂU DÀI

Cá nhân/Mối quan hệ	Tổ chức	Cộng đồng	Xã hội
<ul style="list-style-type: none"> Giảm thiểu các vấn đề về sức khỏe tâm thần và từ vựng liên quan đến bạo lực Cải thiện kỹ năng giữa các cá nhân và gia đình, và các mối quan hệ giới Giảm sự lan truyền bạo lực giữa các thế hệ và tác động của nó 	<ul style="list-style-type: none"> Các nguồn và hoạt động phòng ngừa bạo lực đã được lồng ghép vào các lĩnh vực và môi trường Các tổ chức coi trọng và thúc đẩy mối quan hệ giới tôn trọng Cải thiện tiếp cận nguồn lực và hệ thống hỗ trợ 	<ul style="list-style-type: none"> Cộng đồng coi trọng công bằng giới và mối quan hệ tôn trọng giữa nam giới và phụ nữ Giảm cô lập xã hội và cải thiện kết nối cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm bất bình đẳng giới Nâng cao chất lượng cuộc sống chọn nam giới và phụ nữ Giảm mức độ bạo lực/bạo lực đối với phụ nữ Nâng cao năng suất

* biểu hiện việc tăng nguy cơ gây bạo lực

KHUNG TÔN TRỌNG PHỤ NỮ: PHÒNG NGỪA BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC | THÁNG 6/2020

HƯỚNG DẪN & BÀI TẬP LẬP KẾ HOẠCH QUỐC GIA

Các nguồn tài liệu tham khảo dành cho công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ

Bước 1: Khung hướng dẫn và bằng chứng toàn cầu

- [Khung Hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ của LHQ](#) (2015) là nguồn tham khảo để các nhà hoạch định chính sách và các cán bộ chương trình lập kế hoạch và triển khai các phương pháp tiếp cận có mục tiêu thông qua việc lập bản đồ cách tiếp cận theo thuyết thay đổi và các điểm bắt đầu để lập chương trình phòng ngừa bạo lực.
- [Khung RESPECT: Hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ](#) (2019) được xây dựng dựa trên Khung hướng dẫn nêu trên của LHQ và một tập hợp các chiến lược dựa trên bằng chứng nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách thiết kế, lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ.
- [Khung hướng dẫn toàn cầu về Sự an toàn của Phụ nữ tại khu vực nông thôn \(Global Framework on Women's Safety in Rural Spaces\)](#) (2019) tập trung vào việc ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái ở các không gian công cộng, bao gồm cả hành vi quấy rối. Khung giúp xây dựng hiểu biết chung trong ngành chèo và áp dụng cho các ngành hàng khác trong chuỗi giá trị nông nghiệp.
- [Tài liệu về Hoạt động nào ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái của Trung tâm bằng chứng \(What Works to Prevent VAWG Evidence Hub\)](#) chia sẻ các phát hiện từ chương trình đổi mới và nghiên cứu toàn cầu hàng đầu của Bộ Phát triển Anh (DFDI) được thực hiện tại 13 quốc gia. Tổng hợp bằng chứng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái hàng quý do bộ phận trợ giúp Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái (VAWG Evidence Digests) của Bộ Phát triển Anh phát hành giới thiệu tổng quan về nghiên cứu, chính sách và tin tức mới nhất.
- [Trung tâm bằng chứng và kiến thức \(Evidence and Learning Hub\)](#) của Quỹ Tín thác của LHQ (UNTF) nhằm chấm dứt Bạo lực đối với phụ nữ là một thư viện các báo cáo đánh giá của các sáng kiến phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái tại 80 quốc gia và vùng lãnh thổ.
- [Diễn đàn tri thức của Mạng lưới hợp tác toàn cầu phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ \(Prevention Collaborative's Knowledge Platform\)](#) giới thiệu các bằng chứng chính và các nguồn tham khảo thực tế đã được chọn lọc, có thể tiếp cận về phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, bao gồm cả phương pháp tiếp cận chương trình.

Bước 2: Đánh giá bối cảnh và bằng chứng quốc gia

- [Nghiên cứu quốc tế về nam giới và bình đẳng giới \(International Men and Gender Equality Studies\) \(IMAGES\)](#) đưa ra số liệu dựa trên các nhóm dân số về thái độ của nam giới (và phụ nữ) đối với bình đẳng giới và bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.
- [Nghiên cứu đa quốc gia về Nam giới và Bạo lực của LHQ \(UN Multi-country Study on Men and Violence\)](#) được thực hiện tại 7 quốc gia sử dụng các phương pháp định lượng và định tính để hiểu về vấn đề bạo lực đối với phụ nữ của nam giới. Có sẵn các bộ công cụ để nhân rộng.
- [Nghiên cứu đa quốc gia của WHO về sức khỏe phụ nữ và bạo lực đối với phụ nữ \(WHO multi-country study on women's health and domestic violence against women\)](#) bao gồm các câu hỏi liên quan đến thái độ và các yếu tố nguy cơ khác của bạo lực do bạn tình gây ra.
- [Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe \(Demographic and Health Surveys\) \(DHS\)](#) cung cấp các số liệu dựa trên các nhóm dân số về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm cả thái độ và niềm tin.
- [Điều tra về Bạo lực đối với Phụ nữ \(Survey on Violence against Women\)](#) của Tổ chức Fundamental Rights Agency được thực hiện tại 28 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.
- Hiểu về nam tính, kết quả của [Nghiên cứu quốc tế về nam giới và bình đẳng giới tại Trung Đông và Bắc Phi \(International Men and Gender Equality Study in the Middle East and North Africa\)](#).
- Điều tra của Tổ chức OSCE về [phúc lợi và sự an toàn của phụ nữ \(Survey on the Well-being and Safety of Women\)](#) được thực hiện ở 7 nước để tìm hiểu về tỷ lệ phổ biến và nguyên nhân gây ra bạo lực ở Đông Nam Âu và Đông Âu.
- Tổ chức Oak Foundation và tạp chí the Economist công bố Báo cáo có nhan đề ["Ra khỏi vùng tối" \(Out of the Shadows\)](#) kiểm tra các chính sách, thực tiễn và tiêu chuẩn về lạm dụng và bóc lột tình dục trẻ em dựa trên chỉ số điểm chuẩn của 60 quốc gia.

Tài liệu tham khảo bổ sung

- [Sáng kiến nghiên cứu bạo lực tình dục \(SVRI\)](#) là một mạng lưới toàn cầu nhằm thúc đẩy nghiên cứu có chất lượng về bạo lực tình dục ở những nước có mức thu nhập thấp và trung bình.
- [Công đồng hiểu biết nhân rộng mô hình \(Community for Understanding Scale Up\) -\(CUSP\)](#) là một nhóm gồm 9 tổ chức cùng chia sẻ kiến thức và bài học kinh nghiệm để nhân rộng các can thiệp phòng ngừa trong các bối cảnh khác nhau.
- [Trung tâm tri thức số nhằm chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ](#) của UN Women cung cấp hướng dẫn từng bước về 'cách' thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các sáng kiến bao gồm cả hướng dẫn làm việc với các ngành, nhóm và lĩnh vực can thiệp cụ thể.
- [Học viện Bình đẳng \(EQI\)](#) là một tổ chức nghiên cứu và sáng tạo quốc tế hoạt động nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và ngăn ngừa Bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em gái.
- [Các đối tác Phòng ngừa \(Partners for Prevention\)](#) là một sáng kiến liên cơ quan của LHQ tập trung vào ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về nguyên nhân gây ra bạo lực và tóm tắt các bài học kinh nghiệm từ chương trình.

Chú thích

- 1 [Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ \(Công ước CEDAW\), các Mục tiêu Phát triển Bền vững \(SDGs\), Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, Nghị định thư \(Châu Phi\), Công ước Liên châu Mỹ về việc ngăn ngừa, trừng phạt và xóa bỏ bạo lực với phụ nữ - Công ước Belém do Pará \(Châu Mỹ\) và Công ước Istanbul \(Châu Âu\).](#)
- 2 Tham khảo [Hướng dẫn của Bộ Phát triển Anh về thay đổi định kiến xã hội \(2016\) nhằm giải quyết vấn đề Bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em gái.](#)
- 3 Kinh nghiệm hay có thể bao gồm kinh nghiệm chưa được đánh giá, dựa trên kiến thức thực tiễn và/hoặc kết quả thay thế có thể đã được chứng minh (ví dụ: thay đổi định kiến xã hội).
- 4 Cơ sở bằng chứng là các can thiệp chương trình đã chứng minh được việc giảm bạo lực thông qua việc sử dụng các phương pháp đánh giá nghiêm túc.
- 5 "Khung hướng dẫn cơ bản về Phòng ngừa Bạo lực đối với Phụ nữ" dựa trên ['Khung và tài liệu cơ bản hướng dẫn phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ của bang Victoria, Úc có tiêu đề Phòng ngừa bạo lực trước khi bạo lực xảy ra'](#) do Quỹ Năng cao Sức khỏe bang Victoria, Úc xuất bản.

© UN Women 2020

Tài liệu này là một phần của Hướng dẫn thực hiện Khung RESPECT do UN Women thực hiện và tổ chức Social Development Direct xây dựng, có thể tham khảo [tại đây](#).

Đề xuất trích dẫn khi sử dụng thông tin của tài liệu này: UNWomen và Social Development Direct (2020), RESPECT: Hướng dẫn và Bài tập lập Kế hoạch quốc gia Phòng ngừa Bạo lực đối với Phụ nữ